

CỎ THƠM

Mùa Đông 2015-2016

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
NGUYỄN NGỌC BÍCH.
ĐỖ BÌNH. ĐINH CƯỜNG.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.
NGUYỄN QUỐC KHÁI. PHAN KHÂM.
HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
VŨ NAM. ĐẶNG NGUYỄN.
NGUYỄN VĂN NHIỆM. PHẠM THỊ NHUNG.
ĐỖ PHÚ. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. HỒ CÔNG TÂM.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU.
HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THUY.
BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.
PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, Ô.B. An Kỹ Đình, B. Văn Thị Kiều Anh,
B. Nguyễn Ngọc Anh, TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá,
B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích, Ô.B. Phạm Hữu Bính,
Ô. Đỗ Bình, Ô. Phan Thanh Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính,
B. Lê Thị Ngọc Dung, B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng,
ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung, Ô.B. Nguyễn Quý Đại,
B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn, ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng,
Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiếu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng,
Ô. Nguyễn Quốc Khải, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa,
Ô.B. Nguyễn Lân, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, B. Nguyễn T. Phương Nga,
B. Trần Tuệ Nga, Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thi Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú,
Ô. Lê Quang Phùng, Ô.B. Lưu Quang, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương,
Ô. B. Đèo Văn Sách, Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn,
Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,
B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
Dr. & B. Nguyễn Văn Thành (NM). Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diễm Trân Kratzke,
Ô. Nguyễn Đình Trân, B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn,
BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân, Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc,
Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO:

	Trang
NGUYỄN VĂN THÀNH & BNK: Bến Xuân	9
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Tết, Lễ Hội qua ca dao	19
HẢI BĂNG HDB & BẠCH CÚC: Nguyễn Bình Khiêm & Sấm ...	32
PHẠM THỊ NHUNG: Trống đồng...	44
PHẠM VĂN TUẤN William Cuthbert Faulkner	52
LÊ XUÂN NHUẬN: Người làm thơ...	59
PHẠM TRỌNG LỆ: Nguyễn Sa, Áo lụa Hà Đông	84

VĂN

PHAN ANHDŨNG: LÁ THƯ MÙA ĐÔNG	07
NGÔ TĂNG GIAO: Tết Tha Hương	26
PHONG THU: Kén chông	62
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU XUÂN MUỘN	72
PHẠM XUÂN THÁI: Chim hót ...	91
TIỂU THU: Vĩnh biệt mùa hè	95
PHƯƠNG DUY: Khúc Hát ...	110
VŨ NAM: Chú Tiểu Đệ	115
DIỄM CHÂU: Cửa Nợ	127
NGUYỄN LÂN: Ân tình ân nghĩa	136
PHẠM THỊ NHUNG: Giới thiệu sách "Nữ sinh viên Hà Nội Vượt Tuyền..."	142
MÂY THU: Chiều thơ nhạc Đỗ Bình & Phạm Tăng	143
NGUYỄN PHÚ LONG: Nhân đọc một tập thơ	147
Ỡ NGUYỄN: Hải Phòng, quê hương...	153
ĐỖ BÌNH: Vài nét thơ nhạc	165
DIỄM TRẦN: Thiên thần tuyệt đẹp	170
TÔN NỮ MẶC GIAO: Thăm Việt Nam	171

NGUYỄN QUỐC KHÁI: Chuyến Đi Bắc Phi	179
HỒNG THUỶ: Tỉnh Hồng	186
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: Tiễn Đưa Anh	188
VŨ MẠNH PHÁT: Buổi Họp Mặt Đón Mừng	197

THƠ

LÝ HIẾU: Thơ gửi bạn xưa Em và nụ hôn Đất chết	25
PHAN KHÂM: Đông tới, Nợ	25
LUẬN TÂM: Chân trời thơ mộng	66
HỒ CÔNG TÂM: Trách người...	71
ĐẶNG NGUYỄN: Tạ Ôn	71
NGUYỄN LUÂN: Xuân nay... xuân xưa...	83
TRƯƠNG ANH THỤY: Ngày đó chúng mình	83
MỘT THỜI: Hoài Cảm	94
NGUYỄN VÔ CÙNG: Hoài cảm	94
BÙI THANH TIÊN: Cõi người quán trọ	94
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: Tuyết	102
NGUYỄN KINH BẮC: Hành Trình...	109
TUỆ NGA: Không Gian Thơ	109
Ý ANH: Nghe Em Hát	113
NGUYỄN KINH BẮC: Trông vời...	114
TRẦN QUỐC PHIỆT: Thơ viết khi...	114
NGUYỄN PHÚ LONG: Mộng Xuân	129
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT Cõi Về Bên Em	141
DIỄM TRẦN: Tuyết Trắng	141
NGUYỄN LÂN: Vô thường thủy tiên	137
NGUYỄN PHÚ LONG: Hoa Đào...	152
VĂN THỊ KIỀU ANH: Nhớ Mong	156

HOÀNG SONG LIÊM:		<u>NHAC</u>	
Nhớ nhà đêm trăng tỏ	175	TRẦN THIỆP THANH:	
THU HOÀI NTS: Về vùng kỷ niệm	185	Sài Gòn gần, xa: ý thơ Vũ Hối	134
Ỡ NGUYỄN: Chiều Tiễn Biệt	187	LÊ MỘNG NGUYỄN:	
HUỆ THU: Mối Duyên Tương Ngộ	197	Lịch Sử một bài ca "Từ Chiều Thu:	161
<u>TRANH & HÌNH</u>		<u>GIỚI THIỆU</u>	
TÁ TRI TRƯỞNG CAM KHAI:		NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN	
Hoa Cúc	17	QUA RỪNG 1958 của Tô Bạch Tuyết	142
VŨ HỐI: Thư Họa Tết	18	TUYẾN TẬP VĂN THƠ	191
TRƯỞNG VĂN BÁ		của Duy Anh Đông	
Chợ Hoa Nguyễn Huệ		DÒNG MỤC THA HƯƠNG	
NGUYỄN SƠN: Mùa đông xa thăm	31	của Đăng Nguyên	191
Trở Về Mái Nhà Xưa	42	NHỚ - MEMORY: Phan Thanh Bình	191
LIÊN HƯƠNG: L'hiver, tranh	60	THE LOTUS AND THE STORM	191
NGUYỄN SƠN: Nơi này quanh hiu	82	Hình Ảnh Phát Hành Sách Báo	192
NGUYỄN HUY LINH: Đôi chim	111	Sovereign Realty, Inc.	196
<u>GIAO ĐIỂM</u>		Bs Nguyễn Kim Dung	200
EDMOND HARAUCOURT	43	Bs Nguyễn Quốc Quân	200
Rondel de l'adieu		GIỚI THIỆU SÁCH MỚI	201
PHƯƠNG DU NBH	43	của các tác giả: Phạm Văn Tuấn,	
Ca khúc biệt ly		Ngô Tăng Giao, Nguyễn Phú Long,	
DIỂM HOA:	78	Ý Anh, Nguyễn Thị Ngọc Dung	
Je reviens d'un grand		HARVEST MOON RESTAURANT	203
		Phiếu Mua Báo	204

LÁ THƯ MÙA ĐÔNG 2015

Quý văn thi hữu thân mến,
Phan Anh Dũng hân hạnh viết Lá Thư Mùa Đông cho Cỏ Thơm số 73. Chị Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn còn mệt mỏi, chưa hồi phục hoàn toàn. Sau khi đi California vài tuần vào cuối tháng 10 và bận chu toàn tang lễ đặc biệt vào ngày 19 tháng 11, 2015 - chánh phủ Hoa Kỳ trang trọng dành cho phu quân của chị là Ông Robert

Anton Senser ở nghĩa trang quốc gia Arlington National Cemetery - chị Ngọc Dung vẫn cố gắng thu xếp thì giờ trình bày và sắp đặt bài vở để số báo này vẫn được phổ biến trước cuối năm.

WEBSITE CỎ THƠM –
<http://cothommagazine.com>

"Mùa Đông sắp đến trong thành phố, buổi chiều trời lạnh. Heo may từng cơn gió, bước chân về căn gác nhỏ, nhìn xuống công viên..." Nghe Nhạc sĩ Đức Huy hát những lời ca thật giản dị nhưng sâu lắng trong những ngày yên tĩnh ở Richmond làm tôi nhớ thật nhiều về Việt Nam, nhất là Sài Gòn những ngày cuối năm, tiết trời cũng se lạnh và đêm Noel thật đông người đổ về Vương Cung Thánh Đường xem Lễ nửa đêm.

Bây giờ là đầu tháng 12, tôi vừa hoàn tất một số tiết mục với chủ đề mùa Đông và Lễ Giáng Sinh trên website Cỏ Thơm. Mời quý vị ghé thăm và thưởng thức toàn bộ Cỏ Thơm mùa Đông số 69, những bài thơ về mùa Đông của một số tác giả Cỏ Thơm, 2 băng nhạc với chủ đề Giáng Sinh chọn lọc của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông và Phạm Mạnh Cương, những nhạc phẩm của ca nhạc sĩ thân hữu và những tranh hình ảnh đẹp của Họa sĩ/ Nhiếp Ảnh Gia Nguyễn Sơn, Nguyễn Quốc Khải, Ngọc Chánh Shotguns, Vũ Công Hiến ...

TIN VUI BUỒN:

Chúng tôi nhận được một số tin vui là Họa sĩ Đinh Cường, Bà quả phụ Lê Trọng Nguyễn, MC Đèo Văn Sách, Nhạc sĩ Trần Quang Lộc đang phục hồi sức khỏe khả quan. Nhưng ngược lại, tin buồn cũng đến tới tập: Nhạc sĩ Anh Bằng (California, USA), Nhà thơ Dương Kiên (Na Uy), Nhà văn Phùng Nguyễn (Maryland, USA) đã từ giã chúng ta vĩnh viễn ...

- Nhạc sĩ Anh Bằng (1926-2015) tên thật là Trần An Bường, một trong những cây cổ thụ của tân nhạc Việt Nam, tác giả của những ca khúc nổi tiếng như: "Nỗi Lòng Người Đi", "Nếu Vắng Anh", "Sầu Lẻ Bóng", "Chuyện tình Lan và Điệp", "Chuyện Giàn Hoa Thiên

Lý", "Huỳnh Đệ Chi Bình", "Hoa Học Trò" (thơ Nhất Tuấn), Khúc Thụy Du (thơ Du Tử Lê), Mai Tôi Đi (thơ Nguyễn Sa), "Anh Còn Nợ Em" (thơ Phạm Thành Tài) v v Ông là một trong 3 người của nhóm Lê Minh Bằng (Lê Dinh-Minh Kỳ-Anh Bằng) nổi tiếng với ca khúc "Đêm Nguyện Cầu" và cũng là sáng lập viên của Trung tâm Băng Nhạc Dạ Lan, tiền thân của Trung Tâm Asia tại California sau 1975. Tâm Hảo và tôi gặp Ông lần đầu tiên mùa Hè năm 2009 tại California nhân dịp Trung Tâm Asia tổ chức buổi kỷ niệm vinh danh Nhạc sĩ Anh Bằng và ngày thành lập 30 năm. Ông là một nhạc sĩ đàn anh tài hoa, dễ mến, hiền hòa, khiêm tốn và lúc nào cũng có nụ cười trên môi. Ông quý mến các bài vở trong tạp chí Cỏ Thơm và đã phổ nhạc vài bài thơ của thi sĩ Hoàng Song Liêm như Tháng Tư Đen, Bông Hoa Vườn Dị Thảo... Mời quý vị xem chi tiết trong trang Tưởng Niệm Nhạc sĩ Anh Bằng ở website Cỏ Thơm.

- Nhà thơ Dương Kiên (1939-2015) là một Luật sư, từng là chủ bút tạp chí Văn Học (1961-1963), tác giả của tập thơ "Thú Đau Thương" (1960) và một số truyện ngắn, truyện dài, biên khảo ...

- Nhà văn Phùng Nguyễn (1950-2015) từng là chủ bút tạp chí văn học Hợp Lưu (2012-2013), đồng sáng lập tạp chí văn chương mạng Da Màu, sáng lập và xây dựng thư viện Kệ Sách online kesach.org và gần đây Ông cũng phụ trách Blog Phùng Nguyễn: Rừng và Cây trên Đài VOA (Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ)...

Trong khi may mắn được sống an bình, chúng ta cũng không quên chia sẻ nỗi khổ đau của hàng trăm ngàn người người tị nạn từ bỏ Syria vì chiến tranh đang xảy ra khốc liệt tại xứ họ để mong được qua định cư tại Âu Châu, bất kể hiểm nghèo đến tính mạng và tị hiềm của dân bản xứ. Nguyên nhân tị hiềm là

vì những vụ khủng bố giết người, kể cả thường dân vô tội của ISIS (Nhà nước Hồi Giáo Iraq và Syria) tại nhiều nơi trên thế giới trong đó có thành phố Paris vào giữa tháng 11 - gây thiệt mạng cho 130 người - và đầu tháng 12 vừa qua tại thành phố San Bernardino, California - trong số 14 người chết hôm đó, chẳng may có một cô gái Việt Nam đang chuẩn bị làm lễ thành hôn!

VÀI TIN SINH HOẠT VĂN NGHỆ:

- Vùng Hoa Thịnh Đốn hầu như có sinh hoạt thường xuyên mỗi cuối tuần. Vào mùa Thu năm nay, người yêu nhạc đã đến tham dự buổi văn nghệ ngoài trời "Nói Với Mùa Thu" lần thứ 4 tại công viên Mason District Park, do Nhạc sĩ Hoàng Cung Fa và Nguyễn Tự Tín tổ chức; cũng như chương trình nhạc thánh phòn "Thu Hát Tình Ca" lần thứ 3 do Hội Agent Love tổ chức - với sự góp mặt của nhiều ca nhạc sĩ quen thuộc trong vùng với mục đích gây quỹ giúp đỡ các trẻ em Việt Nam hiếu học nhưng thiếu phương tiện ở các vùng quê hẻo lánh. Hội Thân Hữu Cổ Đô Huế và Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH vùng Hoa Thịnh Đốn và phụ cận cũng tổ chức tiệc gây quỹ giúp đỡ thương phế binh VNCH ở quê nhà - hy vọng gởi về trước Tết một món quà nhỏ với lòng tri ân thành thật của đồng đội và đồng hương hải ngoại.

- Tại California, Nhà thơ Kim Vũ (Vũ Mạnh Phát) đại diện Cỏ Thơm vùng San Jose đã tổ chức một buổi họp mặt với sự hiện diện của một số văn nghệ sĩ để chào đón chuyên Tây du của chị Ngọc Dung, thật thân tình và ấm cúng. Mời xem bài viết của Kim Vũ trong số báo này. Nhạc sĩ Trần Chí Phúc cũng vừa cho ra mắt CD "Thiên Ca, Hoa Bay Khắp Trời" gồm 10 ca khúc phổ nhạc từ thơ của cư sĩ Nguyễn Giác tức Phan Tấn Hải, chủ bút tờ

Việt Báo. Quý vị muốn có tập nhạc và CD, xin vui lòng liên lạc với tác giả: chiphuctran@yahoo.com Ngoài ra, Hội Nhân Ảnh Tân Văn ở California cũng vừa tổ chức một buổi Hội Ngộ Nhạc sĩ Lam Phương ngày 6/12/2015 để đánh dấu 60 năm sáng tác của Ông với sự tham dự của hơn 500 văn nghệ sĩ và người ái mộ vùng Westminster. Quyển sách "Lam Phương- Nhạc và Đời" với bài viết từ nhiều người khắp nơi cũng được phổ biến hôm ấy.

- Bên Paris, ngày 4 tháng 10, 2015, khoảng 200 văn nghệ sĩ cũng họp mặt trong buổi sinh hoạt thật thú vị với chủ đề "Chiều Thơ Nhạc Đỗ Bình & Phạm Đăng". Mời quý vị xem chi tiết trong bài tường thuật kèm hình ảnh của nhà văn Mây Thu trong số này.

Khi quý vị nhận được Cỏ Thơm số 73 thì chúng ta sửa soạn bước sang một năm mới. Thay mặt Ban Điều Hành của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, thân chúc quý độc giả, văn thi hữu và gia đình một năm 2016 an khang, may mắn và một Tết Bình Thân vui vẻ, phát tài phát lộc, vạn sự như ý. (Mồng một Tết Bình Thân là ngày 8 tháng 2, 2016).

Phan Anh Dũng

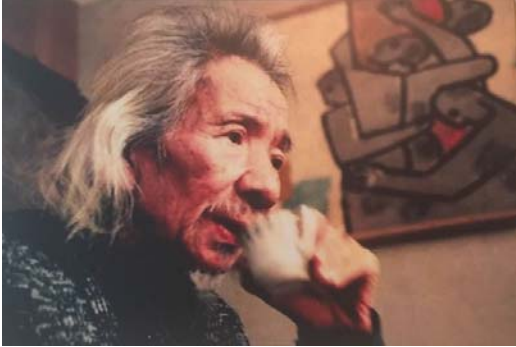
(Richmond, Virginia - 7 tháng 12, 2015)



BẾN XUÂN

Nguyễn Văn Thành và BNK

suu tầm hợp soạn



Nhạc sĩ VĂN CAO (1923-1995)

Trong số các khuôn mặt hiện diện theo lời ông anh tôi cho biết, đáng lưu ý nhất là nữ ca sĩ Hoàng Oanh. Hoàng Oanh là một người đẹp "huyền thoại" của Hải Phòng. Ở đây có hai người Hải Phòng : Văn Cao và Hoàng Oanh. Đầu thập niên 40, Hoàng Oanh đã là nguồn cảm hứng để Văn Cao sáng tác khúc tình ca bất hủ Bến Xuân " Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước. Em đến tôi một lần..." Đó là Hoàng Oanh đến thăm Văn Cao trên bến đò Rừng. Có lẽ người đẹp chỉ đến một lần, rồi không đến nữa nên trong lời ca thứ hai của bài Bến Xuân, Văn Cao kể lể "Chiều nay tôi vẫn còn ngơ ngác. Em đến tôi một chiều. Bến nước tiêu điều còn hằn in nét đáng yêu".

Nàng không đến nữa, tất cả chỉ còn là kỷ niệm. "Không có em, cõi nhân gian này hoang vắng" (un seul être vous manque, et tout est dépeuplé). Vì vậy nên Văn Cao sáng tác Bến Xuân như một hoài niệm xót

xa và đẹp để nói về một cuộc tình vừa mới nhen lên đã tắt.

Được biết người đẹp Hoàng Oanh sau đó đã lên xe hoa, về làm vợ một nhạc sĩ rất tiếng tăm thời ấy cũng ở Hải Phòng, bỏ lại Văn Cao, bỏ lại căn nhà "bên chiếc cầu soi nước". Nhưng "hồng nhan đa truân" người đẹp Hoàng Oanh vui duyên mới đâu được vài năm, người chồng, người nhạc sĩ tài danh vẫn số kia tạ thế. Hoàng Oanh trở thành một goá phụ đa cảm đa sầu.

Chiến tranh toàn quốc, người goá phụ đi theo ban ca kịch, đi kháng chiến để phần nào nguôi ngoai sầu muộn. Theo con mắt tôi, một gã thanh niên vừa lớn thì Hoàng Oanh vẫn đẹp nào nùng. Không phải là cái đẹp mon morn của tuổi dậy thì, mà là cái đẹp tròn đầy của một trái cây vừa chín tới.

Bữa ăn đêm ẩm bụng thêm vào chất rượu đặc sản Quảng Oai, Sơn Tây, rượu mía ngọt lừ mà say lúc nào không biết..."Thỏ công" Lư Bạch Thụ tay cầm ly rượu ngất ngưỡng đứng lên " Đêm nay không ngờ lại được gặp Văn Cao và Hoàng Oanh ở đây, hai người con yêu của Hải Phòng mà cũng là hai nhân vật chính trong bản tình ca Bến Xuân bất hủ. Để mở đầu cuộc họp mặt văn nghệ thân hữu đêm nay, yêu cầu anh Phạm Duy hát lại Bến Xuân..." Tiếng vỗ tay hưởng ứng vang lên trong căn phòng nhỏ. Trong khi Phạm Duy đi tìm cây đàn guitar trông vào vai. Văn Cao cảm khái ngâm hai câu thơ dẫn

nhập "Chiều nay run rẩy thơ đôi cánh. Một cánh chim xưa đến lạc loài ". Lời thơ chìm vào âm điệu trầm buồn dịu dặt của cung Ré thứ. Phạm Duy bắt đầu hát :

*"Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần
Bao cánh chim rùng, rập rờn trên khắp Bến
Xuân...*

.....
*Điui vai theo dốc suối mơ ven đồi
Còn thấy chim ghen lời âu yếm
Tôi đây sao thấy lòng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền trên nước
Tà áo tung bay nghe thoáng nhẹ thẹn thùng
ngoài Bến Xuân...
Ai tha hương nghe réo rắt oanh ca
Cánh nhận vào mây thướt tha
Lưu luyến tình vừa qua..."*

Từ khi nghe bài Bến Xuân năm ấy đến nay đã gần 50 năm trôi qua. Ngày ấy tôi là một thanh niên vừa mới lớn mà bây giờ, tôi đã là một anh già "thất thập"...Nửa thế kỷ...thời gian đâu có ngắn nhưng mỗi khi nhớ lại bài Bến Xuân, tôi lại thấy suốt châu thân rờn rợn. Phạm Duy không phải là giọng ca vàng, nhưng Phạm Duy hơn người ở chỗ anh biết nắm lấy cái "thần" của từng bài hát. Bài hát đã thấm vào tâm hồn ngày đại của tôi lúc ấy và ở lại đó y nguyên.

Ở trên đời này có biết bao nhiêu mối tình dang dở, nhưng đối với tôi không có cuộc tình nào dở dang, trữ tình, diu dặt xót xa như Bến Xuân năm ấy. Có thể khung cảnh đặc biệt trong một đêm Xuân ở Việt Trì đã ghi khắc vào tâm hồn non dại của tôi những dấu vết không phai.

Hai người tình xưa gặp lại nhau trong một đêm xuân mưa bụi. Gặp nhau đây, bao kỷ niệm xưa bùng dậy nhưng ngày mai...không hứa hẹn gì. Chiến tranh, đổ nát,

chia ly. Kỷ niệm xưa càng đẹp, chia tay bây giờ lại càng đau xót. Bất giác tôi nhớ một câu thơ của J. Prévert "Moi qui t'aimais. Toi qui m'aimais. Mais la vie sépare ceux qui s'aiment" (Tôi yêu em và em yêu tôi, nhưng những kẻ yêu nhau thường bị cuộc đời chia rẽ)

Mỗi khi xem cuốn băng Văn Cao giấc mơ một đời người, tôi lại chìm trong kỷ niệm. Đặc biệt là bài Bến Xuân. "Tôi yêu thầm một người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Nên mới có câu "Em đến tôi một lần". Tác giả Văn Cao đã dẫn nhập như vậy trước khi đi vào bài hát nhưng khi ca sĩ trình bày, nó không phải là Bến Xuân mà là bài Đàn Chim Việt. Bài Bến Xuân đã từng thấm vào tâm hồn tôi từ 50 năm về trước, đó là bản tình ca diễm tuyệt, làm gì có "hoàng hôn Thái Nguyên tung hoành", với "Bắc Sơn kia thời tung cánh". Hai người tình đi với nhau dưới nắng xuân đầm ấm, thì giờ đâu mà nhớ đến "mây đôi Yên Thế". không có Đàn Chim Việt nào bay từ Bắc sang Trung.

Bản tình ca diu dặt Bến Xuân thời kỳ Cách Mạng đã được cải trang thành Đàn Chim Việt. Không biết sự cải trang này là do chính tác giả Văn Cao hay do nhà xuất bản muốn phục vụ đúng lúc, đồng thời tung ra một món hàng ăn khách. Chưa biết được. Phục vụ một giai đoạn Cách Mạng hoặc là làm vừa lòng một phong trào thời thượng, mượn giai điệu Bến Xuân trở thành Đàn Chim Việt, tạm cho là được đi. Nhưng 50 năm sau thực hiện một cuốn băng video ghi dấu một chặng đường sáng tác của một tác giả lớn, có giá trị như một lễ vật viếng người còn sống thì không thể "nhập nhằng" như thế được.

Phải trả cho Caesar cái gì của Caesar, phải trả lại Bến Xuân cho cuộc tình đắm say và diu dặt của Văn Cao. Tình ca là tình ca, bài ca Cách Mạng là bài ca Cách Mạng, không nên "nửa đời nửa chuột" như thế. Nó vừa thất lễ với tác giả Văn Cao, mà lãng âm nhạc VN cũng thiếu vắng đi một bản tình ca đặc sắc.

Không biết tôi có quá yêu bài hát Bến Xuân, quá yêu kỷ niệm của tôi hay không? Nhưng bữa nào gặp lại Phạm Duy (tôi hy vọng là gặp sớm) tôi sẽ xin anh hát lại Bến Xuân; chắc chắn, dù đã nửa thế kỷ trôi qua, Phạm Duy vẫn sẽ hát "Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước. Em đến tôi một lần"...

"Văn Cao Giác Mơ Một Đời Người" tôi xem đi xem lại mấy lần mà lần nào cũng buồn hiu hắt. Nửa thế kỷ nay không gặp lại Văn Cao...từ một thanh niên kiêu mạn, tự tin ngày nào anh đã trở thành ông già đầu râu tóc bạc, lụm cụm chống gậy đi tìm dĩ vãng. Cái đổi thay thể chất không nói làm gì "Được là bao cái thân người, mà cay đắng trải mùi thế gian" nhưng cái tôi âm thầm ái ngại là cái tự tin, kiêu mạn ngày nào nơi anh đã mất. Tội tôi một lũ người thua trận ở xứ tạm dung này cứ mỗi khi thời tiết đổi thay là lại ngóng về quê hương mà thờ dài, anh ở quê nhà, lại là tác giả bài "quốc ca" mà cũng buồn bã, cô đơn như vậy hay sao?

Anh nói nào là "Tôi luôn luôn thất bại... trong tình yêu." "Tôi muốn tìm lại trong giấc mơ những gì tôi đã đánh mất trong những ngày trẻ tuổi."- "Không nên sống với những gì mơ mộng - cuộc sống không đạt được" v.v.. Anh là Lưu, Nguyễn từ Thiên Thai trở về trần thế. Người cũ đã xa, tuổi mơ đã cạn "ngồi đây ta gõ ván thuyền, ta ca trái đất còn riêng ta".

SỐ 73

11

Nhìn anh tôi lại nhớ đến ông anh tôi. Trần Ngọc D. bạn anh ngày nào. Ông anh tôi đi theo Cách Mạng suốt cả một đời người mà kết thúc cuộc đời cũng âm thầm tức tưởi. Chết rồi, chết ở Paris. Tự tử bằng một phát súng vào đầu.. Ông anh tôi "bem" suốt đời nên bà chị tôi cũng không hiểu vì sao mà ông anh tôi lại liều mình như vậy. Tôi đi tù cải tạo về năm 1985, nhận được thư bà chị tôi từ Hà Nội báo tin như thế.

Đây cũng là giấc mơ mê đắm của một đời người.

Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc (1995)
Khởi Hành số 9, tháng 7/1997

Nhà văn Phan Lạc Phúc, tác giả bài hát Bến Xuân đi tù cải tạo cùng với chúng tôi (Nguyễn Văn Thành) tại trại tù Hoàng Liên Sơn ở Bắc Việt và nhiều nhà tù khác trong Nam trước khi được đi đoàn tụ với gia đình theo diện nhân đạo H.O. Ký giả Lô Răng qua Úc còn tôi đi Hoa Kỳ.

Thình thoảng tôi có đọc bài viết của Ký giả Lô Răng đăng ở vùng Hoa Thịnh Đốn và phụ cận, chẳng hạn viết về tù cải tạo, nổi bật nhất là tác phẩm "Người Tù Kiệt Xuất". Vào thập niên 50, CIA (Cục Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ) đã huấn luyện một số biệt kích, quê quán ngoài Bắc, bí mật nhảy dù ra Bắc thực hiện công tác được CIA giao phó.

Khi mất nước ngày 30.4.1975, chúng tôi bị giam ở ngoài Bắc, đi lấy củi, chặt cây làm nhà, khai phá rừng để trồng trọt thì được biết một số biệt kích dù nhảy ra Bắc còn bị giam ở đây. Chế độ giam giữ biệt kích dù dần dần được nói lỏng khi miền Nam sụp đổ, và biệt kích dù cũng được đi ra nước ngoài theo diện nhân đạo H.O. như chúng tôi.

Các biệt kích dù ở Hoa Kỳ kiện CIA đòi truy lãnh tiền lương suốt thời bị giam

giữ ở VN. Biệt kích dù thẳng vụ kiện. Mỗi người lãnh nhiều hay ít tùy theo thời gian bị giam giữ ở VN, tỷ như anh L. ở miền Đ ông Bắc Hoa Kỳ lãnh sáu chục ngàn đô la.



Alphonse de Lamartine (1790-1869)

Trong bài viết "Bến Xuân ", Ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc đã dịch câu thơ trong Bài L'Isolement của thi sĩ Lamartine "Không có em, cõi nhân gian này hoang vắng" (un seul être vous manque et tout est dépeuplé). Vì vậy nên Văn Cao sáng tác Bến Xuân như một hoài niệm xót xa và đẹp đẽ nói về một cuộc tình vừa mới nhen lên đã tắt.

Câu thơ trên được trích trong bài thơ L'Isolement (Cô Đơn) của nhà thơ Alphonse De Lamartine. Bài thơ dài 52 câu (13 phân đoạn, mỗi phân đoạn 4 câu), hầu như ai ai cũng chỉ nhớ nhất câu thứ 28 (cuối phân đoạn 7). Suốt tìm bài thơ L'Isolement viết tiếng Pháp không khó nhưng tìm kiếm bài thơ dịch sang tiếng Việt toàn bài không phải là chuyện dễ dàng.

Tra cứu trên Internet, may mắn chúng tôi đã tìm được bài viết có nhiều giai thoại

lý thú về câu thơ "un seul être vous manque et tout est dépeuplé" và bản dịch toàn bài thơ L'Isolement "Nỗi Cô Đơn" của nhà thơ Phan Hạnh gọi là góp mặt với bạn thơ trên diễn đàn.

CÂU THƠ THEO MÃI

Phan Hạnh

Julie Charles, người tình của Lamartine sớm chết về bệnh lao năm 1817 nên nhà thơ than vãn, sáng tác câu thơ lừng danh "un seul être vous manque, et tout est dépeuplé"

Câu thơ ấy ghim trong trí nhớ tôi từ thời trung học. Trí nhớ hao mòn theo năm tháng; câu thơ ấy vẫn còn nguyên đó nằm lòng.



Đồng văn Nam, ông thầy dạy Pháp văn sinh ngữ 1 của lớp Đệ Tứ năm 1957, chỉ khoảng trên 50 tuổi nhưng trông già hơn, dáng gầy gò khắc khổ, nét mặt nghiêm nghị, dáng bước phát phơ. Mỗi khi ông đồng dục cất tiếng, tuy đôi mắt ông không có mở to, bọn học trò chúng tôi im ngay. "Silence!" "Allez au tableau!" "Sur vos genoux!" (Im lặng! Lên bảng! Quỳ gối!). Đôi khi ông nổi nóng hét mắng "Ferme ta gueule!" (Câm cái mồm

mây lại!). Chúng tôi tuân phục mệnh lệnh thầy với sự kính nể chứ không thù ghét.

Đến bây giờ nghĩ lại, tôi biết đó là sự tận tụy của thầy muốn dạy cho đám học trò học hành tử tế. Nhờ ông khó mà bọn con trai lười biếng học như tôi ngày nay còn một mớ tiếng Tây ghim lại trong đầu, như câu thơ “Un seul être vous manque et tout est dépeuplé” trong bài thơ L’Isolement của Alphonse de Lamartine chẳng hạn.

Theo lẽ thường, người ta chỉ nhớ một hay hai câu đầu của bài thơ chứ ít khi nào nhớ những câu nằm ở giữa. Vừa nghe “*Trăm năm trong cõi người ta...*” là biết ngay đó là câu thơ mở đầu của Truyện Kiều của Nguyễn Du. Tương tự, “*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi...*” là Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm, “*Trước đèn xem chuyện Tây Minh...*” là Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, “*Nàng có ba người anh đi bộ đội...*” là Mầu Tím Hoa Sim của Hữu Loan, “*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn...*” là Hai Sắc Hoa Tì Gôn của TTKH, v.v...

Vậy mà học bài thơ L’Isolement dài 52 câu (13 phân đoạn, mỗi phân đoạn 4 câu) của Alphonse de Lamartine, hầu như ai ai cũng chỉ nhớ nhất câu thứ 28 (cuối phân đoạn 7). Thầy thách thức cả lớp học xem có đứa nào dịch được câu này cho thật đúng; đám con trai ngồi há hốc trơ mắt ếch. Một thằng liều mạng:

“*Chỉ vắng một người thôi là chẳng còn ai hết*”

Trong lớp có vài tiếng cười khúc khích nổi lên; thầy lại quát “Silence!” Một đứa khác đưa tay lên:

“*Chỉ một vật thôi mà bạn thiếu thì tất cả không có người*”

Thầy Nam lại phải giảng thêm ý của câu thơ đó là, “nếu người nào đó (hay cái gì đó hay vật gì đó) mà ta thiếu mất đi rồi thì bây giờ đối với ta cả thế gian này không còn

nghĩa lý gì nữa cả; tất cả xem như vắng tanh trống rỗng.”

Dù ý tổng quát của câu thơ tôi nắm vững nhưng làm sao dịch thành thơ cho nổi nên tôi ngồi im và chỉ sợ thầy gọi tên mình thì khổ đời. Một số học sinh khác bạo gan đưa tay lên xin dịch, phần nhiều là con gái. Sau cùng, một chị dịch:

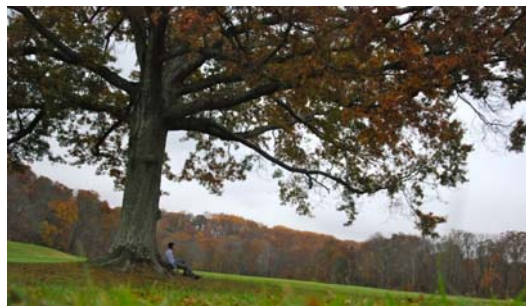
“*Một người mà thiếu trong ta
Thế gian đông mấy cũng là vắng hoang.*”

Thầy khen “Très bien!” và cả lớp cũng công nhận câu dịch hay. Chị đó là con lai có mẹ Việt cha Pháp, thảo nào.

Câu thơ đã dán keo dính chặt trong trí nhớ tôi, cứ lâu lâu nổi lên như trêu ghẹo. Cứ mỗi lần tôi nghe câu tiếng Việt nào mang ý nghĩa giống ý của câu “Un seul être vous manque et tout est dépeuplé!” thì tôi lại đoán già đoán non. Ví dụ như mỗi khi nghe ca sĩ Lệ Thu hoặc Thế Sơn hát bản nhạc Hỡi Người Còn

Nhớ Đến Ta của Hoàng Thi Thơ, trong đó có câu “Và hỏi tại sao thế giới đông người nhưng chỉ thấy riêng ta...?”, tôi không khỏi thầm nghĩ: “L’Isolement của Lamartine đây!”

Bị kết án 4 năm tù vì giảng dạy bài thơ L’Isolement



Tình cảm lãng mạn chẳng giúp mang lại bạc tiền vật chất nhưng nó là một trạng thái tự nhiên của tâm hồn con người rất hấp dẫn. Nhưng người cộng sản miền Bắc từng

cho đó là ủy mị, là sản phẩm độc hại làm bạc nhược tinh thần. Qua quyền hồi ký Pháp ngữ “Un Excommunié” (bản dịch Việt ngữ “Kẻ bị mất phép thông công” của Nguyễn Quốc Vỹ đăng trên Thông Luận 2009), luật sư Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997) có kể vụ cộng sản xử án một giáo viên dạy văn (“Procès d’un intellectuel”, phiên xử một người trí thức).

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường nhận định rằng đây là một phiên xử quái đản duy nhất được biết trong lịch sử ngành tư pháp văn minh ngày nay. Ông kể rằng sau khi cộng sản tiếp quản Hà Nội năm 1954, giới lãnh đạo cao cấp ra lệnh triệu tập một phiên tòa để kết án một giáo sư dạy văn về tội “đã đầu độc tâm hồn sinh viên” qua việc giảng dạy bài thơ L’Isolement) của Lamartine. Quan tòa là đảng viên cộng sản; bị cáo là một giảng viên đại học tại Hà Nội không chịu đi theo kháng chiến.

Tại phiên xử, quan tòa cộng sản nói “Sự việc đã hiển nhiên. Có hay không có việc ông giảng dạy cho sinh viên tác phẩm *Cô đơn (L’Isolement)* của tác giả Lamartine và ca tụng nhà thơ này? Có hay không có việc ông tán tụng những vần thơ chán chường, mất hy vọng và bi quan yếm thế và hậu quả là đầu độc tâm hồn của giới trẻ đã nghe theo tiếng gọi của Đảng Cộng sản của chúng ta mà đứng lên muôn người như một để xây dựng lại nền Tự do, Độc lập và Tự hào Dân tộc?”

Bị cáo đáp rằng ông không có ý chống phá chủ nghĩa cộng sản và ông cũng không tán tụng bài thơ L’Isolement của Lamartine. Chính trị và luật là hai lãnh vực khác nhau như sự trái ngược giữa ước mơ và sự thật vậy. Mơ ước là điều cho phép nhà chính trị làm khi mà những việc làm của họ là nhắm

tới tương lai, nhưng luật là được xây dựng vững chắc trên những cơ bản vững chắc, của hiện tại và cụ thể. Không thể lẫn lộn giữa mơ và thực, giữa chính trị và luật. Lời buộc tội là một sự lạc đề, là một hành động hạ nhục và xúc phạm đến lòng tự trọng của người trí thức. Bị cáo nói:

“Tôi không tán dương một ai dù người đó là người được mọi người ca tụng. Tôi không đứng ra bào chữa cho một chủ thuyết nào, ngay cả khi có hàng triệu người theo nó và ca tụng nó. Không, tôi chỉ phân tích, giải thích, cố gắng làm cho sinh viên hiểu cái trạng thái tình cảm mà không một kẻ độc tài nào, không một chế độ độc tài nào có thể xóa bỏ, khi mà tác phẩm ấy đã có mặt hơn một thế kỷ nay. Con người ai cũng liên tục mơ mộng cho đến một tuổi nào đó và trong một hoàn cảnh sống nào đó. Chỉ có những người cộng sản lão đời, những người khắc khổ không còn nước mắt mới cho rằng không thể có những giọt nước mắt khôn cùng của loài người, để tự nâng mình thành một loại siêu nhân.”

Chẳng ai bị cộng sản lôi ra tòa mà được tha bao giờ. Vị giảng viên đại học bị kết án 4 năm tù.

Dịch L’Isolement xong rồi vứt sọt rác

Trong bài viết Một Thời Rất Xưa đăng trên Đặc San Ái Hữu Đại Học Đà Lạt, Giáo sư Vương Văn Bắc có nhắc một giai thoại thú vị như sau:

Trích:

Tôi đặc biệt ưa thích mấy tập thơ của thi sĩ Lamartine. Tôi đã cặm cụi ngồi dịch bài thơ ‘L’Isolement’ (Cô Đơn) trong tập ‘Méditations Poétiques’ của tác giả này.

Thấy tôi yêu thơ Lamartine như vậy, bà chị ruột của tôi, chị Giang, đã cố công đi mượn cho tôi bản dịch Việt ngữ của bài thơ

nổi danh nhất của Lamartine, bài 'Le Lac' (Hồ Xưa). Phải nói là hai chị em tôi rất thương quý nhau, không những vì cha mẹ chỉ còn hai người con nhưng còn vì tính nết chị tôi rất đáng kính mến. Gia đình tôi cũng như phần lớn gia đình Việt Nam thời ấy có thói trọng nam khinh nữ. Khi tài sản trong nhà trở nên eo hẹp, chỉ có thể cho một người con đi học ở thủ đô Hà Nội mà thôi, cha mẹ tôi đã để cho tôi một mình đi học ở Trường Bưởi, còn chị tôi phải ở lại nhà giúp đỡ gia đình. Vậy mà chị tôi không bao giờ tỏ ý oán hờn ganh ghét, trái lại chị vẫn luôn luôn yêu quý tôi và coi những thành tựu sau này của tôi như những thành tựu của chính chị.

Riêng về chuyện bản dịch bài Le Lac của Lamartine, cử chỉ ân cần của chị Giang đã có phần-tác-dụng. Không phải vì bài dịch dở quá mà là vì hay quá. Các bạn hãy thử xét xem. Đây là bốn câu đầu của nguyên bản Le Lac:

*Ainsi, toujours poussés vers de nouveaux rivages,
Dans la nuit éternelle emportés sans retour,
Ne pourrons-nous jamais sur l'océan des âges
Jeter l'ancre un seul jour?*

Và đây là bản dịch mà chị tôi đã mượn được cho tôi xem, như tôi còn nhớ lờ mờ sau hơn nửa thế kỷ:

*Kiếp phù thế thuyền trôi, trôi mãi
Qua bờ này lại tới bến kia
Trong đêm vô tận dài ghê
Biển đời một buổi khôn bẻ buông neo*

Tuy không thoát khỏi được thường tình, quá ưa chuộng thơ văn của chính mình, nhưng trước những câu thơ, dù là thơ dịch, vẫn giữ nguyên vẹn được âm hưởng, ý nghĩa và dáng dấp Việt Nam, tôi cũng còn đủ lương thiện trí thức để thấy rằng thơ người là hay còn thơ mình dở quá, giọng

SỐ 73

15

gạo như anh lính Pháp thử nói tiếng ta, nên không ngần ngại, tôi liệng ngay bản dịch bài thơ "L'Isolement" của mình vào sọt rác, và từ đấy tôi cũng không hoài công cố gắng phiên dịch những bài thơ ngoại ngữ bất hủ sang tiếng nước mình nữa. Về sau nghĩ lại, có lúc tôi cũng cảm thấy hơi tiếc, nhưng không sao nhớ lại nổi những gì mình đã vứt bỏ. Tôi còn nhớ mang máng là mình đã dịch câu lừng danh nhất trong bài L'Isolement: 'Un seul être vous manque et tout est dépeuplé' như sau:

'Vắng ai khắp cả đất trời quạnh hiu'.

Giáo sư Vương Văn Bắc

Nguồn:

http://dshoihuu.blogspot.ca/2008/12/mt-thi-rt-xa_08.html

(Ngưng trích)

Câu thơ 'Vắng ai khắp cả đất trời quạnh hiu' được Giáo sư Vương Văn Bắc, cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao VNCH, dịch cũng hay quá, thể mà ông chê dở và vứt vào sọt rác.

Tra cứu Internet, tôi tìm thấy có bốn bản dịch Việt ngữ khác của bài thơ L'Isolement tại các nơi kết dưới đây.

Phạm Nguyên Phẩm. Nguồn:

<http://www.thivien.net/viewpoem.php?ID=18751>

Câu 28: "Vắng một bóng mà đất trời yên lặng."

Billy Nguyen. Nguồn:

<http://www.saimonthidan.com/?c=article&p=7930>

Câu 28: "Vời hồn tôi sa mạc, khi nàng vắng bóng."

Trần Đông Phong. Nguồn:

<http://www.thivien.net/Alphonse-de-Lamartine/C%C3%B4-%C4%91%C6%A1n/poem->

[5bLsct5jUaIayNihGkVz7Q](#)

Câu 28: “Thiếu dù chỉ một thầy đêu vắng không.”

Tôn Thất Phú Sĩ. Nguồn:

<http://tonthatphusi.eklablog.fr/76-l-isolement-ton-that-phu-si-phong-dich-a94827939>

Câu 28: “Đã mất hẳn trong lòng tôi chai đá.”

Còn tôi, bề nào mình đã ở tuổi xế chiều nên không ngại tài hèn dịch bài thơ của Lamartine gọi là góp mặt với bạn thơ trên diễn đàn. Triết gia người Mỹ Ralph Waldo Emerson ở thế kỷ 19 đã nói “It is one of the blessings of old friends that you can afford to be stupid with them”, đại khái có nghĩa là “May phước là giữa bạn già với nhau mình có ngu ngốc cũng chẳng sao.”

L’Isolement

*Souvent sur la montagne, à l’ombre du vieux chêne,
Au coucher du soleil, tristement je m’assieds ;
Je promène au hasard mes regards sur la plaine,
Dont le tableau changeant se déroule à mes pieds.
Ici gronde le fleuve aux vagues écumantes ;
Il serpente, et s’enfonce en un lointain obscur ;
Là le lac immobile étend ses eaux dormantes
Où l’étoile du soir se lève dans l’azur.
Au sommet de ces monts couronnés de bois
sombres,
Le crépuscule encore jette un dernier rayon ;
Et le char vapoureux de la reine des ombres
Monte, et blanchit déjà les bords de l’horizon.
Cependant, s’élançant de la flèche gothique,
Un son religieux se répand dans les airs :
Le voyageur s’arrête, et la cloche rustique
Aux derniers bruits du jour mêle de saints concerts.
Mais à ces doux tableaux mon âme indifférente
N’éprouve devant eux ni charme ni transports ;*

*Je contemple la terre ainsi qu’une ombre errante
Le soleil des vivants n’échauffe plus les morts.
De colline en colline en vain portant ma vue,
Du sud à l’aquilon, de l’aurore au couchant,
Je parcours tous les points de l’immense étendue,
Et je dis: “Nulle part le bonheur ne m’attend.”
Que me font ces vallons, ces palais, ces chaumières,
Vains objets dont pour moi le charme est envolé?
Fleuves, rochers, forêts, solitudes si chères,
Un seul être vous manque, et tout est dépeuplé!
Que le tour du soleil ou commence ou s’achève,
D’un oeil indifférent je le suis dans son cours ;
En un ciel sombre ou pur qu’il se couche ou se lève,
Qu’importe le soleil ? je n’attends rien des jours.
Quand je pourrais le suivre en sa vaste carrière,
Mes yeux verraient partout le vide et les déserts :
Je ne désire rien de tout ce qu’il éclaire ;
Je ne demande rien à l’immense univers.
Mais peut-être au-delà des bornes de sa sphère,
Lieux où le vrai soleil éclaire d’autres cieux,
Si je pouvais laisser ma dépouille à la terre,
Ce que j’ai tant rêvé paraîtrait à mes yeux!
Là, je m’enivrerais à la source où j’aspire ;
Là, je retrouverais et l’espoir et l’amour,
Et ce bien idéal que toute âme désire,
Et qui n’a pas de nom au terrestre séjour !
Que ne puis-je, porté sur le char de l’Aurore,
Vague objet de mes vœux, m’élancer
jusqu’à toi !
Sur la terre d’exil pourquoi resté-je encore ?
Il n’est rien de commun entre la terre et moi.
Quand là feuille des bois tombe dans
la prairie,
Le vent du soir s’élève et l’arrache aux
vallons ;
Et moi, je suis semblable à la feuille flétrie :
Emportez-moi comme elle, orageux aquilons !*

Alphonse de Lamartine (1790 – 1869)

Dịch:

Ngồi dưới bóng sỏi già trên đỉnh núi
Lúc chiều vàng tôi buồn bã lảng lảng
Đôi mắt nhìn cánh đồng ở dưới chân
Đang đổi sắc thay màu khi nắng xuống.
Này dòng suối rạt rào tung nước cuốn
Uốn cong rồi khuất dạng ở đằng xa
Kìa mặt hồ nước phẳng lặng bao la
Sao hôm mọc trên nền trời thăm tú.
Trên dãy núi với rừng cây bao phủ
Trời nhá nhem chiếu tia nắng cuối cùng
Màn sương chiều ngự trị bóng mông lung
Tỏa màu trắng đường chân trời nhuốm bạc.
Bỗng từ nóc giáo đường vang tiếng nhạc
Trong thinh không vang dội một hồi chuông
Khách bộ hành dừng bước ở bên đường
Lòng rộn bởi thánh âm đêm vừa xuống.
Cảnh lịm ngọt nhưng lòng không lười cuốn
Tôi đứng đưng hồ hững hờ mãi suy tư
Quả đất này như bóng tối ảo hư
Dù nóng cũng không sưởi người đã mát.
Chập chùng núi bao gồm trong tầm mắt
Khắp bốn phương khắp trời đất bao la
Từ bình minh cho đến mãi chiều tà
Tôi chẳng thấy ở đâu là sung sướng.
Thung lũng núi đòi tôi nào muốn hưởng
Cung điện huy hoàng biệt thự nguy nga
Sông, đá, rừng, niềm cô quạnh mình ta,
Thiếu chỉ một, thế gian thành hoang vắng.
Sáng mặt trời lên rồi chiều tắt nắng
Cứ xoay quanh cho tròn một chu kỳ
Mọc rồi lặn tôi nào thiết tha chi
Mặt trời ư? Tôi không còn chú ý.
Khi nó quay một vòng quay hoành vĩ
Mắt tôi nhìn xuyên khoảng trống mênh
mông
Chẳng muốn gì, tôi thấy chỉ là không
Chẳng đòi hỏi điều chi từ vũ trụ.

Có thể vượt ngoài thái dương tinh tú
Còn mặt trời khác chiếu sáng không gian
Tôi sẽ gửi thân ở lại trần gian
Điều tôi mộng sẽ hiện ra trước mắt.
Ở nơi đó tôi có niềm khao khát;
Gặp lại mình, hy vọng và tình yêu,
Tài sản này ai cũng ước ao nhiều
Người cõi thế không có tên để gán.
Tôi sẽ chắt lên chiếc xe Hùng Sáng
Những món cần rồi sẽ vút bay đi
Cuộc sống lưu đây ở lại làm gì
Chốn trần thế tôi còn chi để tính?

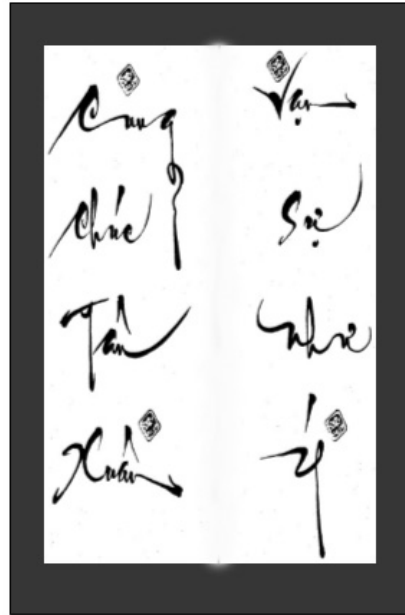
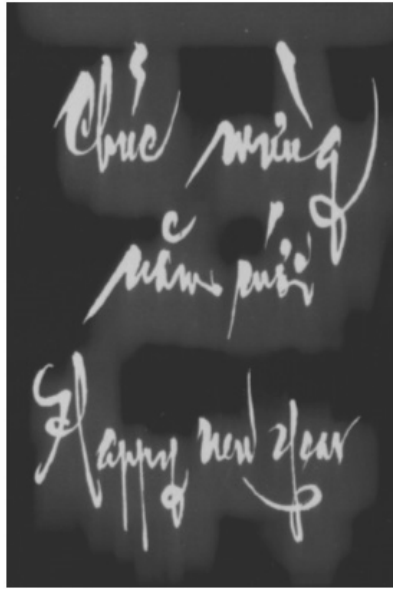


Khi cánh đồng bị lá rừng phủ kín
Gió đêm lên cào xé khắp trũng sương
Và tôi đây như chiếc lá còn vương
Hỡi giông tố, hãy cuốn tôi theo lá!

Một người bạn từng bảo “Nó vụn vào người anh rồi đấy!” Có lẽ cũng đúng thật, vì câu thơ ấy theo tôi mãi đến tận bây giờ...

Phan Hạnh

(nguồn: Nguyệt San Việt Nam)



Thư Hoạ Sĩ VŨ HỒI trong Ngày Lễ Tết

Tết, lễ hội qua ca dao

Ca dao có địa bàn sinh hoạt ở nông thôn, ít có cơ hội giao lưu với văn hóa ngoại lai, cho nên còn phản ảnh tương đối trung thực văn hóa truyền thống dân tộc. Cho nên bài viết này mượn ca dao minh họa bức tranh xuân, tết và lễ hội từ xưa còn được trân trọng gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay.

Năm có bốn mùa gọi là tứ quý:
“Xuân vãng, hè lai, thu hồi, đông đáo,
Tứ quý anh thương nàng không ráo hột châu.”

Bốn loại trái cây đặc trưng cho bốn mùa cũng được gọi là *cây tứ quý* :
“Lựu, lê, bình bát, măng cầu,
Bốn cây tứ quý anh sâu một cây.”

Trong bốn mùa, mùa xuân là lúc trời đất giao hòa, nên là mùa đẹp nhất, cây cối trụi lá từ mùa đông lại bắt đầu đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở:
“Đào khoe tươi, liễu khoe mềm,
Cây khô nảy lộc, cành thêm ấm chồi.
Chữ rằng: “ Thiên hữu tứ thời “,
Ngày thời hoa nở, tối trời hoa thơm.”

Ở khu vực Á Đông, khi mùa xuân đến thì việc thu hoạch mùa màng đã xong trước đó rồi (tháng mười một, tháng chạp), cho nên mọi người rảnh rang đón xuân:
“Xa kêu náo nức yến anh,
Ngoài đường rậm rịch bộ hành chơi xuân.”
“Mỗi năm vào dịp xuân sang,
Em về Triều Khúc xem làng hội xuân.”

*Múa cờ, múa trống, múa lân,
Nhớ ai trong hội có lần gọi em.”*

Trong ba ngày Tết, ngoài tiếng trống múa lân, tiếng pháo nổ đi ùng cũng có ý nghĩa tương tự, hỗ trợ cho tiếng trống:
“Vui gì bằng lễ nghinh ông,
Đèn hoa pháo nổ ngập song ánh trời.
Cuộc vui nhiều khách đến chơi,
Giàu nghèo hỉ hả ăn chơi ba ngày.”

Từ đó, không riêng ba ngày Tết, hội xuân, mà có lẽ các hội ăn mừng nào cũng có gióng trống vang lừng:
“Làng ta mở hội ăn mừng,
Chuông khua trống gióng vang lừng
bốn bên.”

Múa cờ, múa trống, múa lân, pháo nổ, chuông khua, trống gióng đều là những động tác có tính nghi thức làm sống lại tiếng sấm khai nguyên, theo đó thời gian, không gian và vật chất xuất hiện.

Đối với nhà nông, sấm chớp là hiện tượng thiên nhiên mang lại niềm tin và hy vọng:

“Lúa chiêm đứng nép đầu bờ,
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.”

Lúa chiêm trồng vào mùa đông, đến đầu xuân ấm áp, có sấm chớp thì lúa bắt đầu trở mạnh.

Tết Nguyên Đán là lễ dân tộc quan trọng nhất vào mấy ngày đầu năm âm

lịch, trùng hợp với những ngày đầu mùa xuân, là lúc âm dương giao hòa, cho nên rất có ý nghĩa nhân sinh. Bài ca dao sau đây cho thấy tổng quát lịch trình sinh hoạt của người dân ở nông thôn trong cả năm:

“Tháng giêng ăn Tết ở nhà,

Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.

Tháng tư đong đậu nấu chè,

Ăn Tết Đoan Ngọ trở về tháng năm.

Tháng sáu buôn nhãn bán trâm,

Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.

Tháng tám chơi đèn kéo quân,

Trở về tháng chín chung chân buôn hồng.

Tháng mười buôn thóc bán bông,

Tháng mười một, tháng chạp nên công hoàn thành.”

Theo bài ca dao trên, người Việt khi xưa ăn Tết rất lâu, kéo dài cả tháng giêng, rồi tiếp theo đó lại còn hội hè, đình đám nữa. *Làm, ăn, chơi* là ba động từ đi liền nhau trong triết lý nhân sinh ở xã hội nông nghiệp.

Là một nước có truyền thống văn hóa lâu đời, có Đạo thờ tổ tiên, cho nên Việt Nam có nhiều lễ hội để tưởng niệm tiền nhân. Đó là hình thức sinh hoạt văn hóa cao nhất, quan trọng nhất có tính cách lễ nghi, vừa là dịp, là nơi để người dân sum họp, gặp gỡ, hẹn hò, thắt chặt quan hệ cộng đồng và vui chơi:

“Tháng giêng giỗ thánh Sóc Sơn,

Tháng ba giỗ Tổ Hùng Vương nhớ về.”

“Thứ nhất là hội Cổ Loa,

Thứ nhì hội Gióng, thứ ba hội Tràm.”

“Thứ nhất hội Gióng, hội Dâu,

Thứ nhì hội Bưởi chẳng đâu vui bằng.”

“Mừng nay mở hội long vân,

Để cho hàng xir xa gần đến xem.

Một năm là mấy tháng xuân,

Một ngày được mấy giờ Dân hồi ai?

Duyên kim phận cái trời xui,

Một năm được mấy cơn vui thế này.”

Mùa xuân là mùa tốt đẹp nhất của năm. Giờ Dân từ 3 giờ 30 đến 5 giờ 30, là giờ tốt lành nhất của ngày. Không nên bỏ lỡ những dịp vui của những ngày lễ hội dân tộc, cho nên ca dao luôn kêu gọi, nhắc nhở mọi người:

“Dù ai đi ngược về xuôi,

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.”

“Dù ai buôn bán trên đường,

Nhớ ngày giỗ Tổ Trung Vương thì về.”

Cho dầu không có sự kêu gọi, sự lôi cuốn qua thực chất của lễ hội, người ta cũng không thể bỏ qua được:

“Cho dù cha đánh mẹ treo,

Em không bỏ hội chùa Keo hôm rằm.”

Vui chơi hể hả là thực chất sự thành công của việc tổ chức lễ hội cho người dân:

“Vui gì bằng lễ nghinh Ông,

Đèn hoa, pháo nổ ngập song ánh trời.

Cuộc vui nhiều khách đến chơi,

Giàu nghèo hỉ há ăn chơi ba ngày.”

Lễ hội có tính cách huyền sử, lịch sử thường được tổ chức trang nghiêm, tung bưng để tưởng nhớ công ơn dựng nước, giữ nước của các vị anh hùng dân tộc:

“Giáo gươm cờ quạt tung bưng,

Nhác trông uy vũ tướng chùng năm xưa.

Anh hùng trí dũng có thừa,

*Sử vàng bia đá bây giờ là đây.
Non xanh nước biếc sánh tày,
Danh thơm Phù Đổng xưa nay tiếng truyền.”*

Thành kính lễ bái, cầu tổ tiên che chở,
mang may mắn về cho dân làng:
*“Hương trầm từ phải dâng lên Giàng núi,
Hương trầm từ trái dâng lên Giàng sông.
On Tổ tiên che chở dân làng,
Mang may mắn: mời vào cửa lớn,
Gieo rủi ro: cửa nhỏ cũng không.”*
(Giàng: Thần)

Ngoài những hình thức lễ nghi trang
nghiêm, lễ hội còn có tổ chức những cuộc
vui chơi, ăn uống cho người dân :
*“Kẻ Dầu có quán Đình Thanh,
Kẻ Hạc ta có Ba Đình, Ba Voi.
Mười tám kéo thuyền xuống bơi,
Mười chín giã bánh, hai mươi rước thần.”*
*“Dù ai buôn bán nơi đâu,
Mông mười tháng tám chọi trâu thì về.”*
*“Đồn rằng An Thái chùa Bà,
Làm chay, hát bộ đông đờ quá đông.
Đàn bà cho chí đàn ông,
Xem xong ba ngộ, lại trông đồ giàn.”*

An Thái là làng võ nổi tiếng ở Bình
Định. Giàn là đài cao bằng tre, trên bày lễ
vật như heo quay. Người chủ tế đứng trên
giàn xướng lời đồ giàn tranh heo xong,
ném heo quay xuống. Các võ sĩ chờ sẵn,
tung người lên đón bắt. Ai bắt được heo
là một danh dự lớn cho làng. Cuộc tranh
này đề cao tinh thần thượng võ.

Trong các lễ hội, có lễ Tết là có ý
nghĩa hơn cả vì các lý do sau đây:

* Tính phổ biến trong cộng đồng dân
tộc: bất cứ người nào, nhà nào, bất cứ nơi
đâu trên đất nước cũng đều ăn mừng lễ Tết:
*“ Dù ai buôn bán nơi đâu,
Nhớ đến ngày Tết rủ nhau mà về.”*

* Tết vào dịp đầu năm, đầu mùa xuân,
tiết trời hòa dịu, cảnh vật tốt tươi, con người
cảm thấy sáng khoái, rảnh rang vì mùa
màng đã thu hoạch xong, cho nên ai cũng
hưởng cái Tết đầy đủ, ăn Tết hết mình:
“Đói muốn chết, ba ngày Tết cũng no.”
“No ba ngày Tết, mệt ba ngày mùa.”
*“Khôn ngoan đến cửa quan mới biết,
Giàu nghèo ba mươi Tết mới hay.”*
“Đi cây ba vụ, không đủ ăn Tết ba ngày.”
*“Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi Tết có thịt heo trong nhà.”*

Vì thức ăn quá dư thừa trong mấy
ngày Tết, cho nên đôi khi người ta có thái
độ dửng dưng đối với thức ăn:
“Dùng dùng như bánh chưng (1) ngày Tết.”
* Việc ăn Tết không chỉ thu gọn trong
phạm vi nhỏ, mà ở cả trong đại gia tộc và
ở nhà thầy nữa:
*“Mông một ăn Tết nhà cha,
Mông hai nhà mẹ, mông ba nhà thầy.”*

* Tết là dịp để sum họp gia đình, cúng
lạy ông bà, tổ tiên. Điều này không thể
thiếu được ở Đạo Việt:
*“Tối ba mươi anh không về lễ Tết,
Sáng mông một anh không lạy bàn thờ, (2)
Hiếu trung chi anh nữa mà khiến em đợi
chờ uống công.”*

* Điểm đặc biệt nữa là thời gian ăn Tết không phải chỉ có ba ngày thôi, mà còn kéo dài đến cả tháng hai:

*“Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè...”*

* Dân làng nào cũng có chung phong cách là làm hết mình, mà ăn chơi cũng hết mình:

*“Ăn chơi cho hết tháng hai,
Để làng vào đám cho trai dọn đình.
Trong thời đánh trống rập rình,
Ngoài thời trai gái tự tình cùng nhau.”*

* Đối với trai gái trong làng thì nói chung các lễ hội là dịp gặp gỡ, hẹn hò, tự tình, tạo mối nhân duyên:

*“Mình nay kéo hội vui thay,
Dem đàn ra gảy một bài nhân duyên.
Xem bài nào ấm nào êm,
Xem bài thề nguyện ta gảy nghe chung.*

* Vui thì cả nước cùng vui, từ triều đình cho đến tận làng xã:

*“Mông một vẫn còn chơi nhà,
Mông hai chơi ngõ, mông ba chơi đình.
Vui thì vui cả triều đình,
Chẳng vui vui thể một mình vui chi.”*

Ngoài các lễ hội định kỳ trong năm, có làng còn mở hội liên hoan có vua ngự đến. Đó là vinh dự lớn cho làng:

*“Làng ta mở hội vui mừng,
Chuông khua trống gióng vang lòng bốn bên.
Long ngai Thánh ngự ở trên,
Tả vãn, hữu võ hai bên đứng châu.*

*Cầu sinh nam tử công hầu,
Cầu sinh con gái được châu Thánh quân.”*

Thỉnh thoảng làng cũng có tổ chức tiệc vua ban dành cho các vị bô lão theo tinh thần kính lão trong văn hóa Việt:

*“Ung dung gậy trúc chống đi,
Áo chùng chাম gót, mũ ni che đầu.
Cụ ơi , cụ sắp đi đâu?
- Ra đình yến lão tiệc châu vua ban.
Cháu ơi, cháu chơi cho ngoan,
Cụ về có gói phàn ban chia đều.
Ơn vua ít cũng như nhiều.”*

Bài ca dao dưới đây diễn tả cái vẻ hả hê, no vui của ngày lễ hội ở đình làng qua hai nhân vật đại diện làng là Lý trưởng và Lý phó:

*“Lý trưởng hể hả ra đình,
Lý phó rập rình nhảy nhót mừng reo.
Khi đi thì bụng đói meo,
Khi về bụng trề lại đèo phàn xôi.”*

Ngoài ra đình làng còn là nơi tổ chức ăn cheo:

*“Em về thưa mẹ cùng cha,
Bắt lợn đi cưới, bắt gà đi cheo.
Đầu lợn lớn hơn đầu mèo,
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình.
Ông xã đánh trống thành thành,
Quan viên núu áo ra đình ăn cheo.”*

Ông xã đánh trống để bá cáo cho dân làng biết rằng đình làng có tổ chức ăn cheo. Nhưng có lẽ đình làng cũng có hát, cho nên ông xã cầm trống châu đánh thành thành, mà kinh nghiệm cho biết:

*“Ở đời có bốn cái ngu,
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu.”*

Làm mai không thành dễ bị oán, lãnh nợ cho người khác vay thì phải ôm nợ khi con nợ chạy làng, gác cu là canh gác cho sòng cờ bạc dễ bị bắt, cầm châu là đánh trống cho các cuộc hát ả đào rất dễ bị chê do lỗi nhịp:

*“Hương án ngữ, bình phong tan nát
Lỗi một dùi châu, kếp hát lỗi theo.”*(3)

(Trích từ sách Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt)

Nguyễn Văn Nhiệm

Chú thích:

(1) Bánh chung, bánh dày thường đi đôi với nhau. Xét bài ca dao sau đây:

*“Cau Lường, trầu Hiếu,
Chờ mười nóc cho dằm.
Bánh chung khoảng tám trăm,
Bánh dày xin tứ bát.”*

Lường, Hiếu là hai địa danh ở Nghệ An nổi tiếng về cau, trầu. Các lễ vật xin cưới như trầu, cau, bánh dày, bánh chung rất có ý nghĩa về phương diện phẩm, về triết lý nhân sinh, về đạo lý; nhưng về phương diện lượng trong việc thách cưới thì quá đáng, làm mất hết ý nghĩa cái hay cái đẹp trong văn hóa truyền thống dân tộc.

Tất cả tinh hoa của Việt lý thu gọn vào cặp biểu tượng *vuông tròn*, mà thể hiện ra vật cụ thể trong đời sống là bánh chung, bánh dày, có sự tích được tóm lược như sau:

Sau khi phá xong giặc Ân, đất nước

thái bình, vua Hùng Vương cũng đã già, nên muốn truyền ngôi cho con. Ngài hội các hoàng tử lại, nói lên ý muốn của mình, rằng hoàng tử nào đem lễ vật ngon, quý lại có ý nghĩa nhất vào kỳ hạn cuối năm để dâng cúng Tiên vương vào đầu năm thì ta sẽ truyền ngôi cho. Thế là các hoàng tử tranh nhau, lo tìm kiếm của ngon vật lạ nhiều vô số kể. Trong khi đó, hoàng tử thứ chín tên là Lang Liêu, có mẹ nghèo đã mất, cho nên khó bề lo toan, ăn ngủ không yên. Một đêm nọ, Lang Liêu bỗng dung chiêm bao thấy Thần nhân mách bảo: Trong trời đất không gì quý bằng gạo. Nếu lấy gạo nếp gói làm bánh hình tròn để tượng trưng cho trời, bánh hình vuông để tượng trưng cho đất, bên trong lại thêm nhân cho ngon. Đó là mô phỏng theo hình trạng trời đất bao hàm vạn vật và ngụ ý nhắc nhớ cái ơn nuôi dưỡng của trời đất.

Lang Liêu giặt mình tỉnh dậy, vừa kinh sợ, vừa mừng, rồi y theo lời Thần nhân mà làm. Bánh có hình tròn gọi là bánh dày, bánh có hình vuông là bánh chung.

Đúng kỳ hạn, các hoàng tử dâng các phẩm vật đủ các loại ngon quý, trong khi đó Lang Liêu chỉ có bánh dày, bánh chung. Nhưng cuối cùng, chàng được vua cha chấm giải nhất vì bánh vừa thơm ngon, vừa có ý nghĩa Đạo trời- đất, ông bà, tổ tiên, lại vừa giản dị, dễ phổ biến trong dân gian.

Đầu năm, nhà vua lấy bánh ấy dâng lên Tiên miếu và cung phụng cha mẹ. Thiên hạ noi theo gương này và truyền mãi về sau.

Vào những ngày Tết, lễ hội dân tộc mà chỉ có bánh chưng, thiếu bánh dày thì thật là thiếu sót. Phô trương chiếc bánh chưng khổng lồ đơn độc thì có ý nghĩa gì?

(2) Bàn thờ là văn vật của Đạo thờ cúng tổ tiên. Việc lập bàn thờ phải trang nghiêm:

“*Khen ai khéo tiện ngủ cờ,
Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên.*”

Lỗi sắp xếp bài vị Tổ tiên theo khung ngũ hành rất có ý nghĩa: Ở trung cung là bài vị Văn tổ, còn ở bốn phương là các

bài vị của Cao, Tằng, Tổ, Ni (Ni là cha khi đã qua đời). Việc thờ cúng như thế không có tính cách ma thuật, mà đã vươn lên trình độ nhân bản tâm linh, nghĩa là thờ nhân tính.

(3) Bàn hương án đã quan trọng như thế thì việc chăm trồng châu cũng tương tự, phải có sự hài hòa. Hài hòa là nội dung của Đạo quân bình trong Việt lý (chương 13 sách Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt).



Chợ Tết Nguyễn Huệ: Tranh **Trương Văn Ý**

THƠ GỞI BẠN XƯA

Cô bạn học trò thuở nhỏ ơi
Bây giờ cuộc sống có êm xuôi ?
Tương chao rau trái còn kham nổi
Cơm nắm muối mè có nuốt trôi
Vẫn khổ chim bay đường diều vợi
Đang sàu thuyền lạc chỗ xa khơi ?
Lâu ngày nhắc lại thời thơ ấu
Thấm thoát đời vào tuổi bảy mươi

Lý Hiểu

VA, 07-2015

EM VÀ NỤ HÔN

Buổi sáng ngồi mơ được gặp em
Nắng trời lười biếng quét màn sương
Chim bay mất hướng quên nơi hẹn
Nhịp đập con tim thấy bất thường

Buổi trưa còn tưởng được hôn em
Nắng ấm trời trong như thủy tinh
Giao lộ đầy xe làm tắc nghẽn
Nhìn quanh chẳng thấy kẻ yêu mình

Buổi chiều thầm nhớ nụ hôn em
Công sở tan tâm đứng ngẩn ngơ
Gác trọ ẩn sâu trong ngõ hẻm
Tổ chim không đẹp như bài thơ

Buổi tối tàn rồi mộng cưới em
Dối gian âm điệu réo đường tơ
Cuộc tình hư ảo như dao chém.
Vết sẹo nào ghi dấu chẳng mờ ?

Lý Hiểu

VA 09/2015

SỐ 73

ĐẤT CHẾT

Mưa gào gió thét buổi đông sang
Chó đuổi ma trời cuối nghĩa trang
Dưới luống đất cày xương trộn lẫn
Trong dòng sông chảy máu hòa tan
Làng quê nồng nặc mùi người chết
Cảnh sắc hoang lương suối lệ tràn
Có xác em thơ trôi xuống biển
Đôi bờ hoa trắng phủ cờ tang

Lý Hiểu

VA, 10/2015

ĐÔNG TỚI

Đông tới, tuyết rơi, nắng bỏ đi
Nhìn trời viễn xứ cánh chim di
Ba hồi chuông, niệm Nam Mô Phật
Sắc tức thì không, không tức thì...

Phan Khâm

NỢ

Nợ đời trĩu nặng trần gian
Nợ tình giăng bẫy quấn ngang nợ đời
Nợ đời chơi với chơi vơi
Nợ tình ngắt nghèo khóc cười nợ nhau
Nợ đời trước nỗi đời sau
Nợ em tóc rối, nợ nhàu áo anh
" Nợ trả dần...cháo húp quanh..."

Phan Khâm

TẾT THA HƯƠNG

Ngô Tăng Giao

(**Thơ hoài hương ngày Tết của một số nhà thơ vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.**)

Khi ngày Tết tới, trong kiếp sống tha hương người Việt chúng ta ai cũng có lòng tưởng vọng về quê cũ. Riêng đối với các nhà thơ, tình hoài hương lai láng đó được giãi trải bằng bạc thành những vần thơ dâng đầy sầu cảm.

Tết đến rồi kìa! Dù nơi cửa Thiên hay ngoài cõi tục trần vẫn luôn thoang thoảng mùi hương thơm của hoa Xuân:

*"Hiền chùa trắng sáng bao la
Mùa Xuân cửa Đạo nở hoa nhiệm mầu
Hương thiên hân gắn khổ đau
Ngõ tu phúc huệ, đường vào Chân như"*
(Bùi Thanh Tiên)

*"Đông đến và mùa khai tháng giêng
Xuân gieo đêm chuyển mộng an nhiên
Bừng vui môi mắt cười xanh quá
Mộng bỗng vàng ươm thơm cúc hoa."*
(Ý Anh)

Mỗi độ vào ngày Tết lại là một lần nhẩm đếm để ghi dấu thêm một năm nữa xa quê và lòng vẫn trĩu nặng hình ảnh dĩ vãng:

*"Năm năm mỗi độ Xuân về
Nước non nhắc nhở niềm quê bồi hồi."*
(Kim Y)

*"Nắng vàng như mặt ong
Gió xanh màu cỏ biếc
Lòng ta đầy tưởng tiếc
Một thời Xuân xa xưa..."*
(Hoàng Song Liêm)

Ngày Tết dù có đua nở khoe sắc thắm tươi với vạn vật nhưng nhiều lúc có lẽ đã tắt ngấm trong lòng người ly hương:

*"Vui xuân đón Tết nhường thiên hạ
Riêng khách lưu vong vạn cổ sầu"*
(Kim Y)

*"Quê hương mình đẹp đâu bằng
Xuân xa quê chẳng nghĩ rằng là xuân"*
(Hà Bình Trung)

*"Quê người đất khách Xuân sang
Trời đông giá lạnh lòng hoang vắng sầu
Cảnh đời sao lắm biển dâu
Tuổi thơ cho đến bạc đầu phong sương"*
(Hoàng Trùng Dương)

Lòng nhớ quê hương lại càng nung nấu hơn nữa khi xuân cũng phải đổi màu vì tuyết trắng rơi phủ lạnh lẽo nơi xứ người:

*"Xuân xanh, xuân đỏ rồi xuân trắng
Ta biết tìm đâu bóng dáng quê?
Ta biết tìm đâu thêm chút nắng
Khi trời đang lạnh, tuyết lè thè"*
(Hà Bình Trung)

*"Đêm nay thức đợi Giao Thừa
Vườn sau vi vút gió lùa rặng thông
Một trời tuyết trắng mênh mông
Nhớ về quê mẹ cõi lòng quặn đau"*
(Lê Thị Ý)

Quê nhà cách xa cả nửa vòng trái đất, trông vời chỉ thấy núi cùng sông, thấy biển cả mênh mông, thấy dáng chiều buồn vời vời dưới ánh trăng suông:

*"Xuân về đây - không hoa không lá
Vạn vật thờ ơ
Xuân xa lạ"*

*Khách phong sương chợt thấy dạ bồi hồi
Xuân ơi! Xuân!
Từ lâu đã mất xuân rồi
Bao giờ xuân thăm quê tôi trở về"
(Trần Quốc Bảo)
"Rau răm trụ hết lá già
Mùa Xuân gửi ngọn bạc hà xa xắm
Chiều nghiêng dáng núi đêm rằm
Lững lờ cũng giục âm thầm nhớ quê"
(Giang Hữu Tuyên)*

"Dụng tửu phá thành sầu", một chén rượu đưa tiễn năm cũ và đón chờ năm mới cũng vẫn chẳng làm ấm lòng người xa xứ, không mang lại chút vui nào:

*"Năm châu lạc bước, vùi mưa tuyết
Nhìn đâu chẳng thấy bóng quê hương
Rượu đêm trừ tịch, xuân đất khách
Vẫn không cạn nỗi, chén chán chường!"
(Vũ Hối)*

*"Ta rót mừng ta ly rượu đổ
Chào Xuân đất khách, Tết tha hương
Hỡi ơi quê mẹ xa ngàn dặm
Se sắt lòng ta nỗi nhớ thương!"
(Hoàng Song Liêm)*

*"Xuân à! Những tưởng Xuân đi.
Nào hay Xuân lại tức thì đến ngay.
Đời say, Xuân cũng say say.
Hoa vàng, bướm trắng, ngất ngây một trời.
Xuân à! Những tưởng Xuân tươi.
Ngờ đâu Xuân cũng biết cười gió đông
Bên kia Xuân đẹp, Xuân nồng,
Bên này Xuân quá lạnh lùng, hỡi Xuân!"
(Đặng Nguyên)*

Dù đầy nhung nhớ nhưng chỉ cần nghĩ đến hình ảnh quê nhà là tâm hồn người ly hương lại đã bùng lên niềm hoan hỉ chen lẫn nỗi hận lòng:

*"Quê hương khuấy nẻo chân trời
Bỗng dung chớp rạng sáng ngời quê hương"
(Vi Khuê)*

*"ngỡ là xuân đến sau đông
Hoa đào xinh xắn tô hồng môi duyên
chỉ vì quốc hận chưa quên
hồn thơ u uẩn giữa mệnh mông đời"
(Cao Nguyên)*

Thời xưa thi sĩ Laménais viết: "Kẻ tha hương ở đâu cũng cảm thấy cô đơn, lạc lõng" (L'exilé partout est seul). Thời nay các nhà thơ xa xứ cũng có tâm trạng đồng điệu, cõi lòng cũng lạnh lẽo khi nhớ tới tiếng pháo nổ rộn, nhớ về bóng mai vàng chào đón Tết trong ánh nắng quê xưa:

*"Đâu còn đón Tết, mai vàng
Ngậm ngùi nuốt lệ, trái ngang nghẹn ngào"
(Vũ Hối)*

*"Xin gửi qua giùm chút nắng Xuân
Bên này đã lạnh thuờ Thu phân
Bây giờ trời đất tràn băng giá
Không biết làm sao để ấm lòng"
(Lãm Thúy)*

Dù khi có hoa đào nở, có hoa mai vàng hé nụ nhưng ngày xuân vẫn có vẻ gượng gạo, chẳng mang lại niềm vui:

*"Ngỡ ngàng viễn xứ xa xôi
Bồng bềnh mây trắng nổi trôi quê người
Rộn ràng đào thắm khoe tươi
Mai vàng hé nụ gượng cười đón xuân"
(Quỳnh Anh)*

Trong cuộc sống xa xứ bà Mẹ hiền cao niên luôn nhớ đến quê cũ khi xuân về.

*"Làm sao em quên được
khi lúc nào Mẹ cũng âu lo.
Nghĩ đến những người thân còn kẹt lại.
Tối ngày, Mẹ cứ thở ngấn than dài...
Hỏi mãi, hỏi hoài
"Bao giờ mình mới được
về sống ở Việt Nam?"
(Hồng Thủy)*

Khi chính bà Mẹ mình còn kẹt lại quê nhà
thời nhà thơ đâu còn thiết đến đón Tết vì
vắng hình ảnh kính yêu trong tâm khảm:

"Mẹ mắt vào cuối năm
Hỏi chi hoa mai nở
Chờ gì én phát phơ
Ngàn đời xuân biệt tăm"
(Nguyễn Thị Thanh Bình)

Nhà thơ nhớ lại ngày nào còn viết những
vần thơ đón Tết thành khẩn cầu chúc cho
Cha Mẹ kéo dài tuổi thọ với đầy ân phước:

"Năm nay Xuân nữa, viết thơ xuân
Cầu cha mẹ thọ, đủ vui mừng
Tài lộc không màng, xin chỉ vậy
Phước là vui sống với song thân"
(Lãm Thúy)

Hình ảnh song thân trong gia đình Việt
Nam quả thật mãi đẹp trong tâm hồn các
nhà thơ:

Về thôi, Tết đã đến rồi
Mẹ chờ đun lửa canh nồi bánh chưng
Cha chờ rót chén rượu mừng
đêm chờ ngày mới núi rừng rộ hoa"
(Cao Nguyên)

Nhưng rồi theo quy luật "vô thường" Mẹ
yêu cũng khuất bóng khiến lòng nhà thơ
ngậm ngùi hơn khi năm cùng tháng tận:

"Xuân về chạnh nhớ Mẹ yêu
Nghĩa trang hoang vắng buồn hiu mộ phần
Mẹ đi già biệt dương trần
Không còn mong đợi mỗi lần xuân qua"
(Hoàng Trùng Dương)

"Nhớ ngày năm ngoái con còn Mẹ
Cùng đón Xuân về, vui biết bao.
Mẹ khuất. Năm nay Xuân quạnh quẽ
Tha hương nghe lạnh gió đông sầu."
(Lãm Thúy)

Giây phút linh thiêng đón Năm Mới cũng là
lúc nhớ đến song thân, đến "Nguồn Cội":

"Giao thừa kinh nguyện ngát trầm hương
Giây phút thanh tân thắm nụ hường
Bóng Mẹ hiền lương am Tịnh Độ
Dáng Cha phúc hậu mái Xuân Đường."
(Phan Khâm)

"Thắp nén nhang trầm đón Tết ta
Mâm đầy ngũ quả lại bày ra
Chè sen thơm ngát dâng tiên tổ
Hương khói chân thành khấn Mẹ Cha"
(Nguyễn Thị Ngọc Dung)

Sợ thế hệ con cháu trong tương lai bị vẫn
đục bởi bụi bặm cõi trần gian mà quên nếp
cũ, nhà thơ nhắc nhở:

"Tân niên khai bút đề thơ
Nhang trầm thơm ngát bàn thờ tổ tiên
Rể, dâu, con, cháu đoàn viên
Cả nhà sum họp ấm êm vui vầy..."
(Hoàng Trùng Dương)

"Tết nay nội ngoại về trời,
Mẹ cha khuất núi, xa với người thân,
Phong tình cổ tục quên dần,
Gắng công gìn giữ được ngần ấy thôi"
(Nguyễn Thị Ngọc Dung)

Nhà thơ cũng lại nhớ thêm đến cả người
con thân yêu đã yểu số xa lìa dương thế:

"Cây đào cũ hết ra hoa.
Con về thiên cổ, Hoa là cảnh không.
Xuân còn sót lạnh tàn đông
Mẹ còn nguyên, nỗi nhớ nhưng đọa đầy."
(Lãm Thúy)

Đôi khi cõi lòng tưởng nhớ đến hình ảnh
một bóng hồng năm cũ với nụ cười như hoa
nở, nhớ lúc cận kề tình tứ trong buổi gặp gỡ
hôm nao, hình ảnh dấu yêu vẫn mãi vương
mang trong tiềm thức:

"Tôi vô tình nhớ năm qua
Vào xuân em mát lụa là tháng giêng
Em cười nở nụ thủy tiên
Đời tôi hóa kiếp truân chiến mất rồi"
(Phan Khâm)

"Xuân về chợt thấy thiếu em
Yêu đương nồng thắm êm đềm ngày xưa
Bên nhau biển lặng rừng thưa
Có em quên hết nắng mưa, ưu phiền..."
(Bùi Thanh Tiên)

Thơ hoài hương day dứt nỗi buồn xa xứ, lại lắng tình tự dân tộc. Những vần thơ không chỉ còn là những dòng mực trải trên trang giấy vô tri vô giác nữa mà đã thật sự gắn gũi với dòng máu chảy trong huyết quản khách ly hương. Bao hình ảnh thân thương xa xưa lại được dịp hồi tưởng lại khi đón Tết xa quê:

"Tha hương Tết lắm ngậm ngùi...
Thương quê, thương bạn, đâu nguôi lòng này
Ngồi đây đếm vạn đặng cay
Giao thừa quê mẹ, phương này tuyết rơi."
(Vũ Hối)

"Xuân đến rồi ư người bạn nhỏ
đây thêm tuyết đọng suốt đêm qua
ngân ngơ tự hỏi mùa xuân đến
xuân ở ngoài đời hay trong ta..."

Nghĩ lại năm xưa xuân hớn hờ
bạn bè nhộn nhịp lòng như hoa...

Xuân này ngó lại đầy bông tuyết
tóc trắng bay theo những mộng đời
bạn cũ, quê xưa nào đâu thấy
chỉ thấy quanh nhà tuyết lại rơi."
(Nguyễn Tường Giang)

Vào cuối năm, khi nhìn tuyết rơi trắng nơi nơi ở khắp đất khách lòng nhà thơ lại gợn lên bao nỗi sầu nhất là khi cô đơn đón Tết:

"Người bạn bên hàng xóm

ngừng đào tuyết, hỏi tôi
man, you looked so sad
what's your problem?
Vâng, lòng tôi buồn lắm
Hôm nay ngày cuối năm
Bao nhiêu người đón Tết
Tôi ở đây một mình"
(Nguyễn Tường Giang)

Đôi khi bão tuyết mịt mù, chôn lấp cảnh vật, chôn sâu thêm nỗi niềm nhớ của nhà thơ. Trong màn sương tuyết đó bóng người sao mà mờ ảo, như thực, như hư, chập chờn vì sương tuyết hay vì làn nước mắt, vì giấc mộng mơ:

"Lại một Xuân về trên đất khách
Tết buồn, Tết nhớ, Tết tha hương!
Ngày xanh như lá thu vàng rụng,
Trở giấc đêm về mộng viễn phương."
(Hoàng Song Liêm)

Nhà thơ đôi lúc cảm thấy không còn thi hứng để sáng tác, khi nghĩ đến cảnh khổ đau của người dân trong nước:

"Tân niên gác bút không khai bút
Thơ xuân ngưng ngậm ở đầu môi"
(Trần Quốc Bảo)

Hoặc khi nghĩ đến cảnh xưa tang tóc vì chiến tranh lẫn cảnh đọa đày ngày nay của dân Việt trong nước:

"mùa Tết mà rừng cay khoé mắt
phải anh vừa nhắc chuyện Mậu Thân
Huế chít khăn xô buồn thắm đất
mưa phùn phủ trắng mộ đời hoang"
(Cao Nguyên)

"Anh hỏi em
Mỗi độ Xuân về trên đất Mỹ
Em có bao giờ...
Nghĩ đến Việt Nam không?
Có chứ anh
Em vẫn thường tự hỏi
Những cội mai vàng có còn nở đầy bông?
Chợ Tết Saigon có còn đông như trước?"

Chợ Hoa đường Nguyễn Huệ
Tài tử giai nhân
Có còn dập dìu chen chân bước?
Như những ngày...
Đất nước mình còn hai chữ Tự do?"
(Hồng Thủy)

Nhưng đôi khi khung cảnh mùa xuân được lòng hoài hương gợi hứng nhà thơ vẫn đem cả tâm tình gửi vào những vần điệu với nỗi lòng nhung nhớ quê hương:

"Cổ hương xa mấy trường đình
Xin đem gởi trọn tâm tình vào thơ"
(Anh Độ)

"Em về quê cũ xin cho gởi
Trắng một cành hoa đến muôn nơi
Sông sẽ cùng hoa đi khắp nẻo
Thì thâm tình tự đất mình ơi."
(Ý Anh)

Dù vắng tiếng chuông chùa, thiếu mùi trầm hương, thiếu tiếng pháo reo vui, vắng bóng hoa mai vàng rực rỡ lời thơ vẫn vang lên những lời cầu chúc tốt đẹp cho thân nhân và bằng hữu trong cảnh tha hương:

"Thiên nhiên khởi sắc đón mùa sang
Lòng kẻ tha hương bỗng rộn ràng
Đất khách chẳng còn trắng pháo nổ
Quê người dù thiếu bóng mai vàng
Chúc Xuân lời vẫn ươm tình nghĩa
Mừng Tết thơ luôn đượm ánh quang
Thoang thoảng hương trầm khơi kỷ niệm
Vẳng chuông chùa cũ tiếng còn vang."
(Tâm Minh)

Trong tận cùng tâm khảm, lời ước đầu năm của các nhà thơ thường là điều mơ ước được trở về lại chốn quê cha đất tổ vào một ngày nào đó trong tương lai:

"Quay đi quay lại đã già
Bước run trên tuyết, thoảng qua nửa đời

Còn bao xuân nữa quê người
Và hôm nào sẽ pháo vui quê nhà"
(Lê Thị Ý)

"Xuân qua lặng lẽ, cành trơ lá
Đất khách quê người nỗi nhớ xa
Giấc mộng muôn trùng sao chưa đến
Bao giờ ta lại gặp quê ta?"
(Bùi Thanh Tiên)

"Xôn xao tiếng gió đêm trừ tịch
Lả ngọn đào xuân lay giấc Xuân.
Lửa ấm sao nghe lòng buốt giá
Giao thừa năm cũ vẫn băng khuâng..."

Bao giờ trở lại quê xưa nhỉ?
Chợt lắng tâm tư sâu gọi sâu
Đất khách, quê người Xuân lữ thứ
Se lòng trần trở giấc chiêm bao."
(Hoàng Song Liêm)

Trong tận cùng nỗi nhớ, người dân Việt thắm cầu chúc cho đất nước một ngày nào đó được thật sự độc lập, tự do và hạnh phúc, toàn dân Việt được thật sự giải phóng khỏi mọi khổ đau để những ngày đón Tết năm mới sẽ rộn nỡ mãi mãi trên đất Việt trong một mùa Xuân dân tộc:

"Trước thềm Năm Mới ta cùng chúc
Quê cũ mai này hết xót xa."
(Nguyễn Thị Ngọc Dung)

"Ta cứ ngỡ chết rồi mi sẽ khép
Mùa xuân đâu sao chim én chưa về
Mi sẽ khép lúc xuân về tươi đẹp
Anh hãy về cho én lượn trên quê"
(Nguyễn Thị Thanh Bình)

"Mùa Xuân Tổ Quốc không xa nữa
Đồng lúa miền Nam óng ánh vàng
Rừng núi miền Trung hoa rộ nở
Mừng ngày giải phóng được giang san"
(Giang Hữu Tuyên)

Ngon cò vàng ba sọc đỏ lại tung bay rực rỡ trong mùa mới, màu cờ chính nghĩa của toàn dân Việt, niềm mơ ước của người xa xứ trong cuộc đời tỵ nạn cộng sản:

"Chúa Xuân phát ngọn cò vàng
Trên đỉnh cao cổ thụ
Thời gian chín ngọt mênh mang
Chờ tin yêu về đây vũ trụ
Sông núi chuyển mình
Đón chào Chân Thiện Mỹ
Xuân giáng sinh và ngự trị vĩnh hằng"
(Trần Quốc Bảo)

"Ngày mai, vui Xuân chiến thắng
Mai vàng nở rộ, đón Xuân sang!
Khải hoàn ca, âm vang khắp phố
Cả non sông, rợp bóng cờ vàng!"
(Vũ Hối)

"Chúc tụng Xuân nào đầy mẫn nguyện,
Ngày về rực rỡ đất Thăng Long"
(Nguyễn Thị Ngọc Dung)



Tâm Minh Ngô Tăng Giao



Bìa trước: **Mùa Đông Xa Thẳm**, hình của **NGUYỄN SƠN**

NGUYỄN BÌNH KHIÊM & SÂM TRẠNG TRÌNH

Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc Nguyễn

Có Thể Tin vào Những Lời Tiên Tri hay Sám Ký Không?

(Phần II)

Trước hết phải phân biệt hai loại tiên tri: (1) Tiên tri dựa vào các sách bói toán như *Kinh Dịch, Thiên Văn, Tử Vi, Thái Ất Thần Kinh, Truyện Kiều*, xin Xâm, xem chỉ tay, v.v.; và thường gọi là “bói toán”. (2) Tiên tri không dựa vào kinh sách nào mà hoàn toàn dựa vào trực giác hay linh giác để ghi ra những điều bí mật được chỉ dẫn bởi một vị thần linh nào đó (mạc khải) và thường gọi là “tiên tri”.

Tiếp theo, phải nhìn nhận là nhân loại có một số người có những khả năng kỳ diệu đầy huyền bí và có cả hàng trăm, hàng ngàn hiện tượng khó tin xảy ra như *thôi miên, cầu cơ, lên đồng thiếp, chữa trị bằng nhân điện, khí công, tiên tri, v.v. mà các nhà khoa học đã không thể chối bỏ và đang có những nỗ lực giải thích.*

Từ ngàn xưa, trong địa hạt tín ngưỡng, nhân loại đã có cả hàng trăm ngàn tiên tri cả nam lẫn nữ và hầu hết các tôn giáo đều được xây dựng trên tư cách của những vị tiên tri như Abraham (Do Thái), Jesus (Thiên Chúa Giáo), Mohamed (Islam), Phật Thích Ca (Phật Giáo), Huỳnh Phú Sổ (Hòa Hảo), Phạm Công Tắc (Cao Đài), v.v.

Nhà tiên tri Nostradamus ngồi tĩnh lặng trong một cái đình bằng đồng và nhìn chăm chú vào một thau nước cũng bằng đồng để ghi ra những tiếng nói huyền diệu đến với ông qua trực giác và ông công hiến cả cuộc đời của ông cho sự nghiệp tiên tri.

Trái lại, Trang Trình Nguyễn Bình Khiêm không dựa vào trực giác mà dựa vào lý trí, dựa vào *Thái Ất Thần Kinh* để đưa ra những điều tiên tri. Nhưng chủ yếu sự nghiệp của ông là truyền đạo lý làm người, đưa ra những điều khôn lẽ phải nhằm giúp con người sống thọ, thân được an nhàn, trí được thanh thoi, hồn được thanh nhẹ chuẩn bị cho mình trở về với “Đạo” tức là Nguồn Gốc của vạn vật.

Trong địa hạt tiên tri, người ta thường nhắc tới câu: “**thiên cơ bất khả lậu**” – “cơ trời không thể tiết lộ” để cảnh giác những người đặt niềm tin quá mạnh vào tiên tri hay bói toán. Trong khoa tướng số cũng có câu: “Đức năng thắng số” để khuyên con người chớ ý lại vào số mệnh mà không tự mình cố gắng tự tu sửa. Vậy liệu có thể tin vào những lời tiên tri được không? Tin tới mức độ nào? Và, liệu có thể tránh được số mệnh đã an bài không?

Sự thực thì khả năng tiên tri của con người không phải là vô giới hạn. Trong những buổi cầu cơ, các vị Tiên hay Thánh thường xác định là họ cũng chỉ được phép tiết lộ một phần nào những hiểu biết của họ. Đức Phật cũng đã nói đại ý là những sự hiểu biết của Ngài có thể ví bằng một nắm lá trong bàn tay so với cả rừng lá kia. Mặt khác, những lời tiên tri thường được ghi lại bằng những câu thơ khó hiểu hoặc ai giải đoán thế nào cũng được và vẫn đề tin hay không tin vào những lời tiên tri tùy thuộc vào niềm tin ở mỗi cá nhân. Có lẽ Thượng Đế đã gài đặt *trình tố* niềm tin trong con người để giúp nhân loại không đi lạc hướng trên con đường tìm về nguồn gốc là Trời, Đạo, hay Đại Ngã. Trình tố này biểu hiện ở mỗi người một khác vì chịu ảnh hưởng của hàng ngàn, hàng triệu trình tố khác chứa trong *tâm tố*.

Ngoài đời, vào đầu thế kỷ thứ 16, vị tiên tri **Nostradamus**, người Pháp nổi tiếng nhất hoàn cầu với cuốn **Thế Kỷ** vì được đa số người đọc nhìn nhận sự chuẩn xác của những điều ông tiên tri. Riêng ở nước ta, vào thế cuối thế kỷ thứ 15 thì có **Nguyễn Bình Khiêm** với tập thơ của ông được nhiều người thán phục và gọi là **Sám Trạng Trình**.

Trước hết, vấn đề đặt ra là Nguyễn Bình Khiêm có tự nhận mình là nhà tiên tri không?

Theo như nhận định phân biệt hai loại tiên tri nêu ở trên thì *Nguyễn Bình Khiêm không phải là nhà tiên tri* vì những điều ông tiên đoán hoàn toàn dựa vào Thái Ất

Thần Kinh và những dữ kiện trong cuộc sống thực tế. *Ông chỉ là một nhà lý số*, dựa vào sách vở mà đưa ra những điều tiên đoán dưới dạng những câu thơ không dễ hiểu khiến cho mỗi nhà giải đoán ở mỗi thời đại có thể giải ra theo nhận định riêng của mình.

Những điều ông khuyên họ Mạc, họ Trịnh, và họ Nguyễn đã xảy ra chính xác là do ông dựa vào kiến thức sâu rộng về con người và tình hình đất nước. **Trong thơ văn, không có bài nào chứng tỏ ông tự nhận là một nhà tiên tri** mà ông chỉ viết những bài khuyên ăn ở cho hợp đạo lý lấy chữ Trung làm chuẩn như ông đã bày tỏ trong bài khắc trên tấm bia trước Quán Trung Tân bên nhà ông.

Tóm lại, ông chỉ là một người học nhiều, biết rộng và chia sẻ những điều khôn ngoan với mọi người. Như vậy, ông chỉ là một nhà **Hiền Triết** (Wiseman). Nhưng, vì lý do này hay lý do nọ, người ta đã tôn sùng ông lên đại bậc tiên tri và dân gian cứ tin thế mà truyền tụng.

Ông đã viết những gì trong Sám Trạng Trình và một số người đã tán giải những câu gọi là tiên tri của ông như thế nào?

Như mọi người đã biết, Nguyễn Bình Khiêm vốn là một nhà tinh thông về khoa lý số và là tác giả của cuốn sách bói toán **Thái Ất Thần Kinh**. **Thái Ất là gì?**

Cơ sở của khoa bói toán là **Kinh Dịch**. Ở Đông Phương, Vua Phục Hy (khoảng 3 hay 4 ngàn năm Trước Tây Lịch) được coi là người phát kiến ra **Kinh**

Dịch. Dựa vào *Kinh Dịch*, *Thái Ất* là sách nghiên cứu về sự vận chuyển của các vì tinh tú ảnh hưởng đến trái đất và con người. Đây là một môn học rất khó của văn minh cổ Đông Phương. Trong Khoa Tử Vi, Sao Thái Ất là sao chủ đoán gió mưa, lụt lội, đói kém, chiến tranh, đất nước hưng vong, và v.v.

Có sách ghi: nguyên tác giả *Thái Ất Thần Kinh* là Đạo Sĩ Triệu Nga, đời Tống (thế kỷ X). Đó là cuốn sách coi như là sách thần có thể vận đoán biết được chuyện quá khứ và vị lai. Thầy dạy Nguyễn Bình Khiêm là **Lương Đắc Bằng** trong dịp đi sứ Nhà Minh, Trung Quốc, gặp học sĩ **Lương Như Hốt**. Ông này tặng cho Lương Đắc Bằng cuốn *Thái Ất Thần Kinh* để tham khảo về lý số. Khi qua đời, Lương Đắc Bằng trao *Thái Ất Thần Kinh* cho Nguyễn Bình Khiêm.

Trong *Thái Ất Thần Kinh*, Nguyễn Bình Khiêm viết:

Thái Ất, kể ngày, luận về mệnh hạn người đời. Đo biết họa phúc, định luận không sai. Suy rõ máu chót, nên cẩn thận tinh tường, diệu ở huyền vi tỏ biết. ... Phép này mọi người dân gian sử dụng để đo lường họa phúc cho mình, vào đời dựng nghiệp lớn hay nhỏ, được hưng hay suy, biết máu chót mà định luận không sai về vận hạn sống trong đời sao cho hợp với đạo nhà, đạo nước và đạo học đúng nghĩa quen gọi là Đạo Người.

Và,

Xem Thái Ất, kể giờ, chú trọng vào con toán nhất, rồi xem xét các chương ngại (tù, giam, cấp ...) được sử dụng cho

công việc hàng ngày, nhất là xem cho việc binh bị, chủ khách thắng thua, nước ngoài động tĩnh, vận trù kế sách; đặc biệt xem thiên văn đổi thay, xã hội bị ảnh hưởng vì mưa nắng, bão gió, giặc cướp không.

Lê Quý Đôn viết:

Thuyết ấy [Thái Ất] phần nhiều nói về binh pháp: địch ta, chủ khách, lợi hại, được mất, cái cơ thịnh suy, trị loạn; cái thế thắng thua, yên hay nguy; không điều gì là không bày rõ. Nếu hiểu lẽ ấy mà biết phòng bị, ứng phó thì có thể tìm điều lành, tránh điều dữ, tiêu họa, vờ phúc thì mới là người giỏi dùng sách Thái Ất vậy... Làm tướng mà không biết sách ấy thì sẽ mờ tối ở chỗ đánh hay giữ, tiến hay ngừng; không lấy gì mà quyết đoán các nghi mưu khi ra trận tuyến. Làm tể tướng mà không biết sách ấy thì sẽ sai lầm ở sự động hay tĩnh, cất lên hay đặt xuống; không lấy gì để quyết đoán những nghị luận lớn cho triều đình ...

*

Như vậy, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm dựa vào *Thái Ất Thần Kinh* để đưa ra những lời tiên đoán chứ không phải là dựa vào tâm linh hoặc những huyền cảm hay mặc khải như trường hợp của các nhà tiên tri khác trong đó có **Nostradamus**. Tuy nhiên, thật khó xác quyết những lời tiên đoán của ông xảy ra đúng vào những sự kiện nào trong lịch sử và vì vậy, mỗi nhà giải đoán đã đưa ra những tán luận theo chiều hướng riêng của mình.

Trước khi tìm hiểu về Sấm Trạng Trình, xin tóm trình một vài mẩu chuyện truyền tụng chứng tỏ tài tiên tri của Nguyễn Bình Khiêm.

Trước hết xin nêu lên lời giải đoán của Tiến Sĩ Hương Giang Thái Văn Kiểm (thành viên của Viện Hàn Lâm Văn Học Pháp). Hai câu thơ:

Hà thời *biện lại* vi vương.

Thử thời Bắc tạn, Nam trường xuất
bôn tiên tri về sự nghiệp của Nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc vốn làm Biện Lại ở huyện Vân Đồn, Qui Nhơn, nổi dậy xưng Vương khiến Nhà Lê ở miền Bắc bị dứt điểm và Chúa Nguyễn ở miền Nam phải đào tẩu.

TS Thái Văn Kiểm cũng căn cứ vào các câu:

Cũng có kẻ trè to lớn Ất Ngày
Lánh mình vào ở nội Ngô Tề
Có thấy nhân thập đi về
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh

để đưa ra lời giải đoán là 4 câu thơ đó ám chỉ vào biến cố 30 tháng Tư, 1975 với những sự vượt biên ở ạt của người Việt tị nạn Cộng Sản.

TS Thái Văn Kiểm viết:

Hai câu đầu ám chỉ người di cư tỵ nạn cộng sản, gồm có những người trốn đi bằng đường bộ (Việt nhân, land people) và những người vượt biển trên ghe thuyền (thuyền nhân, boat people). Họ trốn ra khỏi nước để trôi giạt vào các nước lân cận, hoặc được vớt chở đi các nước xa xôi khắp năm châu. Còn hai câu sấm nói sau thì chúng ta

có thể hiểu rằng sẽ có vị lãnh đạo, cứu tinh là Nhân Thập (có phải chữ Nhân cộng với chữ Thập thành chữ Ngọ chăng?) là nhân vật nào, đó ai mà biết! Câu cuối cùng “Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh” của Sấm Trạng khiến tôi nhớ bài thơ câu cơ năm 1975 của Thạch Hà và Minh Đức, có đăng trong Việt Nam Hải Ngoại, San Diego, USA năm Kỷ Mùi 1979, như sau:

*Tiểu khắp hưng vong thử tự tiên
Cửu niên bĩ cực dài doanh niên
Hồng quân tà ó hà vô thức
Nhất tịch hà năng miễn đảo điên
Thảo mộc giai binh bình Việt quốc
Thịnh hưng nhi lai kiến thánh hiền
Thâm nhục thương tâm ai liệt sĩ
Khả tri minh chủ giá kim liên*

Bài này được Thạch Hà Minh Đức giải nghĩa như sau:

*Cười khóc hưng vong là chuyện từ xưa nay vẫn có
Hãy đợi qua chín năm đến năm thứ mười
Ai mà không biết cộng sản là đáng ghét
Một đêm nào đó chúng nó không tránh được đảo điên
Khi đó thì cỏ cây sẽ là binh lính để bình định nước Việt
Mọi người sẽ hưng thịnh và gặp thánh hiền
Chỉ buồn cho các liệt sĩ đã chết vì nước từ trước
Và khi ấy có thể biết người minh chủ như đoá sen vàng*

Trong sấm Trạng Trình còn có hai câu này, thường được thiên hạ đem ra bàn luận:

*Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn*

Chúng ta thấy chữ cửu là 9 như trong bài thơ câu cơ của Thạch Hà Minh Đức xin vua Nguyễn Huệ khi xưa. Số 9 đánh dấu một tiết đoạn trong cuộc tuần hoàn của vũ trụ, trong sự diễn tiến lịch sử của một dân tộc. Theo ông thấy thì cửu cửu là 9 lần 9 thành 81. Số này là thời kỳ đô hộ Pháp tính từ năm 1862 (hoà ước Nhâm Tuất) mất ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, tiếp đến năm 1867 thì mất luôn 3 tỉnh miền Tây, cho đến năm 1945 với cuộc đảo chính Nhật, mùng 9 tháng 3 dương lịch, và sự sụp đổ của nền đô hộ Pháp, đúng vào lúc thanh minh thời tiết hoa tàn. Nhưng theo tôi, cửu cửu đây cũng có thể giải thích là cứ 9 năm thì xảy ra một sự việc lớn, ảnh hưởng đời sống quốc gia và tương lai dân tộc. Nhìn lại lịch sử cận đại Việt nam từ đầu thế kỷ XX tới nay, chúng ta có thể ghi những thời điểm rất quan trọng sau đây:

1907: vua Thành Thái bị truất phế đày vào Nam.

1916: vua Duy Tân khởi nghĩa thất bại, bị đày sang đảo Réunion, cùng với vua cha Thành Thái.

1925: vua Khải Định mất, vua Bảo Đại nối ngôi (2-1926).

1936: Phong trào Bình dân có nhiều cuộc biểu tình.

1945: Đảo chính Nhật (9-3).

1954: Việt minh cướp chính quyền (23-8); Hiệp định Genève (20-7) phân ra Nam Bắc.

1963: Sấm Trạng: Trục đảo đương đầu mã vĩ. Hồ binh bát vạn nhập Trảng An nói đến đảo chính 1-11 lật đổ Đế Nhật Cộng hòa.

1972: Thành lập Đế Nhị Cộng hoà.

1981: Cộng sản đưa Nam VN vào con đường phân hoá, bần cùng; thuyền nhân tràn ngập Đông Nam Á.

1990: Quốc tế xét lại toàn bộ các vấn đề Đông dương và Đông Nam Á trong chiều hướng thuận lợi cho người Việt quốc gia, ứng nghiệm hai câu:

*Thảo mộc giai bình bình Việt quốc
Thịnh hưng như lai kiến thánh hiền*

Lúc đó, cỏ cũng sẽ biến thành binh linh, hợp cùng hải ngoại hồi hương bình Việt Nam, đem lại tự do và hạnh phúc cho trăm họ.

Đó là những lời tán luận của Tiên Sĩ Hương Giang Thái Văn Kiểm. Sau đây là vài mẫu truyện chúng tôi tài tiên đoán của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Vài Mẫu Truyện về Tài Tiên Tri của Trạng Trình

1. Chuyện “Sắt ngắn, gỗ dài”:

Tối 30 Tết, Cụ Trạng Trình đang ngồi luận lý số cùng một học trò ở xa đến thăm và biểu cụ lễ vật. Bỗng ở ngoài cổng có tiếng người gọi mở cửa. Cụ sai gia nhân ra bảo hãy chờ cụ một chút. Rồi Cụ bảo học

trò bầm quẻ đoán xem người kêu công ấy gọi mở cửa để làm gì.

Cả hai thầy trò đều bầm ra quẻ "*Thiệt đoán, mộc trường*" dịch ra là: "Sắt ngắn, gỗ dài". Cụ hỏi học trò:

- Vậy anh đoán nó vào đây có việc gì?

Anh học trò đáp:

- Thưa Cụ, theo ý con thì sắt ngắn gỗ dài, ắt hẳn người ấy vào đây mượn cái xuống hay cái cuốc.

Cụ cười đáp:

- Khác với anh, tôi đoán nó vào đây mượn cái búa.

Nói xong, Cụ cho gia nhân ra mở cửa và mời người gọi cửa vào, thì đó là người láng giềng đi vào yêu cầu cho mượn cái búa, đúng như lời Cụ đoán.

Cụ giải thích cho anh học trò:

- Anh bầm quẻ giỏi, nhưng đoán còn thấp. Ngày 30 Tết thì ai đi mượn cái xuống hay cái cuốc làm gì. Cho nên tôi đoán nó mượn cái búa để chẻ củi nấu bánh chưng Tết mà thôi. Bầm quẻ trúng nhưng khi đoán phải có ý thức cơ biến mới tránh khỏi sai lầm.

2. Số phận chiếc quạt giấy và cái gối.

Cụ Trọng muốn thử xem lý số mà cụ học được có hiệu nghiệm không. Cụ làm hai thí nghiệm sau đây:

* **Cụ làm một chiếc quạt giấy.** Làm xong, Cụ bói số mệnh của cây quạt giấy này thì được quẻ: "*Nữ nhân phá hủy*".

Cụ viết 4 chữ này lên quạt và treo quạt ở đầu giường.

Đến gần tới ngày giờ quẻ ứng, Cụ ngồi trên giường luôn luôn để mắt theo dõi quẻ ứng hiện như thế nào?

Chợt bên hàng xóm có người đến mời Cụ qua dự đám giỗ, nhưng Cụ bận theo dõi chiếc quạt nên chưa thể qua ngay được. Người hàng xóm đến mời nữa, và nói với Cụ Bà giục Cụ đi qua để trễ tiệc. Cụ Bà vào phòng hỏi Cụ đi mấy lần, nhưng Cụ vẫn lo theo dõi cái quạt nên chưa thể đi được. Cụ Bà bực tức thấy ông ngồi không mà chưa chịu đi, mắt lại nhìn cái quạt không rời. Cụ Bà liền giết phăng cái quạt, xé đi, rồi nói:

- Quý báu gì cái quạt giấy này mà ông cứ nhìn nó hoài như mất thần, để người ta qua đây ba bốn phen mời mọc.

Cụ cười xòa vui vẻ và liền đi ngay qua đám giỗ.

Cụ nhận thấy lẽ nhiệm mầu trong khoa lý số đã thể hiện rất chính xác. Nhưng Cụ vẫn còn chút hồ nghi sự việc xảy ra có phải do ngẫu nhiên chăng? Do đó, Cụ làm thêm thí nghiệm thứ nhì:

* **Cụ làm một chiếc gối bằng gỗ để ở đầu giường.** Cụ bói số mệnh chiếc gối thì được quẻ: "*Thử đầu nhi phá*".

Cụ rất ngạc nhiên vì gối kê ở đầu giường luôn luôn thì làm sao chuột phá hỏng được. Cụ ghi lên gối 4 chữ ấy rồi chờ thời gian xem kết quả. Tới ngày tháng đúng như trong quẻ đã định, có một ông bạn thân đến thăm Cụ và ngồi nói chuyện với Cụ trong phòng. Chợt có một con chuột thập thò ở gầm ghế, ông bạn quơ tay xua đuổi, con chuột không chạy đi, mà cứ ở đó nhìn ông lau láu như có ý

chọc tức. Ông bạn nổi giận, thuận tay lấy ngay cái gối gỗ ném vào con chuột. Con chuột lanh chân chạy thoát, còn chiếc gối gỗ thì va vào gạch gãy ra làm nhiều mảnh.

3. Thánh nhân mắt mù:

Khi sắp mất, Cụ Trạng Trình có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: "Bình sanh ta có một tấm bia đá để sẵn và đã sơn kia. Khi ta nhắm mắt rồi, các con phải nhớ, hễ hạ quan tài xuống, phải để tấm bia ấy lên nắp rồi mới lấp đất lại. Sau 50 năm, hễ khi nào có một người lạ đến viếng mộ ta mà nói rằng: *Thánh nhân mắt mù*, thì phải lập tức mời người ấy về nhà, yêu cầu họ đặt hướng lại ngôi mộ cho ta. Chúng bây phải nhớ kỹ và canh chừng, chớ không được cái cát. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại". Con cháu nghe lời và làm y theo lời Cụ dặn.

Đúng 50 năm sau, có một người Tàu đến viếng mộ, nhìn ngôi mộ của cụ một lúc thì cất tiếng than rằng:

- Cái huyệt ở đằng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem đề mà thế này? Vậy là Thánh nhân cái gì đâu? hay là *Thánh nhân mắt mù* đó!

Người nhà nghe câu "Thánh nhân mắt mù", liền chạy về báo cho Tộc trưởng hay. Ông này vội vàng ra rước người Tàu đó vào nhà, thết đãi tử tế, rồi nhờ đặt giùm ngôi mộ lại. Khi nói chuyện mới hay người Tàu đó là một nhà địa lý nổi tiếng ở bên Tàu mới sang nước ta. Ông ta đến đây là để xem di tích của Cụ Trạng thế

nào mà tiếng đồn qua tới bên Tàu rằng: *An Nam lý học hữu Trình Tuyên*.

Khi nghe ông Trưởng tộc yêu cầu đặt hướng lại cho ngôi mộ thì người Tàu tỏ ý sẵn sàng giúp, để chứng tỏ Trạng Trình còn thua ông ta một bậc. Do đó ông ta cảm thấy rất thích chí, hiu hiu tự đắc và thàm nghĩ rằng: Với Cụ Trạng, thực ra chỉ nghe đồn chớ thực mục sở thị thì có gì giỏi đâu?

Ông ta bảo:

- Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi táng lại tại chỗ, nhích ra sau một chút và quay đầu lại là được.

Ông Trưởng tộc cả mừng, vội tụ họp con cháu lại, đưa thầy địa lý người Tàu ra mộ rồi đào lên. Khi đào xuống sắp tới quan tài thì gặp một tấm bia đá, ông thầy Tàu lấy làm lạ, sẵn tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch bia đá, để xem trên đó khắc chữ gì, thì thấy trên bia ấy có khắc bài thi:

Ngũ thập niên tiền mạch tại đầu

Ngũ thập niên hậu mạch tại túc

Hậu sinh nhĩ bối ná năng tri

Hà vị Thánh nhân vô nhĩ mục?

Dịch nghĩa:

Năm chục năm trước mạch tại đầu

Năm chục năm sau mạch tại chân

Biết gì những kẻ sanh sau

Thánh nhân có mắt mù đâu bao giờ?

Khi xem xong bài thơ trên, ông thầy Tàu mới bật ngửa ra, bái phục Cụ Trạng Trình sát đất. Cụ tiên tri tài thiết. Sao Cụ lại biết trước những lời của mình sẽ

nói? Quả thật, mình chỉ đáng là học trò của Cụ thôi.

4. **Thằng Khả làm ngã bia tao:**

Trước ngày Cụ Trạng qui Tiên, Cụ tạc một bia đá và dựng chôn ở rìa mộ của Cụ, trên đó có ba câu:

*Cha con thằng Khả,
Đánh ngã bia tao,
Làng biết được bắt thường tam quán*

Lúc đó người coi bia chẳng hiểu ra sao, cứ làm đúng lời Cụ dặn. Cho tới một thời gian rất lâu về sau, đến một hôm có hai cha con người đó tên là Khả, đi đào chuột. Khi hai cha con đến gần nơi mộ của Cụ Trạng thì thấy có hang chuột, liền đào xuống để bắt chuột. Hang chuột chạy lòn xuống đáy bia đá, chỉ lo đào hang mà quên để ý đến tấm bia đá, đào một hồi thì tấm bia đá mất chun đứng, ngã kênh ra mà chưa bắt được con chuột nào. Bọn trẻ mục đồng thấy bia ngã, chúng tri hô lên, rồi làng biết, kêu cha con ông Khả lên làng, bắt nộp tiền phạt và phải dựng bia lại như cũ. Cha con anh Khả đành chịu nộp phạt, nhưng nhà nghèo, trong nhà chỉ có *một quan tiền tám*, nên xin làng cho nộp phạt bao nhiêu đó mà thôi. Làng cũng đành chịu. Thế mới biết Cụ Trạng Trình rất tài giỏi về khoa lý số, biết được tên người làm ngã bia của Cụ, và lại biết số tiền nộp phạt là *tam quán*, nói lái là *quan tám*.

5. **Ông Nguyễn Công Trứ phá Đền:**

Năm Minh Mạng thứ 14, vua Minh Mạng bắt khai con sông Hải Dương. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Trứ đang làm Tri Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành việc khai con sông đó. Địa chính theo lệnh của vua phải cấm cho thảng, nhưng khổ thay lại trúng thảng vào Đền thờ của Cụ Trạng Trình, mà ngôi Đền này nổi tiếng linh thiêng. Ông Trứ truyền lệnh cho dân phải phá Đền khai sông. Dân chúng không ai dám phá. Ông Trứ cũng phân vân, vì trên là lệnh của vua, dưới là ý của dân, nếu không tuân lệnh vua thì sợ vua bắt tội, mà tuân lệnh vua thì trái lòng dân. Ông Trứ sắm nhang đèn vào Đền vái Cụ Trạng Trình xin Cụ cho phép phá Đền, vì lệnh vua, ông phải thi hành, xin Cụ hiểu lòng của ông. Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công việc phá Đền. Lúc đó dân quân mới dám phá. Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ, có chạm khắc bốn câu sau đây:

*Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá Đền.
Phá Đền thì phải làm đền,
Nào ai lán đất tranh quyền của ai*

Ông Nguyễn Công Trứ thấy Cụ Trạng Trình nói đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân chúng ngưng việc phá Đền, và lo việc cất Đền trở lại như trước. Khi đó, lại tìm thấy trên đầu cột cái có đề 4 hàng chữ:

*Hồng Đền thì lại làm đền,
Rồi sau tìm thấy bạc tiền của ta.
Của ông, ông để còn xa,
Ai mà tìm được ắt là thưởng công.*

Ông Tri Huyện Nguyễn Công Trứ đọc 4 câu thơ này xong thì suy nghĩ mãi, chợt nảy ra ý nói lái: CÒN XA nói lái lại là XÀ CON. Ông Trứ liền quan sát các cây xà con đã tháo xuống, thấy có một cây khá nặng, nặng hơn các cây khác. Ông Trứ mừng rỡ, cho bừa cây này ra thì có bạc nén văng ra. Ông Trứ liền dùng số bạc này đi mua các thứ vật liệu, cất Đền trở lại cho Cụ Trạng, với tấm lòng vô cùng kính phục Cụ Trạng. Số bạc còn dư, ông Trứ giao cho dân làng Vĩnh Lại để dành tu bổ các đền chùa đình miếu trong làng.

6. Cây xà nhà đổ:

Khi Cụ Trạng Trình sắp mất, Cụ kêu con cháu lại giao cho một cái ống tre sơn son thếp vàng, gắn bút hai đầu lại và dặn đúng ngày giờ ấy, tháng ấy, năm ấy, phải để cái ống lên kiệu, rước lên dinh quan Tổng Đốc Hải Dương, thì sẽ cứu được tình thế quá nghèo khổ của gia đình, nhưng tuyệt đối không được mở ra xem, chỉ có quan Tổng Đốc được mở mà thôi. Cái ống tre ấy truyền đến cháu 7 đời của Cụ Trạng thì mới đúng ngày giờ đã định. Người cháu ấy mới đưa lên quan Tổng Đốc Hải Dương đúng theo lời Tổ tiên đã dặn ghi trong gia phả. Quan Tổng Đốc cầm cái

ống, mở ra xem, thấy có hai câu thơ như vậy:

*Ngã cứu nhĩ thượng lương chi ách
Nhĩ cứu ngã thất đại chi bản*

Nghĩa là:

*Ta cứu mây khỏi cây xà đổ
Mây cứu ta cháu bảy đời nghèo*

Quan Tổng Đốc đang lúc làm việc quan, thấy hai câu thơ nói xác xược, gọi quan là MÂY thì cả giận, sẵn cầm cây quạt, ông bước tới đánh người vừa dâng cái ống tre có hai câu thơ ấy. Khi vừa bước ra khỏi chỗ ngồi thì bỗng nhiên cây xà nhà to lớn trên nóc nhà đổ xuống ngay cái ghế mà quan vừa ngồi, đánh rầm một cái, làm cho cái ghế gãy nát. Quan Tổng Đốc hốt hoảng, kêu la inh ỏi, giựt mình ngó lại, nếu còn ngồi tại cái ghế đó, cây xà nhà đập xuống ắt phải chết nát xương. Khi quan bình tĩnh suy nghĩ trở lại hai câu thơ vừa rồi thì mới biết người viết hai câu thơ đó đã cứu quan thoát khỏi tai nạn hiểm nghèo hy hữu đó. Quan hỏi đến người dâng cái ống tre, mới rõ đó là cháu 7 đời của Cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, và hai câu thơ trên là Cụ Trạng Trình viết ra để cứu ông thoát nạn. Quan Tổng Đốc cho dọn dẹp, rồi mời người cháu 7 đời của Cụ Trạng vào nhà trong, thết đãi cơm rượu, và giúp cho một món tiền lớn.

*

Nội Dung Sám Trạng Trình

Cuốn *Sám Trạng Trình* gồm 487 câu thơ mang nhiều dấu vết lịch sử đương

thời Nhà Lê và Nhà Mạc trong đó có nhiều câu không mấy dễ hiểu khiến cho đại ý của toàn bài thật là mông lung và do đó, mỗi người có thể đưa ra những giải thích khác nhau. Có những giải thích dẫn tới cả thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai (1939 – 1945). Đây là đoạn mở đầu:

Vận lành mừng gặp tiết lành
Thấy trong quốc ngữ lập thành nên câu
Một câu là một nhiệm mầu
Anh hùng gẫm được mới hầu giá cao
Trái vì sao mây che Thái Ất
Thuở cung tay xe nhật phù lên
Việt Nam khởi tổ gây nên
Lạc Long ra trị đương quyền một
phương

Thịnh suy bi thói lễ thường
Một thời lại một nhiều nhưng bên lẽ
Đến Đỉnh Hoàng nổi ngôi cửu ngũ
Mở bản đồ rũ áo chấp tay
Ngự đạo phút chốc đổi thay
Thập bát tử rày quyền đã nổi lên
Đông A âm vị nhi thuyền
Nam phương kỳ mộc bỗng liền lại sinh

*

Ngay trong đoạn mở đầu này, có người đã tán luận là Nguyễn Bình Khiêm đã tiên tri nước ta sẽ mang tên là Việt Nam căn cứ vào câu thứ 7: “Việt Nam tổ gây nên”. Vào thời đại của ông, nước ta quả chưa có tên là Việt Nam mà chỉ mang tên là Nam Việt, Đại Nam, hay Đại Việt. Mãi tới đời Nhà Nguyễn, đời vua Minh Mạng, quốc hiệu nước ta mới đổi là Việt Nam. Rất có thể từ “Việt Nam” của ông dùng là do từ “Nam Việt” đổi ra

“Việt Nam” chỉ là để cho đúng với âm vận: chữ thứ hai của câu 6 trong thơ lục bát hay song thất lục bát thường là âm bằng. Thế thôi.

Có nhiều đoạn người ta trích ra bảo là Sấm và đưa tự đưa ra những tán luận. Và đây là vài đoạn mà người ta thường đưa ra những lời bàn tán nhiều nhất:

Thung thăng tưởng thấy Đạo Trời
Phù Lê, Diệt Mạc nghĩ dời quân ra
Cát làm bốn bể can qua
Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về

Nước Nam thường có thánh tài
Ai khôn xem lấy hôm mai mới tường

Ma Vương sát Đại Quỷ
Hoàng Thiên tru Ma Vương
Đào Viên đỉnh phát quần dương tranh
hùng
Cơ nhị ngũ thư hùng vị khuyết
Đảo Hoành Sơn tam liệt, ngũ phân
Phá điền thiên tử giáng trần
Dũng sĩ nhược hại mưu thần như lâm

Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hao tàn
Trục đảo Dương đầu, Mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập Trảng An
Bảo Giang thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành
Trong những đoạn Sấm kể trên, người ta bàn tán nhiều nhất là đoạn:
Long vĩ, Xà đầu cchiến tranh
Can qua, tứ xứ khởi đao binh
Mã đê, Dương cước anh hùng tận
Thân, Dậu niên lai kiến thái bình



"Trở Về Mái Nhà Xưa": Hình của NAG **NGUYỄN SƠN**

Bốn câu trên có nói tới 6 năm: Thìn (Long), Tị (Xà), Ngọ (Mã), Mùi (Dương), Thân và Dậu và người ta cho là ứng với những năm 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, và 1945 thuộc Chiến Tranh Thế Giới Thứ II.

Tóm lại, trong hàng trăm năm qua, nhiều người đã tán luận những câu thơ trong 487 câu của cuốn gọi là *Sấm Trạng Trình* theo nhiều cách khác nhau mà vẫn được nhiều người tin tưởng. Ở Tây Phương thì người ta tán luận Sấm Nostradamus. Trong những thập niên trước năm 2000, có nhà tán luận đã mạnh dạn tán luận rằng thế giới sẽ bị hủy diệt bởi chiến tranh nguyên tử vào đầu những

năm 2000! Sau đây là phần trình bày những sự kiện về nhà tiên tri Nostradamus.

Xin đón coi Phần III: Nhà Tiên Tri Nostradamus là Ai?

~*~



RONDEL DE L'ADIEU

Partir, c'est mourir un peu,
C'est mourir à ce qu'on aime :
On laisse un peu de soi-même
En toute heure et dans tout lieu.

C'est toujours le deuil d'un vœu,
Le dernier vers d'un poème ;
Partir, c'est mourir un peu,
C'est mourir à ce qu'on aime.

Et l'on part, et c'est un jeu,
Et jusqu'à l'adieu suprême
C'est son âme que l'on sème,
Que l'on sème à chaque adieu :
Partir, c'est mourir un peu...

Edmond Haraucourt (1856-1941)

CA KHÚC BIỆT LY

Ra đi, chết ở cõi lòng,
Chết dần từng khúc nhớ nhung khôn lường:
Ra đi lưu chút tình thương
Quanh năm ngày tháng, khắp phương gian trần.

Luôn luôn ước vọng biển tan,
Như câu thơ cuối của trang tình nồng ;
Ra đi, chết ở cõi lòng,
Chết dần từng khúc nhớ nhung khôn lường.

Ra đi, một tấn kịch trường,
Tận cùng vĩnh biệt mới ngưng vỡ tuồng.
Tình thương hồn được gieo trồng
Gieo trồng sau mỗi cánh buồn biệt ly:
Ra đi, chết ở cõi lòng...

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Bài thơ Rondel de l'Adieu do thi hào Edmond Haraucourt sáng tác năm 1890 đã được nhạc sĩ Paulo Tosti phổ nhạc năm 1902 theo điệu Rondo. Bài thơ danh tiếng này đã được khắc trên tấm bảng trước nhà tác giả ở số 5, Quai aux Fleurs, Paris.

Sau đây là những câu thơ của vài thi sĩ diễn tả cùng một cảm xúc:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*
(Qua Đèo Ngang - Bà Huyện Thanh Quan)

*Đêm khuya khắc lậu canh tàn
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương
Lối mòn cỏ lạt màu sương
Lòng quê đi một bước đường một đau*
(Kim Vân Kiều - Nguyễn Du)

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu*
(Hoàng Hạc Lâu - Thôi Hộ)

*Kẻ ở người đi
Bối rối thay lúc phân kỳ
Gánh tương tư riêng nặng bẻ bẻ
Thương thay người ở đôi quê
Nẻo đi thời nhớ, nẻo về thời thương
Tính sao cho vẹn trăm đường*
(Bài Ca Trù Tiên Biệt - Nguyễn Công Trứ)

*Hình ảnh xa quê thuở thiếu thời
Luôn luôn sống động tại lòng tôi
Đầu thu Giáp Tuất nghe cha bảo
Sửa soạn ra thành trọ chú Khôi*

*Thế rồi một buổi sáng tình sương
Tôi phải xa quê đến phố phường
Nhìn lũy tre xanh đồng lúa chín
Lòng tôi xao xuyên luyến quê hương*
(Thu Xa Quê - Phương Du)

TRÔNG ĐỒNG NGỌC LŨ

Nói Gì Về TẾT NGUYÊN ĐÁN & TẾT TRUNG THU

Phạm Thị Nhung

Tết Nguyên Đán

Tết Nguyên Đán âm lịch là Lễ Hội truyền thống quan trọng nhất trong năm của một số lớn dân tộc Á Đông như Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản (từ 1872 trở về trước), Hàn Quốc, Triều Tiên, Việt Nam... Các cụ ta xưa do chịu ảnh hưởng chính sách đồng hóa của đế quốc phong kiến Tàu kéo dài cả ngàn năm Bắc thuộc, nên tin rằng Tết Nguyên Đán của ta là tiếp nhận từ văn hóa của họ. Để cho vấn đề được sáng tỏ, chúng ta thử tìm vào nguồn gốc Tết Nguyên Đán của Trung Quốc xem sao ?

Nguồn gốc Tết Nguyên Đán của Trung Quốc có nhiều giả thuyết. Nhưng giả thuyết được lưu truyền rộng rãi nhất hiện nay tại Trung Quốc đại lục là, ngày **Đế Nghiêu** lên ngôi vàng, ông đã dẫn theo thuộc hạ lên núi tế lễ trời đất. Kể từ đó, người ta gọi ngày này là “tuế thủ”, ngày khởi đầu của một năm mới.

Còn theo lịch sử Hồng Kông, nguồn gốc Tết Nguyên Đán có từ thời **Tam Vương Ngũ Đế**, nhưng thay đổi tùy

theo từng triều đại. Như **Nhà Hạ** chuộng màu đen nên chọn tháng Dần (là tháng Giêng trong **Miêu lịch***, còn gọi là Nông Lịch) làm tháng đầu năm mới để ăn Tết. **Nhà Thương** thích màu trắng nên chọn tháng Sửu (là tháng chạp). **Nhà Chu** ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý (là tháng mười một)... Mãi cho đến đời **Nhà Hán**, sau khi Hán Vũ Đế thống nhất giang sơn, đặt lại ngày đầu năm mới vào đầu tháng Dần (là tháng giêng). Từ đó về sau thời gian của Tết Nguyên Đán mới được ổn định.

Lại có truyền thuyết, khởi đầu Tết Nguyên Đán của Trung Quốc là cuộc chiến chống lại **con niên**, một loại thú dữ quanh năm sống dưới đáy biển. Con niên thường vào dịp đầu năm tới phá hoại mùa màng, gia súc và giết hại dân làng. Để bảo toàn, dân làng đặt thức ăn trước cửa nhà vào ngày cuối năm, rồi già trẻ trai gái dắt nhau lên núi ẩn trốn; vì họ tin rằng, một khi đã được ăn no đủ, con niên sẽ không tấn công dân làng nữa. Một năm kia, vào chiều ba mươi Tết, có một ông già ăn xin đến làng, trong khi dân làng đã bỏ trốn hết, chỉ còn lại một bà lão ở nhà cho ông thức ăn. Nghe bà kể rõ sự trạng, bỗng ông già nói xin ở lại nhà đêm ấy và

sẽ có cách đuổi được con niên đi. Thế rồi vào lúc nửa đêm giao thừa, con niên trở lại thôn xóm như thường lệ, nhưng nó chợt thấy có điều bất thường, ngoài cửa nhà bà lão đầu thôn có dán giấy đỏ, trong nhà có ánh lửa sáng rực, nó sợ toan chạy. Đúng lúc ấy, trong vườn lại phát ra tiếng pháo nổ lớn, con niên hãi quá, chạy thẳng một mạch, không bao giờ trở lại.

Con niên sau bị Hồng Quân Lão Tổ (thầy dạy của Tam Thanh, ba vị thần tiên tối cao trong Đạo Giáo) bắt và trị được; bèn nuôi để cười.

Phải chăng một số phong tục điển hình của dân Trung Quốc mà ta thường thấy trong dịp Tết Nguyên Đán ngày nay như tục treo đèn đỏ, đốt pháo hoa và múa lân, múa rồng... là phát xuất từ câu truyện thần thoại này?

Tết Trung Thu

Tết Trung Thu cũng là Lễ Hội truyền thống quan trọng trong năm của một số lớn dân tộc Á Đông. Riêng tại Việt Nam, **Tết Trung Thu** còn gọi là **Lễ Hội Trăng Tráng**, được tổ chức vào ngày rằm (15) tháng tám âm lịch; là Lễ Hội lớn thứ nhì trong năm của dân ta, chỉ sau Lễ Hội Nghênh Xuân, tức Tết Nguyên Đán.

Tết Trung Thu ở nước ta hẳn đã lâu đời, có thể từ mấy ngàn năm trước. Nhưng cũng vì chịu ảnh hưởng nặng nề chính sách đồng hóa kéo dài của đế quốc phong kiến Trung quốc, nên khi đọc được những huyền thoại, những truyền thuyết hay dã sử của họ nhắc nhiều đến những sự tích liên quan tới vàng trăng thu, nhất

là với những tập tục lễ lạc, hội hè vào mùa này, thì các cụ ta tin rằng, Tết Trung Thu của ta là phỏng theo phong tục Tàu. Như tích:

Đường Minh Hoàng du Nguyệt Điện –

Theo truyền thuyết, ông vua nổi tiếng phong nhã nhất đời Đường (713-741) là Đường Minh Hoàng, nhân một đêm rằm tháng tám đi dạo ngự viên, thấy vầng trăng thu lồng lộng giữa bầu trời thì ao ước được lên chơi. Đạo Sĩ La Công Viễn nhờ có phép tiên, dùng giải lụa hóa thành chiếc cầu đưa nhà vua tới thăm Nguyệt Điện. Được chứng kiến cảnh các tiên nữ xiêm y đủ màu rực rỡ, múa ca uyển chuyển trong không khí nhạc tấu tung bừng... nhà vua say mê quên cả thời gian. Khi trở về trần, nhà vua nhớ được cách điệu nên đã chế nên khúc Nghê Thường Vũ Y, tập cho các cung nữ múa hát.

Hằng năm, cứ tới rằm tháng tám, để được sống lại chút không khí thơ mộng của chuyến du hành cung trăng ngày nào, Đường Minh Hoàng bèn đặt lệ mở Hội Thường Trăng, không chỉ riêng chôn cung đình mà cho cả dân gian, cùng bày bánh trái, vui chơi dưới Trăng.

Hằng Nga trong cung thiềm và tục Bái Nguyệt - Hậu Nghệ, vua xứ Hữu Cung, một tay thiện xạ, đã từng tầm sư học đạo nên có được thần lực và được Giao Trì Vương Mẫu ban cho Linh Chi thảo, một loại thuốc «trường sinh bất tử». Vợ Hậu Nghệ là Hằng Nga xinh đẹp tuyệt trần, được chồng sủng ái giao cho cất giữ. Gặp dịp chồng đi dẹp giặc xa

nhà, nàng bèn uống trộm Linh Chi, người trở nên nhẹ bổng, bay lên cung trăng thành tiên nữ. Hậu Nghệ trở về thấy mất vợ, mất thuốc buồn lắm, chàng quyết tâm tìm vợ.

Thuở ấy có đến mười mặt trời, Hậu Nghệ ngờ vợ trốn trên đó, bèn trèo lên núi Côn Lôn dùng thần lực giương nỏ bắn rụng hết chín mặt trời (chỉ để lại một mặt trời để soi sáng ban ngày và một mặt trăng để soi sáng ban đêm), nhưng vẫn không tìm thấy vợ đâu. Hậu Nghệ nào hay Hằng Nga, vợ chàng đã được Thái Âm Thần Nữ che chở, cho đội lột thiềm thừ (một giống cóc rất to, da có nhiều màu sắc) để qua mặt chàng, và nàng vẫn nướng náu trên cung Thiềm từ bấy tới nay.

Lại nói về Hậu Nghệ, tối trở lại nhà, chàng càng thấm thía nỗi cô đơn và thương tiếc vợ hơn, bèn ngửa cổ nhìn trời gọi tên nàng. Bỗng chàng phát hiện ra đêm ấy vàng trăng thu vàng vặc, mà trong trăng lại như có thấp thoáng bóng người; chàng tin đó là vợ mình, bèn sai thị nữ lập hương án nơi hoa viên, cùng bày bánh trái Hằng Nga vẫn ưa thích để tế lễ tưởng nhớ nàng.

Dân chúng hay tin Hằng Nga đã bay lên cung trăng thành tiên, nên hằng năm cứ vào đêm trung thu trăng tỏ lại bắt chước Hậu Nghệ bày hương án, bánh trái dưới trăng để lễ lạy cầu xin nàng ban cho may mắn và bình an. Tục “Bái nguyệt” vào Tết Trung Thu có từ đó.

Cây Quế trên cung trăng (Cung Quế) - Ngô Cương đã từng tu tiên đắc

đạo, nhưng sau bỏ đạo, làm nhiều điều cần bậy nơi chốn tôn nghiêm. Bị Ngọc Hoàng đày xuống cung trăng, giao việc bóc vỏ cây Đan Quế để chuộc tội. Cây Đan Quế đã sống hàng ngàn năm và cao đến 500 trượng nên vỏ rất cứng, Ngô Cương hết chặt lại bóc mãi mà không xong. Thế nên mỗi khi có trăng, chúng ta vẫn nhìn thấy bóng chàng Ngô còn ngồi lúi húi bên gốc cây Đan Quế...vv...

Xét lại, ta thấy những truyền thuyết cùng những huyền thoại, dã sử của người Trung quốc chỉ nói loanh quang ngoài lề chứ không đủ dữ kiện để giải thích nguồn gốc một cách thực tế và chính xác về Lễ Hội Nghênh Xuân, nhất là về Lễ Hội Trông Trăng.

Cũng dễ hiểu, vì họ là dân tộc miền Bắc, thuộc văn minh du mục, chủ về săn bắn; có trồng trọt thì chỉ trồng lúa mì, ngô... trên những ruộng khô. Lịch trồng trọt và thời gian thu hoạch không hề phụ thuộc vào thời tiết, vào trăng như dân tộc các xứ văn minh nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á.

Nhờ đọc ca dao chúng ta mới rõ, có sự gắn bó mật thiết giữa **nông nghiệp lúa nước** với **trăng**. Chúng ta dân mình ngay từ thuở xa xưa đã có kinh nghiệm nhìn trăng đoán thời tiết để trừ liệu việc làm ăn và sửa soạn cho nông vụ tới. Như :

-Tỏ trăng mười bốn được tầm

Tỏ trăng hôm rằm thì được lúa chiêm.

-Đêm trời tạnh, trăng sao không tỏ

Ấy là điềm mưa gió tới nơi.

Đêm nào sao sáng, trăng ngời
Ấy là nắng ráo yên vui suốt ngày.
Những ai chăm việc cấy, cày
Điềm trời trông đó, liệu xoay việc làm...

Người nông dân từ vụ tháng năm (lúa chiêm) cho tới vụ tháng mười (lúa mùa), quanh năm vất vả. Nào cấy ruộng, gieo mạ; nào cấy lúa, tát nước... rồi gặt hái. Gánh được lúa về nhà còn phải tiếp tục ra công đập lúa, phơi thóc, giã gạo... Thế nên, sau mỗi vụ gặt mới, khi mùa thu hoạch đã hoàn thành, công việc đồng áng mới được tạm ngừng. Nhờ đúng dịp trời đất đang nao nức trước tiết Xuân ấm áp, cây cối đâm trồi nảy lộc tốt tươi; hay giữa tiết Thu mát mẻ, đặc biệt vào đêm rằm tháng tám trăng thu tròn đầy, sáng vàng vạc giữa trời, họ bèn nhân dịp nghỉ ngơi, mở Hội ăn mừng, vui chơi thỏa chí cho bỏ những ngày đầu tắt mặt tối:

-Khéo thay công việc nhà nông
Quanh năm khó nhọc dăm bề khoan thai.

- Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

- Ôn trời mưa nắng phải thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu
Công lênh chẳng quản bao lâu
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.

-Tháng năm gặt hái vừa rồi

.....

-Bao giờ cho đến tháng mười
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta
Gặt lúa ta đem về nhà
Phơi khô, quạt sạch mới là xong công.

-Tháng một, tháng chạp nên công
hoàn toàn.

-Thuận mưa lúa tốt đặng đặng

Đến mùa gặt hái, thóc ăn đầy nhà.
-Tháng giêng ăn Tết ở nhà
Thánh hai cờ bạc, tháng ba hội hè...
-Tháng tám chơi đèn kéo quân... v.v...

Như thế đủ thấy, từ đời sống nông nghiệp và nền tảng kinh tế ấy đã là nguyên nhân trực tiếp hình thành những Lễ Hội lớn: Lễ Hội Nghênh Xuân và Lễ Hội Trông Trăng của dân tộc Lạc Việt** xưa (Tổ tiên của người Việt Nam, người Mường cùng nhiều dân tộc thiểu số khác trong vùng Đông Nam Á, sống bằng nghề trồng lúa nước).

Ngoài những ca dao dẫn chứng kể trên, chúng ta còn được biết, vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trong thời Pháp thuộc, các nhà khảo cổ học Tây phương đã phát hiện ra **trống đồng** ở nước ta. Biết là di vật rất quý, đầy tính văn hóa nên họ đã bàn bạc, viết thành sách giới thiệu với thế giới; tạo hứng cho một số nhà khảo cổ học các nước Âu Mỹ cũng như nước Việt Nam ta đua nhau tìm kiếm... Họ đã khám phá được nhiều trống đồng ở rải rác các nơi, như ở Hoa Nam (Trung Hoa, miệt dưới sông Dương Tử trở xuống), Việt Nam, Lào, Cao Mên, Miến Điện, Mã Lai, Nam Dương... Nhưng số lượng trống đồng tìm thấy nhiều nhất vẫn là ở VN, mà đặc biệt các trống đồng cổ nhất, đẹp nhất cũng đều qui tụ ở miền Bắc và miền Trung nước Việt. Đó là 1-**Trống Đồng Ngọc Lũ** (ở tỉnh Hà Nam), 2- **Trống Đồng Hoàng Hạ** (tỉnh Hà Đông), 3- **Trống Đồng Sông Đà** (tỉnh Hòa Bình) và 4- **Trống Đồng**

Sông Hồng. Trong bốn trống này, **Trống Ngọc Lũ** được đánh giá là **quan trọng hơn cả.**

Khoa khảo cổ học cho biết, trống đồng đã được sản xuất trên một ngàn năm trước CN (thời đồng thau); song ông sơ, bà cố chúng ta không hề nghe nói tới. Có lẽ từ khi Mã Viện đem quân sang Giao Chỉ (tên nước ta thuở ấy) đánh dẹp cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng (Năm 43 CN), hấn nhìn ra trống đồng là bảo vật, biểu tượng quyền uy của các Tù Trưởng trong các bộ tộc Lạc Việt. Bèn ra công lực soát, tìm kiếm, tịch thu, rồi sai đúc Cột Đồng Trụ với lời nguyện -- *Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt* - ; còn bao nhiêu đưa hết về Tàu. Dưới áp lực cai trị hà khắc với âm mưu đồng hóa của ngoại xâm dài cả ngàn năm, chuyện cũ bị chìm dần trong quên lãng. May mắn thay, tổ tiên chúng ta thuở ấy đã kịp thời cất dấu được phần nào, nên Trống Đồng Văn Lang-Lạc Việt mới có ngày được các nhà khảo cổ Tây phương khám phá ra, được thế giới biết tiếng.

TRỐNG ĐỒNG NGỌC LŨ nói gì qua những hình khắc trên mặt trống và trên tang trống? Những hình khắc về người, về vật trên mặt trống và trên tang trống có giá trị biểu tượng rất phong phú, nên đã được nhiều học giả VN đề tâm nghiên cứu, từng đưa ra lắm giả thuyết. Có những giả thuyết rất uyên thâm, như **Trống đồng Ngọc Lũ** là «**Một Quyển Âm Lịch cổ xưa dùng cho nhiều năm,** còn có thể mệnh danh là

Nguyệt Lịch Vạn Niên» (Lê Văn Siêu, VN Văn Minh Sử). Có giả thuyết «**xem hiện vật và hoa văn có ý nghĩa trong triết Việt**». Bởi theo tác giả, «**Nếu chỉ có khảo cổ, thì việc truy nguyên mới đi hết vòng ngoài sự kiện, chưa thấu vòng ý nghĩa bên trong**». (Sứ Điệp Trống Đồng-Kim Định, An Việt San Jose xb). Có giả thuyết cho đây là **Một Đại Lễ Sáng tạo Trời Đất Vạn Vật** (nhằm diễn lại và ăn mừng thời điểm thái hòa uyên nguyên, mở đầu tiến trình khai thiên lập địa sáng tạo muôn loài) («**Tết Nguồn gốc và Ý Nghĩa**», Phạm Công Chánh, Viên Giác Xuân Tân mùi 1991). Lại có giả thuyết cho rằng đây là **Đại Lễ tế Thần Mặt Trời** (mặt trời chói lọi ở trung tâm mặt trống) hay **Đại Lễ tế Chim vật tổ** (Chim hiện diện cùng khắp trên mặt trống; mà ngay trên tang trống, chim ở đầu thuyền như đang lao vào miệng rồng)...[Tusach.thuvienkhoahoc.com (Thể loại : khảo cổ)]

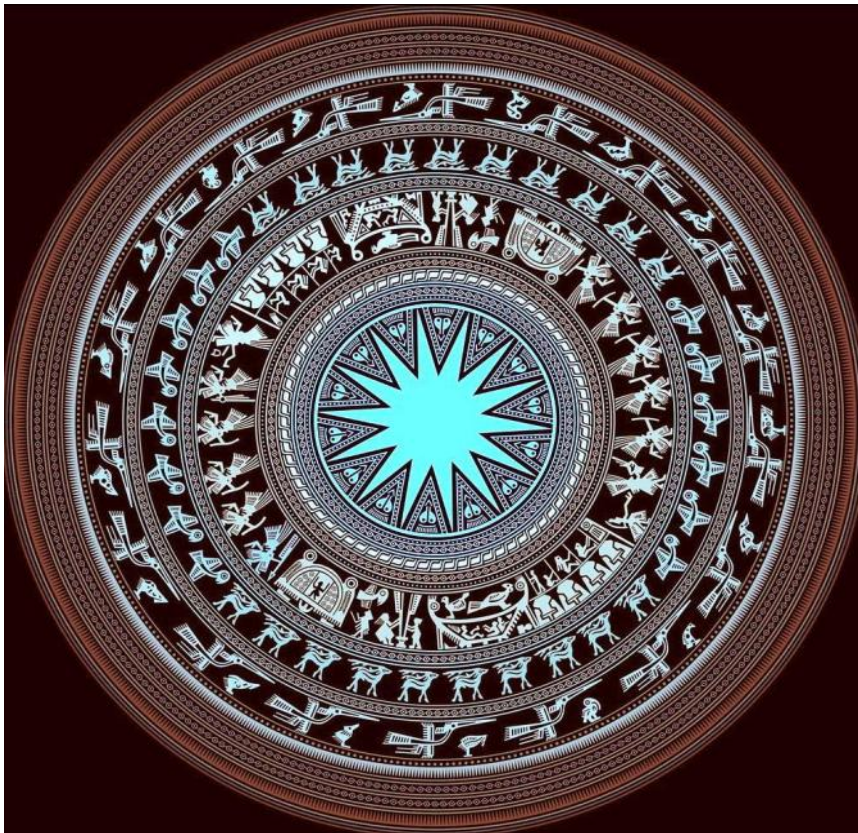
[Hình ảnh trích từ bài Ý Nghĩa Những Hình Vẽ Trên Bề Mặt Trống Đồng Ngọc Lũ (Việt Nam Văn Minh Sử- Lê Văn Siêu)]

Nhưng hiện nay vẫn chưa thấy thuyết nào được chính thức công nhận. Riêng giả thuyết liên quan đến **nguồn gốc và ý nghĩa** của hai Ngày Lễ Hội lớn nhất trong năm, **Lễ Hội Nghênh Xuân và Lễ Hội Trông Trăng**, với mục đích **ăn mừng được mùa** trong đời sống nông nghiệp của các dân tộc gốc Lạc Việt là được nhiều người nhắc tới.

Vậy **TRÔNG ĐỒNG NGỌC LỬ** nói gì qua những hình khắc trên mặt trông và trên tang trông về Lễ Hội Nghênh Xuân và Lễ Hội Trông Trăng của dân ta?

Chúng ta thử tìm hiểu. Không kể những vòng hoa văn nhỏ hầu hết có tính cách trang trí, thì ngoài hình mặt trời (hay mặt trăng) tỏa sáng nơi trung tâm điểm của trông, chúng ta còn có 3 vòng khắc hình người và vật được coi là những biểu tượng đầy ý nghĩa :

+ **Vòng trong cùng** (vòng 1) sát với mặt trời (hay mặt trăng): Tả **sinh hoạt của con người và Lễ Hội**.



Vòng này chia thành hai nửa bán nguyệt đối xứng nhau (nhưng không đối chọi) :

Mỗi vòng bán nguyệt đều có:

Cảnh gia đình: Trên mái nhà có **Chim Phượng Hoàng** đậu (điềm lành). Trong nhà, **vợ chồng** đoàn tụ. Bên ngoài, **vợ chồng** chung sức giã gạo; **thằng con** đứng bên cạnh đang với bắt chim. (tả cuộc sống gia đình : ấm no, phong lưu, hạnh phúc).

Đặc biệt, số Chim Phượng Hoàng đậu trên mái nhà, bên này hai con, bên kia một con. Ý nói, cảnh gia đình ấm no

hạnh phúc này diễn ra vào hai thời điểm gặt hái khác nhau: vụ lúa Chiêm và vụ lúa Mùa.

Cảnh Lễ Hội : Nhờ mùa gặt hái tháng năm (lúa Chiêm), hay tháng mười (lúa Mùa) đã hoàn tất, người, vật đều no đủ, dân gian mới mở Lễ Hội vui chơi, bù lại những tháng ngày làm việc lao khổ: Nào **dân công**, loại nhạc cụ gỗ bằng kim loại để truyền

hiệu lệnh trong hai khung nhà mái vòm. Nhưng nhân vật điều khiển dàn cồng mỗi bên một khác: Ý nói, có **hai Lễ Hội** trong năm. Lễ Hội nào lệnh cồng nấy. Nào **Đàn trống đồng** đang được hòa tấu; nhưng **các tay trống** mỗi bên chơi một lối. Cũng thế, Lễ Hội nào, nhạc trống nấy. Nào **đoàn vũ nữ**, đầu đội mũ lông chim, thân áo dài hai vạt, đang nhảy múa tung bùng, nhưng mỗi bên số người tham dự nhiều, ít không giống nhau (bên 6, bên 7); và cách múa từ bàn tay uốn éo, tới nhạc khí hay vũ khí cầm tay mỗi bên cũng có ít nhiều dị biệt: Lễ Hội nào, điệu múa nấy!

Điều này chứng tỏ **mỗi năm có hai Lễ Hội** khác nhau. **Một Lễ Hội diễn ra ban ngày** (dưới ánh mặt trời chói lọi). Tức **Lễ Hội Mừng Xuân** hay **Tết Nguyên Đán**. **Một Lễ Hội diễn ra ban Đêm**, (dưới ánh trăng tròn rạng rỡ) tức **Lễ Hội trông trăng** hay **Tết Trung Thu ! ...**

+**Vòng giữa** (vòng 2) :

Một **đàn hươu** (5 cặp, con đực đi trước, con cái theo sau), tiếp nối một **đàn chim** (6 con) ; rồi lại một **đàn hươu** (5 cặp) tiếp nối một **đàn chim** (8 con); cùng chạy hay bay về một hướng: **từ tây sang đông**. Số chim khác nhau, chứng tỏ chúng đã dự hai Lễ Hội khác nhau.

+**Vòng ngoài cùng** (vòng 3) sát vòm trời:

Một đàn **chim hạc mỏ dài** (18 con) liên tiếp bay theo nhau trên bầu trời; một đàn **chim chóc nhỏ đủ loại**, như chim chích, sáo, vịt... ngan, ngỗng, bồ nông...

(18 con) xếp hàng một đứng bên dưới, cùng quay theo hướng hạc bay: **từ tây sang đông**. Đặc biệt «toàn chim đều hết mình ca hát», mỗi con một dáng điệu, «con thì vươn cổ dài ra», con thì há mỏ, con thì «rụt cổ vào tận gáy để lấy hơi đặng hót tiếp» (Kim Định, *Sứ Điệp Trống Đồng*, tr136). Chúng tỏ chúng cũng đã tham dự vào cả hai kỳ Lễ Hội khác nhau này.

Như vậy, trong cả hai Lễ Hội Mừng Xuân và Lễ Hội Trông Trăng, không chỉ có người , mà cả hươu nai, chim chóc, gà vịt ... tham dự đều đi theo hướng từ tây sang đông, nghĩa là **theo hướng đi của mặt trăng!** Thế nên, **hình ảnh sáng ngời nơi trung tâm của trống** còn để diễn tả **mặt trăng tròn đầy, rạng rỡ trong Đêm Rằm Trung Thu!** Đó là lý do vì sao Lễ Hội này được gọi là **Lễ Hội Trông Trăng**. Điều này giải thích, mùa màng nông nghiệp, Lễ Hội Ăn Mừng được Mùa của dân các xứ thuộc văn minh lúa nước Đông Nam Á vào buổi xa xưa đều **qui theo trăng** (tức theo **nông lịch**, sau này mới gọi chung là **âm lịch**).

+ **Tang trống Ngọc Lũ**

Ngoài ra, **tang trống Ngọc Lũ** còn vẽ các đội thủy quân, với nón lông chim, váy ngắn; họ cũng đang hăng say tham dự ngày Lễ Hội được mùa, hòa vui cùng mọi người, mọi vật qua **cảnh đua thuyền** (6 thuyền) trên sông nước.

Tóm lại, với chùng ấy hình ảnh biểu tượng, cùng với các dữ kiện như vừa trình bày, ta có thể kết luận một cách

chắc chắn rằng, Trống Đồng Ngọc Lũ được tìm thấy ở tỉnh Hà Nam (1901) là một bằng chứng hùng hồn về nguồn gốc hai Lễ Hội lớn nhất trong năm: Lễ Hội Nghênh Xuân (Tết Nguyên Đán) và Lễ Hội Trông Trăng (Tết Trung Thu), bắt nguồn từ nền văn minh lúa nước chung của các bộ tộc Lạc Việt Đông Nam Á. Nhưng **dân tộc Văn Lang -LạcViệt, chủ nhân của Trống đồng Ngọc Lũ mới là người sáng lập, khởi xướng nên.**

Sau do ảnh hưởng lan truyền rộng rãi từ miền Nam Trung quốc, từ sông Dương Tử trở xuống (Lạc Việt, văn minh lúa nước), lên khắp miền Bắc Trung quốc (văn minh du mục); và từ Văn Lang - LạcViệt tới các vùng xung quanh. Cuối cùng, Lễ Hội Mừng Xuân và Lễ Hội Trông Trăng đã trở thành một truyền thống chung cho hầu hết các dân tộc thuộc khu vực Viễn Đông.

.....

*Miêu lịch: Miêu có nghĩa là Mễ (ngũ cốc) ; Miêu tộc chỉ dân nông nghiệp lúa nước. Miêu lịch là lịch chỉ dẫn việc canh tác, trồng trọt theo thời tiết, mùa màng của nhà nông. Nên Miêu lịch còn gọi là Nông lịch.

****Lạc Việt :** Chữ "lạc" trong Lạc Việt bắt nguồn từ lak hay nak, nghĩa là "nước" trong tiếng Việt cổ. Ruộng cấy theo con nước thủy triều nên gọi là Lạc Điền. Khi dân đã tổ chức được

thành quận huyện thì có Lạc vương, Lạc hầu lãnh đạo, cai quản.

Theo truyền thuyết, **Lạc Việt** là tên gọi của một bộ tộc Việt trong nhóm Bách Việt. Người Lạc Việt, khởi nghiệp tại lưu vực phía Nam sông Dương Tử, nay thuộc tỉnh Hồ Nam Trung Quốc. Địa bàn sinh sống của họ lan rộng tới tận vùng Bắc Trung Bộ của Việt Nam ngày nay.

Phạm Thị Nhung

Tài liệu tham khảo

.Kim Định, Sứ Điệp Trống Đồng. An Việt San Jose Xb,

.Lê Văn Siêu, Ý Nghĩa Những Hình Vẽ Trên Mặt Trống Đồng, Việt Nam Văn Minh Sử. Trích từ:

Tusach.thuvienkhoahoc.com (Thẻ loại: khảo cổ)]

.Phạm Công Chánh, Tết Nguồn Gốc và Ý Nghĩa, Viên Giác Xuân Tân mùi, Đức quốc 1991

.Vũ Ngọc Phan & Tạ Phong Châu & Phạm Ngọc Hy, Văn Học Dân Gian Việt Nam (Hợp Tuyển Thơ Văn VN (Tập I) Nhà Xb Văn Học, 1972

. Nguyễn Văn Nhiệm, Ca Dao – Con Đường Văn Hóa Việt, Tác giả tự xb và giữ bản quyền - 2013

Và một số bài về Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu, sưu tầm trên net từ tài liệu của Wikipedia

William Cuthbert Faulkner

(1897 – 1962)

Đại Văn Hào Mỹ

Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương Năm 1949

Phạm Văn Tuấn

William Cuthbert Faulkner là nhà văn người Mỹ viết tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện phim, các bài bình luận và cũng là nhà thơ, đã có các tác phẩm văn chương với nét đặc trưng là tiểu bang sinh quán của ông: Mississippi. William Faulkner được coi là một trong các nhà văn gây được nhiều ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 20 và ông cũng là Đại Văn Hào người Mỹ lãnh Giải Thưởng Nobel năm 1949.

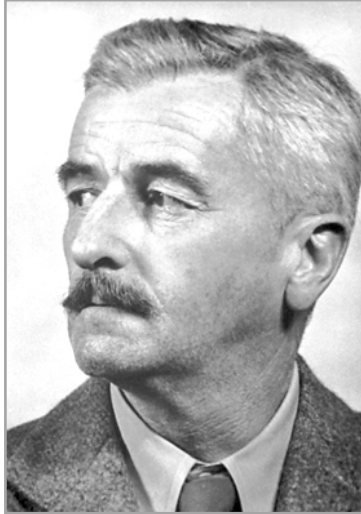
William Faulkner được các độc giả biết tới vì thể văn thực nghiệm của ông (experimental style) cùng với sự chú ý tỉ mỉ vào cách diễn tả và vào ngữ điệu (cadence), khác với cách dùng các hình thức đơn giản của nhà văn cùng thời là Ernest Hemingway. Đôi khi người ta cũng ca ngợi William Faulkner là nhà văn đã phát minh ra kỹ thuật “nguồn ý thức” (stream of consciousness) nhưng thực ra kỹ thuật này đã được nhiều nhà văn khác, trước Faulkner dùng tới, như

Henry James, James Joyce và Edouard Dujardin.

William Faulkner được nhiều người ca ngợi vì các tiểu thuyết và các truyện ngắn, nhiều truyện được đặt vào trong địa phương giả tưởng là Hạt (County) Yoknapatawpha, nơi này được tác giả tạo ra căn cứ vào Hạt Lafayette (Lafayette County), đây là nơi tác giả đã trải qua nhiều năm trường trong phần lớn cuộc đời, và Hạt Holly Springs/Marshall.

Cùng với Mark Twain, Tennessee Williams và Truman Capote, William Faulkner được coi là một trong các nhà văn quan trọng

nhất của Miền Nam Hoa Kỳ. Trước khi lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương vào năm 1949, danh tiếng của William Faulkner chưa được nhiều người biết tới mặc dù ông đã thường xuyên xuất bản các tác phẩm trong khoảng thời gian từ giữa thập niên 1920 tới cuối thập niên 1940. Hai tác phẩm của William Faulkner là “A Fable” (Một truyện Ngụ Ngôn) (1954) và “The Reivers” (1962) đã đoạt Giải Thưởng Pulitzer dành cho Truyện Hư Cấu (the Pulitzer Prize for Fiction).



Vào năm 1998, Thư Viện Mới (the Modern Library) đã xếp cuốn tiểu thuyết “Âm Thanh và Cuồng Nộ” (The Sound and the Fury, 1929) vào hạng thứ sáu trong số 100 tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh trong Thế Kỷ 20 (the 100 best English-language novels of the 20th century), ngoài ra cũng trong danh sách này còn các cuốn tiểu thuyết “As I Lay Dying” (1930) (Khi tôi nằm chết), cuốn “Light in August” (1932) (Ánh Sáng Tháng Tám), và cuốn “Absalom, Absalom!” (1936).

Các nhà phê bình văn học và độc giả nói chung đã coi William Faulkner là một trong các Văn Hào Mỹ lớn lao bậc nhất của mọi thời đại.

1/ Cuộc đời của Đại Văn Hào William Faulkner.

William Faulkner chào đời vào ngày 25/9/1897 tại tỉnh New Albany, trong tiểu bang Mississippi với tên gọi lúc đầu là William Falkner, và được nuôi dạy cũng như chịu ảnh hưởng bởi lịch sử và văn hóa của miền Nam Hoa Kỳ. Khi William lên 4 tuổi, cả gia đình này dọn qua tỉnh gần đó tên là Oxford và tại nơi này, William Faulkner đã sinh sống cho tới cuối đời mặc dù có một vài năm vắng mặt. Oxford là hình ảnh của tỉnh “Jefferson” trong các truyện hư cấu của William Faulkner còn Hạt Lafayette (Lafayette County) trong tiểu bang Mississippi là hình ảnh mẫu của “Hạt Yoknapatawpha”.

Gia đình của Đại Văn Hào Faulkner đã có nguồn gốc sâu xa tại miền bắc của tiểu bang Mississippi, tại nơi đây, ông cụ nội tên là William Clark Falkner đã phục vụ trong Quân Đội Miền Nam (the Confederate Army) với cấp bậc Đại Tá (colonel), sau đó đã thiết lập một đường xe lửa và tên của ông cụ nội này

được đặt cho tỉnh Falkner thuộc về Hạt Tippah (Tippah County) gần đó. Cũng vì thế William Faulkner đã viết ra nhiều cuốn tiểu thuyết và các tác phẩm khác trong đó có ghi lại các truyền thống của gia đình và Đại Tá Falkner là mẫu người của Đại Tá John Sartoris trong cuốn tiểu thuyết Sartoris (1929).

William Faulkner là con trai lớn trong bốn người con trai của ông Murry Cuthbert Falkner và bà Maud Butler. Sau khi William được một tuổi, gia đình ông Murry dọn nhà từ New Albany tới Ripley, Mississippi và tại nơi ở mới này, ông Murry làm thủ quỹ cho công ty xe lửa của gia đình là Gulf & Chicago Railroad Company, nhưng ông nội John Wesley Thompson Falkner không tin tưởng vào người con trai là ông Murry nên đã bán công ty xe lửa lấy \$75,000 mỹ kim. Ông Murry vì vậy định dọn nhà qua tiểu bang Texas nhưng bà Maud không đồng ý, vì vậy gia đình này lại dọn qua tỉnh Oxford, Mississippi.

Tại gia đình, bà ngoại là Lelia Butler và bà mẹ Maud Butler là các người ham đọc sách và truyện, đã ảnh hưởng tới William rất nhiều. Bà mẹ Maud đã bắt William đi lễ nhà thờ, đi thư viện và đọc các sách truyện của Charles Dickens cũng như các truyện thần tiên của Anh Em Grimms, còn ông bố Murry lại dạy con trai cách đi săn và câu cá.

Khi là học sinh lớp Một, William học hành xuất sắc, bỏ lớp Hai để nhảy qua học lớp Ba nhưng từ lớp Bốn và lớp Năm, William lại là một đứa trẻ kém hoạt động, cậu bé này thường hay trốn học, không chuyên tâm học hành rồi sự suy kém này còn tiếp tục khi William lên lớp 11 và phải ở lại lớp, rồi vào năm cuối, không thể tốt nghiệp bậc trung học.

Vào tuổi thanh niên, William Faulkner bắt đầu làm thơ, viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên vào năm 1925. Faulkner xác nhận rằng ông đã bị ảnh hưởng bởi các nhà văn người Anh thuộc thời kỳ Lãng Mạn (the Romantic era) của cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19. Năm 1919, Faulkner theo học tại Đại Học Mississippi (the University of Mississippi = Ole Miss) tại Oxford, học được ba học kỳ (semesters) rồi bỏ cuộc vào tháng 11 năm 1920, nhưng trong thời gian đi học này, vài bài thơ của Faulkner đã được đăng trên tạp chí của nhà trường.

Khi lên 17 tuổi, William Faulkner đã gặp Philip Stone là người sẽ ảnh hưởng rất nhiều tới văn nghiệp của Faulkner. Stone lớn hơn Faulkner 4 tuổi và thuộc về một trong các gia đình cổ xưa của tỉnh Oxford. Stone cũng đam mê văn chương và có văn bằng Cử Nhân (Bachelor's degree) của Đại Học Yale và Đại Học Mississippi.

Tại Đại Học Mississippi, Faulkner đã tham gia vào nhóm thân hữu Sigma Alpha Epsilon (fraternity) và đã được các bạn trong nhóm yểm trợ trong giấc mộng sau này trở nên một nhà văn. Philip Stone đã đọc và đã cảm phục vài bài thơ đầu tiên của Faulkner và là một trong những người đầu tiên khám phá ra tài năng của William Faulkner, nên Stone đã là người hướng dẫn của Faulkner và đã giới thiệu Faulkner với nhà văn danh tiếng James Joyce, rồi các tác phẩm của James Joyce cũng ảnh hưởng tới William Faulkner. Lúc đầu, Faulkner đã gửi cho Stone vài bài thơ và vài truyện ngắn, hy vọng rằng những sáng tác này sẽ được xuất bản

và Stone đã gửi những tài liệu này tới vài nhà xuất bản nhưng tất cả đều bị từ chối.

Vào thời gian này, nhà văn trẻ William Faulkner đã bị ảnh hưởng rất nhiều do lịch sử của gia đình, của miền đất mà tác giả đang sinh sống. Mississippi là nơi đã cho tác giả này tính khôi hài, rồi lối sống của người Mỹ da đen, các đặc tính của miền Nam... với các con người thông minh sau các bộ mặt tốt lành cũng như khờ khạo, tất cả là các đề tài không có thời gian tính đối với tác giả.

Do Faulkner chỉ cao 5 feet 5.5 inches, không đủ cao để tham gia Bộ Binh Hoa Kỳ, Faulkner đã đầu quân vào một đơn vị trừ bị của Quân Lực Anh (the British Armed Forces) tại Toronto, Canada, nhưng khi đang tập luyện thì Thế Chiến Thứ Nhất chấm dứt và Faulkner trở lại Hoa Kỳ sinh sống. Vào năm 1918, khi Faulkner tham dự vào Quân Lực Anh, người ta đã đánh máy nhầm tên thực "Falkner" thành "Faulkner" và tác giả William Faulkner đã giữ tên sau này bởi vì chữ "Faulkner" liên quan với tiểu bang Mississippi nhiều hơn.

Năm 1925, William Faulkner viết xong cuốn tiểu thuyết đầu tiên có tên là "Lương Lính" (Soldiers' Pay) sau ảnh hưởng trực tiếp bởi nhà văn Sherwood Anderson khi tác giả Faulkner viết truyện hư cấu (fiction), tiếp theo là cuốn tiểu thuyết thứ hai "Các Con Muỗi" (Mosquitoes). Cả hai cuốn truyện này đã được Sherwood Andersen giới thiệu với nhà xuất bản của riêng ông ta.

Vào mùa hè năm 1927, William Faulkner viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên liên quan tới địa phương giả tưởng Yoknapatawpha, với tên là "Các Lá Cờ trong Cát Bụi" (Flags in the

Dust). Cuốn tiểu thuyết này đã mô tả rất nhiều về các tập quán và lịch sử của Miền Nam Hoa Kỳ, là nơi mà tác giả đã say mê lúc thiếu thời. Khi viết xong cuốn truyện này, tác giả Faulkner rất hãnh diện về nó và tin tưởng rằng cuốn truyện này được cải tiến hơn 2 cuốn truyện trước. Nhưng khi cuốn truyện được gửi cho nhà xuất bản Boni & Liveright, tác phẩm này đã bị từ chối, đây là điều làm cho tác giả Faulkner bị sững sốt. Sau đó, Ben Wasson là nhà biên tập văn chương đã điều chỉnh lại toàn bộ cuốn truyện và cuối cùng, cuốn tiểu thuyết được xuất bản vào năm 1928 với tên là "Sartoris".

Vào mùa thu năm 1928 khi được 30 tuổi, Faulkner bắt đầu viết cuốn truyện "Âm Thanh và Cuồng Nộ" (The Sound and the Fury) với ba truyện ngắn kể về một nhóm trẻ em có cùng họ là Compson, nhưng tác giả đã cảm thấy rằng các nhân vật này xứng đáng ở trong một cuốn tiểu thuyết dài hơn. Do kinh nghiệm đã bị các nhà xuất bản từ chối đối với cuốn truyện "Các Lá Cờ trong Cát Bụi", tác giả Faulkner từ nay trở nên không còn quan tâm tới các nhà xuất bản nữa mà viết văn do chính mình sáng tạo, ông đã dùng thể văn thực nghiệm (experimental style) để trình bày tác phẩm và William Faulkner đã nói: "Vào một ngày, có vẻ như tôi đóng cửa giữa tôi và các nhà xuất bản cùng các danh sách tác phẩm, tôi đã nói với tôi rằng bây giờ tôi có thể viết văn". Sau khi hoàn thành một tác phẩm, Faulkner không còn cần tới Ben Wasson nữa, đây là nhà biên tập chuyên nghiệp thường hay thêm vào trong các bài viết các dấu chấm câu hay biên soạn lại bài viết cho rõ ràng hơn.

Năm 1929, Faulkner cưới cô Estelle Oldham, chàng phù rể là Andrew Kuhn. Estelle mang hai đứa con riêng với ông chồng trước là Cornell Franklin và từ đây, Faulkner phải lo lắng cho một gia đình mới. Từ năm 1930, William Faulkner đã gửi nhiều truyện ngắn tới các nhà xuất bản khác nhau và các sáng tác của Faulkner đã được phổ biến, nhờ vậy đã mang lại đủ lợi tức cho tác giả và Faulkner đã có thể mua một căn nhà tại Oxford cho gia đình cư ngụ, ông đã gọi căn nhà này là "Rowan Oak".

Qua năm 1932, tình trạng tài chính của Faulkner có vẻ kém sáng sủa nên ông đã yêu cầu người đại diện thương mại của ông là Ben Wasson bán đi bản quyền của cuốn truyện "Ánh Sáng Tháng Tám" (Light in August) cho một tạp chí nào đó, lấy \$5,000 mỹ kim, nhưng không một nhà xuất bản nào nhận đề nghị này trong khi đó, phim trường MGM đề nghị Faulkner viết truyện phim cho Hollywood. Faulkner không phải là một người đam mê phim ảnh, nhưng ông đang cần tiền, vì vậy Faulkner đã nhận lãnh việc làm kể trên và dọn nhà qua thành phố Culver (Culver City) trong tiểu bang California vào tháng 5 năm 1932. Tại nơi này, Faulkner làm việc với đạo diễn Howard Hawks, cả hai người này rất hợp với nhau bởi vì cả hai cùng ưa thích uống rượu và đi săn. Cũng tại California, người em trai của ông Howard Hawks là ông William Hawks đã làm đại diện thương mại cho Faulkner tại Hollywood. William Faulkner tiếp tục nghề viết truyện phim trong suốt hai thập niên 1930 và 1940.

Từ tháng 2 năm 1957 tới tháng 6 năm đó và trong năm 1958, William Faulkner là Giáo

Sư dạy viết văn (Writer-in-Residence) tại Đại Học Virginia (the University of Virginia) nằm trong thành phố Charlottesville, Virginia.

Vào năm 1959, William Faulkner bị một tai nạn nghiêm trọng khi cưỡi ngựa, ông qua đời vì bệnh tim (myocardial infarction) vào ngày 6/7/1962 tại bệnh viện Wright's Sanitorium tại Byhalia, Mississippi, thọ 64 tuổi, rồi được chôn cất trong nghĩa trang St. Peter's trong tỉnh Oxford.

2/ Đời sống riêng tư của William Faulkner.

Khi còn tuổi thanh niên, William Faulkner đã quen thân với cô Estelle Oldham, con gái của Thiếu Tá Lemuel và bà Lida Oldham và đã tưởng rằng sau này, ông sẽ cưới cô Estelle này. Nhưng cô Estelle có nhiều bạn trai, một trong các bạn này là Cornell Franklin, đã đề nghị đám cưới với cô Estelle vào năm 1918 trước khi Faulkner dự tính. Cha mẹ của cô Estelle cũng khuyên cô Estelle nên kết hôn với Cornell bởi vì cậu này đã học xong Luật Khoa tại trường Ole Miss và đã được nhận làm Thiếu Tá trong lực lượng Địa Phương Hawaii (the Hawaiian Territorial Forces), ngoài ra cậu Cornell còn thuộc về một gia đình cổ kính. Sau 10 năm, cuộc hôn nhân của Cornell Franklin và Estelle Oldham bị đổ vỡ, và Estelle ly dị chồng vào tháng 4 năm 1929.

William Faulkner đã cưới Estelle vào tháng 6 năm 1929 tại Nhà Thờ College Hill Presbyterian, ở bên ngoài của tỉnh Oxford, Mississippi. Họ đi trăng mật tại Pascagoula, trên bờ biển Mississippi Gulf Coast rồi trở lại Oxford. Năm 1939, Faulkner mua một căn nhà xây dựng trước Thế Chiến Thứ Nhất mà

ông đặt tên là "Rowan Oak". Sau khi Faulkner qua đời, bà Estelle và cô con gái Jill còn sinh sống tại nơi đây cho tới khi bà Estelle lìa đời vào năm 1972. Bất động sản này được bán cho trường Đại Học Mississippi vào năm 1972. Căn nhà và các bàn ghế còn được lưu giữ như thời kỳ còn sinh sống của William Faulkner, với một bức tường còn ghi lại các chữ viết của tác giả Faulkner khi ông đang viết cuốn tiểu thuyết "Truyện Ngụ Ngôn" (A Fable).

Mặc dù là một con người ham thích rượu, William Faulkner không bao giờ uống rượu khi viết văn và ông chỉ uống thật say sưa khi công việc đã hoàn thành. Nhà văn Faulkner là người có nhiều mối tình ngoại hôn. Một mối tình là với cô thư ký của ông Howard Hawk, tên là Meta Carpenter. Từ năm 1949 tới năm 1953, Faulkner liên hệ tình cảm với nhà văn trẻ là cô Joan Williams, tác giả của cuốn truyện "The Wintering". Khi William Faulkner tới thành phố Stockholm để lãnh Giải thưởng Nobel Văn Chương vào tháng 12 năm 1950, ông ta đã gặp cô Else Jonsson và mối tình kéo dài tới cuối năm 1953. Cô Else này là góa phụ của nhà báo Thorsten Jonsson, người đã phỏng vấn William Faulkner vào năm 1946 và đã giới thiệu William Faulkner với các độc giả Thụy Điển.

3/ Văn Nghiệp của Đại Văn Hào William Faulkner.

Từ đầu thập niên 1920 tới khi Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ, từ khi William rời bỏ tiểu bang Mississippi để sang tiểu bang California làm việc, ông đã cho xuất bản 13 tiểu thuyết và nhiều truyện ngắn, tất cả các sáng tác này

đã làm cho nhà văn William Faulkner nổi danh và đưa tới thành công là ông đã lãnh được Giải thưởng Nobel Văn Chương vào năm 52 tuổi. Số lượng tác phẩm phi thường này là do tác giả bị thúc động bởi nhu cầu ẩn khuất bên trong, đó là vấn đề cần tiền, và các tác phẩm nổi danh nhất có thể kể ra như sau: “Âm Thanh và Cuồng Nộ” (The Sound and the Fury, 1929), “Khi tôi nằm chết” (As I Lay Dying, 1930), “Ánh Sáng Tháng Tám” (Light in August, 1932), “Absalom, Absalom!” (1936). William Faulkner còn là một nhà văn viết truyện ngắn rất phong phú.

Tuyển tập truyện ngắn đầu tiên của William Faulkner có tên là “These 13” (1931) bao gồm nhiều truyện được ca ngợi như “Một Bông Hồng cho Emily” (A Rose for Emily), “Lá Đỏ” (Red Leaves), “Mặt Trời chiều hôm đó” (That Evening Sun) và “Tháng Chín khô ráo” (Dry September). Nhà văn William Faulkner đã đặt các truyện ngắn và tiểu thuyết xảy ra trong Hạt Yoknapatawpha, đây là một địa phương hư cấu giống như Hạt Lafayette của tỉnh Oxford, trong tiểu bang Mississippi.

Ba tiểu thuyết “Ngôi Làng nhỏ” (The Hamlet), “Tỉnh thành” (The Town) và “Căn Nhà Lớn” (The Mansion) trong bộ tiểu thuyết ba tập có tên là “the Snopes Trilogy” đã đề cập tới tỉnh nhỏ Jefferson và các vùng phụ cận, nói bóng gió về gia đình Flem Snopes cũng như các cuộc sống và tâm lý của đa số dân chúng.

William Faulkner nổi danh vì thể văn thực nghiệm (experimental style) và cách chú ý tỉ mỉ vào cách diễn tả cùng ngữ điệu, khác biệt với cách diễn tả đơn giản của nhà

văn cùng thời là Ernest Hemingway. Faulkner cũng thường dùng “nguồn ý thức” (stream of consciousness) trong khi viết văn, dùng tới nhiều loại nhân vật như các người nô lệ trước kia và con cháu của họ, các người da trắng nghèo khó, các người dân miền Nam làm việc đồng áng, làm lao động hay các nhà quý tộc của miền Nam nước Mỹ.

William Faulkner cũng viết ra hai tập thơ xuất bản bằng chữ nhỏ với tên là “The Marble Faun” (1924) và “A Green Bough” (1933) và một tuyển tập các truyện ngắn về tội ác hư cấu có tên là “Knight’s Gambit” (1949).

4/ Các Phần Thưởng.

William Faulkner được trao Giải thưởng Nobel Văn Chương của năm 1954 vì “sự đóng góp duy nhất vừa có tính cách mạnh mẽ vừa có tính cách nghệ thuật vào bộ môn tiểu thuyết mới của Hoa Kỳ” (for “his powerful and artistically unique contribution to the modern American novel”). Nhân vật lãnh Giải thưởng Nobel Văn Chương năm 1950 là nhà văn kiêm nhà triết học người Anh Bertrand Russell. Vào năm 1951, Chính Phủ Pháp cũng trao tặng Văn Hào William Faulkner huy chương “Bắc Đẩu Bội Tinh” (Chevalier de la Legion d’honneur).

William Faulkner là người ác cảm với danh tiếng và vinh quang nên cô con gái của ông, lên 17 tuổi, chỉ biết tin tức về Giải thưởng Nobel của cha khi cô học sinh này được gọi lên văn phòng Hiệu Trưởng và được thông báo tin mừng. Văn Hào William Faulkner đã tặng một phần của số tiền thưởng để “thiết lập một ngân quỹ để yểm trợ và khuyến khích các nhà văn mới viết

truyện hư cấu” (to establish a fund to support and encourage new fiction writers), kết quả là “Giải Thưởng PEN/Faulkner dành cho truyện hư cấu” (the PEN/Faulkner Award for Fiction) được thành lập. Một phần khác của số tiền thưởng Nobel được ông trao tặng cho một ngân hàng địa phương Oxford, để thiết lập quỹ học bổng có mục đích giúp đỡ các nhà giáo Mỹ da đen tại Đại Học Rust (Rust College) thuộc tỉnh Holly Springs, trong tiểu bang Mississippi.

Văn Hào William Faulkner cũng nhận được hai Giải Thưởng Pulitzer vì hai cuốn tiểu thuyết loại trung (minor novels): cuốn tiểu thuyết “A Fable” (Một truyện Ngụ Ngôn) viết năm 1954 đã đoạt Giải Pulitzer năm 1955, và cuốn tiểu thuyết “The Reivers” viết năm 1962 được trao tặng Giải Thưởng Pulitzer của năm 1963 khi tác giả đã qua đời. Ngoài ra, tác giả William Faulkner còn nhận được hai lần “Giải Thưởng Sách Quốc Gia Hoa Kỳ” (the U.S. National Book Award) vì “Tuyển Tập các Truyện Ngắn” (Collected Stories, 1951) và cuốn truyện “Một Ngụ Ngôn” (A Fable, 1955). Vào năm 1946, William Faulkner đứng thứ hai sau Rhea Galati trong cuộc thi Phần Thưởng của Tạp Chí Bí Mật (Mystery Magazine Award).

Vào ngày 03/8/1987, Bưu Điện Hoa Kỳ đã phát hành loại tem thư 22 cents với hình Đại Văn Hào William Faulkner bởi vì trước kia, ông đã làm Trưởng Ty Bưu Điện (Postmaster) tại Đại Học Mississippi.

5/ Các Tác Phẩm của Đại Văn Hào William Faulkner.

Các Tiểu Thuyết:

- Soldiers' Pay, 1926 (Lương Lính).
- Mosquitoes, 1927 (Các Con Muỗi).
- The Sound and the Fury, 1929 (Âm Thanh và Cuồng Nộ).
- Sartoris/Flags in the Dust, 1929/1973 (Sartoris/Các Lá Cờ trong Cát Bụi).
- As I Lay Dying, 1930 (Khi Tôi Nằm Chết).
- Sanctuary, 1931 (Chính Điện).
- Light in August, 1932 (Ánh Sáng Tháng Tám).
- Pylon, 1935.
- Absalom, Absalom! 1936.
- The Unvanquished, 1938 (Người không bị chế ngự).
- If I Forget Thee Jerusalem (the Wild Palms/Old Man), 1939 (Nếu Tôi Quên Jerusalem).
- The Hamlet, 1940 (Xóm Nhỏ).
- Go Down, Moses, 1942 (Đi Xuống, Moses).
- Intruder in the Dust, 1948 (Kẻ Xâm Nhập trong Cát Bụi).
- Requiem for a Nun, 1951 (Nhạc Cầu Hồn cho một Nữ Tu).
- A Fable, 1954 (Một Truyện Ngụ Ngôn).
- The Town, 1957 (Thị Trấn).
- The Mansion, 1959 (Tòa Nhà Lớn).
- The Reivers, 1962.

Các Truyện Ngắn:

- Landing in Luck, 1919 (Nhờ Vận May).
- The Hill, 1922 (Ngọn Đồi).
- New Orleans.
- Mirrors of Chartres Street, 1925 (Các Tấm Gương của Đường Chartres).
- Damon and Pythias Unlimited, 1925.
- Jealousy, 1925 (Ghen Tuông).
- Cheest, 1925.
- These Thirteen (1931)
- Knight's Gambit (1949)
- Faulkner's County (1955)
- Và hàng trăm truyện ngắn khác./.

NGƯỜI VIỆT LÀM THƠ TIẾNG ANH

(Thơ Song-Ngữ Việt-Anh)

(Tiếp Theo Cỏ Thơm 72)

Lê Xuân Nhuận

Tuy nhiên, nói thế không phải là để chúng ta ngại-ngần trong việc làm thơ tiếng Anh hay dịch thơ tiếng mình sang thơ tiếng Anh.

Xin đề-nghị các bạn hãy mạnh-dạn sáng-tác trực-tiếp, hoặc đẩy mạnh việc chuyển-ngữ các tác-phẩm của mình qua tiếng Anh, bắt đầu bằng từng bài một. Có ai mà không có dịp gặp-gỡ chuyện-trò với người nước ngoài; và nếu mình được giới-thiệu là một nhà-thơ mà lại có sẵn cả bản tiếng Anh để đưa cho họ đọc thì cả họ lẫn mình sẽ thích-thú đến ngần nào; hướng hồ đăng lên báo, in thành sách, gửi vào thư-viện cho mọi người có thể đọc được, tức là góp phần giới-thiệu văn-học, văn-hóa của nước mình, đến độc-giả các nước ngoài.

*

Về việc *phiên-dịch/chuyển-ngữ* thơ, dịch-giả không phải chỉ cần *giỏi tiếng Anh*, mà còn cần phải *sành thơ, biết thêm đặc-ngữ, điển-tích*, v.v...

Xin đơn-cử vài thí-dụ:

1) Trong cuốn “The Silence of Yesterday” (*Sự Im Lặng của Ngày Hôm Qua*) của “Cội Nguồn”, có bài thơ tiếng Việt “*Lui Về Tiên Sử*” của Khang Lang,

trong đó có đoạn “Ta, hề!” Một dịch-giả được gọi là học-giả, đã dịch 2 chữ “*Ta, hề*” ra là “*It's laughable!*” (Nực cười thay!). Người rành thơ Việt hẳn biết giai-thoại Kinh Kha với các câu “Phong tiêu tiêu *hề*, Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ *hề*, bất phục hoàn” (*Gió hiu hắt thổi, sóng Dịch lạnh, Tráng sĩ ra đi không trở về*). Nhiều thi-sĩ Việt đã dùng chữ “*hề*”, thí-dụ Trần Hoan Trinh trong bài “Tráng Sĩ Hành Ca”:

Vung kiếm ta ca, *hề*, Sát Thát
Võ gươm ta hát, *hề*, Nam chinh
Vẫy súng ta thề, *hề*, Bắc phạt
Gậy đàn, ta mơ, *hề*, thái bình...

Có người Việt-hóa (Nôm-hóa) chữ “*hề*” thành chữ “*chừ*”, thí-dụ Minh Đức dịch bài “*Phóng Cuồng Ngâm*” của Tuệ Trung Thượng Sĩ, với các câu:

Trời đất liếc trông *chừ*, ôi mệnh mang!
Chống gậy rong chơi *chừ*, phương ngoài phương

Đạo chón cao cao *chừ*, mây đỉnh núi
Hoặc nơi sâu sâu *chừ*, nước trùng dương...

Chữ “*hề*” ở đây không có nghĩa là “*làm hề*”, “*như một tên hề*”, mà là một thán-từ (interjection) tương-đương với “*Hey! Ho!*” trong tiếng Anh, dùng để nhấn mạnh một cảm-xúc, trong các lời ca, tiếng hát, thí-dụ Ban Nhạc The Lumineers của Mỹ nổi tiếng với bài:



L'Hiver: Tranh của LIÊN HƯƠNG

(Ho!) I've been trying to do it right
(Hey!) I've been living a lonely life
(Ho!) I've been sleeping here instead
(Hey!) I've been sleeping in my bed...

2) Trong cuốn “*Ru Thâm Tiếng Gọi Việt Nam*” của Ngọc An, có bài thơ “*Biên Nhớ*” trong đó có câu “Bao nhiêu hạnh phúc chắt chiu, Đào Nguyên một thuở Nguyễn Lưu lạc đường”, mà người dịch, được giới-thiệu là một giáo-sư tiến-sĩ, đã dịch ra là “So much bliss had been spared, Of a happy land, now Nguyen Luu lost his way!” lại còn chú-thích là: “Nguyen Luu, an imaginary person in a historical myth who had visited the paradise in Heaven” (Nguyễn Lưu là một nhân-vật tưởng-tượng trong thần-thoại lịch-sử choràng ông đã viếng thăm thiên-

đường trên Trời”). Nguyễn Lưu thực ra là Lưu+Nguyễn, là *hai* nhân-vật Lưu Thần và Nguyễn Triệu, đời Hán, đã từng lạc vào Thiên-Thai, chứ không phải là *một* ông Nguyễn Lưu.

3) Trong tác-phẩm “*cuối đời*” của Hà Huyền Chi, “*The Best of Ha Huyen Chi*”, người dịch, cũng là nhà-thơ/nhà-văn, đã dịch bừa-bãi rất nhiều câu thơ trong nhiều bài thơ. Vài thí-dụ: Bài số 591, có câu “*Dăm thùng sách mới nằm say ngủ*”, mà lời dịch là “Some new book boxes do not open” (Mấy thùng sách mới không mở ra). “Open” là một ngoại/tha-động-từ (mở [cái gì] ra), mà “thùng sách” là tĩnh-vật, không thể làm chủ-từ cho “open”, làm sao *tự mở ra* được. Bài số 592, có câu “*Nói gì câu đá mòn sông cạn*”, mà

lời dịch là “We *no need* to talk about the fervid loyalty”. Nếu “need” là danh-từ thì nó phải là “We don't have *the need* to”; nếu nó là động-từ thì nó phải là “We don't *need* to”; *không thể* nói/viết “We *no need*”. Bài 594, có câu “*Yêu nhau là chuyện hoang đường, Không yêu đời lãng, lại thương tiếc đời*”, mà lời dịch là “*Falling into our affections are a fabulous story, But if we do not love We will be regret all our lives*”. Động-danh-từ “falling” là *số ít*, làm chủ-từ cho “to be”, thì “to be” *phải ở số ít* (“is”) chứ *không thể ở số nhiều* (“are”); “to be” là động-từ bắt-quy-tắc, nếu đứng trước một động-từ thứ hai, thì động-từ thứ hai phải ở thể tiến-hành (“be regretting”) hoặc quá-khứ phân-từ (be regretted),...

*

Riêng về việc *sáng-tác* trực-tiếp hoặc *chuyển-ngữ* thơ Việt qua tiếng Anh, mà *muốn thành thơ có vần*, chúng tôi xin các bạn để ý một điểm, đó là *vần thơ* (rhyme) trong tiếng Anh.

Lâu nay, có nhiều bài thơ tiếng Anh mà tác-giả và dịch-giả người Việt muốn viết ra *như-có-vần* nhưng đều *thực-sự không-có-vần*.

Tiếng Anh là tiếng *đa-âm*, tiếng Pháp cũng là tiếng *đa-âm*, nhưng có sự *khác nhau* là trong tiếng Pháp thì *âm* (*syllable*) nào cũng được phát-âm (*nhấn giọng*) như nhau, giống như các âm trong các từ *đa-âm* của tiếng Việt; ngược lại, trong tiếng Anh thì *chỉ có một* hoặc *một số âm* là được *nhấn giọng* (*stress, emphasize*), còn các âm khác thì

không được *nhấn giọng* cho nên *không được xem là một âm* trong việc chọn âm để *định vần* cho thơ.

Thí-dụ:

“culture” (cả Anh lẫn Pháp) là văn-hóa,

“nature” (cả Anh lẫn Pháp) là tạo-hóa.

Xét trong tiếng Việt, thì “văn hóa” và “tạo hóa” *cùng vần với nhau*, vì ta dùng các âm cuối là “hóa”; *cũng như trong tiếng Pháp* thì “culture” và “nature” *ăn vần với nhau*, vì Pháp dùng các âm cuối là “ure” để làm vần cho thơ.

Còn *trong tiếng Anh* thì ngược lại, vì các âm cuối “ure” là âm *không được “nhấn giọng”*, nên *không được dùng làm vần cho thơ*; trong lúc đó thì “cult” (trong “culture”) và “nat” (trong “nature”) mới là âm *được “nhấn giọng”*, nhưng chúng lại *không ăn vần với nhau*, vì một bên là “cult” và một bên là “nat”; do đó, “culture” và “nature” tuy đều tận cùng bằng âm “ure” nhưng vì “cult” và “nat” *không ăn vần với nhau*, nên ta *không thể dùng “culture” và “nature” làm 2 âm cuối-cùng* cho 2 câu thơ có vần.

*

Tóm lại, chúng ta cần *sáng-tác* trực-tiếp hoặc *phiên-dịch* hay *chuyển-ngữ* thơ tiếng Việt sang tiếng Anh, để tiếng nói đầy tình-tự dân-tộc của *Người Việt* nói chung, của *Người Việt Hải-Ngoại* nói riêng, không bị quên lãng, hoặc bị lấn-át bởi tiếng nói phi-dân-tộc, trước “bồn biển, năm châu”, trong bối-cảnh *toàn-cầu-hóa* mọi sinh-hoạt hiện nay.

LXN

Hội-viên Văn-Bút Quốc-Tế, PEN Center USA

KÉN CHỒNG

Phong Thu

Không hiểu tại sao mẹ cứ hỏi Huyền một câu duy nhất: “Sao lâu quá không thấy thằng Thuần đến chơi?”. Huyền chỉ âm ừ cho qua chuyện: “Anh ta đi công tác ở tiểu bang khác rồi”. Thiệt là chán! Nhiều người đến đây chơi lắm! Đến cả tá kia chứ mà không ai được nhắc tới, chỉ có duy nhất Thuần là luôn được mẹ và anh Luận hỏi hoài. Huyền muốn trả lời rằng: “Con “ghét” anh ta lắm! Mẹ đừng hỏi nữa”. Nhưng lại sợ mẹ buồn còn anh Luận sẽ hứ cái cốc và lại bảo: “Già kén chẹn hom. Mai mốt sẽ gặp trúng cùi chuối thối”. Anh Luận ác mồm, ác miệng lắm! Anh là phe húi của nên không hiểu gì về phe tóc dài. Phe tóc dài phải làm cao, phải chải, phải kiêu hãnh để mấy anh chàng lết bánh cho bõ ghét. Hứ! Yêu cô này mà liếc cô kia. Bữa nay đi chơi với mình, ngày mai đi chơi với cô khác, đã vậy còn em nuôi, chị nuôi một đống. Không biết em nuôi thiệt hay em nuôi giả nhưng coi bộ nội cái việc viết thư và hẹn hò không cũng hết thời gian. Huyền không làm cao sao được với mấy anh chàng bắt cá hai, ba, bốn, năm...tay. Anh nào cũng tưởng

mình đẹp trai hào hoa phong nhã, thông minh xuất chúng nhưng thực ra chỉ đáng xách dép cho Huyền. Huyền nói với mẹ là nàng không thèm lấy chồng, chỉ thích quen rồi làm bạn cho qua ngày tháng. Mặt mẹ thoáng nét buồn nhưng bà chỉ im lặng không nói gì. Anh Luận thì nhạo báng nàng:

_ Anh nói cho mà nghe. Hoa nở rồi tàn, trăng tròn rồi khuyết. Không ai đẹp mãi với thời gian và không có gì là vĩnh viễn tuyệt đối. Em nên tìm cái tương đối của người đời mà lựa chọn một tình yêu. Em đâu có còn trẻ trung gì nữa mà cứ đứng núi này trông núi nọ. Ai em cũng trẻ môi... Tiến thì em chê hút thuốc lá quá nhiều, Lạc thì em bảo hấn lưỡi biếng, Dũng thì em nói quê mùa một cục không biết ga lăng, Nhã thì cờ bạc, rượu chè, Lộc thì cho là anh ta keo kiệt... tính ra mấy chục tên mà cuối cùng em chỉ ôm một trứng hột vịt lộn...

Huyền trả đũa:

_ Còn anh thì “chúu khọ” nên ế vợ. Hứ! Bộ ngon hơn em à!

_ Anh là con trai, muốn lấy vợ hồi nào mà không được. Chỉ sợ em...

_ Ủ! Em vậy đó rồi sao?

Thấy cái bản mặt Huyền méo xẹo là Luận phải đưa hai tay lên chào thua. Lần đó Huyền đã khóc sướt mướt và cho rằng Luận không thông cảm thương cho thân phận liễu yếu của nàng. Đâu

phải tại nàng kén chọn mà tại vì không tìm ra một đối tượng nào thích hợp để “nâng khăn sửa lưng” (trời đất ơi! Lấy chồng mà chỉ thích sửa lưng chớ không thêm sửa tui). Anh Luận phải năn nỉ một ngày và còn phải đền cho nàng một cái áo đầm thật đẹp, một châu xi-nê và kể chuyện tâm lý đàn ông thanh niên cho nàng nghe. Huyền nghe rồi cũng bỏ ngoài tai, hơi sức đâu mà nghe mấy tên húi cua. Họ chỉ hòa với nhau thôi.

Nói thì dễ ợt, ai nói không được nhưng đến khi thực hành và chạm thực tế thì mới thấy khó khăn. Huyền biết mình không đẹp đến “nghiêng thùng đổ nước” nhưng duyên dáng có học thức và có địa vị xã hội. Huyền muốn quen với một người tương xứng về trình độ và ngang bằng với nàng về mọi mặt. Thế rồi anh Luận dẫn về nhà một người bạn – Thuần, kỹ sư điện toán. Anh hơn nàng bốn tuổi, đẹp trai và thanh lịch. Thuần là đối tượng của nhiều cô gái để mắt tới. Thuần lui tới nhà nàng đã hai năm mà anh vẫn chưa bao giờ tỏ thái độ gì đối với nàng. Anh thích nói chuyện với mẹ và anh Luận hơn là nói chuyện với nàng. Anh lại không bao giờ mời nàng đi chơi một mình và luôn luôn lôi cho được anh Luận đi cùng. Một cô gái vừa kiêu hãnh vừa được nhiều người đàn ông theo đuổi như nàng dễ bị chạm tự ái, cho nên thường là nàng từ chối và hay đi chơi với những người bạn

traí khác. Nhiều lần mẹ và anh Luận hỏi tại sao thằng Thuần dễ thương như vậy mà con không muốn kết bạn thân thì nàng trả lời cộc lốc là “không hợp nhau mẹ ơi!”. Huyền nói vậy nhưng trong tâm nàng rất buồn mà không hiểu tại sao. Tháng vừa qua, bỗng dưng nửa đêm Thuần gọi điện thoại riêng cho nàng và báo tin rằng anh sắp đi xa. Lòng Huyền nôn nao một nỗi buồn kỳ lạ. Nàng nghe rõ giọng nói ấm và trầm đục của anh:

_ Tuần sau Thuần đi xa lắm không biết bao giờ trở về.

Huyền trả lời hững hờ:

_ Vậy hả? Sao lại đi xa vậy?

_ Huyền không buồn khi hay tin tôi đi à!

_ Ủ! Thì mất đi một người bạn cũng buồn nhưng rồi anh cũng sẽ quên hết mọi người ở đây.

Thuần trách móc:

_ Xin Huyền đừng mĩa mai ! Tôi đâu phải là loại người dễ quên.

Huyền đেম vô một câu hết sức vô duyên:

_ Ai cũng nói khó quên nhưng rồi họ là kẻ quên nhanh nhất.

_ Huyền không bao giờ dành cho tôi một chút tình cảm nào.

_ Không đúng đâu. Tôi vẫn luôn xem anh là một người bạn của gia đình. Anh là người đàn ông không bao giờ cô đơn.

Huyền nghe tiếng Thuận thở dài trong máy điện thoại. Nàng hơi hối hận nhưng vẫn chưa buông tha cho anh:

_ Huyền chúc anh gặp nhiều may mắn. Nhất là tìm được một đối tượng tâm đầu ý hợp.

_ Tuần sau Huyền có đưa tôi ra sân bay không?

_ Chắc là không vì Huyền phải đi làm.

_ Thôi chúc Huyền ngủ ngon.

Thuần không nói gì thêm, anh gác máy. Tại sao anh ta gọi mình nửa đêm? Một việc không bao giờ xảy ra trước kia. Giọng còn giận dỗi, trách cứ. Thật là lạ! Làm giống y như mình có hẹn hò, yêu thương gì với anh ta. Bụng nghĩ vậy nhưng sau một tuần khi Thuận ra đi và suốt một tháng không thấy bóng dáng anh, không nghe tiếng anh cười nói và mỗi khi nghe mẹ khen hay nhắc Thuận là nàng cảm thấy trống vắng và buồn. Những người thanh niên đến nhà chơi hay thỉnh thoảng mời Huyền đi uống nước, đi xem phim với họ nàng vẫn cảm thấy thiếu thốn một cái gì rất lớn.

* * *

Buổi chiều cuối tuần, khi từ sở về nhà Huyền ghé vào chợ Asian mua thức ăn thì gặp Thuận đang đứng lựa trái cây với một cô gái rất trẻ đẹp và ăn mặc rất mát. Cả hai cười nói rất vui vẻ, nhưng khi nhìn thấy nàng, Thuận vội vã bước đến chào hỏi rất nồng nhiệt:

_ Huyền! Không ngờ gặp Huyền ở đây. Tôi định tối nay mua ít trái cây đến thăm gia đình.

Huyền hơi ngỡ ngàng, nàng lúng túng chưa biết trả lời ra sao thì cô gái bạn Thuận nhìn nàng và hỏi:

_ Đây là...

_ Ồ! Đây là Huyền, em gái của bạn anh, còn đây là Linda.

Linda cười rất duyên dáng:

_ Chào chị Huyền. Hân hạnh được biết chị – Không chờ Huyền trả lời, Linda nói với Thuận – Em phải mua thức ăn. Anh cứ tự nhiên nói chuyện với chị Huyền.

Linda chào Huyền rồi quay đi. Huyền chưa biết phải mở đầu bằng câu gì thì Thuận đã lên tiếng:

_ Tôi mới trở về đây hôm qua. Có thể tôi sẽ ở lại đây luôn mà cũng có thể lại đi.

_ Tôi cũng mừng khi gặp lại anh. Mẹ tôi và anh Luận luôn nhắc anh.

Thuần nhìn sâu vào đôi mắt nàng:

_ Còn Huyền thì không bao giờ nhớ đến tôi.

_ Tôi không dám... Thôi, tôi bận lắm! Nếu anh rảnh ghé nhà chơi và nhớ dẫn theo Linda.

Huyền ra về mà lòng cứ bâng khuâng. Mới có bốn tháng mà Thuận đã có đối tượng đặc biệt. Cô gái khá xinh, trẻ trung và tươi mát. Huyền đâu

phải là đối tượng của Thuần. Tại sao tất cả những người con trai khác theo đuổi nàng, chiều chuộng nàng hết mực, còn Thuần thì lại bướng bỉnh như con ngựa chướng. Bốn tháng rời Maryland, Thuần không gửi một lá thư, không một cú điện thoại, rồi bây giờ tự nhiên lù lù trở lại và dẫn theo một cô gái trẻ đẹp để chọc tức nàng. Còn khuya nàng mới ghen hờn. Mặc mở gì mà phải bực bội với anh ta và khó chịu với cô gái đó chớ. Cô ta chưa chắc hơn nàng. Huyền cứ suy nghĩ mênh mang và về nhà rồi mà vẫn không hay. Anh Luận đang ngồi đọc báo thấy Huyền lẩm lũi đi xuống bếp không nói gì thì hỏi liền:

_ Huyền à! Sao bữa nay em không được vui vậy.

Huyền ú ớ :

_ Dạ đâu có gì, tại em mệt đó thôi.

_ Có gì nói cho anh nghe coi. Anh không chọc ghẹo em nữa đâu.

_ Không có gì đâu anh. Mẹ đâu rồi?

_ Mẹ đi thăm bác Sương bên hàng xóm. Mẹ sẽ về trễ tối nay vì bên đó có tiệc lớn lắm. Anh quên báo tin cho em hay là Thuần sẽ đến đây tối nay.

Huyền nhún vai:

_ Em biết rồi. Em mới gặp anh ấy ở ngoài chợ.

Luận dò xét em gái:

_ Anh thấy Thuần rất tốt và rất đứng đắn. Anh ấy có cảm tình đặc biệt với em mà sao em cứ thờ ơ.

_ Anh Luận à! Làm sao anh biết Thuần có cảm tình với em. Anh ấy đến đây vì anh là bạn thân của anh ấy. Thuần là mẫu người dành cho nhiều người phụ nữ khác mà không phải cho em.

_ Anh không nghĩ vậy.

Huyền quay mặt đi chỗ khác nói:

_ Anh ta rời Maryland chỉ trong bốn tháng là đã có người yêu rồi.

_ Thật ư?

_ Em mới gặp cô ta hồi chiều. Một cô gái tuổi đôi mươi, trẻ trung, xinh đẹp. Còn em thì... thì – Huyền nhìn Luận, đôi mắt nàng thoáng nét suy tư – Em có già lắm không anh?

Lần đầu tiên Luận nghe em gái mình hỏi anh câu đó. Luận hiểu tâm trạng Huyền có điều gì bất an. Huyền vẫn còn trẻ đẹp, duyên dáng ở tuổi hai mươi sáu nhưng dù sao nét nhí nhảnh, thơ ngây của tuổi xuân cũng đang lùi dần sau lưng Huyền. Đối với anh, Huyền vẫn còn là cô em gái bé bỏng, đáng yêu nhưng đối với mẹ Huyền đang là nỗi lo của bà. Mẹ luôn mong cô út lấy chồng để mẹ có thời gian chăm sóc.

_ Em đang lo mình già đó ư? Em còn trẻ và đẹp lắm! Có gì muốn nói với anh phải không?

_ Không có gì đâu? – Huyền bối rồi không dám nhìn anh – Em đi nấu cơm nhé!

Khoảng bảy giờ Thuần đến với Linda. Luận ra mở cửa và vui vẻ mời cả hai vào nhà. Luận nhìn Linda thoáng qua và thầm công nhận nét đẹp đài các và trẻ trung của cô. Không chờ Luận hỏi, Thuần giới thiệu ngay:

_ Đây là Linda còn đây là Luận người bạn thân nhất của anh.

Linda tỏ thái độ thân thiện và lịch sự:

_ Rất vui được gặp anh.

Luận mời cả hai ngồi chơi và gọi Huyền:

_ Huyền ơi! Thuần và Linda đến. Em làm gì đó?

Tiếng của Huyền vọng lên:

_ Em đang chuẩn bị bữa ăn tối đãi anh Thuần và Linda.

Luận nhướn chân mày, anh kể tai Thuần nói nhỏ:

_ Hôm nay sẽ có bão lớn.

Mười lăm phút sau, Huyền từ bếp đi lên. Mái tóc nàng cột lên tận đỉnh đầu. Bộ quần áo vải màu xanh da trời đơn giản làm cho nàng trông hiền thực và chừng chạc. Nàng tươi cười mời mọc:

_ Hôm nay mời anh Thuần và Linda dùng bữa cơm tối với chúng tôi.

Linda nhanh miệng đáp:

_ Cảm ơn chị, em thật sự đang đói.

CHÂN TÌNH THƠ MỘNG EM

*Rời chân tình mộng về nhà
Giăng câu thơ ngọt cầm ca dao mình
Chèo ghe đi chợ bình minh
Nắng hồng hôn gót cầu kinh kệ chiều*

*Trăng thanh gió mát vòng yêu
Cung đèn nhõng nhẽo bao nhiêu cho vừa
Lòng thơ ngây ngất mộng đưa
Dư hương áo gió hứng mưa xuân hồng*

*Vén mây tiên cá cõi rồng
Ăn bông điên điển mềm lòng quê hương
Đôi nắng nhớ suối mưa thương
Chung môi giao cảm thiên đường tình ca*

*Cầu hôn mộng bướm mơ hoa
Chuồn chuồn cắn rún khổ qua gai vàng
Anh ru em ngủ cao sang
Em ru anh ngủ điệu đàn cò bay...*

MD.10/31/15

Luân Tâm

Bữa cơm dọn ra, anh Luận và Thuần vừa ăn vừa nói chuyện như bấp rang. Hết chuyện này nhảy qua chuyện khác. Huyền thì không nói gì cả, nàng cũng không biết phải mở đầu câu chuyện ra sao với một cô gái mới quen và cô ta lại là người đã làm xáo trộn tâm tư nàng hôm nay. Thỉnh thoảng nàng lịch sự gắp cho Linda vài món ăn và hỏi vài câu bâng quơ về gia thế của cô. Linda hỏi nàng:

_ Chị quen với anh Thuận bao lâu rồi?
Huyền hơi khó chịu với câu hỏi đột ngột đó nhưng cũng trả lời:

_ Anh Thuận là bạn của anh tôi thì đúng hơn. Chúng tôi biết nhau đã hơn hai năm.

_ Tôi cũng có nghe anh nhắc về chị.

_ Về cái gì?

_ Những lời khen... Linda nhìn Huyền cười.

Nàng cũng không hiểu nụ cười đó có ngụ ý gì nhưng cũng làm cho tim nàng nhói lên những cơn đau bất thường. Huyền tránh tiếp tục câu chuyện nên tìm cách đứng lên và cáo lỗi:

_ Xin lỗi anh Thuận và Linda, tôi đã ăn xong. Xin cứ tự nhiên. Tôi bận sắp xếp và rửa chén đĩa một lát sẽ trở ra ngay.

Huyền đi chưa tới năm phút thì Linda mỉm cười nói với Thuận:

_ Anh Thuận, em muốn đi về. Em hơi nhức đầu một chút.

Thuận hỏi dồn dập:

_ Em bị nhức đầu chưa hết à! Hồi chiều em có uống thuốc không?

_ Có nhưng không hiểu tại sao em lại nhức đầu trở lại.

Thuận bỏ dở bữa ăn và cáo lỗi đưa Linda về. Luận nhìn cái vẻ luống cuống của Thuận nên cũng ái ngại cho bạn. Luận không ngờ cô gái này lại có một sức hút mãnh liệt có thể điều khiển một người vốn trầm tĩnh như Thuận. Luận hỏi Huyền:

_ Em thấy sao?

_ Họ thật xứng đôi. Trai tài gái sắc. Còn gì bằng.

Luận cười, anh nhún vai:

_ Nhìn vậy mà không phải vậy.

Huyền thắc mắc:

_ Vậy là sao?

_ Em hãy tự tìm hiểu lấy.

Luận thay quần áo và dặn dò:

_ Anh phải đi đón mẹ về. Không biết anh về sớm hay ở lại đó chơi một chút.

Luận vừa đi ra độ mười phút thì Thuận quay trở lại. Huyền ngạc nhiên hỏi:

_ Anh đến hơi chậm. Anh Luận vừa đi khỏi.

_ Đâu phải lúc nào tôi đến đây cũng vì anh Luận đâu – Thấy Huyền không nói gì Thuận tiếp tục nói – Huyền không được vui.

_ Tôi cũng như mọi ngày có gì thay đổi đâu anh.

_ Hôm nay Huyền ít nói và có vẻ suy tư.

Cái anh chàng này tinh ý ghê đi. Sao anh ta giống anh Luận quá sức. Chỉ có một điều anh ta rất ngốc là không hiểu tâm lý phụ nữ. Huyền lạnh lùng hỏi:

_ Tại sao anh quay trở lại đây?

_ Tôi muốn nói với Huyền một chuyện quan trọng.

Huyền nhíu mày:

_ Anh muốn nói với tôi điều gì? Giữa tôi với anh có gì quan trọng đâu mà nói. À! Hay là anh muốn mời tôi ăn đám cưới hay

làm cô dâu phụ? – Thuần hơi bối rối. Anh chưa kịp trả lời thì Huyền lại tiếp – Hay anh muốn hỏi ý kiến tôi về vị hôn thê của anh?

_ Cô ấy đâu phải là vị hôn thê của tôi – Thuần phân trần.

_ Thôi đi anh Thuần. Có một người yêu như vậy cũng đẹp đôi còn đôi gì nữa.

_ Huyền à! Tôi đang có một quyết định rất quan trọng. Có lẽ hôm nay Huyền không được vui nên... nên... tôi muốn mời Huyền đi ăn tối với tôi một lần sau cùng.

_ Anh có mời anh Luận đi không? Còn cô Linda thì sao?

_ Anh Luận tôi sẽ mời sau. Linda thì không được tham gia vào việc này. Chỉ có Huyền thôi. Hy vọng Huyền không từ chối vì có thể tôi sẽ ở lại đây vĩnh viễn hoặc sẽ ra đi không bao giờ trở lại.

Huyền không dám nhìn vào đôi mắt thành khẩn và chan chứa tình cảm của Thuần. Lần đầu tiên nàng có cảm giác trái tim mình mềm đi nhưng nàng vẫn giữ thái độ lạnh nhạt. Tại sao lại mời mình trong lúc mình đang bực bội và không còn một chút tình cảm nào với anh ta. Hồi đó bày đặt làm cao, anh ta không đời nào sẵn đón mình. Tự nhiên hôm nay có một cái đuôi “mèo” sau lưng mà còn muốn mình đi ăn uống với anh ta. Anh ta là người không biết yêu là cái quái gì. Tội gì mình phải nhận lời. Người như vậy mà mẹ mình cho là hiền lành, đứng đắn,

anh Luận thì cứ xúi vô. Chắc bữa nay anh Luận đã sáng mắt ra rồi. Nàng đáp lững lờ:

_ Có thể. Nhưng nếu bây giờ tôi không đến thì đừng có chờ.

Thuần hỏi nàng lần sau cùng:

_ Huyền đến nha Huyền. Dù Huyền đến hay không tôi cũng chờ. Chúng ta gặp nhau tại nhà hàng Rose.

Thuần bước ra cửa, anh không quên nhắc nàng lần cuối cùng:

_ Bảy giờ tối thứ bảy tuần sau. Đừng quên nhé!

Cánh cửa khép lại. Còn lại một mình, Huyền băn khoăn không hiểu vì sao Thuần lại có những cử chỉ lạ lùng và bất thường như vậy. Mặc kệ anh ta, hơi sức đâu mà quan tâm. Dù cố trấn an lòng mình nhưng đêm đó Huyền không thể nào chợp mắt được. Một nỗi buồn vô cớ lại trùm phủ tâm tư nàng. Tại sao ta lại không thể xua đuổi nỗi hình bóng của Thuần ra khỏi suy nghĩ của ta. Ta không hề yêu anh ta kia mà. Có đúng không? Nhưng từ trong sâu thẳm của con tim nàng hiểu rằng Thuần đã chiếm một phần của cuộc sống nàng. Huyền ơi! Đừng tự dối lòng. Nàng mơ màng và thiếp đi trong giấc ngủ đầy mộng mị.

* * *

Thuần đến nhà hàng rất sớm. Anh tìm một cái bàn khuất sau một chậu kiểng và gọi người bồi bàn mang ra cho anh một ly rượu. Thuần không quen uống rượu nhưng hôm nay anh muốn mình phải có đủ bản

lĩnh và mạnh dạn nói với Huyền những điều mà anh giấu kín trong lòng. Huyền có biết anh yêu Huyền không? Sao nàng lại hồ hững và lạnh nhạt đến độ làm anh đau khổ và thất vọng. Nàng không bao giờ thích nói chuyện với anh lâu và hay tránh né bằng cách đi chơi với những người thanh niên khác. Luận nói với anh rằng Huyền chưa yêu ai và hình như nàng thờ ơ với tất cả những người đàn ông vây quanh nàng. Thuần thật sự muốn đi thật xa để quên đi hình bóng của Huyền. Anh tìm đủ mọi lý lẽ để nói với lòng mình rằng Huyền là một cô gái kiêu kỳ đáng ghét. Huyền đồng đánh, xỉ xọn, chảnh... để cố quên nàng. Nhưng suốt thời gian xa vắng Huyền, anh chợt hiểu rằng anh yêu Huyền nhiều hơn anh nghĩ. Anh đã bỏ phí biết bao thời gian để tỏ tình hay tỏ thái độ cho nàng biết anh đã si mê nàng quá đỗi dù cho nàng có “ẹ” cách mấy cũng không sao.

Cô bồi bàn xinh xắn thấy anh ngồi một mình đã lâu và cứ uống rượu, chốc chốc lại nhìn đồng hồ nên ngồi xuống bên anh hỏi:

- _ Anh đang chờ ai vậy?
- _ Một người bạn.
- _ Trai hay gái?
- _ Bạn gái.

Cô gái vuốt ve bàn tay anh và ngọt ngào:

_ Gần mười giờ rồi. Cô ta không tới đâu. Hôm nay anh uống hơi nhiều. Anh có muốn em đưa anh về không?

Tuy say nhưng Thuần biết cô gái này đang muốn gì. Anh xoa tay:

_ Cảm ơn cô. Tôi có thể về một mình được mà.

Thuần thấy không ổn nên anh lật đật đứng dậy. Anh tặng cho cô gái năm mươi đô-la và cố gắng lái xe về nhà. Thuần có cảm giác đầu óc lâng lâng, bay bổng. Không kịp thay quần áo, anh nằm vật xuống giường và thiếp đi trong giấc ngủ mê mết.

Sân bay đông nghẹt dù đã hơn ba giờ chiều. Thuần vội vã mang hành lý vào và đứng xếp hàng chờ đến lượt mình. Thuần thật buồn khi nhớ đến những kỷ niệm của những ngày sống tại Maryland. Anh chưa bao giờ thất bại trong tình trường nhưng lần này anh đã thật sự đau khổ. Đây là chuyến bay cuối cùng để anh vĩnh viễn từ bỏ mối tình tuyệt vọng. Thuần cúi xuống nhắc hành lý lên và tiến vào cửa thì nghe tiếng gọi:

_ Anh Thuần.

Thuần không tin vào đôi mắt của mình. Huyền đang đứng bên kia đường gọi lớn. Khuôn mặt nàng ướt đầm mồ hôi và cái miệng bướng bỉnh đang mím lại. Huyền hối hả băng qua đường. Đôi mắt nàng mở to bối rối và buồn. Nét kiêu kỳ hàng ngày biến mất mà trước mặt anh là một thực nữ dịu dàng khả ái.

- _ Sao Huyền biết giờ tôi ra phi trường?
- _ Anh Luận nói...
- _ Tại sao Huyền không đến như lời hẹn?

_ Anh chỉ đặt câu hỏi cho người khác mà không bao giờ đặt câu hỏi về mình? Tại sao anh có Linda rồi mà còn mời Huyền đi ăn với anh?

_ Huyền giận tôi?

_ Không dám đâu. Huyền muốn đến đây chia tay anh lần sau cùng.

_ Cám ơn Huyền. Gặp lại Huyền tôi mừng lắm! Dù sao Huyền cũng không đến nỗi vô tình như tôi tưởng.

Câu nói như một lời trách móc làm Huyền nao nao buồn.

_ Bao giờ anh trở lại?

_ Tôi chưa biết. Thôi tạm biệt Huyền, cho tôi gửi lời thăm bác và anh Luận.

Thuần nắm bàn tay nàng và gỡ lại đó một nụ hôn. Anh vừa quay đi trao hành lý cho người khuân vác thì nghe tiếng Huyền tha thiết nói:

_ Anh Thuần, anh đừng đi.

Trời! Có phải anh đang nghe lầm chẳng? Anh nhìn Huyền và anh thấy cô đang cúi mặt. Thuần bước thật chậm đến bên Huyền, anh nhìn nàng trong chốc lát và nâng cằm nàng lên. Đôi mắt nàng nhoà lệ. Thuần lấy khăn lau nước mắt cho nàng và áp đầu nàng vào ngực anh. Huyền ngoan ngoãn như một đứa bé.

_ Em buồn khi anh đi sao?

Huyền ngược nhìn anh khẽ gật đầu.

_ Anh hạnh phúc quá! Vậy mà từ bấy lâu nay anh nghĩ rằng em không bao giờ yêu anh.

Giọng Huyền ghen hờn:

_ Còn cô Linda của anh. Tại sao yêu em mà bỏ đi biệt dạng rồi trở về với một cô gái trẻ, đẹp.

Thuần cười phá lên:

_ Thì ra em ghen với Linda. Linda là em họ của anh.

Huyền nhéo anh một cái thật đau và làm nũng:

_ Anh không nói thì ai mà biết.

Thuần hôn lên tóc nàng và hỏi:

_ Em nghe trái tim anh nói gì không?

_ Nói cái gì. Nó đập thình thịch như cái trống chầu.

_ Nó đang nói chuyện đó. Nó nói rằng “anh yêu em, anh yêu em nhiều lắm”

Huyền sung sướng tươi cười. Thuần lấy trong túi áo ra cái vé máy bay và tặng cho người phu khuân vác da đen. Anh xách hành lý rời khỏi phi trường. Huyền đi bên cạnh anh hỏi:

_ Vậy là anh.

_ Anh sẽ ở lại đây luôn.

Huyền nhảy lên ôm cổ anh. Thuần quăng hết hành lý xuống đất và siết Huyền trong đôi tay rắn chắc của anh.

Thế là cô gái kén chồng cuối cùng cũng tìm được tình yêu. Cút kiêu hãnh, xỉ xọn, đồng đánh đi để rồi cũng sẽ gục ngã trước tình yêu.

Phong Thu

(Trích trong tập truyện Đóa Phù Dung)

TRÁCH NGƯỜI TRONG MỘNG

Cảm ơn quý bạn hiền ơi
Trong ngày Sinh Nhật gửi lời thăm tôi
Con tim thổn thức bồi hồi...
Rượu đào thơm phức kê môi đêm nào

Tìm đâu trong giấc chiêm bao
Hẹn trăng đáy nước, ngóng sao lưng trời
Đêm tàn, trăng lặn, sao rơi
Gà rừng gáy sáng không lời chia tay

Trách chi Thế Giới Ảo này
Yêu cho đau khổ những ngày xa nhau
Em ơi lời hứa ban đầu
Người ta lỗi hẹn... qua cầu gió bay

Tìm chi Thế Giới Ảo này
Nàng Thơ chung thủy mà mây đeo đai ?!!!
Ta ơi người ấy trang đài
Năm chờ tháng đợi miệt mài uống công !

California, October 15, 2015

HỒ CÔNG TÂM



SỐ 73

TẠ ƠN

Tạ ơn người đến với thơ tôi
Chữ nghĩa đôi khi chẳng cạn lời
Một tấm lòng son bao cảm mến
Xin trao hoa thắm để người vui.

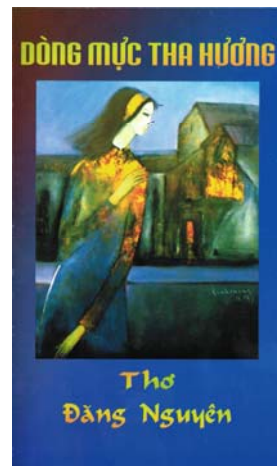
Tạ ơn bằng hữu chẳng quên tôi
Giữa cuộc phong ba rối rời bởi
Vẫn có tình người an ủi bạn
Một vòng hoa thắm xin trao người.

Tạ ơn thơ đã cho tôi mộng
Nếu chẳng còn thơ, mộng cũng tàn
Giấy bút ai còn chăm chút nữa
Tình đời chắc hẳn lăm ly tan.

Tạ ơn Tự Do cho tôi sống
Tôi viết tình tôi chẳng dở dang
Tôi khóc tôi cười không cảm can
Tự Do đổi bằng máu lệ nhỏ hàng hàng.

(Texas)

ĐĂNG NGUYỄN



71

XUÂN MUỘN

Trần thị Hương Cau

Toản trở lại nhà Ngự đứng vào hôm đưa ông Táo sau mười lăm năm xa nhà. Sáng hôm đó, Toản đang lang thang trong nhà sách thì bị một cái vỗ vai nồng nhiệt từ phía sau, quay lại thì hóa ra là Đình, bạn học thời Phú Thọ, anh họ của Ngự và chính qua Đình mà hai người đã quen nhau. Sau một châu cà-phê, Đình không chịu buông tha Toản mà còn lôi tuột anh đến nhà Ngự, ngôi nhà ngày xưa mà Toản vẫn thường lui tới kèm thêm cho cô học. Ngày ấy Ngự mười sáu, kém anh đúng một con giáp, bây giờ thì tóc anh đã lốm đốm bạc, không biết Ngự thay đổi đến đâu.

Đình để Toản đứng tần ngần một mình trong phòng khách rồi biến ra nhà sau để báo tin. Qua bức màn trúc, Toản thấy thấp thoáng bóng người qua lại xen lẫn tiếng cười khúc khích của mấy cô em họ Đình, chắc họ đang chuẩn bị nấu nướng để còn cúng kiếng. Còn lại một mình, Toản đi lòng vòng quan sát thấy căn phòng khách cũng không khác xưa nhiều lắm: Vẫn bộ sa-lông cắm lại mát rượi kê giữa nhà, bộ bàn ghế nhỏ sát ngay cửa sổ, nơi Toản vẫn ngồi dạy cho Ngự học, bên cạnh là tủ sách đầy ắp những cuốn tự vị cũ kỹ, đứng trầm mặc chứng kiến thời gian đều đặn trôi qua. Trong góc nhà, trên một dãy đôn sứ là những chậu mộc lan già cỗi nhưng lại làm không gian bừng sáng lên với những

nhành hoa vàng vút cao đài các, tỏa ra một hương thơm man mác dịu dàng. Trong khoảng không yên ắng khác hẳn với phố phường âm ỉ buốt óc bên ngoài, tự dung Toản thấy lòng mình chùng xuống một cách êm ả, giống y như những thời khắc ngày xưa mỗi khi anh đến dạy, có một cô Ngự lúc nào cũng ngoan hiền, chăm chỉ lắng nghe anh giảng bài. Sau khi dạy khô cô, Ngự lúc nào cũng không quên mang đến cho anh một chén chè sen mát lạnh hay chè đậu ván bù bù và có khi cả chè mứt bí thơm lừng mùi hoa bưởi mà suốt mười mấy năm sau đó không bao giờ anh có thể tìm lại được những mùi vị thanh tao, ngon lành như thế. Ngày đó Toản hay chọc Ngự là em phải mở quán chè đi, anh sẽ đến mua cả gánh và mua luôn cả cô bán chè nữa! Toản lắc đầu cười một mình, ai nghe cũng nghĩ mình nói đùa, có ai biết là lòng mình ngày đó cũng bao lần xao xuyến khi nhìn vào đôi mắt trong veo của Ngự. Toản nhớ, Ngự có một đôi mắt thật đẹp: Màu đen của lòng đen thật đen, không phân biệt được cả với con ngươi và bóng như một thứ huyền ngọc, còn lòng trắng thì lại phơn phớt ánh xanh da trời của mắt trẻ sơ sinh, tất cả được viền lại dưới hàng mi dày thắm khiến cho đôi mắt tự nhiên buồn rười rượi dù cô có đang cười đi nữa. Bao ký ức lại trở về rạo rục cả người Toản khiến anh bồn chồn muốn được gặp Ngự ngay tức khắc.

Vừa đúng lúc đó, Ngự vén màn bước ra. Cô đứng há hốc nhìn Toản mà không nói được nên lời vì không ngờ người

khách mà anh Đình úp mở thông báo lại chính là Toàn. Cả hai người chỉ biết bối rối lẫn cảm động nhìn nhau không nói. Toàn thấy Ngự cũng già đi nhưng thay vì là một nét đẹp thanh khiết, ngây thơ của ngày xưa thì nay cô đã trở nên rất mặn mà, đầm thắm.

Họ vừa hỏi thăm vừa len lén quan sát nhau. Càng nhìn, Toàn thấy Ngự lại càng hấp dẫn anh vì phong cách nói năng, ăn mặc của cô đều ngời ngời ra vẻ dịu dàng, từ tốn. Ngự hỏi thăm:

- Anh Toàn về ăn Tết cùng chị và các cháu?

Toàn lắc đầu, hơi buồn:

- Anh và Thảo chưa kịp có con thì đã chia tay.

Ngự cúi đầu giấu ánh mắt của mình nên anh không biết cô đang nghĩ gì. Toàn kể sơ sơ về công việc của anh hiện nay và lý do vì sao anh về thăm nhà lần này. Mẹ anh đã ngoài bảy mươi, sốt ruột thấy con mình chưa có gia đình êm ấm như người ta nên giả kể mệt nặng, gọi anh về gấp, thật tình là để đưa con đi coi mắt những nơi bà đã chọn sẵn. Phần Ngự, cô khẽ khàng kể chuyện mình:

- Mấy năm sau khi anh đi rồi thì em thi vô Đại học Sư Phạm. Học xong, em bị phân công đi xa, dạy ở ngoại thành gần năm năm, rồi sau đó có một trường trung học bên quận mười cần giáo viên dạy toán họ mới cho em đổi về.

Toàn nheo mắt trên cô:

- Học trò lớp mười một, mười hai chỉ mãi ngắm cô giáo trẻ và xinh như Ngự thì học hành gì được.

Ngự mắc cỡ hồng cả đôi má nhưng cô vẫn nhỏ nhẹ:

- Tụi học trò nó có thương em thiệt nhưng là thương theo kiểu chị em trong nhà. Anh biết không, bao nhiêu đứa, trai có gái có, hết giờ học là tìm tới em để nhờ em gỡ rối tơ lòng những mối tình học trò trong trắng của tụi nó. Có đứa còn đòi làm mai em với anh hay chú của nó ở nước ngoài nữa. Mấy con em của em cứ chọc em là may mà em chưa có người yêu chớ không thì chắc ông bố em sẽ phát điên vì tụi học trò mỗi ngày đem mỗi người tới đòi gã cho cô giáo.

Cả hai bật cười vô tư thoải mái làm cho Toàn thấy sự ngại ngần sau mười mấy năm xa cách giữa cô và anh phút chốc biến nhanh như không có mà thay vào đó là những tình cảm bồi hồi y như ngày xưa của anh đối với cô, tuy ngày ấy anh đã hứa hôn với Thảo, sau này là vợ anh khi hai người cùng vượt biển và đến được xứ người.

Sau một lúc trò chuyện, thấy đã trưa, Toàn xin phép cáo từ. Tiền anh ra cửa, Ngự ân cần:

- Trường đã nghỉ Tết, khi nào cần người đưa đi xem phố, anh cứ bảo em.

Không bỏ lỡ cơ hội, Toàn nói ngay:

- Nếu cô không bận học trò thì chiều mai dẫn anh đi chợ hoa nhé?

Vậy là Ngự đã có một cái hẹn. Niềm vui lan nhanh tới từng mạch máu làm môi má hồng rục, ngát ngậy. Cảnh vật chung quanh đều trở nên rạng rỡ, đáng yêu hòa cùng tiếng lòng náo nức của cô. Bao rộn

ràng dồn vào đôi tay Ngự thoăn thoắt tia vẽ không biết mệt hàng rổ những hoa, những lá từ cà-rốt đỏ hồng đến củ cải trắng nõn để đem phơi nắng, cho mẹ ngâm nước mắm làm dưa món; Rồi hai kí-lô kim quất đã ngâm nước muối từ sáng cho bớt the, bây giờ phải vớt ra moi hột rồi sau đó phải ngâm nước vôi nửa ngày, tối sẽ đem sên. Còn mút hạt sen cho cha uống trà, mút gừng lát cho mẹ nhâm nhi Ngự cũng đã cho vào đây hai keo thủy tinh trong suốt. Công việc dồn dập nhưng Ngự đang hân hoan, vừa làm cô vừa ca *Nửa đêm nghe Xuân về, nghe đời lên rất trẻ, gọi tên anh thầm nhớ, lời yêu anh đạt dào. Nửa đêm đón chờ Xuân, mới hay tình ban đầu...*

Tết nào Ngự cũng bày vẽ như thế nhưng tự dung cô linh tính năm nay sẽ có những đổi thay to lớn đến với đời mình. Anh ấy đã trở về, vẫn ám áp trong lời nói, nồng nàn trong mắt nhìn như ngày nào. Ngày ấy dưới mắt mọi người và ngay cả chị Thảo, Ngự chỉ là một cô học trò hay cùng lắm là một người em gái nhỏ của Toàn. Nhưng riêng Ngự, cô biết tình cảm cô dành cho anh sâu xa, trầm lắng hơn nhiều. Ngự nhớ mãi có một lần họ đi nghe nhạc về. Toàn chở cô bằng xe đạp. Toàn hỏi, em có lạnh không, lạnh thì dứt hai tay vô áo gió của anh cho ấm. Lúc đó, Ngự tuy rất muốn nhưng còn rụt rè e ngại. Thấy Ngự im lặng, Toàn thân nhiên cầm lấy tay cô, quàng quanh bụng anh và nắm chặt suốt cả đường về. Ngự đắm lieulinh, quên hết mọi thứ trên đời. Sau đó không phải là Toàn nắm giữ tay cô mà

chính cô đã ôm chặt lấy anh với tất cả yêu thương gửi gắm. Tuần sau, Toàn đến dạy học, họ không đã động gì đến chuyện cũ. Chỉ có vậy thôi rồi Toàn lặng lẽ vượt biển. Hai năm đầu tiên cô còn nhận thư của Toàn kể về nơi anh định cư và sau đó là bật tin. Ngự đoán là ở chân trời mới với một cuộc sống mới tất bật đầy lo toan, Toàn đã quên người ở lại. Cô buồn bã âm thầm mất một thời gian nhưng rồi cũng phôi pha vì cuộc tình giữa hai người vô cùng bàng bạc, mờ ảo, chỉ là mắt nhìn, là cử chỉ săn sóc và một vòng tay ôm trong khi trước mắt của cả anh lẫn cô biết bao nhiêu là biến động, ngợp ngàng lo âu.

Mấy năm đi học, Ngự chỉ chăm chú vào sách vở. Ra trường bị phân công đi dạy xa mất mấy năm sau mới chạy vạy được thuyền chuyển công tác về thành phố. Đối với đồng nghiệp trong trường, lúc nào Ngự cũng sợ chuyện bè phái, tố cáo lẫn nhau nên dạy xong là cô chỉ chơi với học trò hay về nhà với cha mẹ, chị em. Nếu muốn lập gia đình chắc cô đã yên bề gia thất từ lâu vì trong nhà, Ngự đẹp nhất. Ai cũng bảo cô có nét tựa tựa như Trà Giang, nữ diễn viên nổi tiếng của Hà Nội những năm sáu mươi. Đã nhiều người mai mối cho Ngự. Nào là một ông giám đốc nhà máy chế biến rượu, giàu sang thành đạt học bên Pháp về. Ông ta đã tới xem mắt Ngự và say đắm ngay nhan sắc cô. Con Ngà, em kế Ngự, đang học Y năm thứ tư thấy mặt ông chủ hãng rượu bì bì, bóng lưỡng đã đồng dục tuyên bố:

- Bà Ngự muốn làm góa phụ ngay thơ thì cứ nhào vô. Thằng cha ni tui biết

không tăng xông cũng đái đường!

Phần Ngự, cô ghét nhất cái vẻ hồng hách, tự cao của ông ta. Ngồi thừa chuyện với cha mẹ cô mà vắt chân chữ ngũ là đủ cho cô đoán biết phần nào cái tiền đồ của mình sau khi về làm vợ ông ta rồi. Việc Ngự từ chối đám này khiến mấy bà o, bà di trong họ tiếc hùi hụi: Con chi không ưng thì xê ra cho mấy con em, chớ bỏ chi uông hè. Con Ngân, một trong mấy con em của Ngự đang học bên đại học tổng hợp ban văn, trong đầu nó lúc nào cũng cả trăm câu lục bát đề cử vào mỗi tình huống đặc biệt lại được nó moi ra xử dụng đích đáng:

Phải duyên áo rách cũng màng

Chẳng duyên áo nhiễu rút vàng không ham.

Trong thời gian đi dạy cũng có nhiều đồng nghiệp đeo đuôi Ngự. Nổi bật nhất là một anh chàng dạy vật lý trong trường. Anh chàng này thì vừa học giỏi vừa đẹp trai làm các cô giáo chưa chồng nhưc tim. Lúc đầu Ngự cũng rất tự hào với bạn bè vì giữa một tập thể giáo viên mà hết hai phân ba là nữ giới, cô lại được con người hào hoa đó để ý, nhưng sau nhiều lần đi lại, Ngự thấy khó mà hòa hợp. Tính tình anh ta thật bộp chộp, nông nổi và lại còn tự cao đến độ phải gọi là gàn bát sách. Lần nào đến chơi nhà, anh ta toàn bỏ lê ba la chuyện gì đâu, đa số là những chuyện thuộc loại *thâm cung bí sử* đại loại như ông Tô trường Tô dân phố vốn là cán bộ hưu trí từ ngoài Bắc vào, sáng nào cũng lò dò ra từ nhà bà kia có chồng đi học tập cải tạo hay chuyện bà nọ có

giấy bảo lãnh của chồng ở ngoại quốc mà không chịu đi vì nặng tình với tên bồ nhí trạc tuổi con bà...

Vậy mà anh ta được đám phụ nữ nhà Ngự ưa lắm, lúc nào cũng háo hức nghe anh kể thỉnh thoảng còn phụ họa: *Để sợ quá; Người đâu mà vô hậu; Hiện nguy chưa;* Bầy em gái của cô âu yếm đặt cho anh cái biệt danh là Chàng Phó vì anh đã về vang đạt được danh hiệu Phó Tiến Sĩ trong ngành vật lý. Sau mục trong nhà ngoài ngõ là tới mục mời Ngự đi phố. Đi phố của anh luôn bắt đầu bằng màn chà lét ăn hàng. Hết phở đến bún bò, bánh cuốn, cả hột vịt lộn anh cũng không tha. Ăn xong, chàng ta lấy tăm xia quèn quẹt rồi ngâm luôn cả cái tăm trong miệng cho tới khi chờ Ngự về lại nhà. Trời ơi, sóng đôi như vậy Ngự xấu hổ kể chi cho hết, cô cứ cầu khẩn trong miệng: Lạy bố trẻ, nhỏ cái tăm ra cho con nhờ, vậy mà chàng Phó cứ tỉnh queo như không! Rủ anh ta đi coi kịch hay nghe nhạc là coi như vớt tiền qua cửa sổ vì đàn sáo mới dạo lên chừng năm phút là anh ta đã ngheo đầu, ngáy o o liền. Có lần thấy Ngân, đang nghiền ngẫm mấy cuốn ca dao tục ngữ Việt Nam thì anh ta lắc đầu chê bai là tuổi của em mà đi đọc ba cái sách cũ rang cũ rích này hay sao, con gái là phải tìm đọc tiểu thuyết của Lê Hằng viết từ trước bảy lăm và đọc xong thì các em gái phải tập sống hiền dang và bốc cháy hết mình như các nhân vật nữ trong đó mới gọi là sống! Ngự nghe mà bàng hoàng thất kinh trong khi cả bầy em gái của cô thì nói trút vào tai nhau: *Chàng*

Phó hôm nay nói thối không chịu được!
Rồi chúng ôm nhau cười té lãn chiêng.
Lúc chàng ta về rồi, mấy con em Ngự lại
bàn tiếp:

- Chàng Phó của bà Ngự đọc Lê Hằng
nhiều quá đâm nhập tâm. Bà Ngự chỉ
đồng dạng với các nhân vật của Lê Hằng
ở chỗ là gái Huế, còn về cái khoảng *bao
liệt* thì bà Ngự thuộc loại đi trụt lui, phải
nhét bả vô phi thuyền với vận tốc 40.000
cây số giờ, bứt ra khỏi sức hút của trái
đất, may ra mới đuổi kịp các em ấy được!

Những chuyện đó cũng chưa đủ trầm
trọng để Ngự dứt khoát với anh mà vì một
chuyện khác: Một nữ sinh lớp Ngự làm
chủ nhiệm đã gửi thư tình cho anh ta.
Chuyện này xảy ra luôn. Trong trường từ
thầy trẻ cho đến thầy già nào cũng có ít
nhất một nữ sinh ngưỡng mộ, hướng hồ là
xán lạn như anh ta. Cô bé này Ngự rất
thương vì nó lúc nào cũng mặc cảm là vừa
ngu vừa xấu tuy nó có biệt tài là vẽ rất
đẹp. Ngự vừa phụ đạo thêm vừa khuyên
nhủ nó không thôi vì chỉ còn vài tháng
nữa là thi tốt nghiệp rồi, có cái bằng Tú tài
sau đó mới thi vô Cao đẳng Mỹ thuật
được chứ. Đùng một cái Ngự nghe tin cô
bé bỏ học và được nghe kể lại nguyên
nhân là chàng ta chẳng những không trân
trọng tình cảm của cô bé đa tình, lại còn
thiếu tế nhị đến nỗi đem trả lại thư của cô
bé ngay trong giờ học, khiến cô bé quá
xấu hổ, không dám đến lớp cho dù Ngự và
cả lớp đã đến thuyết phục bao nhiêu lần.
Lần đó giận quá nên Ngự đã chỉ trích anh
ta biết là bao; Anh ta đã không thấy ra là
mình vô ý vùi dập một tương lai mà còn

hùng hổ quay ra phê phán cả việc Ngự
làm là ngốc nghếch, tốn thì giờ đi dạy
không công cho những đứa ngu như thế!
Vậy là rõ đám nhưng Ngự cũng không tiếc
vì ít ra qua đó cô cũng khẳng định được sự
chông chênh giữa hai người. Còn những
người bà con ở nước ngoài của bọn học
trò đòi đem giới thiệu cho cô giáo thì
nhiều vô số kể nhưng không bao giờ Ngự
thiết tha tới, cô bao giờ cũng định ninh là
không có sự tìm hiểu nhau cận kề thì hôn
nhân khó mà bền vững cho được.

Cái kiêu lần khân của Ngự làm cha
mẹ cô phát sốt ruột. Con chị đầu mà rù rờ
quá thì cản trở cho cả bầy em gái bên
dưới, nên cứ mỗi năm chồng lên một
tuổi, Ngự càng đùng đĩnh bao nhiêu thì
cha mẹ lại cuống cuống lên bấy nhiêu.
Con gái không thể nào ở đời với cha mẹ,
nhưng lấy chồng vì... sợ ế thì nhất quyết
Ngự không đại kiêu đó. Còn lấy nhau vì
tình thì cả nhóm bạn ngày xưa 4 đứa bạn
thân cùng khóa với Ngự, đứa nào cũng
lấy người mình yêu, vậy mà mỗi năm đến
ngày họp lớp, cả bầy không sót một đứa
nào đều ngoác miệng đồng ca: Giá mà
có... Bụt hiện ra thì chúng con đều cầu
mong chỉ một điều, được trở lại độc thân
vui tính như con Ngự (!)

Chưa lấy nhau thì tưởng tượng đời
sống lứa đôi sẽ chứa chan thơ mộng, lấy
nhau rồi thì khổ cực ê chề được phơi bày
ra không chừa một góc cạnh nham nhở
nào. Hằng, hoa khôi một thời của khoa,
bao chàng hăm he tự tử ngày nó lên xe
hoa, vậy mà hôm Ngự đưa nó ở nhà bảo
sanh về, bắt gặp tại trận chồng đang chờ

gái là lướt ngay giữa ban ngày khiến nó uất lên, bất tỉnh nhân sự làm Ngự sợ quá, cứ tưởng nó nổi máu sản hậu mà đi luôn thì ai nuôi con đở hồn cho nó đây; Kim ròm như cọng rơm, lấy chồng mới có năm năm mà đẻ ngay một dây bốn đứa nheo nhóc. Buổi sáng mấy mẹ con Kim ăn cơm nguội còn chồng thì ra quán ăn phở, thấy vợ đi chợ ngang, chồng tỉnh bơ làm như không quen biết, vục đầu xuống ăn tiếp. Như vậy đã hết đầu, con nằm bệnh viện chưa chạy đủ tiền trả viện phí mà cha thì đi mua lắc vàng có khắc tên cẩn thận, thậm thiết tặng sinh nhật cho tình nhân. Từ khi nghe Kim nước mắt lưng tròng kể lại chuyện, biết nhà mình khá giả, lương tháng cha mẹ cho Ngự toàn quyền mua sắm, tháng nào Ngự cũng san xẻ bớt cho mẹ con Kim. Thảo ngày xưa điệu đòi tiểu thư khuê các vậy mà bây giờ thì xất bắt xang bang đầu xù tóc rối, quanh năm đi dạy về là túc trực tại quán nhậu để lôi kéo chồng hoặc không thì vô nhà thương thăm nuôi chồng điều trị bệnh đau gan mãn tính! Cuối cùng là Cúc điều dờ, ngày còn đi học không bữa nào mà Ngự không bóp bụng nhin cười vì nghe Cúc kể chuyện tiểu lâm trong giờ học, vậy mà đòi Cúc chỉ vui được trong ngày cưới. Sang ngày sau và những ngày sau nữa, vì chưa được phân phối nhà ở theo tiêu chuẩn, phải sống chen lộn với cả đám anh chị em, dâu rể bên gia đình chồng, gặp Ngự mặt mũi Cúc lúc nào cũng buồn chảy, buồn thiu. Ở đó người ta không chỉ khổ vì miếng ăn mà còn khổ vì chỗ ở. Giang sơn

chật chội của mỗi đôi vợ chồng chỉ được ngăn cách bằng một tấm màn mỏng nên hầu như mọi người đều trở nên rất mau mất bình tĩnh, như đàn gà công nghiệp bị nuôi tù túng trong chuồng lúc nào cũng dễ nổi điên cắn giết lẫn nhau. Còn trong nhà chồng Cúc thì chỉ cần một lý do con con như tiếng trẻ khóc đêm, một cái tả lót bị mất, là đủ để hai bà mẹ xông vào dằn xé, giây giạt nhau, đã vậy mà mấy ông chồng lại không tìm cách xoa dịu tình thế, cứ trong nhà lục đục là mấy ông rủ nhau di tản ra quán nhậu, tìm quên trong men rượu. Ngự nghe tâm tình của đứa nào là thấy thương đứa đó. Làm vợ, làm mẹ mà chẳng đứa nào thông dong nhân nhĩa vì được chồng đỡ đần, sớm hôm toàn sống với những lo toan cơm áo gạo tiền, buồn chửi như những thân cò lặn lội bờ ao vì các đảng lang quân, nếu ông ta không bỏ bịch tăng tịu thì cũng loại say xỉn quanh năm, phó mặc mọi gánh nặng lên đôi vai gầy của vợ hiền. Đúng quá, yêu nhau là mơ mà sống với nhau lại là hiện thực cay đắng, chát mặn còn hơn cả muối gừng. Nhưng cũng không phải vì chuyện vợ chồng của bạn bè đã làm Ngự chần chừ trong việc hôn nhân. Cô nghĩ, khi yêu ai kháng khí quá rồi chắc cô cũng sẽ chịu đựng được mọi thử thách như các bạn, vì gặp nhau thì thở than chứ đứa nào cũng giữ chồng chằm chập, có chịu tính chuyện chia tay, chia chân bao giờ đâu. Bao đêm thao thức trên chiếc giường con gái của mình, Ngự cứ tự hỏi, rồi mình sẽ lấy ai, cái người sẽ khiến mình hạnh phúc đến run rẩy bao giờ sẽ xuất hiện đây (?)

JE REVIENS D'UN GRAND VOYAGE

Et voilà, tous ces amours
Que je tenais pour si peu
Que je tiens pour si bien
Qui en fais plus
Qui en dit plus
Reviennent malgré moi.
Et voilà, que cet homme
Que je connaissais si peu
Que je connais si bien
Qui me sourit
Me donne la vie
Pour écrire mes joies.
Je reviens d'un grand voyage
Qui a volé mes amours
Dans un autre rêve
Où ses doux yeux n'ont pas cessé
De me regarder

De me parler
M'offrir des pays
M'ouvrir des prairies.
Il a pris le voyage
Malgré mes frontières, avec espoir
Tel que je le lui demandais.
Et voilà, ses gestes et ses mots
Que j'aimais si peu
Que j'aime trop bien
Ont criblé mon âme
D'étoiles que je vois
En fermant les yeux.
Et voilà, il est avec moi
Je lui voyais si peu
Je l'aime beaucoup
Raconte-moi
Redis-moi
Toute la vie

Minuit 8/11/2015

Diễm Hoa

Buổi chiều cả nhà ngủ dậy thấy Ngự
bỏ ngủ trưa chăm chỉ ngồi bên bếp, con
Ngà ngạc nhiên:

- Chao ơi, mình ngủ có một chập mà bà
Ngự đã chuẩn bị xong hết cả cái Tết rồi.

Rồi nó nheo mắt tinh quái tiếp:

- Không ngủ trưa mà mặt vẫn tươi
rói như thái lài gặp cứt chó như vậy là
chỉ có vì gái phải hơi trai mà thôi! Đúng
là tình cũ không rũ cũng lại. Lão Toàn
già rồi mà coi đẹp lão ra phết, đi đôi với
bà Ngự cứ y như Tiên Đồng-Ngọc Nữ
lúc... nghĩ huu.

Con Ngân lại giở kho tàng ca dao tục
ngữ của nó ra:

Bởi thương nên dạ mới trong

*Không thương em đã lấy chồng còn chi
bây chừ...*

Anh còn son, em cũng còn son

Ước gì ta được làm con một nhà

- Ca dao Việt Nam mình vừa tình tứ
mà lại vừa thâm thúy, hay quá xá cỡ. Bà
Ngự, tối kêu con Ngân nó dạy cho vài câu
dẫn túi, ngày mai bà làm như Hồ Điệp
trong chương trình Tao Đàn-Mây Hát
ngâm cho lão Toàn nghe hồn phách tiêu

điều tận mây xanh, quên đường về luôn.

- Hay bà Ngự giả bộ ngây ngô, bắt chước mấy cô người Dao hôm trước ca trên ti vi: *Con ong đã tìm được hoa rồi, nếu thích hoa thì ong hãy lấy mật của hoa đi...*

Có mấy cái miệng chóp chép mà muốn bẻ cả cái nhà. Cha mẹ ngồi trên nhà ngang

nghe mấy con ranh xúm lại chọc ghẹo Ngự cũng bòn chòn:

- Anh Toàn tuổi chi hè. Nguyễn ơi, lấy cho ba cái cặp-táp đựng tử vi của tui bây để coi số con Ngự có hợp với số anh nớ hay không? Cùng tuổi với con Ngự hả? Vậy là tốt hung đó đạ, vợ chồng đồng tuổi, nằm duỗi mà ăn. Bà nì, tui đã coi cho hấn kỹ lắm rồi đây. Con Ngự thân cư phu mà bị triết án ngữ tọa thủ, lại thêm Liêm Trinh-Phá Quân đồng cung sẽ gặp nhiều đa đoan trong vấn đề nhân duyên, nên lập gia đình muộn nếu không thì phải qua hai lần đò. Nhưng bù lại cung phu của hấn lại ngộ được Toái Quân-Lương Phá, rồi lại còn có cả Văn Xương nên hấn sẽ lấy được chồng rất là danh giá, phong lưu có học thức địa vị với đời, không thua kém ai đâu.

Mẹ Ngự cười hiền:

- Văng xương văng xâu chi mình cũng gả nghe ông. Đi tới đâu cũng nghe người ta hỏi bao giờ con Ngự lên xe hoa mà tui bắt rất cả mặt!

Mấy con em Ngự thừa dịp nói leo:

- Ba mạ đồng ý hết rồi đó nha. Phen này thì sứt môi lồi rún, ma chê quỷ hờn chi cũng a lê hấp, bắt bà Ngự phải ưng,

không cho làm mình làm mẩy nữa!

Hôm sau Ngự có hẹn mà cả nhà chọn rộ còn hơn có đám. Bọn em gái Ngự xúm lại cố vấn ăn mặc trang điểm cho cô. Tui nó cãi nhau chí chóa làm như đũa nào cũng rành thời trang, thâm mỹ ghê lắm:

- Đánh phấn đậm lên nữa, nhiều khi đi tới tối còn phải vô nhà hàng nữa; Đừng xoa tóc, búi cao lên cho sang. Bà có cái cổ cao trắng ngần mà tui chi không khoe. Xấu che - Tốt khoe mà lị.

- Mặc áo đầm cho mô-đen, áo dài xưa rồi, mặc áo dài lờ ra mồ hôi nách ướt át, coi kinh lắm. Tui cho bà mượn cái áo đầm đỏ kiểu cổ yếm đeo bùa tui mới may, bảo đảm mặc vô lão Toàn thấy là bốc lửa phùng phùng lên liền.

- Đi giày cao gót một tấc cũng chưa thấm đâu so với lão Toàn, tui chi mà cứ lệt bệt mấy đôi hài như mấy mẹ xưa rúa.

Chao ơi, Ngự đến chóng mặt với ba cái miệng không chịu kéo phọc-ma-tuya của mấy con em. Cuối cùng Ngự cũng ra khỏi nhà với mái tóc xoa tự nhiên, trang điểm sương sương, mang giày thấp và mặc áo dài vàng nhạt như nắng sớm. Nhưng bọn em Ngự cũng gật gù tán thưởng (!) :

- Bà nì đẹp quá, mặc chi cũng đẹp. Cầu trời cho vừa ý lão Toàn mà rước đi cho nhẹ nợ. Ở nhà với ba mạ lâu quá sắp khú lên rồi, phải tổng đi gấp gấp!

Toàn đưa Ngự đi suốt cả buổi chiều. Một buổi chiều Xuân ấm áp, náo nhiệt như lòng Toàn cũng đang rộ ràng, phơi

phối. Từ hôm về nhà đến nay, hôm nay là lần đầu tiên Toàn thấy thật sự sống trọn vẹn hạnh phúc vì được sống đôi cùng Ngự, y hệt như một đôi vợ chồng xuống phố đi mua sắm Tết. Anh quên hết mọi khó chịu, phiền toái mà mẹ anh đã sắp đặt để gọi anh về. Bây giờ thì anh đang thầm cảm ơn mẹ, nhờ mẹ anh mới sống lại được những giây phút ngọt ngào với người con gái mà ngày xưa đã làm lòng anh chao đảo bao lần. Mười mấy năm xa cách hầu như đã triệt tiêu. Trước mắt anh không còn là cô học trò hay thẹn thùng nữa mà nay đã trở thành một cô giáo xinh đẹp, đầy nhân ái, đáng yêu hơn cả trăm lần. Toàn nói rất ít nhưng anh thích thú lắng nghe Ngự kể về trường cô, học trò của cô và bạn bè, gia đình cô. Chỉ đi với Ngự có mấy tiếng đồng hồ mà Toàn thấy bao tình cảm ngày cũ lại bùng lên rạo rức trong anh khiến anh chỉ muốn áp chặt những ngón tay tháp bút thanh mảnh của Ngự vào lòng với đầy những yêu thương như một đêm lộng gió ngày nào đưa cô về. Nhưng nhớ lại mình, anh càng ngần ngại, xót xa; Mình đã lỡ dở, đã lầy lắt với bao mối tình tạm bợ trong khi cô ấy quá là trong trẻo, liệu mình có còn xứng đáng với cô ấy hay không? Phải chỉ ngày ấy anh đừng vướng mắc với Thảo thì đâu có gì cản ngăn anh đến với Ngự, còn bây giờ thì đã trễ tràng chưa? Càng lớn tuổi, Toàn thấy mình càng trì trệ trước việc đổi thay cuộc sống, biếng lười trước những trách nhiệm phải cưu mang. Rồi chuyện hành chính, giấy má khi tính đến hôn nhân và mang Ngự sang bên đó mới nghĩ sơ sơ

thôi cũng đủ làm anh ngán ngẩm. Lăn li di với Thảo đã để lại trong anh nhiều dấu ấn đau buồn: Quen nhau năm năm, lấy nhau năm năm và chia tay với biết bao phiền muộn. Điều anh thấy may mắn là họ chưa có con, nếu không, chắc họ cứ phải tiếp tục sống chung trong những cái cọ bất đồng dai dẳng. Nay thì Thảo đã có một ông chồng bác sĩ người Thụy Sĩ với hai đứa con lai kháu khỉnh; Còn anh, tuy có việc làm ổn định nhưng cuộc sống tình cảm thì hết sức vá vúi, buông trôi. Ngự đã là những kỷ niệm ngọc ngà mà anh nâng niu gìn giữ từ bấy lâu, như vậy sẽ mãi mãi trở thành bất tử, lấy nhau rồi, lỡ mà sự đổ vỡ lại lập lại như lần với Thảo thì đáng tiếc biết là bao... Ngự đâu có biết trong đầu Toàn lúc đó đang diễn biến bao nhiêu là giằng co rối rắm để khi chia tay với cô, anh vẫn chưa có một ngõ ý gì ngoài một lời hứa hẹn sẽ đến nhà chúc Tết!

Vì lời hứa hẹn đó mà Ngự nôn nóng ra vào suốt mấy ngày Tết. Mông mông là của gia đình nội ngoại nên chắc anh ấy không ghé được. Nhủ lòng như vậy chứ có tiếng xe đỗ trước cổng là Ngự lại nhón nhác chạy ra. Mông hai như mọi năm là mấy chị em rủ nhau đi một lượt khắp các chùa để xin xăm nhưng năm nay Ngự cũng tình nguyện thủ dinh để cho các em chạy rong. Sang mông ba học trò đến đầy nhà mà bóng Toàn vẫn cứ biệt tăm. Ngự buồn tê tái tuy ngoài mặt cứ phải giả tươi cười. Mấy con em lại nhón nháo lên như gà nhảy ổ:

- Không chừng gia đình lão ta lại tìm

cho lão một cô mười tám hai mươi nỡn nường. Việt kiều bây giờ có giá như cá mú ngày biển động! Ông bà mình nói chẳng bỏ câu nào:

Chợ chiều nhiều khế, ế chanh

Nhiều con gái tốt nên anh chàng ràng

(Trời ơi, mấy con bà cô này nói năng chi mà trắng trợn, cứ như chửi thẳng vô mặt người ta! Ngự thâm nghĩ).

- Tại bà thiệt thà quá. Đã mê lão quá xá rồi thì bà phải thủ đoạn tí xíu. Phải gài lão, phải hỏi là bao giờ anh tới thì nói rõ ràng để em còn lên lịch vì em đây cũng đã có ba bốn cái hẹn bên lưng chớ không phải loại ế ẩm, hằm hiu gì! (Tụi này bắt một tay hai cá chứ không phải bắt cá hai tay, mà chụp giựt quá có ngày phồng tay đó em!)

- Bà nghe lời tui, cứ gửi cho lão mấy câu:

Đôi ta như thể con bài,

Đã quyết thì đánh đừng nài tháp cao.

Nói nhẹ lão không nghe thì mình phải chơi luôn tới 55 bài thơ tuyệt tác của đại nữ sĩ Hồ Xuân Hương cho lão biết tay người thực nữ!

Tụi nó cười rần rần như vỡ chợ. Ở nhà Ngự toàn những tay sắc sảo, mở miệng ra là nói như sanh như sứa, bẻ que không kịp. Chuyện buồn của người ta mà vô tay tụi nó là thành chuyện tiếu lâm liền. Dở khóc dở cười, Ngự phải hét lên:

- Thôi, con lạy mấy mẹ, đời ai người nấy lo. Con sẽ ráng chống mắt ra coi mấy mẹ tung bưng lên xe hoa về nhà chồng, phần con thà xin chịu hai tiếng *Ở vá* còn hơn nghe lời khuyên trật sên trật búa của mấy mẹ.

Chỉ còn Ngự thơ thần trong sân. Chiều xuống nhẹ nhàng êm ả với những cơn gió là lời đùa trong giàn ti-gôn hồng thắm những nụ tim bé bỏng. Một buổi chiều lý tưởng cho những đôi lứa hẹn hò. Còn Ngự, ba mươi mùa xuân lặng lẽ không vui không buồn đã trôi qua. Cô mơ hồ như từ bấy lâu mình đã chờ đợi một cái gì thật huyền hoặc truyền kiếp. Có phải là cô đã chờ đợi Toàn? Chắc hẳn là không vì họ bật tin nhau đã quá lâu. Nhưng lần trở về đây thuận lợi này của anh lại đánh thức biết bao cảm xúc bồi hồi trong cô tràn ngập y nguyên như buổi ban sơ khiến Ngự liên tưởng đến hai chữ Định mệnh: Hoặc là họ tìm lại được nhau hoặc là chia xa vĩnh viễn. Ngự biết mình đã không làm, Toàn cũng đang yêu như cô, đã trao gửi cho cô những cái nhìn vuốt ve, nồng nàn, say đắm. Tình yêu là những gì không bao giờ tính trước được, có nhiều người hiền lành, tốt bụng đeo đẳng Ngự rất là cảm động hằng bao nhiêu ngày mà cô chỉ thấy thương hại trong khi chỉ sau mấy tiếng đồng hồ gặp lại Toàn, cô đã lão đảo vì ngây ngất men tình. Nhưng nhận ra điều đó càng làm Ngự buồn rầu hơn, thấy giữa mình và Toàn thật gần gũi, đây tin yêu như đã hẹn nhau từ kiếp trước, vậy mà sao anh cứ mãi tàn nhẫn, đần đờ? Là con gái, cô không dám bước qua cái ranh giới để mở đầu đó nên đành phải chờ đợi... Ngự đến ngồi bên hồ cá soi bóng mình xuống đáy nước; Có ai đoán hoài đến mình trong buổi tàn xuân này không nhỉ? Cô chọt thớ dài, hái một bông cúc vàng rực, ép vào trong tay, cúi



"Nơi đây Quanh Hiu", hình của NAG NGUYỄN SƠN.

xuông hít mùi hoa nồng nồng hăng hắc...

Có tiếng nói âm cúng sau lưng Ngự:

- Em chờ anh ghê lắm phải không?

Toàn đã vào sân lúc nào mà cô không hay. Tự dưng Ngự thấy nước mắt dâng đầy mi, những giọt nước mắt tủi thân ấm nóng khiến cô không dám nhìn lên. Toàn nhẹ nhàng vén mây sợi tóc lòa xòa trên trán cô, thì thầm:

- Mấy ngày nay anh theo mẹ đi tới nhà bao nhiêu là người quen để xem mắt các cô vợ tương lai cho mình mà anh hầu như chẳng thấy được một ai vì ở đâu, giờ phút nào trong đầu anh chỉ thấy có mỗi một hình bóng của em choáng ngợp. Ngự biết không, lẽ ra anh phải nói với em điều này từ hồi anh còn đến nhà em dạy học vậy mà anh cứ mãi chần chừ. Anh thật

bây quá, anh đã để mất bao tháng ngày, em tha thứ cho anh nghe Ngự.

Bao nhiêu ngôn từ trong khoảnh khắc này đều là thừa thãi. Tay trong tay, họ thấy lòng thật bình yên, thật ngọt ngào hạnh phúc vì sau bao ngày tưởng lạc mất nhau, nay họ lại có nhau mãi mãi...



Trần thị Hương Cau

XUÂN NÀY... XUÂN XƯA...

Hoài xuân ấp ủ đáy lòng
Tình xuân da diết thấm hồng lời thơ
Ý xuân tô đậm mong chờ
Hồn xuân đưa đẩy tới bờ cố hương...

Nơi đây hoa nở ngập đường
Đào phô sắc thắm, liễu dương ngút ngàn
Trăm hoa mím miệng hân hoan
Hồng nhung, thược dược muôn vàn thắm tươi
Uất kim hương trở nơi nơi
Pensées e ấp cho đời thêm hương...

Gót buồn lê bước tha phương
Thương xuân này lại nhớ thương xuân mình
Ngồi đây mơ cuộc đấng trình
Thả hồn tìm lại ân tình xứ quê
Lũy tre mơ đón ngày về
Tình quê rào rạt, hương quê nồng nàn
Nhớ thương ơi! Nhớ muôn vàn
Nhớ chuồn chuồn đậu trên ngàn dâu xanh
Nhớ ao nhớ rạch bùn sinh
Nhớ đồng lúa chín, nhớ mình đắm đang
Nhớ thiết tha những chiều vàng
Tiếng tiêu náo nuốt đầu làng tịch liêu
Ba mươi tan buổi chợ chiều
Gia thừa nở, xuân yêu đã về...

Sắc xuân mang nặng tình quê
Hồn xuân mãi mãi vọng về cố hương.

NGUYỄN LÂN

Xuân DC - Một ngày buồn nhớ quê nhà

NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH

Ngày đó chúng mình
lang thang phố nhỏ
lá vàng lảng xãng
theo vào cuối ngõ

Chiều đó chúng mình
cầm tay ngắt ngơ
mắt in đáy mắt
trăng sao lu mờ

Từ đó chúng mình
rẽ đôi cánh chim
chim chưa mỗi cánh
biết đâu mà tìm!

Nơi đó chúng mình
ghi bao kỷ niệm
thu về, lá khô
xì xào câu chuyện...

Tình đó chúng mình
nuôi bằng niềm tin
tan trong huyết quản
theo máu về tim

Ngày nay chúng mình
nhìn nhau không nói
môi gắn trên môi
gió chiều ngừng thổi.

TRƯƠNG ANH THỤY

Nguyễn Sa: Áo Lụa Hà Đông

Bản Dịch Tiếng Anh

PHẠM TRỌNG LỆ

Sưu tầm

Bài thơ tình bất hủ *Áo Lụa Hà Đông* (1957)* của thi sĩ và giáo sư triết Nguyễn Sa - Trần Bích Lan (sinh 1-3-1932 - mất 18-4-1998) đã được một thế hệ học sinh, sinh viên và dân chúng từ cuối thập niên 50s trở đi ở thủ đô Saigon ưa thích vì lời thơ chân thành, giản dị, nhưng tha thiết trong những câu thơ mới 8 chữ vần ôm bằng và trắc abba ở cuối câu, nhưng tác giả thêm một vần thông ở giữa câu, khi vần ôm không “chính”, và đó là dụng ý của tác giả.

Hãy xem ba khổ đầu bài thơ:

Nắng Saigon anh đi mà chột mắt
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng

Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngắn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bầy vội vã vào trong hồn mở cửa

Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngất ngây thành chất rượu

...

(*“Tôi dùng hai câu vần trắc và hai câu vần bằng bắt với nhau cho chặt chẽ, nhưng vần thơ có lúc chặt chẽ, có lúc lơ lửng dựng nên một nền âm thanh đã có những chữ trắc được kiến trúc gắn bó... Tôi... cũng thêm một chữ



*Nắng Saigon anh đi mà chột mắt
Bởi vì em mặc "áo trắng Trưng Vương"*

trắc ở một chỗ nào đó trong câu hai để cho nền âm thanh có kiến trúc đủ chặt chẽ để những âm bằng có đủ hỗ trợ bay lượn trong những không gian của riêng làm thành phối hợp khác lạ...*Đông* và *cùng* được *áo* vọng âm *mát* làm cho gần lại, *ngấn* tiếp nối chặt chẽ *trắng* lại được tăng cường bởi *lắm* làm cho khoảng cách giữa *quanh* và *dung*, vẫn không bị mòn, được khóa lấp, *chung* và *dung* còn làm thành vần phụ vượt khuôn khổ niêm luật, khoảng cách giữa *quanh* và *dung* càng được gần hơn, *cửa* được bắt với chữ *bữa*, *hồn* và *non* tương đối không xa ... sự phối âm đã chặt chẽ.” Nguyễn Sa - Hồi Ký, trong Nguyễn Sa Toàn Tập, p. 21.)

Bài thơ được phổ biến hơn sau khi nhạc sĩ Ngô Thụy Miên phổ nhạc năm 1971. Sau gần 60 năm, Áo Lụa Hà Đông đã được ít nhất bảy người dịch sang tiếng Anh.

Bài viết này nhằm mục đích góp lại những bài dịch từ trước đến nay. Khi đọc lại và so sánh, người đọc sẽ thấy mỗi bản dịch là một cố gắng tiếp cận của mỗi dịch giả muốn chuyển dịch và *tái tạo* tình và ý của bài thơ sang tiếng Anh để độc giả phần nào cảm được cái không khí lãng mạn và thăng hoa nghệ thuật của Saigon thời ấy. Để làm thí dụ cho lối close reading người viết nêu lên vài từ mà mỗi dịch giả hiểu và dịch giống hay khác nhau. Thí dụ “*với* tay trắng” trong “*Với* tay trắng em vào thơ diễm tuyệt” hay “*chạy* trên môi” trong “*Em* đi rồi sấm hối chạy trên môi.”

Trong số độc giả yêu thơ giới trẻ bây giờ, có những người hiểu nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Việt và Anh, sau khi đọc xong bài thơ này, nghe xong bản nhạc, và xem những bài dịch này, và nếu có hứng thơ, thử chuyển dịch sang tiếng Anh như một cách hiểu của riêng mình về những nét uyển chuyển của ngôn ngữ, ẩn dụ và vần điệu bài thơ thì kết quả --đù

ưng ý hay không—cũng sẽ mang lại cho mình những mỹ cảm mới lạ. Dịch là làm sống lại không khí lãng mạn và bối cảnh bài thơ, và của những nếp sống văn hoá của thành phố Saigon vào giữa 1957, lúc bài thơ ra đời.

1. Bồ Đại Kỳ, 1958
2. Huỳnh Sanh Thông, 1996
3. Phạm Trọng Lệ, 3/25/1998; revised 4/18/98
4. Linh Chân, May 1998
5. Diệp Trung Hà (Dec. 2008)
6. Roberto Wissai. NKB, 2013
7. Kim Vũ (Vũ Mạnh Phát), 2015

Áo Lụa Hà Đông

*Nắng Saigon anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Thơ của anh vẫn còn nguyên lụa trắng*

*Anh vẫn nhớ em ngồi đây, tóc ngấn
Mà mùa thu dài lắm ở chung quanh
Linh hồn anh vội vã vẽ chân dung
Bảy vội vã vào trong hồn mở cửa*

*Gặp một bữa anh đã mừng một bữa
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn
Thơ học trò anh chất lại thành non
Và đôi mắt ngát ngậy thành chất rượu*

*Em không nói đã nghe lờng giai điệu
Em chưa nhìn mà đã rộng trời xanh
Anh trông lên bằng đôi mắt chung tình
Với tay trắng em vào thơ diễm tuyệt*

*Em chợt đến, chợt đi, anh vẫn biết
Trời chợt mưa, chợt nắng chẳng vì đâu
Nhưng sao đi mà không bảo gì nhau
Để anh gọi, tiếng thơ buồn vọng lại*

*Để anh giận mắt anh nhìn vụng dại
Giận thơ anh đã nói chẳng nên lời
Em đi rồi, sấm hối chạy trên mọi
Những ngày tháng trên vai buồn bỗng nặng.
Em ở đâu, hồi mùa thu tóc ngắn
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng
Giữ hộ anh bài thơ tình lụa trắng.*

Nguyễn Sa (tháng 5, 1957)

[Trích trong Nguyễn Sa, **Thơ**, Tập Một, Saigon: Nhà xuất bản Đời, 1958, p. 7.]

1. Bản dịch của Bồ Đại Kỳ

Your Dress of White Silk

Tho Saigon is hot I myself am cool
Because you wore your dress of white silk
from Ha Dong
Oh how I love even now that bright color
And still even now my poems are white silk

I remember still now you seated here, your
hair short
As the autumn was long, it surrounded us then
My soul swiftly, hastily, painting your form
Hastily graving it deep in my soul

A day I encountered you was a day of joy
And meeting you twice was pure ecstasy
My puerile poems stacked up in a pile
Your eyes, young, wide open, were wine to
my soul

You did not speak, but I heard your voice
You looked not at me yet you made the sky mine
I saw you with eyes of a love without end
And your arms of white my poems became

Your comings, you[r] goings, I knew them all
Tho the sun and the rain were nothing to me
But why didn't we share when we came
when we left
I might have spoken what sad poems retain
How I glared, silently, from the corner of my eye
In poems, not aloud, my anger I spoke
And then you were gone, regret came to my lips
And the days and the weeks were weights
crushing me

Wherever you are, in long autumns of short hair
Retain for me that white silk from Ha Dong
Oh how I love even now that bright color
And retain in my poems those love-poems of
white silk

[English Translation by Bồ Đại Kỳ, 1958.]
(Nguồn: Nguyễn Sa Thơ, Tập Một, Saigon:
Nxb Đời, 1958, p. 118-119;
Reprint in Thơ Nguyễn Sa Toàn Tập. Irvine,
CA: Nxb Đời, 2000, pp. 140-141.)

2. Bản dịch của Huỳnh Sanh Thông

The Dress of Ha Dong Silk

In Saigon heat I suddenly felt so cool
because you wore a dress of Hà-Đông silk.
I've always loved that color in a dress--
my poems are still made of raw white silk.

I still recall you sitting there, short-haired,
while all around me autumn seemed so long.
My mind's eye drew your portrait there and then,
and opening doors, displayed it in my soul.

Meeting you once, I found it a sheer joy--
meeting you twice was heaven for my soul.

My student poems, like a hill, piled up—
your eyes became the wine to make me drunk.

You spoke no word: I heard a melody,
You cast no glance: I saw a vast blue sky.
Upward I looked to you, with prayerful eyes,
and in pure poems reached for your white sleeve.
You came, you went—no warning. Yes, I know
that it will shine or rain with no excuse.
But why take off without a word? I'm left
to call you in sad poems, echoed sounds.

I'm left to curse my eyes which failed to speak,
To curse my poems which said futile words.
You're gone—remote now whispers on my lips,
And on my shoulders days weigh heavier yet.

Where are you now, my autumn with short hair?
For me please keep the dress of Hà-Đông silk.
I've always loved that color in a dress—
please keep it, my love poem of white silk.

[English Translation by Huỳnh Sanh Thông,
An Anthology of Vietnamese Poems, New
Heaven: Yale University Press, 1996, p. 288.]

3. Bản dịch của Phạm Trọng Lê

The Dress of Ha-Dong Silk

As I walked under Saigon's glowing sun,
All of a sudden, I felt a cool breeze
'cause you wore your *ao dai* of Ha-Dong silk,
Such color in a dress I adore—boundlessly.
My poems were still as pure as white silk.

I recall you sitting here, your hair short,
But all around you autumn seemed so long.
My soul quickly captured your fair image,
And swiftly displayed it in my open heart.

A day near you: euphoria all day long
Two days with you: second day wedding bliss.
My school poems I stacked up like a hill,
Your eyes were intoxicating wine I drank.
You spoke no word, but I heard your
melodious voice,
You cast no glance, yet I saw the blue sky
wide open,
That, in vassalage, I beheld with faithful eyes.
With your white hands, you entered
splendid poesy.

You came and went—so suddenly—I know,
Like rain or shine, for no single reason.
But why depart, without telling me why,
And let me keep calling your name again,
Only to hear echoes from my sad poems.

Silently I sulked so my eyes looked silly,
I scorned my poem that could not speak for me.
Now you are gone—sorrow perching on my lips,
All the days weigh heavy on my sad shoulders.

O, where are you, my autumn of short hair?
Keep for me the color in your dress of Ha-
Đông silk,
Such color in a dress I adore—boundlessly.
Keep for me that love poem of white silk.

[English Translation by Phạm Trọng Lê
3/25/1998;
revised 4/18/1998, reprint in Nguyễn Sa:
Tác Giả & Tác Phẩm, Tập II, (1998), pp.
319-330.]

4. Bản dịch của Linh Chân

Silk Dress

In the heat of sunny Saigon, suddenly I
felt a coolness

When you appeared, wearing the dress of silk
from Ha Dong
Oh how I've loved that color so much
My poetry remains like white silk, a color
untouched.

I remember you - sitting there, short hair and sweet
All around me Fall dragged on - no end in sight
My soul hurriedly made of you - a sketch
To display in the window of my smitten spirit

Seeing you once, oh what a joyful day I had
Seeing you twice, and it was double happiness
Young naïve verses - piling up and up
Drunken eyes blurry - as if soaked in wine.

You've hardly spoken, I already hear music
You've hardly looked, the sky's suddenly
blue, infinite
As I looked through a faithful lover's eyes.
Hands unencumbered, you entered
wondrously into a poet's life

You came, you went, always I was aware
I rained, it shined with no special care
By why didn't you tell me when you would leave
I called and called, an echo in a sad poem's lines.

I sulked till my eyes became lifeless
My poetry became choked with anger
You left, and I became a man in his dying bed
Time became a burden I could hardly bear

Where are you now, my sweet young lady
with short hair
Preserve that color, please, of silk from Ha Dong
For me to love always the color your soft dress
Preserve this love poem, please, of soft silk -
untouched.

[English translation by Linh Chân, Houston,
TX, May 1998, in Nguyễn Sa: Tác Giả &
Tác Phẩm, Tập II, (1988), pp. 338-39.]

5. Bản dịch của Diệp Trung Hà

(Translator's note: The form of Nguyễn Sa's
"Áo lụa Hà Đông"—the number of syllables in
a line—is preserved in translation.)

Hà Đông Silk Dress

Saigon sun suddenly cools off
Since your dress is of Hà Đông silk
I still love that dress's color
The white silk still sings my verse

I still see you sit here, hair short
The autumn, long, about lingered
My soul rushed to paint your portrait
Laying it in my heart in haste

One day with you one day of bliss
Two days with you eternity
Our student poems I piled high up
And my eyes fermented to wine

You hadn't said, I still heard lyrics
Hadn't looked, blue sky already wide
I looked up with amorous eyes
A splendid poem your white hands brought

You came and went suddenly, I knew
It rained then shone, for no reasons
But why left without any word
I called, but echoed the sad poem

I angered, my eyes became lost
Upset with the poems, I'd no words

You left, regrets run on my lips
Days and months sadness weighed heavy

Where are you, my short-haired autumn
Keep for me the Hà Đông silk dress
I still love that dress's color
Keep for me the white silk love verse.

[English translation by Diệp Trung Hà,
December 2008,
in **Firmament (Thế Hữu Văn Đàn)**, Vol 2,
No. 2, July, 2009, pp. 30-31.]



Anh vẫn nhớ em ngồi đây "áo trắng"

6. Bản dịch của Roberto Wissai NKBa

Silk Tunic from Hà Đông Province

The sun in Saigon City was suddenly no
longer oppressive to me
Since you appeared in the Hà Đông silk tunic
I still cherish the color of that dress
And my poem is still on the virgin silk

I still remember you sitting here, sporting
hair cut short
While the fall season was lengthening its
presence around you
And your portrait was taking shape in a hurry
In my newly opened soul

The first time we met, I was happy
The second time around I was doubly in ecstasy
My poems for you soon stacked up
mountain high
My eyes were drunk as if they were soaked
with wine

You didn't yet speak but I already heard
the melody
You didn't yet lift your eyes but the sky was
already wide open
And I looked at it with eyes of fidelity
With my hand, you stepped into the
wondrous lines of poetry

I understood, you suddenly came and went away
For no reason, rain came and then
suddenly stopped
But why you went away without a word
of goodbye
Making me cry after you in sad echoes of poetry

Making me crazy with grief and wild in my eyes
I could hardly write any poetic lines
I was full of regrets with your absence
Days and months weighed heavy on my shoulders

Where art thou, the short hair in the season of fall
Please hang on that Hà Đông silk tunic
I still love the color of that dress
Keep for me the love poem written on the
virgin silk

[Quick and rough translation by
Wissai, April 04, 2013
Roberto Wissai/NKB.]
[Source:
catbuicarolineth.blogspot.com/2013/04/
ao-lua-ha-dong-with-english-
translation_6.html.]

7. Bản dịch của Kim Vũ (Vũ Mạnh Phát) Ha Dong Silk Dress

Walking under the hot Saigon sun, I
suddenly feel so refreshed
because you're wearing a Ha Dong silk dress.
How I've loved the color of that attire,
my poetry still retains the color of pure silk white.

I still remember you sitting there in short hair,
and the expanse of the autumn around you is
boundless,
I hasten to draw in my mind your portrait,
and hurriedly placed it inside the wide open
window of my soul.

I'm so happy to see you if just for once in a day.
If I see you two days in a row, that would
really be a feast.
I can stack my debutant poems into a
mountain,

and your dreamy eyes produce a wine to
make me intoxicated.

You don't speak, and a marvelous melody
rises in the air.
You haven't started looking, and the clear
blue sky already opens up.
I reach up to you with my devoted eyes,
and with your arms in white, you've entered
my wondrous verse.

You come and go all of a sudden, oh yes I'm
quite aware of that,
just like the weather, rainy or sunny without
a cause.
but why won't you tell me when you leave,
so I'd call out for you, and my poem echoes
my sadness.

I look silly in the eyes because of my soreness.
I'm angry because my poetry seems unable
to utter the right sound

After you're gone, regret runs up to my lips,
On my shoulders, the sad days and months
seem to bear down.
Where are you now, o my autumn of short hair?
Please keep for me the color of your Ha
Dong silk dress
I still love the color of that lovely apparel so much,
so retain for me this love poem the color of
pure white silk.

[English Translation by Kim Vũ (Vũ Mạnh
Phát) 11/6/ 2015; slightly revised 11/9/15].

--
Viết xong tại Virginia 11/17/15

PTLê

NGƯỜI VIỆT LÀM THƠ TIẾNG ANH

(THƠ SONG-NGỮ VIỆT-ANH)

LÊ XUÂN NHUẬN

Chúng ta đã bước vào thiên-niên-kỷ thứ ba, và sống trong một thời-đại mà các sinh-hoạt chính của mỗi nước, và do đó của mỗi người, đều có chiều-hướng *toàn-cầu-hóa*, nói nôm-na là mở cửa để tiếp-thu từ toàn-cầu, đồng-thời dần thân để hòa-nhập vào toàn-cầu.

Trong hoàn-cảnh đó, thơ là một trong các sinh-hoạt nói trên. Bởi thế, đã có khá nhiều bài thơ, tập thơ, hợp/tuyển-tập thơ, của khá nhiều nhà thơ, từ tiếng nước mình được dịch sang tiếng nước ngoài.

Một trong những ngôn-ngữ thông-dụng nhất trên thế-giới hiện nay là tiếng Anh. Cho nên, ngoài thơ của các tác-giả nói-tiếng-Anh (như Anh, Mĩ, Úc...) từ lâu đã có khá nhiều thơ của các người nước khác được dịch sang tiếng Anh.

Trong thời-gian qua, Việt-Nam cũng đã bắt đầu giới-thiệu thơ của mình với người nước khác, bằng cách sáng-tác trực-tiếp, hoặc phiên-dịch (hay chuyên-ngữ) từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Có sáng-tác bằng tiếng Anh hay phiên-dịch qua tiếng Anh, thì mới mong được người nước ngoài đọc đến, chia-sẻ với chúng ta những gì mỗi một nhà thơ, đại-diện phần nào cho dân-tộc Việt-Nam, tâm-hồn Việt-Nam, dù trong một hoàn-cảnh nhất-định, gửi-gắm trong từng vần điệu thi-ca.

I

Về thơ tiếng Anh của Người Việt Hải-Ngoại, ta thấy có hai nguồn song-song:

▶ thơ trực-tiếp *sáng-tác* bằng tiếng Anh, và

▶ thơ *phiên-dịch* hay *chuyên-ngữ* sang tiếng Anh.

Thơ trực-tiếp sáng-tác bằng tiếng Anh thì được phổ-biến qua ba con đường: đăng-tải rời-rạc, in chung trong các tuyển-tập, và xuất-bản thành tập riêng.

Vi là thơ sáng-tác bằng tiếng Anh, nên các tác-giả đã đi thẳng vào các tạp-chí thi-ca của Mĩ, các diễn-đàn/nhà-mạng thi-ca của Mĩ thực-hiện trên mạng lưới thông-tin toàn-cầu, các tuyển-tập thơ quốc-tế của Mĩ, Anh; cũng như xuất-bản thành tập theo cung-cách của phương Tây.

Riêng thơ tiếng Anh đã được ấn-hành thành tập, thì ta thấy có các tác-giả và dịch-giả cũng như tuyển-tập sau đây:

Barbara Tran với thi-tập *sáng-tác* “*IN THE MYNAH BIRD’S OWN WORDS*” xuất-bản ở Hoa-Kì năm 2002;

Bright Quang với các thi-tập *sáng-tác* “*POETRY AND ART*” ấn-hành ở Redwood City, Bắc California (USA) năm 1998, “*MY TORCH*” (*Ngọn Đuốc của Tôi*) năm 2003;

Christine Sa với thi-tập *sáng-tác* “*THE PARTING YEAR*” xuất-bản ở Toronto, Canada;

Du Tử Lê với một số thi-tập: “*HOA NÀO TIN QUÁ ĐÁNG ĐẾN KHÔNG NGỜ*”

/ FLOWERS CAN'T BELIEVE FRUITS WOULD GROW THAT BITTER” do Như Hạnh, Nhan Chung *chuyển-ngữ*, xuất-bản ở Mỹ năm 1999, “TRƯỜNG KHÚC MẸ VỀ BIỂN ĐÔNG/ TRIBUTES TO MOTHER ON HER WAY HOME VIA PACIFIC OCEAN” do Thiên Nhất Phương và Trần Lệ Khánh *chuyển-ngữ*, năm 2002, v.v...;

Đình Linh với các thi-tập sáng-tác “ALL AROUND WHAT EMPTIES OUT” xuất-bản năm 2004, “AMERICAN TATTS” năm 2005, “BORDERLESS BODIES” năm 2006;

Đỗ Vinh [Joseph Đỗ Vinh Tài] với thi-tập *sáng-tác* “GREEN PLUMS” xuất-bản ở California (USA) năm 2005;

“FLOWERS OF LOVE / FLEURS D’AMOUR” (Cụm Hoa Tình Yêu), tuyển-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyển-ngữ*, Tập I (40 tác-giả), Tập II (45 tác-giả), Tập III (66 tác-giả); Tập IV (32 tác-giả); với các *tác-giả tiếng Anh*: Đình Duy Phương, Doan Nam Nhan, Hoài Việt, Hoàng Hoa, Hồng Phương, Hương Nam, Kim Phương Tran, Lê Khắc Lý, Lê Sỹ Đông, Lê Trọng Nghĩa, Lê Văn Ba, Lưu Hoài, Lưu Trần Nguyễn, Ly Châu, Như-Hoa, Nguyễn Phúc Sông Hương, Nguyễn Thị Sen Trắng, Nguyễn Thùy Linh, Paul Cao, Phạm Ngọc, Phạm Nhã Dự, Thanh-Thanh, Thu-Vân, Tina Thanh Hương, Trac Pham, Trần Tịnh Như, Tyna, Vinh Hồ,; với các *dịch-giả*: Ali Smaoui, Be Davison Herrera, Charles Nguyen, Christopher Vũ, Du Phước Long, Duy Tường, Đào Thanh Khiết, Elsie Whitlow Feliz, Hoài Việt, Huỳnh Sanh Thông, Joyce Odam, Lê Cao Phan, Lê Sỹ Đông, Ngọc Nguyệt, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Đại Thanh, Nguyễn Đắc Khoa, Nguyễn Trọng Bình, Nhã Dự, Như Hoa, Nhựt Nguyệt, Phạm Ngọc, Phạm Phan

Thị Bạch Nga, Thanh-Thanh, Thu Vân, Trần Minh Hiền, Vo Tinh, Võ Thị Xuân Hiệp, Vũ Đức Tô Châu, Vũ Lang, Ý Nga; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam” của Như-Hoa Lê Quang Sinh ấn-hành, ở Sacramento, Bắc California (nay đã dời qua Dallas, Texas), USA;

Hà Huyền Chi với tập thơ song-ngữ “SHARPENING THE SWORD ON THE SIDELINE” (Bên Trờì Mài Kiếm) do Ngô Đình Chương *phiên-dịch*, Đàm Trung Pháp hiệu-định, ấn-loát ở Washington, và “THE BEST OF HA HUYEN CHI” do Bình Nhung *phiên-dịch*; xuất-bản ở Hoa-Kì;

Hạ Ái Khanh với thi-tập “SPEECHLESS (NGHEN NGÁO)” *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* dưới bút-danh Dien Viet Duong [Duong Viêt Điền], xuất-bản năm 1998;

Hoa Nguyen với các thi-tập *sáng-tác* “YOUR ANCIENT SEE THROUGH” năm 2002, “AS LONG AS TREES LAST” xuất-bản tại Hoa-Kì năm 2012, “HECATE LOCHIA” năm 2012, RED JUICE năm 2014;

Hoàng Du Thụy trong các tuyển-tập *sáng-tác*: “A BREAK IN THE CLOUD” xuất-bản năm 1993, và “DANCE ON THE HORIZON” năm 1994;

Hoàng Ngọc Văn với thi-tập *sáng-tác* và tự *chuyển-ngữ* “CUỘC ĐỜI (ONE'S LIFE)” ra mắt tại San Jose, California (USA);

Huyền Chương Quý với tập thơ tự *chuyển-ngữ* “KHÁT VỌNG TỰ DO” (*The War and The Americas in My Country*);

Huỳnh Sanh Thông biên-khảo *phiên-dịch* “AN ANTHOLOGY OF VIETNAMESE POEMS - FROM THE ELEVENTH THROUGH THE TWENTIETH CENTURIES” xuất bản ở New Haven, Connecticut (USA) và London (Anh);

Joseph Do Vinh Tài với các tập thơ Mi-

Việt sáng-tác và chuyển-ngữ “GREEN PLUMS” (Đào Non) “APOLOGIES TO THE MOON” (Tạ Tội Cùng Trăng), do Broken-Heart Press ấn-hành năm 2008;

Khê Iêm với tác-phẩm “BLANK VERSE (THƠ KHÔNG VẤN)” cùng Đỗ Vinh phiên-dịch ấn-hành ở California (USA) năm 2006;

Kim Vũ với các thi-tập Việt-Anh sáng-tác và tự chuyển-ngữ “SUCH IS MY LOVE, SWEETHEART” (Tình Anh Như Thế Đây), “WHEN I LOVE YOU” (Khi Yêu Em); và các tuyển-tập “VIETNAMESE POETRY: A SAMPLER” (Việt Nam: Những Áng Thơ Tuyệt Tác), “THE FINEST PIECES OF MODERN VIETNAMESE POETRY” (Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiện Đại) do Kim Vũ phiên-dịch, tự xuất-bản, ở San Jose, Bắc California, (USA);

Lại Thanh Hà sáng-tác “INSIDE OUT & BACK AGAIN” (Đi Rồi Lại Về) tiểu-thuyết bằng 121 bài thơ, xuất-bản năm 2011;

Lê Phạm Lê với các thi-tập sáng-tác “FROM WHERE THE WIND BLOWS” (Gió Thổi Phương Nào) và “WAVES BEYOND WAVES” ấn-hành ở San Francisco, Bắc California (USA);

Lê Thị Thâm Vân (Lê Thị Hoàng Mai) với thi-tập sáng-tác “YELLOW LIGHT” xuất-bản năm 1998;

Lê Văn Tài với tuyển-tập sáng-tác “EMPTY ARMS SURROUNDED BY WARM BREATH” ra mắt năm 1987;

Linh Đình (Đình Hoàng Linh) với các tác-phẩm sáng-tác “DRUNKARD BOXING” (Võ Say) xuất-bản năm 1998, “A SMALL TRIUMPH OVER LASSITUDE”, “A GLASS OF WATER”, đều ở Philadelphia, Pennsylvania (USA), năm 2001;

“LOVE POEMS” (Thơ Tình), tuyển-tập

chuyển-ngữ, xuất-bản ở Nam California (USA);

Mai Nguyên với tuyển-tập-thơ sáng-tác và phiên-dịch “VAP” (?);

Minh Viên với các thi-phẩm “THE UNHEALED WOUND” (Vết Thương Chưa Lành), “A NIGHTMARE WAR” (Cuộc Chiến Ác-Mộng), “BLUE RAIN” (Mưa Xanh), sáng-tác, ấn-hành ở San Francisco, Bắc California, Hoa-Kì, v.v...;

Mộng Lan với thi-tập sáng-tác “SONG OF THE CICADAS” xuất-bản ở Massachusetts (USA) năm 2001;

Ngô Đình Chương với “QUIET ALLEY IN THE EVENING” (Chiều Đêm Xóm Vắng), song-ngữ, do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Nguyễn Đỗ với hợp-tuyển-tập “THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI” cùng Paul Hoover chuyển-ngữ, do University of Iowa ấn-hành;

Nguyễn Mạnh Quang với “A POEM FOR MY CHILDREN” (Bài Thơ Cho Con) do tác-giả sáng-tác và tự chuyển-ngữ, xuất-bản ở Tacoma, Washington (USA);

Nguyễn Phúc Sông Hương (Thái Luân) với “AMONG PEOPLE” (Giữa Những Con Người), sáng-tác trực-tiếp, xuất-bản ở Sacramento, Bắc California (USA) năm 1995;

Như-Hoa Lê Quang Sinh với “THE OLD DAYS / LE VIEUX TEMPS” (“Chuyện Ngày Xưa”), thi-tập tam-ngữ Việt-Anh-Pháp, với các dịch-giả: Duy Tường, Lê Sỹ Đông, Như Hoa, Thanh-Thanh, Thu Vân; do “Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam Quốc-Tế” xuất-bản, ở Sacramento, Bắc California (USA);

Ngô Tăng Giao tự chuyển-ngữ các tập thơ “MƯA XUÂN” ấn-hành năm 2000,

“*HƯƠNG MÙA VU LAN*” năm 2007;

Nguyễn Chí Thiện với các tác-phẩm được Nguyễn Ngọc Bích *phiên-dịch* sang tiếng Anh: “*NGỤC CA / PRISON SONGS*” xuất-bản năm 1982, “*HOA ĐỊA NGỤC / THE FLOWERS OF HELL*” năm 1996, “*HẠT MÁU THƠ / BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” năm 1996;

Nguyễn Hữu Lý đã *chuyển-ngữ* và cho ra đời các tác-phẩm: “*TÌNH MẸ TRONG THƠ VIỆT NAM: Collection of Poems on Motherly Love*”, “*QUÊ HƯƠNG QUA THI CA: Anthology of Homeland in Vietnamese Poetry and Songs*”, “*XUÂN VÀ TUỔI TRÉ VIỆT NAM: Anthology of Springs and Youth of Vietnam*”, do Nhóm Văn Hóa Pháp-Việt ở Paris giới-thiệu, và “*NHỮNG CON ĐƯỜNG LƯU VONG: Les Sentiers de l'Exile - The Paths of Exile*”, do Hội Thơ Tài Tử Việt Nam của Như Hoa phổ-biến;

Nguyễn Ngọc Bích với các tác-phẩm biên-khảo và *phiên-dịch*: “*THE POETRY OF VIETNAM*” xuất-bản năm 1969, “*A THOUSAND YEARS OF VIETNAMESE POETRY*” năm 1975, “*A MOTHER'S LULLABY*” (“*Trường Ca Lời Mẹ Ru*” của Trương Anh Thụy) năm 1989, “*THE FLOWERS OF HELL*” (“*Hoa Địa Ngục*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1995, “*BLOOD SEEDS BECOME POETRY*” (“*Hạt Máu Thơ*” của Nguyễn Chí Thiện) năm 1996, v.v...;

Phan Nhiên Hạo với các thi-tập *sáng-tác* “*PARADISE OF PAPER BELLS*” xuất-bản năm 1998, “*MANUFACTURING POETRY*” năm 2004, v.v...;

Song Hồ (Nguyễn Thanh Dam) với “*ROCK AND FLOWER*” tự *phiên-dịch* từ “*Đá và Hoa*” (1992), xuất-bản năm 2000;

Thanh-Thanh (Nhuan Xuan Le) với

“*VIETNAMESE CHOICE POEMS*” (tuyển-tập 146 bài *thơ* tiếng Anh, dịch từ nguyên-tác *thơ* tiếng Việt của 81 tác-giả hiện sống tại Mỹ, Gia-Nã-Đại, Úc, Pháp, Đức, Bỉ, Na-Uy, Việt-Nam), là tập-hợp *hiều nhất* số thi-sĩ và số bài dịch sang *thơ* Anh, do Nhà Xlibris ở Indiana (USA) xuất-bản năm 2013; được Nhà Tổng-Phát-Hành Amazon đưa vào danh-sách “*Favorite Books of the Year*” trong Mục “*Best Books of 2014*”;

“*THE SILENCE OF YESTERDAY*” (*Sự Im-Lặng của Ngày Hôm Qua*), song-ngữ, *sáng-tác* trực-tiếp lần *chuyên-ngữ*, của 22 tác-giả, với các *tác-giả tiếng Anh*: Ngô Đức Diễm, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Ý Yên; với các *dịch-giả*: Hoài Vân Tử, Huỳnh Sanh Thông, Ngô Đa Thiện, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phúc Sông Hương, Phạm Ngọc, Song Nhị, Thanh-Thanh, Thy Vũ, Vĩnh Sinh, Vi-Khuê, Võ Đình, Ý Yên; do “*Cơ-Sở Thi Văn Cội Nguồn*” của Song Nhị và Diên Nghị giới-thiệu, ấn-hành ở San Jose, Bắc California (USA);

Thoại Q. Tran (Trần Quý Thoại) có các thi-tập *sáng-tác*: “*RANDOM THOUGHTS*” xuất-bản năm 2000), “*QUE SERA*” năm 2001, “*REFLECTIONS*” năm 2001;

“*TÌNH YÊU, CUỘC SỐNG VÀ LƯU ĐẦY (LOVE, LIFE, and...)*” *thơ* Việt-Anh;

Trang Đài Glassey-Trầnnguyễn với 3 tập *thơ*: “*ANH HOA*” Anh-Việt tự *chuyển-ngữ*, ấn-hành ở Saigon năm 1967, tái-bản ở Mỹ năm 2005; “*MARS & VENUS*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2001; “*IN HARMONY*” *sáng-tác*, ở Hoa Kỳ năm 2008;

Trần Mộng Tú với 2 bài *thơ* “*THE GIFT IN WARTIME*” (*Quà Tặng Trong Chiến Tranh*) và “*DREAM OF PEACE*” (*Giấc Mơ Hòa Bình*) do Vann Phan *phiên-dịch* sang

Anh-ngữ; bài trước được in trong “*American Literature Textbook*” (sách giáo-khoa, của nhà xuất-bản Mĩ Glencoe/Mc.Graw-Hill), bài sau được in trong “*Vision of War, Dream of Peace*” là tuyển-tập thơ của các cựu Nữ Quân-Nhân và Y-Tá phục-vụ trong Chiến-Tranh Việt-Nam;

Trúc Lang [Vĩnh Đỗ] với thi-tập *sáng-tác* “*SEA AND SKY*” do Ngày Nay xuất-bản năm 2005;

Trương Anh Thụy với thi-tập song-ngữ “*GỬI MUA CHO NẮNG*” tự *chuyển-ngữ* sang tiếng Anh;

Vĩ Khuê với “*POEMS IN RAIN & FLOWERS*” (*Thơ Trong Mưa & Hoa*), thi-tập song-ngữ, với các *dịch-giả*: Bernard Detrez, Chử Nhất Anh, Chử Nhị Anh, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Huỳnh Diệp, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phương Viên, Thanh-Thanh, Trần Nhã Hoa, Tường Minh, Vĩ Khuê, Võ Đình, Vũ Đức; do “Sao” xuất-bản, ở Virginia (USA);

Vĩnh Liêm với tập thơ “*WITHOUT BEGINNING WITHOUT END*” (*Vô Thủy Vô Chung*), do Nhà Lulu xuất-bản năm 2008;

Võ Đình (Võ Đình Mai) *phiên-dịch* sang Anh-ngữ: tập thơ Thiền của Thích Nhất Hạnh “*ZEN POEMS OF NHAT HANH*” xuất-bản ở N. Carolina, năm 1976; 18 bài thơ thiền từ chữ Hán “*FRAGRANCE OF ZEN / HUONG THIÊN*” ở Los Angeles, năm 1981; (cùng Công Huyền Tôn nữ Nha Trang) 30 bài thơ Thiền và Kệ (của các Thiền sư Việt Nam) “*MỘT CẢNH MẠP*” ở Paris và San Jose, California (USA) năm 2005;

Vũ Hối có tập thơ “*VÂN THO MÀU TRẮNG*” (*La Poesie de Couleur Blanche*) *phiên-dịch* sang Anh- và Pháp-ngữ, xuất-bản tại Sài-Gòn năm 1959;

*

“*WORLD POETRY*” (*Thơ Thế-Giới*) do “*Quality Paperback Book Club*” (Câu-Lạc-Bộ Sách Bìa Mỏng) ở New York xuất-bản, là một hợp-tuyển-tập thơ, trong đó có một số bài do Nguyễn Ngọc Bích *chuyển-ngữ* từ tác-phẩm của một số tác-giả Việt-Nam, từ xưa như Hồ Xuân Hương, Khuông Việt, Lê Thánh Tông, Mãn Giác, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Trãi, Trần Nhân Tông, Trần Tế Xương Vạn Hạnh, đến *tiền-chiến* (Đệ-Nhị Thế-Chiến) như Thế Lữ, Tú Mỡ, đến cả những tác-giả *mới* như Đoàn Văn Khâm, Hà Thị Thảo, Lê Ngọc Hiệp, Nguyễn Văn Lạc. Trong số những nhà thơ kê trên, có một tác-giả còn sống, được nhiều người chú í, mà lại là thành-viên của Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn tại Hải-Ngoại, đó là Du Tử Lê.

V.v...

II

Sách nói chung, thơ nói riêng, mà được kí-nạp tại *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Kỳ*, thư-viện của các trường đại-học Mĩ cũng như các nước khác, là một hình-thức và phương-tiện phổ-biến văn-hóa, nếu không muốn nói là tuyên-truyền, rất hữu-hiệu.

Hiện nay, số sách [trong đó có thơ] của Việt-Nam *nội-địa* thì đã hiện-diện tại các nơi ấy rất nhiều, trong lúc sách của *Cộng-Đồng Người Việt Tị-Nạn Cộng-Sân ở Hải-Ngoại* thì ít hơn.

Riêng *Thư-Viện* của *Quốc-Hội Hoa-Kì* được xem như là thư-viện chung cho cả

hoàn-cầu.

Do đó, có một số nhà thơ, và nhà xuất-bản, muốn phổ-biến rộng-rãi tác-phẩm của mình, đã không chỉ trông-cậy vào các buổi trình-mại sách, các bài giới-thiệu trên báo & đài, các sạp bày bán, mà còn gửi tặng cho càng nhiều thư-viện càng tốt – hiển-nhiên *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì* là nơi lí-tưởng nhất.

Các thi-sĩ, và nhà xuất-bản mà chỉ lâu lâu mới xuất-bản một tập thơ, thì việc có hay không có kí-nạp sách của mình vào *Thư-Viện Quốc-Hội Hoa-Kì*, không thành vấn-đề; nhưng có một số nhà xuất-bản *in sách thường-xuyên* mà lại không chú-í đến vấn-đề này thì là một nhược-điểm. Nhà xuất-bản “*Xây-Dựng*” của Thanh-Thanh, Cơ-Sở Thi Văn “*Cội Nguồn*” của Song Nhị, nhà xuất-bản “*Sao*” của Vi Khuê, thì có lưu-tâm đến nơi lưu-trữ bảo-đảm và trường-cửu ấy cho tác-phẩm của mình; còn “*Hội Thơ Tài-Tử Việt-Nam*” của Như Hoa, nhà xuất-bản “*Phương Đông*” của Dương Huệ Anh, Tủ Sách “*Phụ Nữ Thời Nay*” của Diễm Châu, thì không kí-nạp sách của mình vào kho tàng văn-học và văn-hóa ấy của toàn-cầu, thật là đáng tiếc.

Để giải-quyết vấn-đề này, chúng tôi đề-nghị các tác-giả, các Hội Văn-Học Nghệ-Thuật, các nhà xuất-bản, dù là chuyên-nghiệp hay tùy-hứng, của Người Việt Hải-Ngoại, lưu-í kí-nạp ân-phẩm của mình vào *Thư-Viện* nói trên (vì có khá nhiều tác-phẩm giá-trị hiện-diện trên thị-trường mà không có mặt trong thư-viện ấy).

Riêng về việc ghi danh vào *Thư-Mục Quốc-Tế* và kí-nạp vào *Thư-Viện*, xin đề-nghị lập thủ-tục xin số “ISBN” (*International Standard Book Number*) và cả số “LCCN” (*Library of Congress*

Control Number), để người nghiên-cứu dễ tìm thấy sách của mình trong thư-viện minh-mông.

III

Đã nói về thơ thì không thể không nói về *thể thơ, văn thơ*.

Thơ Anh cũng như thơ Việt đều có cả *thơ-có-vần* lẫn *thơ-không-vần* (tức *thơ tự-do, thơ buông, thơ văn xuôi*, v.v...).

Nhìn qua các bài tiếng Anh đã có, dù là *sáng-tác* trực-tiếp hay *phiên-dịch*, chúng tôi thấy rõ phần nhiều đều *không có vần*. Có thể tác-giả và dịch-giả cho đó là *thơ tự-do*; nhưng, theo chúng tôi nghĩ, tuy có hình-thức là câu văn xuôi như nhau, nhưng các câu *thơ* phải có cái gì khác hơn một đoạn *văn xuôi* – vì nếu chỉ là văn xuôi thì hóa ra đoạn văn nào, trong một bài dài, trong một đoạn dài, mà chỉ cần được ngắt câu xuống hàng, thì cũng đều là *thơ-không-vần*?

Đó là chưa kể, dù là văn xuôi, trong nhiều trường-hợp, chính các tác-giả là người Mĩ (Anh, Úc) chính-thống mà cũng còn cần phải được các *nhà viết thuê* (ghost-writer) hiệu-chỉnh, huớng gì chúng ta đa-số không phải là dân sinh ra đã nói/viết tiếng Anh, mà nay lại làm *thơ tiếng Anh*. (Xin xem về nạn dùng sai chữ, dịch phản nghĩa, viết trật văn-phạm tiếng Anh ở phần dưới).

Tuy nhiên, nói thế không phải là để chúng ta ngại-ngân trong việc làm *thơ tiếng Anh* hay dịch *thơ tiếng mình sang thơ tiếng Anh*.

Xin đề-nghị các bạn hãy mạnh-dạn *sáng-tác* trực-tiếp, hoặc đẩy mạnh việc *chuyển-ngữ* các tác-phẩm của mình qua tiếng Anh, bắt đầu bằng từng bài một. Có ai mà không có dịp gặp-gỡ chuyện-trò với người nước ngoài; và nếu

mình được giới-thiệu là một nhà-thơ mà lại có sẵn cả bản tiếng Anh để đưa cho họ đọc thì cả họ lẫn mình sẽ thích-thú đến ngần nào; huống hồ đăng lên báo, in thành sách, gửi vào thư-viện cho mọi người có thể đọc được, tức là góp phần giới-thiệu văn-học, văn-hóa của nước mình, đến độc-giả các nước ngoài

*

Về việc *phiên-dịch/chuyển-ngữ* thơ, dịch-giả không phải chỉ cần *giỏi tiếng Anh*, mà còn cần phải *sành thơ, biết thêm đặc-ngữ, điển-tích*, v.v...

Xin đơn-cử vài thí-dụ:

1) Trong cuốn “The Silence of Yesterday” (*Sự Im Lặng của Ngày Hôm Qua*) của “Cội Nguồn”, có bài thơ tiếng Việt “*Lui Về Tiên Sĩ*” của Khang Lang, trong đó có đoạn “Ta, hề!” Một dịch-giả được gọi là học-giả, đã dịch 2 chữ “*Ta, hề*” ra là “*It's laughable!*” (Nực cười thay!). Người rành thơ Việt hẳn biết giai-thoại Kinh Kha với các câu “Phong tiêu tiêu *hề*, Dịch thủy hàn, Tráng sĩ nhất khứ *hề*, bất phục hoàn” (*Gió hiu hắt thổi, sóng Dịch lạnh, Tráng sĩ ra đi không trở về*). Nhiều thi-sĩ Việt đã dùng chữ “*hề*”, thí-dụ Trần Hoan Trinh trong bài “Tráng Sĩ Hành Ca”:

Vung kiếm ta ca, *hề*, Sát Thát
Vỗ gươm ta hát, *hề*, Nam chinh
Vẫy súng ta thề, *hề*, Bắc phạt
Gãy đàn, ta mơ, *hề*, thái bình...

Có người Việt-hóa (Nôm-hóa) chữ “*hề*” thành chữ “*chừ*”, thí-dụ Minh Đức dịch bài “*Phóng Cuồng Ngâm*” của Tuệ Trung Thượng Sĩ, với các câu:

Trời đất liếc trông *chừ*, ôi mệnh mang!

Chống gậy rong chơi *chừ*, phương ngoài phương

Dạo chôn cao cao *chừ*, mây đỉnh núi
Hoặc nơi sâu sâu *chừ*, nước trùng dương...

Chữ “*hề*” ở đây không có nghĩa là “*làm hề*”, “*như một tên hề*”, mà là một thán-từ (interjection) tương-đương với “*Hey! Ho!*” trong tiếng Anh, dùng để nhấn mạnh một cảm-xúc, trong các lời ca, tiếng hát, thí-dụ Ban Nhạc The Lumineers của Mỹ nổi tiếng với bài:

(*Ho!*) I've been trying to do it right
(*Hey!*) I've been living a lonely life
(*Ho!*) I've been sleeping here instead
(*Hey!*) I've been sleeping in my bed...

2) Trong cuốn “*Ru Thâm Tiếng Gọi Việt Nam*” của Ngọc An, có bài thơ “*Biển Nhớ*” trong đó có câu “Bao nhiêu hạnh phúc chất chiu, Đào Nguyên một thuở Nguyễn Lưu lạc đường”, mà người dịch, được giới-thiệu là một giáo-sư tiến-sĩ, đã dịch ra là “So much bliss had been spared, Of a happy land, now Nguyen Luu lost his way!” lại còn chú-thích là: “Nguyen Luu, an imaginary person in a historical myth who had visited the paradise in Heaven” (Nguyễn Lưu là một nhân-vật tưởng-tượng trong thần-thoại lịch-sử cho rằng ông đã viếng thăm thiên-đường trên Trời). Nguyễn Lưu thực ra à Lưu+Nguyễn, là hai nhân-vật Lưu Thần và Nguyễn Triệu, đời Hán, đã từng lạc vào Thiên-Thai, chứ không phải là một ông Nguyễn Lưu.

3) Trong tác-phẩm “*cuối đời*” của Hà Huyền Chi, “*The Best of Ha Huyen Chi*”, người dịch, cũng là nhà-thơ/nhà-văn, đã dịch bừa-bãi rất nhiều câu thơ trong nhiều bài thơ. Vài thí-dụ: Bài số 591, có câu “*Dăm thùng sách mới nằm say ngủ*”, mà lời dịch là “Some new book boxes do not open” (Mấy thùng sách mới không mở ra). “*Open*” là một ngoại/tha-động-từ (mở

[cái gì] ra), mà “thùng sách” là tĩnh-vật, không thể làm chủ-từ cho “open”, làm sao tự mở ra được. Bài số 592, có câu “*Nói gì câu đã mòn sông cạn*”, mà lời dịch là “We no need to talk about the fervid loyalty”. Nếu “need” là danh-từ thì nó phải là “We don't have the need to”; nếu nó là động-từ thì nó phải là “We don't need to”; không thể nói/viết “We no need”. Bài 594, có câu “*Yêu nhau là chuyện hoang đường, Không yêu đời lãng, lại thương tiếc đời*”, mà lời dịch là “*Falling into our affections are a fabulous story, But if we do not love We will be regret all our lives*”. Động-danh-từ “falling” là số ít, làm chủ-từ cho “to be”, thì “to be” phải ở số ít (“is”) chứ không thể ở số nhiều (“are”); “to be” là động-từ bất-quy-tắc, nếu đứng trước một động-từ thứ hai, thì động-từ thứ hai phải ở thể tiến-hành (“be regretting”) hoặc quá-khứ phân-từ (be regretted),...

*

Riêng về việc sáng-tác trực-tiếp hoặc chuyển-ngữ thơ Việt qua tiếng Anh, mà muốn thành thơ có vần, chúng tôi xin các bạn để ý một điểm, đó là vần thơ (rhyme) trong tiếng Anh.

Lâu nay, có nhiều bài thơ tiếng Anh mà tác-giả và dịch-giả người Việt muốn viết ra như-có-vần nhưng đều thực-sự không-có-vần.

Tiếng Anh là tiếng đa-âm, tiếng Pháp cũng là tiếng đa-âm, nhưng có sự khác nhau là trong tiếng Pháp thì âm (syllable) nào cũng được phát-âm (nhấn giọng) như nhau, giống như các âm trong các từ đa-âm của tiếng Việt; ngược lại, trong tiếng Anh thì chỉ có một hoặc một số âm là được nhấn giọng (stress, emphasize), còn các âm khác thì không được nhấn

giọng cho nên không được xem là một âm trong việc chọn âm để định vần cho thơ.

Thí-dụ:

“happy” (Anh) và “heureux” (Pháp) là sường thỏa,

“merry” (Anh) và “joyeux” (Pháp) là hề-hả,

Xét trong tiếng Việt, thì “sường thỏa” và “hề-hả” ăn vần với nhau, vì ta dùng các âm cuối là “thỏa” và “hả”; cũng như trong tiếng Pháp thì “heureux” và “joyeux” ăn vần với nhau, vì Pháp dùng các âm cuối là “reux” và “yeux” để làm vần cho thơ.

Còn trong tiếng Anh thì, ngược lại, vì các âm cuối “py” (trong “happy”) và “ry” (trong “merry”) là âm không được nhấn giọng, nên không được dùng làm vần cho thơ; trong lúc đó thì “hap” (trong “happy”) và “mer” (trong “merry”) mới là âm được nhấn giọng, nhưng chúng lại không ăn vần với nhau, vì một bên là “hap” và một bên là “mer”; do đó, “happy” và “merry” tuy đều tận cùng bằng âm “y” (py vary) nhưng vì “hap” và “mer” không ăn vần với nhau, nên ta không thể dùng “happy” và “merry” làm 2 âm cuối-cùng cho 2 câu thơ có vần.

*

Tóm lại, chúng ta cần sáng-tác trực-tiếp hoặc phiên-dịch hay chuyển-ngữ thơ tiếng Việt sang tiếng Anh, để tiếng nói đầy tình-tự dân-tộc của Người Việt nói chung, của Người Việt Hải-Ngoại nói riêng, không bị quên lãng, hoặc bị lấn-át bởi tiếng nói phi-dân-tộc, trước “bốn biển, năm châu”, trong bối-cảnh toàn-cầu-hóa mọi sinh-hoạt hiện nay.

LÊ XUÂN NHUẬN

Hội-viên Văn-Bút Quốc-Tế, PEN Center

USA

Tại sao Hà Nội phải ra lệnh cấm nói tục

VĂN QUANG

Trong tuần cuối tháng 6 vừa qua, tất cả các phương tiện thông tin ở VN, từ báo lớn đến báo nhỏ, từ báo mạng đến báo in, từ các trang mạng cá nhân cũng như đoàn thể đang sôi sục bàn tán đến chuyện Hà Nội cấm nói tục. Vấn đề đáng suy nghĩ ở đây là tại sao tất cả các tỉnh thành khác không có chuyện các cơ quan công quyền và cơ quan chuyên môn như các sở Thể Thao Văn Hóa phải quan tâm đến vấn đề này. Thế ra chỉ có “thủ đô yêu quý” Hà Nội nói tục thôi sao? Mời bạn đọc cùng tìm hiểu câu trả lời.

Hà Nội xưa nay vốn nổi tiếng là “đất Thăng Long ngàn năm văn vật”, trai thanh gái lịch không đâu bằng. Ấy thế mà bỗng dưng nó trở thành nơi nói tục nhất nước. Theo bản “nghiên cứu” của nhiều tờ báo như VNNet 26-6-2015, Báo Đất Việt 25-6-2015... thì:

“Từ công sở, trường học đến hàng quán, bến xe, ngõ hẻm, đâu đâu cũng thấy nói tục, chửi bậy. Nhiều người còn coi đó như một thói quen, không nói là thấy... thiếu thiếu”.

Tình trạng “chửi bậy như hát hay” đang ngày càng lan rộng tại khắp các môi trường. Bởi vậy nên Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) TP Hà Nội mới có văn bản “xử lý người nói tục”

Hà Nội xử lý người nói tục nơi công cộng

Theo báo Hà Nội mới ngày 17-6-2015 đã đưa tin:

“Trước phản ánh về tình trạng một số bạn trẻ, nghệ sỹ nói thô tục nơi công cộng, Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao đơn vị liên quan có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội. Việc thành phố ra văn bản nêu trên xuất phát từ nội dung phản ánh tình trạng một bộ phận các bạn trẻ là học sinh, những ca sỹ, người dẫn chương trình... có những lời nói thô tục, ứng xử không văn hóa nơi công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của thành phố.

Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Lê Hồng Sơn giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã kiểm tra, xem xét, có biện pháp xử lý cụ thể, nhằm hạn chế cao nhất những hành vi thiếu văn hóa trong nhà trường và ngoài xã hội.

Trước đó, giữa năm 2014, UBND TP Hà Nội ban hành Quy chế thực hiện Kỷ cương hành chính và Văn hóa công sở tại Văn phòng UBND thành phố. Mục đích của việc ban hành quy chế trên nhằm hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đặc biệt nội dung quy chế yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức trong giao tiếp, ứng xử phải có thái độ lịch sự, tôn trọng,

trung thực, thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp. Ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc và không nói tục, dùng tiếng lóng, quát nạt.

Trong giao tiếp và ứng xử với nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức phải nhã nhặn, lắng nghe ý kiến, giải thích, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về các quy định liên quan đến giải quyết công việc”.

Quy chế đã ban hành cả năm rồi, nhưng mãi đến nay tình trạng này ngày càng trở nên nhức nhối như cái nhọt ung thư của xã hội đang chấy mủ, đó thật sự là sự xuống dốc thê thảm của văn hóa thủ đô, bộ mặt của cả nước.

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu xem cái nhọt ung thư đó hình thành từ bao giờ?

Tình trạng chửi tục nói bậy bắt đầu từ sau năm 1975

Tôi chứng minh điều này qua nhận định của một nhân vật là dân Hà Nội chính cống. Đó là ông Nguyễn Ngọc Tiến – ông này cũng là một nhà văn của Hà Nội ngày nay–. Ông nói:

“Tôi đã sống, trải qua quãng thời gian dài ở Hà Nội và có thể khẳng định chắc chắn, những thập niên 1960, 1970 thanh niên ra đường ăn nói rất lịch sự, đàng hoàng, không có tình trạng những từ tục tữ tràn lan trong xã hội.

Tuy nhiên, bây giờ Hà Nội không chỉ là những người sinh ra, lớn lên ở Hà Nội mà tập hợp những người đến từ rất nhiều nơi. Tôi nhận thấy sự thay đổi trong cách ứng xử, giao tiếp của những người sống ở Hà Nội bắt đầu diễn ra từ thập niên 1980 và kéo dài đến bây giờ. Tình trạng vắng tục cũng nhiều hơn trước kia”.

Và ông nhà văn Hà Nội này lý giải: “Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, bắt nguồn từ xã hội, gia đình, nhà trường. Từ thập niên 1980, bắt đầu có sự thay đổi lớn trong quan niệm của mỗi cá nhân. Người ta thấy mình được tự do ăn nói hơn mà không bị ràng buộc bởi nhiều nề nếp.

Nhà trường thì quan tâm đến điểm số, học sinh giỏi, học sinh tiên tiến nhiều hơn việc giáo dục cách ứng xử cho các em. Trong mỗi gia đình, việc mưu sinh chiếm ngày càng nhiều thời gian, gánh nặng, nên chuyện dạy dỗ con cái cũng bị hạn chế phần nào.

Nhưng còn một nguyên nhân nữa đó là việc giáo dục cộng đồng hiện đang bị mất dần. Ngày xưa, nếu người lớn ra đường thấy trẻ con nói tục, chửi bậy có thể nhắc nhở, thậm chí trách mắng chúng, cho dù đó là những đứa trẻ xa lạ. Và những đứa trẻ ấy chỉ còn cách nhận lỗi chứ không dám cãi lại, dù đó là người lớn chưa quen biết.

Nhưng bây giờ, sự giáo dục của người lớn với con trẻ trong cộng đồng không còn nữa. Nếu người lớn xa lạ thấy trẻ con vắng tục mà nhắc nhở thì rất dễ gặp phải sự phản ứng tiêu cực của chúng.

Nên những người lớn tuổi cũng không mấy ai nhắc nhở con trẻ những chuyện đó ở nơi cộng đồng nữa. Vì thế, trong cách ứng xử đã mất đi một kênh giáo dục cộng đồng có hiệu quả. Hay nói cách khác, người lớn đang tạo cơ hội hơn cho con trẻ nói tục, chửi bậy.

Cũng cần nói thêm, ngày trước trong nếp sống của người Hà Nội, rất nhiều cá nhân có lòng tự trọng, biết xấu hổ, rất nhiều gia đình có gia phong, nề nếp và họ cảm thấy xấu hổ trước đám đông nếu nói ra những từ tục tữ trước mặt người khác.

Nhưng bây giờ, lòng tự trọng của các cá

nhân mất đi quá nhiều, nên họ sẵn sàng vắng tục, chửi bậy mà không cảm thấy xấu hổ”.

Có một nguyên nhân chính ông Nguyễn Ngọc Tiên quên chưa nói là tại sao lòng tự trọng mất đi? Bởi một xã hội sống giả dối quá nhiều, bởi đồng tiền đã trở thành “vua” của lý tưởng sống. Các thứ đạo đức, gia phong, nề nếp đã trở thành “đồ cổ”, anh nào xài tới là lạc hậu, là dói nhãn răng. Cứ thế mài mòn hết nhân cách con người, còn trơ lại cái vỏ ngoài cố làm ra vẻ sang trọng nhưng rỗng tuếch.

Chửi tục ngay từ khi còn mới cắp sách đi học

Không khó để có thể bắt gặp hình ảnh những cô cậu học sinh cấp 2, cấp 3 còn mặc đồng phục tùm ba tùm bảy buông những từ ngữ tục tĩu chốn công cộng. Nhưng điều đáng báo động là “căn bệnh” này đã “lây” lan sang ra cả học sinh tiểu học.

Chị Vân, một chủ quán internet trên Quốc lộ 32 (Hà Nội) cho biết, cứ đến giờ tan học là nhiều học sinh cấp 2, cấp 3 kéo nhau vào quán. Và vừa chơi, các “ông trời” này vừa liên mồm chửi bậy.

Thậm chí, trên một số mạng xã hội, các em còn lập hẳn hội “thích nói tục, chửi thề” để vào đó cùng phô diễn “tài nghệ” nói tục. Nhiều em còn lôi thầy cô, cha mẹ ra chửi. Kinh khủng nhất khi ông bố dạy thằng con trai không được nói tục, thằng con trả lời tỉnh queo: “ông nội còn nói tục hơn cơ bố ạ”. Ngay cả đến một số “sao của làng giải trí” cũng chửi tục. Tiêu biểu là người mẫu Nguyễn Thùy Trang (tên nghề là Trang Trần) vừa bị truy tố vì đi xe ngựa chiều bị cảnh sát đưa về trụ sở công an quận Hoàn Kiếm nhưng vẫn tiếp tục chửi bới luôn cả cảnh sát.

Hai “thánh chửi” Hà Nội vẫn sống nhẵn

Từ rất lâu rồi tôi đã nghe danh mấy cái quán ăn ở Hà Nội gọi là “bún măng, cháo chửi”. Nói cho rõ là vào ăn bún thì bị bà chủ măng xa xả, vào ăn cháo thì bị bà chủ chửi mỗi khi đòi thêm tí hành tí ớt... “Danh tiếng” của hai thánh chửi này đã vang rền trên khắp các trang báo, cả nước đều biết, có lẽ các bạn ở nước ngoài cũng biết.

Chủ quán bún ở Ngô Sĩ Liên và quán cháo gà ở Lý Quốc Sư là hai “thánh chửi trứ danh” ở Hà Nội.

- Vào quán bún măng ăn gì?

Nằm tại số 41 Ngô Sĩ Liên (Văn Miếu – Đống Đa – Hà Nội) quán bún dọc mùng giò - lười heo, quán này do bà Hán Kim Thảo (60 tuổi) làm chủ được nhiều người gọi là “quán bún măng”.

Theo lời kể từ chính những nhân viên trong quán, khoảng thời gian 12h trưa là lúc bà Thảo sẽ nổi cơn lôi đình với khách – và khi đó các thượng đế sẽ ăn đủ các thứ ngôn từ phát ra từ miệng bà chủ quán. Nhẹ nhàng nhất cũng là: “Ăn bún gì, tìm chỗ ngồi đi, ăn xong rồi thì biến... Nói gì nói lắm thế, không ăn thì biến, bà cô, ông hoàng, không bán...”

- Vào quán cháo chửi

Quán cháo bà Mỹ tại phố Lý Quốc Sư (Hoàn Kiếm – Hà Nội) cũng được mang danh là “cháo chửi”. Bà Vũ Kim Ngọc (61 tuổi) hiện là chủ của quán. Biệt danh đó bắt nguồn từ nhiều năm trước khi mẹ bà là cụ Mỹ (79 tuổi) còn đứng quán. Vì quá đông khách nên bà Mỹ sinh bực tức. Cón bây giờ bà Ngọc thanh minh: “Tính tôi sớm nắng chiều mưa tối bão, nên những lúc nóng giận thì có quát tháo, mắng chửi khách hàng. Làm nghề này không khác gì làm dâu trăm họ nên hầu như việc chế biến để hợp miệng

khách tôi phải tự tay làm hết. Mỗi ngày quán tiếp cả trăm lượt khách ra vào, có lúc bực tức trong người nên nói hơi nặng lời. Đó là tính cách của tôi rồi nhưng bụng dạ không có ý gì cả”.

Khách hàng vẫn thản nhiên

Dù đã có nhiều bài viết nêu rõ về thái độ phục vụ cũng như phê phán thói quen mắng chửi khách thậm tệ của chủ quán nhưng quán vẫn nườm nượp khách. Dường như vì “quen bị chửi mắng” nên nhiều người cảm thấy bình thường, vẫn cười đùa và ăn ngon lành. Quả thật tôi không thể hiểu được thái độ này. Thực khách coi miếng ăn to hơn cả thể diện của chính mình. Nếu tất cả cùng tẩy chay cả hai quán “thành chửi” này chắc

chấn sẽ có tác dụng ngay. Nhưng họ... không dám rời xa một món ăn ngon dù bị chửi vào mặt. Đó là thứ văn hóa gì?!

Nhưng làm thế nào để “xử lý” người nói tục lại là chuyện không dễ dàng, lời nói gió bay, không bằng không có, không luật, làm sao mà xử và xử như thế nào? Phạt tiền, phạt tù hay phạt... cảnh cáo? Quá khó. Như thế Hà Nội sẽ còn nói tục dài dài!

Đến đây tôi thấy cần phải xin lỗi một số ít người Hà Nội không nói tục, còn giữ được chút nền nếp gia phong của người dân Việt.

Văn Quang – ngày 03- Tháng 7- 2015

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine
Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

Con Nuôi...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

Từ ngày bà Hường bị chồng chê chồng bỏ, đi cưới một bà vợ trẻ mới có hai mươi hai, thua bà đến cả ba mươi tuổi, trong lúc ông Thành đã gần bảy mươi, tất nhiên là lấy ở Việt Nam... bà Hường thấy sự đời thế gian này chường quá, hết muốn giao lưu hay tiếp thị với ai nữa cả!

Dĩ nhiên là bà buồn rồi đó! Cho dù khi bà ở với ông, ít khi hai ông bà nói chuyện với nhau, mạnh ai nấy làm... một ông chồng dưới mắt bà vừa già, vừa xấu, vừa lười, “chẳng nên cái tích sự gì”... một năm chỉ tám khoảng mười hai lần... đỡ tốn nước! Nhưng sự có mặt trong nhà của ông cũng thành quen...

Bây giờ dùng một cái ông chia của, lấy từ cái nồi cái cốc, đôi đũa, chần mền... cái gì cũng chia hai, không bỏ sót thứ gì... khiến cho bà Hường mờ mắt to ra ngạc nhiên, không ngờ ông chồng mình lâu nay đâu có “ngu” như lời bà hay nhiếc ông những khi cãi nhau, mà biết “tính toán” chi ly từng thứ...

Thì ra người ta lo cho cô vợ bé bỏng như thế đó... Nghĩ vậy nên bà Hường càng tức...

- Tui tưởng ông đâu cần ngó ngang tới những thứ này!

Ông dài miệng:

- Sao không? phải lấy đẻ mà dùng chứ!

À há, đôi đáp nghe cũng có lý lắm!

- Đây rồi số kiếp ông chắc cũng phải hầu nó ngày đêm chứ hay ho gì... đúng là già đầu còn đại gái! thứ người gì....

- Này nhá... tôi cảm bà nói nữa! Tôi không cần bà ý kiến ý cò chuyện người

khác.. Tôi có thân tôi biết lo... anh Luật sư Tôn đã nói rồi, giúp cho tôi với bà chia tay ít tốn kém, thì cứ theo đó mà làm, không có quyền xâm phạm vào đời tư của người ta...

Nghe ông nói, bà Hường nghẹn họng! Phải rồi, đã ưng thuận ký giấy ly dị, việc gì mà bà cứ tức tối lòng lộn như thế! Thân ai người nấy lo!

Ông cưới vợ trẻ nó có “đày” cho chết... thì kệ tí ông, mắc mớ gì tới bà! Có thể ông thích thực hành cho đúng câu:

- Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm...

Ông luật sư Tôn là bạn của hai người. Khi biết chuyện ông Thành mê gái trẻ, chỉ đáng tuổi cháu của mình về nhà đòi bỏ vợ, ông Tôn và những người bạn “không bị con lóc gái trẻ, chân dài cuốn hút”... cũng đã khuyên can nhiều lần, nhưng sức mạnh của ái tình quả là mạnh, cho nên “nước chảy đầu vịt”, ông Thành cứ làm theo ý của ông...

Đời ông cho đến tuổi này mới có ánh hào quang le lói, được gái trẻ trong nước mơn trớn gọi là anh, một danh từ có “mơ ước” cũng không bao giờ được ở hải ngoại! Nếu cô gái nào mà dám gọi như thế, sẽ bị thiên hạ chửi cho là lão khoét, hỗn hào, con nhà không có giáo dục!

Thế mới biết hai nền luân lý Đông Tây nó chõi nhau đến dường nào, nhưng lại có thể thay đổi dễ dàng bởi sức mạnh đồng tiền!

Một bên Đạo lý Khổng - Mạnh, tổ tiên gia tộc chặt chẽ lại chấp nhận sự kiện tệ hại, còn đua nhau mà tìm đường cho con gái được kết nghĩa với bất cứ một “cụ ông” hay giống đực nào có tí tiền... một bên thì thế giới văn minh tự do, nhưng không bao giờ thuận theo những điều nghịch lý!

Khi trở về Mỹ, cái Cell của ông Thành đeo

bên lưng quần nó cứ kêu to lên bất kể ngày đêm, kèm theo những lời êm ái nhõng nhẽo, vởi vĩnh của cô bạn gái hơ hớ mắng non nhiều kinh nghiệm trên “chiến trường tình dục”, làm cho ông Thành bần và sốt, trong người lúc nào cũng bồn chồn làm sao ấy, chỉ muốn có cơ hội là bay về ngay với em, bất chấp ngồi máy bay lâu thì tê giò, và cũng khá tốn kém tài chính cho mỗi chuyến đi, tiền máy bay thì ít mà chi cho em thì nhiều.

Chuyện cũ rích đó có không ít “lão ông” qua cầu mắc nạn, nhưng rồi vì thể diện người ta giấu kín, để các đàn ông già trẻ khác lại lao vào... chắc chắn rằng khúc đầu mê đắm hấp dẫn lắm, nên một số ông “điếc không sợ súng” muốn thử làm “thieu thân” lao vào ánh sáng tìm cảm giác lạ!

Lúc đầu thì còn cay cú, nhưng thời gian là phương thuốc nhiệm màu! Bà Hường đã biết cam chịu cuộc sống lẻ loi cô độc một mình.

- Anh nhớ nhé, cái gì cũng lấy hết, nhất là những đồ quý giá, máy móc... không nhường bả thứ gì, vì khi qua đó em cũng cần... mình khỏi tốn tiền đi sắm lại...

Câu này bà tình cờ nghe được khi ông đứng hút thuốc sau nhà và để Speakerphone cho để nghe... Cô ta xúi ông Thành dành của để khi qua, sau hai năm đã có thể xanh, cô ta sẽ lấy theo chứ tốt lành gì!

Nghĩ thế nên bà Hường chia hết, còn thêm cả giẻ cùn, rế rách, bà chất lại từng thùng cạc tông cột cẩn thận cho ông mang đi! Làm ông có ý nghĩ “bà này cũng được”!

- Đây là những đồ dùng trong bếp, tui chia mỗi người một nửa...

Hai đứa con trai của ông bà đã ra trường từ lâu, chúng đi làm ở các tiểu bang xa, có trông mong gì được! Đây rồi khi chúng lấy vợ, có con..., thì kể như chuyện nhớ tới cha mẹ lại càng xa vời.

Nhiều lúc bà nghĩ hay là bà nhận nuôi một đứa con nuôi cho vui cửa vui nhà...

Từ lúc tập quên hình bóng của ông chồng, bà Hường hay ra sau vườn ngồi sấm soi mấy gốc cây rau thơm. Cây nào cây nấy giờ mọc rất tốt... nhưng nhiều quá ai ăn cho hết! Sau cùng bà nghĩ ra cách tới các hội đoàn tham gia, mang theo những thứ rau bà có chia cho ai cần.

Hội phụ nữ là bà Hường tham dự chặt chẽ nhất. Coi như tuần nào bà cũng đi. Bà tới đó để gặp bà Cung nói chuyện, vì bà Cung là người đang làm việc cho Sở Xã Hội, am hiểu nhiều trong cộng đồng, lại là người bạn thân của bà Hường từ thời đi học.

- Hôm nay bà nấu cái gì ăn chiều?

- Có mình tui để lắm... tui ăn lại đồ thừa ngày hôm qua cho hết, để chậ tú lạnh!

- Một mình như bà cũng sướng...

- Sướng gì, buồn thấy bà!

- Vậy thì nhận nuôi một người con nuôi đi...

Bà Hường gật:

- Thì tui cũng có ý muốn xin một đứa khoảng năm tuổi về nuôi...

- Thôi, những chuyện đó khó lắm... nhiều điều kiện... bà nên nhận nuôi một đứa con mới đến Mỹ, nhưng gặp trường hợp bất khả kháng trở nên bơ vơ nơi xứ người... hoặc là nuôi những đứa bị cha mẹ bạc đãi, bỏ rơi ở bên đây... nhiều đứa tội nghiệp lắm... thành ra hận đời thành phá phách, cũng có đứa rầu rĩ, bất thường như thần kinh... hông biết bà có nuôi nổi không đây chứ?

Câu nói của bà Cung làm bà Hường hơi sợ, nhưng rồi bà cười:

- Gì mà dữ vậy... tui nghĩ mình đối tốt với tụi nó thì nó tốt lại với mình... Chứ thời xưa nhiều bà làm ơn thì ít, mà tỏ ra quyền uy thì nhiều... không có tình thương con nít

nó dễ biết lắm! Nhưng sao lại phải nuôi đứa lớn mà không nuôi đứa nhỏ hả bà?

- Thì bà nghĩ coi, nuôi một đứa còn nhỏ không phải dễ, vì bà phải chăm sóc lẫn cung cấp tiền bạc cho nó được no ấm... rùi mà bà có đau yếu hay có chuyện gì thì cũng không xoay sở dễ, ai lo cho nó... trong lúc đó tui mình cũng không còn nhỏ tuổi và có sức mạnh như xưa nữa... còn đứa mười mấy tuổi thì dĩ nhiên là lớn rồi, có trí khôn rồi, có thể đỡ đần cho mình nhiều việc... có nghĩa là đằng nào cũng có cái lợi và cái không lợi... tui nó cũng có dòng máu Việt Nam...

- Vậy sao!

- Đã làm tốt thì giúp cho lứa tuổi nào cũng tốt...

Rồi bà Cung giải thích cặn kẽ thêm với bà Hường sự việc này, sau cùng rùi bà Hường đến Sở Xã Hội một ngày gần nhất, để tham dự những buổi hội thảo về sự nhận nuôi một đứa con, cho bà Hường thấy sự việc này cũng dễ, chứ không khó khăn như bà nghĩ, mà số trẻ bơ vơ cũng không phải là ít!

- Mình biết có một con bé lai tên Xuân Lai, tính nết hơi lạ lùng, nghe nói vì bị đối xử dã man bởi người dưỡng ghê, hoàn cảnh nó tội lắm... mình chưa đọc kỹ hồ sơ... cho dù nó cộc, nhưng sao mình thấy muốn giúp con nhỏ này... ngặt cái là nhà mình đã nhận nuôi hai đứa rồi, nhận thêm cũng khó! Không có phòng cho nó ở, sợ nó tủi thân! Bà nhận con Lai nghe.

- Nó lai hả bà?

- Ừ, nhưng nhìn tèm lem như một con diên! Nói trước nghe, nó không đẹp như bà nghĩ đâu, mà tóc tai rối beng, không cho ai đụng tới! Im lặng suốt ngày...

Bà Hường suy nghĩ mông lung... bây giờ mang về nhà một đứa không bình thường,

chẳng biết bà có cảm hoá nó nổi với tình thương, sự lo lắng nhiệt thành của bà? hay rốt cuộc nhà cửa đảo lộn tanh bành, bà lại nổi điên theo nó... thì có mà chết!

Hay là lựa đứa tính nết bình thường?

Sau một tuần suy đi nghĩ lại, bà gọi cho bạn ưng thuận. Bà muốn thử thách ngay chính mình, làm một việc không phải dễ, để thuần hoá một tâm hồn được cho là vừa khùng vừa cứng đầu! vì đó cũng là tình thương con người với con người, cũng như chứng tỏ bản năng nhiều cố gắng của bà.

Ít lâu sau, bà Cung cho bà Hường biết là đã làm xong thủ tục. Cuối tuần sẽ giao con bé cho bà Hường.

Ngay khi gặp mặt con Xuân Lai, dù đã nghĩ về nó và có chuẩn bị tinh thần đằng hoàng, nhưng phải nói là bà Hường quá thất vọng khi nhìn thấy bề ngoài của nó!

Tóc tai vàng hoe lúi xùi che rùi cả khuôn mặt! đến nỗi bà Hường cũng không thấy rõ xấu đẹp thế nào! Bà Cung bảo nó chào một tiếng, nó cũng cứ cúi gầm mặt xuống không nghe! Thái độ rất lãnh cảm!

Khi đưa nó ra xe, bà Hường muốn cho không khí thân quen một chút, mới nói:

- Lai à, tối nay con muốn ăn món gì, cứ nói với di, di sẽ nấu cho con ăn, đừng ngại...

Cái mặt con bé vẫn cúi gầm xuống, miệng mím lại như lúc đầu!

Bà Cung có nói cho bà Hường biết là con Xuân Lai thích ăn đồ Việt Nam hơn đồ Mỹ, nên về đến nhà, sau khi đưa con bé vào phòng dành cho nó, bà xuống bếp lấy miếng thịt heo đã ướp sẵn ra nướng trong lò, rồi nấu cơm tấm và chiên trứng, làm chút đồ chua cho nó ăn tối.

Gần năm giờ chiều, bà Hường lên phòng kêu nó tắm rửa trước khi xuống ăn cơm. Bà thấy con bé đang nằm ngủ trên giường.

Lúc này khuôn mặt nó lộ rõ. Thì ra nó cũng xinh xắn chứ không dị tật gì...

Bà Hường lay nhẹ vào người nó, con bé giật bản mình, ngồi lên vội vàng và ôm lấy ngực có vẻ hoảng hốt...

- Con dậy đi tắm cho mát rồi xuống ăn cơm, đi đã nấu xong rồi...

Nói xong bà đi ra ngay để nó được tự nhiên. Bà vào trong một phòng sát ngay bên cạnh chờ đợi coi nó có nghe lời bà mà đi tắm không? Khi nghe tiếng nước vắn rào rào, thì bà mới yên tâm trở xuống dưới nhà bếp.

Con Lai không phải là đứa lì lợm hay ngổ ngáo gì, có điều nó không hoà mình vào đám đông. Lai thích nhốt mình trong phòng, cửa khoá chặt... dù nhiều lần bà Hường nhắc:

- Con chỉ đóng cửa chứ không cần khoá, đi không vào phòng con khi chưa gõ cửa... con đừng có lo. Trong nhà này không có ai ngoài đi cả.

Nhưng lần nào bà Hường check cửa phòng, thì đều được khoá bên trong!

Bà không hiểu nó làm gì bên trong mà phải khoá cửa? Bà định bụng hôm nào sẽ điều tra xem tại sao nó lại thích khoá cửa phòng?

Bên trên cao cửa phòng của Lai có những ô trống design nho nhỏ, có thể nhìn vào từ chỗ đó. Một buổi tối, bà Hường bắc chiếc ghế leo lên quan sát, bà ngạc nhiên khi thấy Lai không làm gì cả, chỉ nằm yên trên giường nhắm mắt lại.

Bà “check” như vậy vài lần, lần nào cũng giống nhau. Sự việc này khiến bà rất thắc mắc! Vậy nó khoá cửa làm gì?

Vài tuần sau, Lai có vẻ không còn rụt rè với bà Hường như trước nữa! Những gì bà nói, nó nghe theo, nhưng không trả lời trả vốn gì cả.

Một hôm sau giờ cơm, đang dọn dẹp thì

Vinh, con trai của bà Hường về thăm mẹ. Lúc đó Lai đã lên phòng. Bà Hường hỏi nhỏ Vinh:

- Sao con về bất ngờ vậy? Có chuyện gì không?

- Con đi công việc cho sở ở thành phố cách đây hai tiếng lái xe. Ngày mới bắt đầu làm nên con về thăm bố mẹ trước. Con nghe nói mẹ có một cô con nuôi bị khủng hả?

- Ai nói con vậy?

- Bố.

- Cái gì bố nói thì tin 25 phần trăm thôi.

- Mà con nhỏ mẹ nuôi có khủng không?

Bà Hường nạt:

- Nói tầm bậy không... Con cứ gặp nó hỏi chuyện thì biết.

- Nó đâu rồi? Sao ở không ở đây giúp mẹ dọn dẹp...

- Mẹ chia việc rồi, nó giúp nấu ăn và thu dọn, mẹ rửa chén... Ồ, để mẹ gọi nó xuống đây... con nhỏ nhút nhát lắm... cuộc đời nó trước đây nghe nói cũng bi thảm và tội nghiệp lắm... mà con nói chuyện tử tế với nó giùm mẹ nhé, nói sao cho nó thấy màu hồng trước mặt là được rồi...

- Mẹ muốn con an ủi nó hả?

- Không, nói chuyện tử tế với nó, coi như một người anh săn sóc hỏi han em gái thôi... còn lại để mẹ lo...

- Con làm được... Mẹ lên gọi nó đi...

Lai xuống lầu, gật đầu chào Vinh, rồi vào bếp bung ba tách nước đặt lên bàn ăn. Hôm nay con bé đã nhìn sạch sẽ, tóc tai gọn gàng, áo quần thơm mát trong bộ đồ màu hồng mặc nhà, mà bà Hường đã dẫn nó đi lựa ở shopping.

Bà Hường bung tách nước uống một ngụm, sau đó đứng lên:

- Lai, con ngồi đây nói chuyện với anh Vinh một chút, đi ra vườn tưới cây.

Đi ra sân sau, bà Hường hy vọng Vinh trẻ trung, hoạt bát... sẽ làm cho Lai yên lòng mở miệng là bà vui rồi...

Lúc bà vào lại bếp, thì bà thấy Vinh đang lấy mấy tấm giấy trắng vẽ hình Lai trên đó. Vẽ chơi thôi mà Lai có vẻ hớn hờ, chăm chú nhìn với ánh mắt thích thú. Tuy vậy, con bé cũng chẳng có vẻ gì là muốn mở miệng làm thân với ai cả.

Tối hôm đó, Vinh ngủ lại một đêm rồi sáng hôm sau từ giả bà Hường và Lai để đi thăm bố, rồi trở lại sở làm.

Mấy ngày trôi qua, cuối cùng bà Hường nghĩ ra một cách, và bà quyết định thực hiện cách đó...

- Lai ơi, anh Vinh hỏi địa chỉ Email của con để viết thư thăm đó.

Lai nghe bà nói, mặt tươi lên một chút, mở học bếp lấy cây bút viết lên một mảnh giấy, rồi đưa cho bà Hường. Tối đó, trước khi đi ngủ, Lai thấy mình có thư... Lai hỏi hộp mở ra:

“Lai thân mến,

Bữa hôm về nhà gặp em, anh thấy mình vui mừng vì có thêm một người thân trong gia đình. Em sẽ thay các anh để gần gũi với mẹ, làm cho mẹ bớt cô đơn... tụi anh mang ơn em nhiều lắm. thỉnh thoảng khi nào rảnh em nhớ viết thư cho anh nhé, có gì buồn vui kể anh nghe với, anh sẽ vẫn kể cho em... em tin tưởng anh đi, anh em mình không nói cho ai biết chuyện này, OK.

Khi nào anh về thăm, muốn cái gì cứ nói, anh sẽ mua tặng người em gái út dễ thương của các anh nhé...”

Chưa bao giờ Lai thấy vui như vậy. Nhưng Lai chưa trả lời thư vội. Lai để dành cho ngày mai, tối nay Lai đem mấy tấm hình anh Vinh vẽ ra nhìn, dù anh bảo vứt đi, nhưng Lai vẫn quý và giữ lại trong phòng...

Chỉ vài ba tháng sau, Lai đã trở lại là một người con gái bình thường. Có người hỏi han tâm sự đáng tin tưởng, Lai đã chịu quên đi dĩ vãng tối tăm, để viết những dòng trên Email, gửi cho anh Vinh như sau:

“Anh Vinh mến,

Cuộc đời của em trước đây rất bi ai! Em chưa từng nói với ai, kể cả dì, trừ những người trong cuộc biết... Ai cũng nghĩ em là đứa khùng, làm li, bắt cần đời và v.v... toàn là những ý nghĩ xấu khi nghĩ đến em, mà họ đâu cần biết lý do tại sao!

Anh đã cho em sự tin tưởng của người anh che chở và bảo bọc đưa em lạc loài... Tình thương của anh và cả dì lâu nay đã làm em cảm thấy gia đình này là trụ cột để em tin tưởng, bầu vùi bây giờ và tương lai.

Em cảm ơn anh đã mang lại ánh sáng đời em”

Bà Hường tưới cây xong từ vườn đi vào, thì Lai đến gần bên, thỏ thẻ:

- Dì, con gọi dì là... mẹ được không?

Bà cảm động trở mặt ra nhìn:

- Được chứ, con muốn là dì... à quên, mẹ vui rồi...

- Dạ... cảm ơn mẹ... con muốn kể với mẹ chuyện của con trước đây...

- Tùy con nhé... mẹ con mình ra ngoài phòng khách ngồi cho thoải mái, đi con...

Hai mẹ con ra ngoài ghé xa lông. Lai nắm tay bà Hường bắt đầu kể... Nhiều đoạn Lai ngừng lại thôn thức, còn bà Hường thì lau nước mắt không ngừng!

Quả thật bà không ngờ cuộc đời Lai lại khốn khổ như thế! Cha của Lai bị mất tích trong chiến tranh, mẹ Lai cặp với một người đàn ông trẻ tuổi hơn bà. Những khi bà đi làm thì Lai đi học, ba giờ chiều trở về nhà gặp ông dượng ngồi đó chờ, để sai khiến làm cho Lai rất sợ và ghét.

Một hôm anh ta uống rượu rồi lôi Lai vào phòng cưỡng hiếp dã man! Xong việc hắn còn đánh đập Lai một trận nên thân, mục đích để dàn cảnh với mẹ nếu Lai mách lại.

Quả như hắn muốn. Khi Lai kể lại chuyện và xin mẹ giúp mình, thì bất ngờ mẹ Lai lại tát vào mặt Lai nhiều cái tát nẩy lửa, bà mù quát ghen tương với con gái, vì tin lời tên dượng cho rằng Lai mò vào phòng ăn cắp tiền của bà, bị dượng bắt gặp nên sau khi dụ dỗ tổng tình dượng không được, đã hỗn hào nhảy vào đánh dượng, bây giờ lại còn đặt điều vu khống để mẹ đuổi dượng đi, cho Lai dễ tác oai tác quái!

Dưới mắt mẹ, Lai là đứa con gái ngựa!

Lai bị mẹ ghét và sau đó, những khi đi học về vẫn bị ông dượng tiếp tục hiếp! Lai chịu không nổi phải bỏ nhà trốn đi, dúi khất cả tuần ngoài đường... cuối cùng Lai mò tới nhà cô giáo xin tá túc, lại gặp chồng cô giáo cũng là 1 tên dê xồm ác ôn, hắn đã hiếp Lai ngay đêm đầu tiên ở phòng dưới gara! rồi lấy gối đè lên mũi Lai cho chết ngạt, sau đó bỏ Lai lên xe chở đi xa, vất Lai ở ngoài bãi rác...

Hoá ra tên này vốn là người kỳ thị chủng tộc thuộc băng nhóm KKK!

Lai được cảnh sát cứu sống với thân hình máu me trầy trụa đầy người, sau đó Lai ký tên tố cáo chồng cô giáo lần tên dượng... nhưng tên dượng đã lấy hết tiền của mẹ cao bay xa chạy, vậy mà mẹ của Lai khi nghe nhắc đến tên con, vẫn còn căm thù chửi Lai thậm tệ, bà cho Lai đã phá hạnh phúc nhà bà... còn chồng cô giáo thì quen lớn, hắn cũng chẳng hề hấn gì, vẫn nhờn như như không vì có tiền bảo lãnh ra!

Lai trở nên thù hận bất cần đời từ đó, lúc nào cũng lạnh lùng xa vắng, căm ghét loài

người! Lai không tin tưởng vào ai nữa... ngay đến mẹ ruột của Lai mà còn đối xử với con gái như vậy! Cho nên khi về nhà bà Hường, làm sao Lai mở lòng ra cho được!

Bà Hường ôm Lai trong vòng tay... không ngờ tội nghiệp cho số phận của Lai quá! Nếu bà không nghĩ cách giả lấy tên của Vinh để viết thư Email an ủi, thì thâm tâm sự với Lai hàng đêm, thì chưa chắc Lai đã hoà nhập cuộc sống như bây giờ!

Hoàn cảnh của Lai làm bà Hường vừa chảy những giọt nước mắt thương cảm, vừa mừng vì Lai đã có niềm tin trở lại! Từ đó bà nuôi và dạy Lai cẩn thận trong sự thương yêu, đùm bọc... như một người mẹ ruột chính tông.

Hôm nay là ngày Lai ra trường 4 năm về ngành Tâm Lý Học. Nhìn con đứng trên bục gõ đọc diễn văn đại diện cho các bạn cùng khoá, bà Hường hãnh diện hân hoan vui sướng. Lai bây giờ hoạt bát, xinh đẹp... khác hẳn khi bà gặp lần đầu.

Vinh rủ cả anh mình về thăm mẹ, nhân tiện dự tiệc mừng em Lai ra trường, có "Job" thơm chờ sẵn trong một tháng nữa ở New York với mức lương khá cao.

Bà Hường nhìn lên trời xanh... Bây giờ bà đã cao tuổi hơn hồi xưa, nhưng vẫn còn có sức lực để tự lo thân chứ chưa bị tuổi già hành hạ. Bà thầm cảm ơn Thượng Đế đã cho bà sức khoẻ tốt, cũng như làm được việc hữu ích cho đời.

Chợt bà nở nụ cười trên môi lúc nghĩ:

Bé Lai đi làm xa, chắc bà phải đến gặp bà Cung để xin nuôi một đứa khác.... Nuôi không khó, chỉ việc mở lòng ra thôi...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

VACLAV HAVEL VÀ CÁCH MẠNG NHUNG Ở TIỆP KHẮC

Đoàn Thanh Liêm

Tài liệu tham khảo chính yếu :

HAVEL: A Life by Michael Zantovsky do Grove Press New York ấn hành năm 2014, sách dày 543 trang

Năm 1989, lịch sử thế giới đã ghi nhận một biến cố cực kỳ quan trọng: đó là sự sụp đổ của chế độ cộng sản tại khu vực Đông Âu để rồi kéo theo sự giải thể của Liên Bang Xô Viết vào cuối năm 1991. Và kể từ đó là sự kết thúc cuộc Chiến Tranh



Vaclav Havel

(Source: britannica.com)

Lạnh (The Cold War) giữa hai khối Cộng sản và Tư bản – cuộc đối đầu thật căng thẳng liên miên giữa hai siêu cường Mỹ và Nga khởi sự ngay sau khi thế chiến II chấm dứt vào năm 1945.

Trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động của Đông Âu vào thời kỳ đó, thì tuy chỉ là một nước nhỏ với dân số tổng cộng chỉ vào khoảng 15 triệu người, thì Tiệp khắc đã được cả thế giới chú ý và ca ngợi vì thành tích tranh đấu bền bỉ để dành lại Tự do và Nhân quyền thông qua Phong trào Hiến chương 77 khởi sự từ đầu năm 1977 (The Charter 77 Movement). Và đặc biệt là cuộc Cách Mạng Nhung diễn ra trong các năm 1988 - 1989 (The Velvet Revolution) cùng với một nhân vật lãnh đạo xuất chúng: đó là Vaclav Havel – người sau này được bầu vào chức vụ Tổng thống suốt mấy nhiệm kỳ kéo dài trên 13 năm.

Bài viết này được xây dựng dựa trên những thông tin và tư liệu rất phong phú được chứa đựng trong cuốn sách có nhan đề là: “Havel : A Life” do tác giả Michael Zantovsky biên soạn và cho ấn hành mới đây vào năm 2014 - sau khi Vaclav Havel qua đời vào cuối năm 2011.

I – Sơ lược về tác giả Michael Zantovsky. Michael Zantovsky hiện đang là Đại sứ của Cộng hòa Czech tại Anh quốc và là Chủ tịch của Viện Aspen Praha. Ông là một trong những thành viên sáng lập phong trào điều hợp công cuộc lật đổ chế độ cộng sản ở Tiệp khắc.

Năm 1990, ông trở thành phát ngôn viên, tùy viên báo chí và cố vấn cho Tổng

thống Vaclav Havel. Sau đó, ông giữ chức vụ Đại sứ của Czech tại Washington và Tel Aviv. Ông hoạt động trên lãnh vực chính trị, ngoại giao và còn là một tác giả và dịch giả chuyên giới thiệu tác phẩm của các tác giả đương đại của Anh và Mỹ cho độc giả người Tiệp khắc.

II – Giới thiệu tổng quát về cuốn sách “Havel: A Life”.

Là một bạn chiến hữu thân thiết đã từng sát cánh lâu năm với Havel, nên tác giả Zantovsky đã có thể cống hiến cho chúng ta rất nhiều tư liệu và thông tin về đời tư và nhất là về những hoạt động thật hăng say sôi động của Vaclav Havel (1936 – 2011), đó là một nhân vật cực kỳ nổi danh của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX qua đầu thế kỷ XXI.

Cuốn sách trải dài 543 trang, được phân chia thành 47 đề mục với mỗi tiêu đề riêng cho từng mục. Tuy vậy, tác giả lại không chia thành những chương, những phân đoạn như thường gặp trong các sách khác và cũng không chịu ghi số thứ tự của mỗi mục. Vì thế mà người đọc gặp khó khăn trong việc theo dõi diễn biến của các sự việc với vô số chi tiết xảy ra xung quanh cuộc sống và hoạt động của Havel là nhân vật chính yếu của tác phẩm.

Đại cương, ta có thể ghi nhận tóm lược về cuộc đời của Havel với mấy nét nổi bật như sau:

21 – Trong thế chiến II, gia đình của Havel đã phải trải qua những đày đọa do chế độ độc tài Đức Quốc Xã gây ra cho toàn thể nước Tiệp Khắc. Rồi sau khi hết chiến tranh chẳng bao lâu, thì kể từ năm 1948 chế độ cộng sản do Stalin lãnh đạo đã bao trùm lên toàn thể khu vực Đông Âu và cậu bé Havel vừa đến tuổi 12, thì đã bị gạt ra ngoài lề xã

hội, không được tiếp tục đi học và cũng thật khó mà kiếm được một việc làm tương đối ổn định - vì lý do là cậu xuất thân từ một gia đình tư sản địa chủ được coi như là một thứ “kẻ thù của cách mạng vô sản”.

Tuy vậy, do cố gắng vượt bậc vào độ tuổi 30 Havel đã trở thành một nhà viết kịch có tên tuổi với nhiều vở kịch được công chúng trong nước cũng như ngoài nước yêu chuộng – nhờ vậy mà ông đã có thể sống tự túc được bằng công việc sáng tác.



Michael Zantovsky

(Source: en.wikipedia.org)

22 – Biên cố Mùa Xuân Praha năm 1968 và tiếp theo là cuộc “xâm lăng ào ạt” của các đạo quân thuộc khối Liên minh Quân sự Varsava do Liên Xô điều động để xâm nhập vào Tiệp khắc - nhằm dẹp bỏ cái chủ trương “Xã hội chủ nghĩa với bộ mặt nhân bản” (Socialism with Human Face) do giới lãnh đạo cộng sản địa phương phát động – đã khơi dậy tinh thần quật cường yêu nước của đa số nhân dân Tiệp khắc. Diễn hình là vụ tự thiêu vào đầu năm 1969 của sinh viên Jan Palach tại công trường Wenceslav nơi

trung tâm thủ đô Praha.

Và rồi với Thỏa ước Helsinki năm 1975, phong trào tranh đấu nhân quyền trong các quốc gia do cộng sản Liên Xô cầm trịch đã nhất loạt vùng lên – sự kiện này lại càng tiếp sức cho công cuộc đòi hỏi tự do và nhân quyền ở Tiệp khắc kể từ ngày nước này bị Liên Xô chiếm đóng sau vụ

Mùa Xuân Praha như đã ghi ở trên.

Và chính trong bối cảnh chính trị xã hội sôi động đó mà Havel đã dần thân nhập cuộc cùng với các bạn đồng chí hướng với mình trong việc đòi hỏi nhà nước cộng sản đương quyền phải trả tự do cho những tù nhân lương tâm bị giam giữ vô lý - điển hình như vụ các nghệ sĩ bị đàn áp vì lý do trình diễn loại nhạc theo trào lưu Rock N Roll ở các nước Tây phương. Đó là điểm xuất phát của Phong trào Hiến chương 77 với sự phổ biến toàn văn Bản Hiến chương này được gửi đến chính quyền cộng sản. Ta sẽ bàn thảo chi tiết về biến cố cực kỳ quan trọng này khởi sự từ đầu năm 1977 ở mục sau.

23 – Tiếp theo là cuộc Cách Mạng Nhung phát động vào năm 1988 – 89 đưa đến thắng lợi cuối cùng là giải thể được chế độ cộng sản vào cuối năm 1989 và sau đó Vaclav Havel được dân chúng tín nhiệm giao cho trách nhiệm lèo lái con thuyền quốc gia Tiệp khắc trong giai đoạn xây dựng và tái thiết đất nước kể từ đầu thập niên 1990.

Lãnh tụ Havel đã được cả thế giới biết đến và yêu chuộng vì phong cách hòa ái nhân hậu khi điều hành guồng máy nhà nước – mà cũng vì lập trường tranh đấu bất bạo động và hết sức kiên cường chống lại chế độ độc tài chuyên chế cộng sản. Ta sẽ ghi thêm chi tiết về hoạt động của người nghệ sĩ và chiến sĩ Havel trong mục sau.

III - Vaclav Havel là một nghệ sĩ mà cũng là một chiến sĩ nữa.

Là người soạn kịch (playwright) với nhiều tác phẩm được công chúng tán thưởng yêu chuộng, Havel luôn cố gắng trau dồi về học thuật tư tưởng theo truyền thống nhân bản của Âu châu. Nhờ vậy mà ông đã có được một căn bản sở học vững vàng để hội nhập được với trào lưu văn hóa tiên bộ của thế giới.

Và mặc dầu phải sống trong khung cảnh ngột ngạt do sự kềm kẹp của Liên Xô sau biến cố Mùa Xuân Praha năm 1968, Havel vẫn tìm cách liên hệ được với giới văn nghệ sĩ trí thức tại các nước Âu Mỹ qua những vở kịch được trình diễn ở nước ngoài. Nhờ đó, mà ông được sự yểm trợ và bênh đỡ tận tình của những nhân vật có tên tuổi trên thế giới - mỗi khi bị nhà cầm quyền cộng sản đàn áp, bắt giam vì những hoạt động tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Dưới đây, ta sẽ xem xét chi tiết hơn về sự nhập cuộc của Havel khi bước vào tuổi 30. Và sau đó, cũng điếm qua một số thành tích nổi bật nhất của ông trong thời giam giữ chức vụ Tổng thống của Tiệp khắc tự do dân chủ.

31 – Cuộc tranh đấu kiên cường ròng rã suốt trên 20 năm (1968 – 1989)

Nói chung, sau vụ khởi Liên Xô kéo quân đội vào Tiệp khắc năm 1948, thì giới trí thức văn nghệ sĩ tại xứ này cũng như tại Đông Âu lại càng trở nên bất mãn và chống đối lại chính quyền cộng sản do Liên Xô áp đặt để kềm kẹp dân chúng chặt chẽ, khắc nghiệt hơn nữa – theo chính sách mà họ gọi là “bình thường hóa” (normalisation) để tái

LOVELIEST OF TREES

*Loveliest of trees the cherry now
Is hung with bloom along the bough
And stands about the woodland ride
Wearing white for Eastertide.*

*Now of my **three score years and ten**,
twenty will not come again.
And take from seventy years a score,
It only leaves me fifty more.*

*And since to look at **things in bloom**,
Fifty Springs is little room,
About the woodlands I will go
To see the cherry hung with snow.*

A. E. HOUSMAN

ĐẸP NHẤT RỪNG CÂY

*Giờ đây đẹp nhất anh đào
Trên cành hoa nở khoe màu nhẹ rung
Ngay bên lối dạo ven rừng
Đào phô sắc trắng đón mừng Phục Sinh.*

*Bảy mươi tuổi cuộc đời mình
Hai mươi năm đã trôi nhanh qua rồi
Cuốn đi trong số bảy mươi
Chỉ còn lưu lại quãng đời năm mươi.*

*Nên khi ngắm cảnh hoa tươi
Năm mươi Xuân nữa thấy thời ngắn thôi,
Rừng cây ta sẽ dạo chơi
Ngắm anh đào phủ tuyết trời lòng vui.*

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

lập quyền thống trị toàn diện của đảng cộng sản chống lại khuynh hướng cải cách (reformist). Havel đã mỗi ngày tham gia nhiệt thành hơn vào cuộc tranh đấu của những phần tử cấp tiến nhất trong giới văn nghệ sĩ trí thức tại quê hương mình.

Nổi bật nhất là việc Havel góp phần soạn thảo bản văn của Hiến Chương 77 và rồi được giao phó trách nhiệm là một trong ba người phát ngôn viên của tổ chức này (spokeman). Lời văn nhẹ nhàng, khiêm tốn, nhưng nội dung thật dứt khoát tập chú vào việc đòi hỏi chính quyền phải tôn trọng nhân quyền bằng cách thả những người bị bắt giữ vì lý do chính kiến bất đồng (dissident).

Cũng vì tích cực hành động như vậy mà Havel đã bị giam giữ ngặt nghèo liên tục đến gần 5 năm từ năm 1978 đến 1983.

Tiếp đến là vào năm 1988, nhân kỷ niệm 40 năm ngày công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (1948 – 1988), giới tranh đấu lại quy tụ với nhau dưới danh nghĩa “Diễn Đàn Công Dân” (Civic Forum) để đẩy mạnh hơn nữa cuộc tranh đấu cho Tự do và Nhân quyền. Và đó là căn nguyên của cuộc Cách Mạng Nhung đưa đến sự sụp đổ dứt khoát của chế độ cộng sản ở Tiệp Khắc vào cuối năm 1989. Gọi là Cách Mạng Nhung bởi vì không hề có bạo động đổ máu và cũng không có sự trả thù của bên thắng cuộc là phe tự do dân chủ của Havel đối với những cựu đảng viên cán bộ cộng sản ở bên thua cuộc.

Tổng thống Havel được quốc tế ca ngợi và mến phục vì thái độ trượng phu quân tử khi nắm quyền lãnh đạo quốc gia sau khi chế độ cộng sản sụp đổ năm 1989 đó vậy, mặc dầu ông cũng bị một số bà con đồng bào ám ức bất mãn vì chuyện quá ư nhân đạo bao dung cho kẻ đã từng gây ra bao nhiêu tội ác trong suốt hơn 40 năm đảng

cộng sản nắm giữ quyền hành.

32 – Một vị Tổng thống được nhiều người mến mộ.

Từ sau năm 1990, ít có vị lãnh đạo quốc gia nào mà lại được toàn thể chính giới quốc tế ca ngợi mến chuộng như là đối với Tổng thống Havel của Tiệp khắc, một nước nhỏ mà vừa mới thoát khỏi ách cộng sản do thắng lợi kỳ diệu của cuộc Cách Mạng Nhung. Nhưng thành tích nổi bật nhất của Tổng thống Havel là ông đã thật khôn ngoan nhiệt thành trong việc vận động để Tiệp khắc được gia nhập minh ước phòng thủ NATO và tiếp theo là gia nhập vào Liên Hiệp Âu Châu (EU = European Union).

Đó quả thật là một kỳ công để Tiệp khắc có thể trở về trong vòng tay ấm cúng của đại gia đình Âu châu vốn có truyền thống văn hóa lịch sử cũng như học thuật tư tưởng sáng chói - mà nước này cũng như Ba Lan, Hungary ở Đông Âu đã chia sẻ chung với nhau từ cả ngàn năm trước. Chỉ có tầm nhìn thật bao quát rộng lớn của người nghệ sĩ trí thức như Vaclav Havel mới có thể lôi cuốn thuyết phục được giới lãnh đạo chính quyền cũng như xã hội dân sự tại các nước Tây Âu và Hoa kỳ chấp thuận cho Tiệp khắc hội nhập êm thấm với cộng đồng Tây Âu như vậy mà thôi.

33 – Một số tác phẩm tiêu biểu của Vaclav Havel.

Tại cuối sách “Havel: A Life”, tác giả Michael Zantovsky đã ghi ra khá nhiều tác phẩm của Havel mà ông đã trích dẫn trong sách. Xin ghi nơi đây một số tác phẩm tiêu biểu;

A – “Disturbing the Peace” do Paul Wilson dịch, ấn hành năm 1990.

B - “Letters to Olga” cũng do P.Wilson dịch, ấn hành 1990. Olga là bà vợ lâu năm

của Havel, hai người không có con với nhau. Bà chết vì bệnh ung thư năm 1995. Sau khi Olga mất, Havel tục huyền với Dasa Dagmar.

C – “Toward a Civil Society” do P. Wilson và những người khác dịch, ấn hành năm 1995.

D - “The Power of the Powerless” tiểu luận viết năm 1978 (có đề tặng và tưởng niệm triết gia Jan Patočka người bị chết sau cuộc điều tra của công an mật vụ vì là đồng tác giả và phát ngôn nhân của Hiến chương 77). Bản dịch tiếng Anh ấn hành năm 1985 tại London.

E - “Selected Plays, 1963 – 83”, do Vera Blackwell dịch ấn hành tại London năm 1992

* * Tóm tắt lại, Vaclav Havel là một nhân vật xuất chúng của Tiệp khắc vào cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI. Ông là một đại diện nổi trội nhất của tầng lớp trí thức văn nghệ sĩ tại Đông Âu với lòng dũng cảm kiên trì trong phong trào tranh đấu bất bạo động cho Tự do, Dân chủ và Nhân quyền để đạt tới thắng lợi cuối cùng vào năm 1989 - là dẹp bỏ dứt khoát được chế độ cộng sản độc tài toàn trị do Liên Xô áp đặt trên quê hương đất nước ông từ năm 1948. Cả thế giới đều ngưỡng mộ con người kiệt xuất này của thời đại chúng ta ngày nay vậy./

Costa Mesa California, Tháng Sáu 2015

Đoàn Thanh Liêm

LAM PHƯƠNG: người nhạc sĩ tài hoa, bình dị, hiền hòa và khiêm tốn

Phan Anh Dũng



Lam Phương là một nhạc sĩ sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam. Dòng nhạc của ông được phổ biến rộng rãi và được nhiều tầng lớp yêu mến. Giới thưởng ngoạn âm nhạc, dù khó tính nhất, cũng sẽ chọn được một vài bài trong số 200 đóa hoa muôn màu, muôn dạng, kỳ diệu của ông. Lam Phương được biết đến như một người nhạc sĩ tài hoa, hiền hòa, nhiều tình cảm, bình dị, có sức chịu đựng, tinh thần phấn đấu và có đức tính khiêm tốn để mến.

Trải qua nhiều thăng trầm, Nhạc sĩ Lam Phương, 78 tuổi, hiện đang sống với gia đình cô em gái và đang hưởng những ngày tạm gọi là thánh thời tại miền Nam California, với tình thương của nhiều văn nghệ sĩ và người ái mộ khắp nơi. Được biết

trong vài năm gần đây "Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ" và nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" đã tổ chức những buổi họp mặt tại tư gia hay tại nhà hàng để vinh danh hay mừng sinh nhật của ông.

Từ năm 1993, Trung tâm Thúy Nga Paris đã phát hành 4 DVD về dòng nhạc của Lam Phương. Một số ca nhạc sĩ cũng đã ra mắt CD chỉ toàn nhạc của Lam Phương như: Hương Lan & Elvis Phương, Khánh Hà, Thùy Dương, Bạch Yến (Paris), Lưu Hồng, Vân Khánh, Thanh Hà, Họa Mi, Hương Lan & Huy Sinh, Nguyễn Đức Đạt, Ngọc Anh, Hạ Vy, Cẩm Ly & Quốc Đại, Hương Lan & Vũ Khanh ... Cuối năm 2015, nhóm "Nhân Ảnh Tân Văn" ở Hoa

Kỳ sẽ xuất bản một tuyển tập về Nhạc sĩ Lam Phuong, với bài vở từ thân hữu và người ái mộ. Trung tâm Asia cũng sẽ thực hiện một show nhạc ở Long Beach, California vào tháng 8, 2015 và sau đó sẽ ra mắt DVD về dòng nhạc Lam Phuong và Anh Bằng.

Người viết chỉ mong ghi lại vài cảm nghĩ chủ quan của mình về Lam Phuong, người nhạc sĩ đàn anh mà mình ngưỡng mộ, chứ không thể nào bàn luận hết tất cả công trình của ông trong bài viết ngắn này. Mời quý vị xem trang nhạc đầy đủ hơn về ông với nhiều hình ảnh, video, lời ca, tiếng nhạc và bản nhạc ở website Cỏ Thơm: http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1252&Itemid=47

Nhạc sĩ Lam Phuong tên thật là **Lâm Đình Phùng**, sinh năm 1937 tại Rạch Giá. Năm 10 tuổi theo gia đình lên Sài Gòn. Ông tự học nhạc lúc 13 tuổi và bắt đầu sáng tác từ năm 15 tuổi, may mắn có được 2 người hướng dẫn, đó là Nhạc sĩ Hoàng Lang và Nhạc sĩ Lê Thương. Trong một bài phỏng vấn với nhà văn Lê Văn Phúc năm 2004, ông tỏ lòng tri ân Thầy Hoàng Lang đã dẫn dắt ông vào con đường âm nhạc và nhớ Thầy Lê Thương đã nhắn nhủ: "*Thầy dạy cho em những gì thầy biết về âm nhạc nhưng không huấn luyện được tâm hồn. Đó là của Trời cho chứ không ai cho em được*". Trong mấy chục năm sáng tác, ông vẫn tiếp tục trau dồi kiến thức về nhạc Tây phương và Quốc nhạc: "*mong sao đến lúc tôi đủ sức sáng tác những ca khúc lớn, những bản đại hòa tấu, thì chừng ấy, đa số quần chúng nước ta đã có thể thưởng thức loại nhạc này*" (phỏng vấn của Nguyễn Ngu Í, 1969).

Ông đã từng thi hành nghĩa vụ quân dịch, tuy chỉ khiêm nhường là "lính hậu phương" nhưng rất đặc lực và tận tâm trong Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị với những sáng tác nổi tiếng về người lính Việt Nam Cộng Hòa và tình nghĩa quân dân.

Bút hiệu Lam Phuong do ông tự đặt, từ 2 chữ trong tên thật của mình (Lâm và Phùng), với ý nghĩa: "hướng về phương trời màu xanh (lam) hy vọng". Có lẽ vì vậy mà ông đã cố gắng khắc phục mọi hoàn cảnh khó khăn, về vật chất cũng như tinh thần, để tiếp tục vui sống và sáng tác nhạc.

Ngày 30 tháng 4, 1975 ông và gia đình có mặt trên con tàu Trường Xuân cùng với khoảng 3600 người ra khơi khi Sài Gòn thất thủ vào tay Cộng sản. Sau trại tị nạn Hồng Kông, ông được định cư tại tiểu bang Virginia Hoa Kỳ. Sau đó, có lẽ vì "kiếp phiêu bồng" nên ông đã di chuyển về tiểu bang Texas rồi California và có một quyết định lớn: rời Hoa Kỳ sang Paris, Pháp sinh sống một thời gian khá dài, sau khi ly dị với kịch sĩ Túy Hồng. Ra hải ngoại và nhất là tại Paris, ông đã có thêm cảm hứng để viết rất nhiều nhạc phẩm phong cách mới lạ, trẻ trung ...

Qua những video do Trung tâm Thúy Nga Paris thực hiện, tôi nhận xét cách nói chuyện của ông rất thành thật, lịch sự, khéo léo, khiêm tốn và lúc nào cũng vui vẻ với nụ cười trên môi, cho dù câu hỏi có nhắc đến những chuyện buồn ông vừa trải qua.

Nhạc sĩ Lam Phuong là một trong rất ít nhạc sĩ không "phổ nhạc từ thơ", vì e rằng không thể chấp cánh cho bài thơ bay xa hơn với nhạc của ông: "*Thơ của người ta đang*

hay, bỏ vào nhạc của tôi nhờ không hay thì có phải là tôi mang tội, làm hại người ta không chứ! Nên tôi không dám..." Ông đã sáng tác trên dưới 200 bài, rất dễ dàng, từ nhạc phẩm đầu tay năm 1952 "Chiều Thu Ấy" và tiếp nối cho đến khi ông lâm trọng bệnh vào năm 1999. Nhạc của Lam Phương đa dạng với nhiều thể điệu và đề tài về: tình quê hương, người lính chiến VNCH, tình mẫu tử, tình yêu lứa đôi ... Ông cho biết nguồn cảm hứng sáng tác rất thật - từ chính cuộc đời của ông hay cảm nhận được từ đời thường qua báo chí, thân hữu.

Tuy phải chật vật để mượn tiền in và phải tự đem đi bán tác phẩm đầu tay năm 1952 nhưng chỉ sau 3 năm, các nhạc phẩm của ông đã được những nhà xuất bản nhạc mua bản quyền và phổ biến, trong đó có Nhà xuất bản Tinh Hoa: **Chiều Thu Ấy** (*Chiều thu ấy, ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai. Nhìn mây bay, hồn lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều thu ấy, nhìn nhau tay nắm tay, mắt hoen lệ tràn. Buồn ngao ngán, nắng xa cách, duyên tình ta ôi bẽ bàng...*); **Khúc Ca Ngày Mùa** (*Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát. Ánh trăng thanh chiếu qua làng xơ xác. Chiếu hồn quê bao khúc ca yêu đời. Mừng trăng lên chúng ta cùng múa hát. Ước mong sao lúa hai mùa thơm ngát. Lúa về mang bao khúc ca tuyệt vời...*); **Trăng Thanh Bình** (*Ngày nào súng biên cương rền nổ khắp đồng xanh. Bao la súng rền vang xa xa. Xác thù tràn đầy khắp sơn hà. Tự hỏi ai trong đêm trăng tà?...*); **Nhạc Rừng Khuya** (*Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng rắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...*); **Tình Cổ Đô** (lời: Mạnh Thường - *Buồn nhìn về xa xôi, Hà Nội ơi*

đã xa thật rồi. Mịt mù ngàn trùng khơi, thành phố cũ lắng sau núi đồi. Đâu Thăng Long năm xưa, cùng tháp cũ rêu phai mờ. Còn tìm đâu nên thơ, cảnh liêu ủa rữ bên ven hồ...)

Trong lúc viết bài này, tôi đã nghe lại một số tác phẩm của ông thuộc dạng ít được người bây giờ nhớ đến, trong số đó là 2 bản nhạc Chiều Thu Ấy - Sĩ Phú hát và Tình Cổ Đô - Mỹ Thể trình bày. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì hồn nhạc và kỹ thuật của người nhạc sĩ rất trẻ tuổi đã "chững chạc", không kém gì các nhạc sĩ thành danh thời đó - báo hiệu sự xuất hiện lâu dài một chân tài của nền tân nhạc Việt Nam.

Tôi cũng thích thú khi nghe: **Chiều Tàn** - ban tứ ca Nhật Trường hợp ca (*Chiều tàn, trời man mác nắng thom lạnh đã dần phai. Màn đêm sao chưa buông còn thơ thẩn. Tự hỏi mong bóng ai. Bóng đôi chim non tìm đường về. Ngại ngừng tung cánh theo làn gió đông vừa sang...); **Kiếp Tha Hương** - Thanh Thúy hát (*Chiều đi lặng lẽ màn đêm dần trôi. Bâng khuâng vì gió đông đến tim cô. Ngã mình che lá khô nhẹ rơi. Thấy lòng bớt cô đơn. Giữa ánh đèn kinh đô sáng soi...); **Tình Mẹ** tức Lòng Mẹ Thương Con - Lê Thanh hát (*Đêm khuya rồi à ơi con yên ngủ. Trăng xa vời đèn gầy nào soi kiếp người. Mái tranh nghèo lạnh lòng tạt gió sương rơi. Được nhìn con thân mẹ đường ấm khôn nguôi...); **Thương Con** - Hoàng Oanh hát (*Trời khuya, quá canh ba tiếng gà gáy vang thôn nghèo. Đâu hiu ánh trăng rằm qua vách soi con yêu. Đêm vắng âm vang lời ru. Nhìn lệ con chứa chan, Mẹ nhớ hôm nao lúc con ra đời. Người người nhìn vào nôi. Tiếng khóc ban sơ gây gia đình thêm vui. Ấu ơ Ấu ơ. Tiếng khóc con thêm phần mẹ lo. Lo sao bát sữa con vẫn****

đầy. Lo vì nhà mình thiếu cơm chiều...); **Rừng Xưa** - Anh Khoa hát (Người về đâu hỏi người về đâu? Có nhớ chăng một chiều bên suối mơ? Nghe gió cuốn mây trôi về nơi xa tím chân trời: Tình đã trao không lời...); Những tuyệt tình ca như **Mưa Lệ** - Thanh Hà hát (Lệ mãi thương về cố hương xa vời. Lệ nhớ mong ai mờ trang giấy. Mưa tuôn trong tim suốt năm canh dài. Từng hạt buồn đau tí tách hiện ngoài...); **Cỏ Úa** - Ý Lan hát (Còn nhớ tên nhau xin gọi trong giấc mộng. Còn chút thương yêu xin đưa vào dư âm. Có phải còn yêu vì đôi lần thăm nhớ. Mình đã thật quên có sao lòng vẫn chờ...); **Cho Em Quên Tuổi Ngọc** - Bạch Yến hát (Cho em quên cơn mộng ảo xa xôi thơ ngây ngày nào. Em quên được phút trong tay mưa bay dạt dào. Đến muôn đời sau em không còn nhớ yêu thương bên nhau lần đầu...); **Sầu Ly Hương** - Lệ Thu hát (Nhạc sầu buồn trầm lắng. Xa quê bao ngày tháng. Mang theo nỗi niềm đau xót chia phôi. Hà Nội xa vời lắm. Nơi quê hương chìm đắm. Ai ra đi mà không thương nhớ về...); **Một Mình** - Khánh Hà hát (Sớm mai thức giấc, nhìn quanh một mình. Ngoài hiên nắng lóa, đàn chim giạt mình. Biết lời tỏ tình, đã có người nghe...); **Em Đi Rồi**, viết theo tâm sự buồn của nhạc sĩ saxophone Lê Tấn Quốc & ca sĩ Họa Mi (Em đi rồi, đường xưa có nắng không anh? Lá hoa còn xanh, hay tàn theo tháng ngày? Giờ một mình anh, lẻ bước trong sương mai. Người tình còn đâu, chỉ đón đau con tim...); những bản hùng ca như **Nhạc Rừng Khuya** - Ngọc Minh hát (Nhạc đêm tàn hòa cùng ngàn cây trầm lắng. Nhạc reo buồn hòa cùng đường tơ rùng rắng. Sương trời khuya rơi khắp đó đây rừng ơi!...); **Đoàn Người Lữ Thứ** (Kìa là rừng sâu âm u dưới

sương trời khuya. Một đoàn tàu đi quanh co giữa đêm trăng đầy. Lòng tràn niềm vui đêm nay chúng ta cùng sum vầy. Bên nhau ta hát hát mãi hát quên đường xa...); Dĩ nhiên chúng ta không thể quên những nhạc khúc ông viết cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông như: **Xuân Mộng** - Diễm Liên hát (Trông Anh Đào bừng nở, nàng Lan cũng mỉm cười Ấu yếm bên nàng Huệ, là Cúc sắc hương vàng tươi Năm ngón tay ngọc nữ, nhẹ đưa xuân vào cõi đời Trông nắng xuân vời vời, cõi áo cho nàng Hồng vui...); **Ngày Tam Biệt** - Túy Hồng hát (Hôm nay đây còn vui trông thấy nhau. Bên tiếng ca tiếng đàn vượt trời cao, lời vui thắm thiết đưa trao như khi mới gặp nhau...); **Thu Sầu** - Thái Thanh hát (Mùa thu thừa nắng gió mang niềm nhớ. Trời chiều man mác buồn nát con tim. Lệ tình đầm ướt tà áo trinh nguyên. Kỷ niệm êm đềm còn in trên giấy...); **Mùa Thu Yêu Đương** - Don Hồ & Ngọc Huệ song ca (Anh muốn đôi ta mãi như người tình. Vui đời hẹn hò. Khi bên giòng suối, khi trên đồi buồn. Nửa đêm thanh vắng dịu đến công viên. Đôi trẻ lạc loài trên xác lá vàng. Mùa thu yêu đương...); **Tình Chết Cho Mùa Đông** - Elvis Phương hát (Chiều buồn ngồi một mình. Nhìn mây trôi mênh mang. Nhìn đôi chim lang thang, lang thang. Trời buồn người càng buồn. Trông mây nước thêm bàng khuâng. Nhớ em từng phút mong từng giây em ơi...)

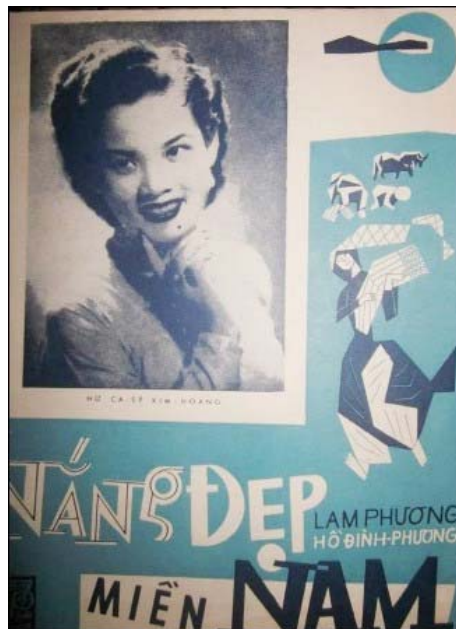
Gần đây, tôi tình cờ được nghe ca khúc “**Bài Thơ Không Đoạn Kết**” do Thu Phương trình bày (Em gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày xưa. Một nụ hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình yêu muôn kiếp thoáng mãi hương xưa. Và em gửi cho anh ánh mắt nôn nao đầu tiên ...). Nét nhạc đẹp

và có những chỗ kỹ thuật “lạ” mà Lam Phương cho biết là đã học hỏi được thêm khi ra hải ngoại.

Vào tháng 5, 2015, trong lúc sửa soạn cho một buổi họp mặt nhân dịp sinh nhật thứ 20 của Cơ Sở Cỏ Thom, nam ca sĩ tài tử Xuân Thương vùng Hoa Thịnh Đốn muốn tham dự với bài "**Nắng Đẹp Miền Nam**" - Hoàng Oanh hát (*Đáy trời bao la ánh nắng mai hé đầu ghènh lan dần tới đồng xanh. Ta cùng chen vai đem tay góp sức tăng gia cho người người vui hòa...*). Tôi lên internet tìm bản nhạc rời ấn hành trước 1975. Tuy có nhiều bài khác của Lam Phương nhưng không tìm ra "**Nắng Đẹp Miền Nam**"! Tôi buộc lòng viết email hỏi vài người quen. Đông Thương, một người bạn chuyên sưu tầm "nhạc xưa", cho biết bài này thuộc loại hiếm quý, khó tìm. Tôi chợt nghĩ không biết có phải là vì nội dung của bản nhạc nên "**Nắng Đẹp Miền Nam**" đã hầu như không còn tồn tại trong chiến dịch "tận diệt văn hóa phản động và đồi trụy của miền Nam" sau biến cố 30 tháng 4, 1975 chăng? Nhưng sau cùng, nhạc sĩ Nguyễn Tường Vân ở Maryland đã tìm được và gởi cho tôi bản nhạc, may mắn còn lưu trữ trong “thư viện” của cố nhạc sĩ Nguyễn Túc mà ông đem qua Hoa Kỳ trước 1975.

Những lần biên khảo về một nhạc sĩ, tôi có thể dễ dàng tìm được phần thu âm do ca sĩ trình bày nhưng nhiều khi không có bản nhạc "gốc" để kiểm chứng: 1/ lời ca sĩ hát có đúng với lời ca trong bản nhạc; 2/ nhịp điệu và nốt nhạc; 3/ quan trọng nhất: tác giả thật sự là ai? (có nhiều bản nhạc cùng chung tựa đề hay tài liệu trên internet viết sai); và bản nhạc được sáng tác chung với một tác giả nào khác hay không? Một số bản nhạc gốc còn in ở bìa mặt sau: ngày

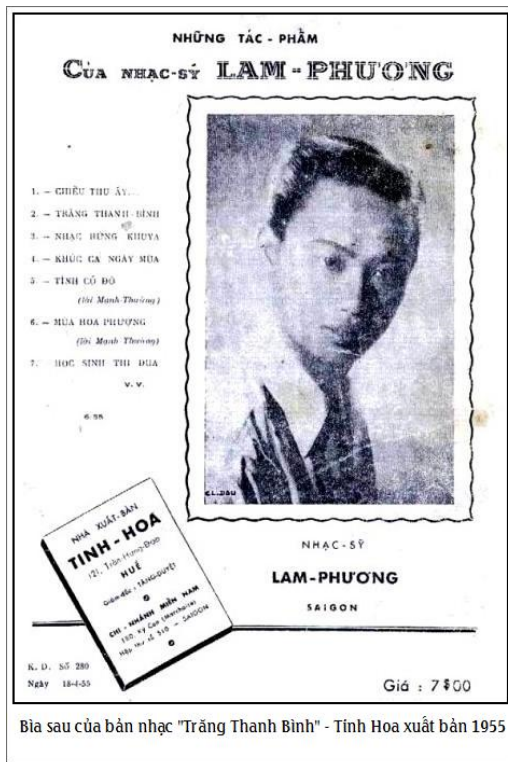
được kiểm duyệt, hình tác giả và những tác phẩm đã ấn hành ... đó cũng là những dữ kiện rất tốt cho biên khảo.



Hầu hết các nhạc phẩm của Lam Phương đều do ông viết nhạc và lời. Chỉ có một số ít bài như: "**Nắng Đẹp Miền Nam**" và "**Lá Thư Miền Trung**" được thi sĩ Hồ Đình Phương viết lời; "**Mùa Hoa Phượng**" và "**Tình Cổ Đô**" do Mạnh Thường viết lời...

Theo thiên ý, chỉ cần những ca khúc sáng tác trong những năm đầu (1952-1957) cũng đủ để tên tuổi Lam Phương được người đời biết đến và ca tụng, nhưng người nhạc sĩ nhà nghề vẫn nhả tư cho đến lúc sức khỏe không cho phép tiếp tục.

Để tạm kết thúc bài viết này, tôi xin được mượn lời của nhà văn, nhạc sĩ Nguyễn Đình Toàn phát biểu ngắn gọn về dòng nhạc Lam Phương:



Bìa sau của bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản 1955

“Con kênh đầy voi với thủy triều. Trước khi nước rút đi, nó phơi bày đến cả sự khô cạn, như một tấm lòng khi cho hết và cũng chẳng còn gì để che giấu.

Lúc thủy triều trở lại, kênh lại tràn đầy, nhậy bờ. Nhạc của Lam Phuong, tình ca của Lam Phuong đầy ắp cái cho đi đã hết và chờ đợi phút phục sinh để có thể cho đi thêm nữa...”

Thành thật tri ân Nhạc sĩ Lam Phuong đã đem niềm vui đến cho mọi người qua những sáng tác bất hủ. Cũng xin cảm ơn những người đẹp đã đi qua đời ông, tuy không “đi trọn đường tình” nhưng đã tạo nguồn cảm hứng đặc biệt làm thăng hoa tình ca Lam Phuong và làm phong phú nền tân nhạc Việt Nam.

Cầu mong Trời Phật ban cho ông bình yên như ông đã từng mong ước, cộng thêm sức khỏe, niềm tin và hạnh phúc.

Phan Anh Dũng

(Richmond, Virginia USA - 21 tháng 7, 2015)

Tài liệu tham khảo:

- Video Thúy Nga Paris 22, 28, 88, 102 về dòng nhạc của Lam Phuong.
- Nhạc của Lam Phuong được nhiều ca, nhạc sĩ thu âm và đăng ở một số website trên internet.
- Bài viết về Nhạc sĩ Lam Phuong của Nguyễn Ngọc Ngạn, Lê Văn Phúc, Nguyễn Ngu Í, Trương Kỳ ...
- Tập nhạc số 3 "Những bản tình ca của Lam Phuong - Tuổi Trẻ và Tình Yêu" - Nam Á xuất bản năm 1990.
- Tập nhạc số 4 "20 tình khúc của Nhạc sĩ Lam Phuong" - Thúy Nga xuất bản và phát hành năm 1992.
- Bản nhạc "Nắng Đẹp Miền Nam" - Tinh Hoa xuất bản năm 1957.
- Bản nhạc "Trăng Thanh Bình" - Tinh Hoa xuất bản năm 1955.
- Tiểu sử Lam Phuong – wikipedia

TẠP CHÍ CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

Chiều Thu Ấy

RUMBA



Chiều Thu ấy ngồi bên em dưới ánh trăng vai kề vai



nhìn mây bay, hồn l lâng lâng theo gió lay hương mùa say. Chiều Thu



ấy, nhìn nhau tay nắm tay. mắt hoe lệ trần. Buồn ngao



ngán. Nàng xa cách duyên tình ta ôi bể bàng



Ngày nào còn thơ, say sưa trắng mơ Nơi đây ta chung cùng vui sống.



Rồi ngày dần qua, duyên xưa phơi pha Trên sông êm lảng trôi đò

ngang Chiều Thu ấy, lòng say sưa ước mong chung xây mộng vàng.

Rồi hôm nay, nâng xa cách duyên tình ta ôi bể băng.

Mùa trăng mờ chiều Thu xa vắng. Sương tuyết rơi nơi lòng giá băng

Mùa vui êm những chiều say trắng. Nàng ôi, nàng ôi có thâu chăng?

Nhìn trăng mờ sâu vương năm tháng Duyên tình năm xưa. Hôn lằng lằng

lân hương Thu sang. Tình đời chán thay. Chiều Thu chóng phai tàn.

....ngán. Nâng xa cách duyên tình ta ôi nát tan.

(Ca khúc đầu tay “Chiều Thu Ấy” - trích từ tập nhạc “Lam Phương - Tuổi Trẻ & Tình Yêu”
- Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

Bài Thơ Không Đoạn Kết

Recitativo
(con amoroso)



Xin gửi cho anh đôi môi hồng đào ngày



xưa. Một nụ hôn tha thiết của thuở mây mưa. Một tình



yêu muốn kiếp thoát mãi hưởng xưa. Và



xin tìm cho anh ánh mắt nồn nao đầu tiên. Tìm dùm



anh câu kết lá số tơ duyên. Tình xuân xao thế mấy em ơi giờ



cũng ngủ yên. Từ ngày có em anh mong sao duyên êm

như lời thơ Đồi đá không cho anh xây trọn niềm
 mở. Một bài thơ yêu không đoạn kết.
 Một cuộc tình tan giữa sông Seine. Đồi buồn như đêm vắng không
 đèn. Thôi cũng đành. Thôi cũng
 đành. Xin gửi cho anh câu kinh vang trong hồi
 chuông. Và từ đây xa lánh phút giây yêu đương. Để câu
 kinh sám hối đưa anh vào cõi bình yên.

(Ca khúc “Bài Thơ Không Đoạn Kết” – trích từ tập nhạc “Tình Yêu Và Tuổi Trẻ” – Nam Á xuất bản - Paris, 1990)

NẮNG ĐẸP MIỀN NAM

Ngâm : Miền Nam có nắng thanh bình
Có lòng lúa đẹp, có tình quê hương
Anh ơi ! mau sớm lên đường
Bình minh còn đợi, ruộng nương còn chờ...

NHẠC : LAM - PHƯƠNG

LỜI : HỒ-ĐÌNH-PHƯƠNG

Rumba

Đấy trời bao la ánh nắng mai hé
đầu ghềnh lan dần tới đồng xanh . . . Ta cùng
chen vai đem tay góp sức tăng - gia cho người người vui hòa .
— Đường cây hôm qua nay lên tràn bông lúa mới ôi duyên dáng đồng
oi ! Đến mai sẽ là ngày muôn hạt chín là-
loi : mình ngắm nhau cười . . . Kia đì
chim quê chim tung bay về đầu mang tin rằng giờ đây ta sống với bình
minh , Tiếng ca trong lành tiếng ngát lưng trời xanh đẹp biết bao tâm

tình | Tình là tình nồng thắm buộc lòng mình vào
núi sông : tình mến quê - hương Ngàn bóng đêm phai
rời vầng dương lên soi đời làng ta nay rạng ngời ! Khi người
lính chiến đã đấu - tranh hiến hòa - bình cho Đờng - Tháp Cà - Mau
— Ta người nông thôn quên sương gió góp gian - lao lo được mùa mong
cầu . Nhờ tình quân - dân gây bao niềm thương
ấm cúng non sông đón bình minh , Gắng lên với
ngày này ta cùng tươi đờng xanh rồi sống no lành .
— Đây trời . . . lành . Đây quê hương thân yêu miền
Nam nắng lên huy - hoàng đẹp mùa vui sang . . .

(Bản nhạc “Nắng Đẹp Miền Nam” - Tinh Hoa xuất bản - Huế, 1957)

LẦY CHỒNG XA

Phượng Lan

(Tiếp theo)

Trong lúc cha tôi mải mê với những mộng ước tưởng tượng, bác Cả để tâm lo cho tôi từ quần áo, đồ chơi, đến sách vở, cặp da để đi học, cả tiền quà bánh, hoặc thuốc men khi đau ốm. Năm tôi lên chín, học lớp ba trường làng, bác bảo tôi:

- Cháu chịu khó học cho giỏi, đậu xong tiểu học, bác cho ra Hà Nội học.

Được ra Hà Nội học là giấc mơ vĩ đại nhất của trẻ con ở trong làng thời bấy giờ, tôi nhìn bác bằng con mắt ngưỡng mộ và biết ơn. Có lần tôi buột miệng nói với mẹ:

- Ước gì cha cũng được như bác Cả, mẹ nhỉ?

Bà sợ hãi vội bịt miệng tôi lại:

- Đừng nói thế, cha con nghe được lại buồn.

Nhưng mẹ làm sao ngăn cấm được tôi có ý nghĩ so sánh giữa người cha quên bản phận và người bác có lòng, chăm lo, săn sóc cho tôi từng ly từng tí. Nhiều lúc tôi tự hỏi, liệu trong lòng cha có còn hình bóng của mẹ con tôi? Đạo này ông đi biệt cả ngày, lúc về ít khi nói chuyện với vợ con.

Để có tiền tiêu vặt, cha phụ với bà nội và cô Liên trông coi cửa hàng tạp hoá, ông làm sổ sách chỉ, thu, tính toán những món hàng có lợi. Mỗi tháng một, hai lần, ông đi Hà Nội hoặc các tỉnh lân cận để mua hàng về bán, đồng thời cũng đem những sản phẩm của nhà quê như bánh gai, bánh cốm đem bỏ mồi ở trên tỉnh. Những lần đi xa như vậy giúp ông khuây khoả.

Một lần sau chuyến đi, ông dẫn về nhà hai

người bạn, họ vào nhà kho đem những bức tranh ra ngắm nghía. Chẳng biết họ nói với nhau những gì, chỉ thấy cha vui lộ ra nét mặt, hy vọng thấp sáng trong ánh mắt.

Nhưng chỉ một thoáng, cha trở lại thái độ khép kín, ông dấu giếm chuyện riêng, không nói với ai. Những ngày sau đó, ông chỉ ở nhà, cầm chổi lau chùi các bức tranh, tô vẽ lại những chỗ phai màu, làm khung cho vài bức mới... Mẹ hỏi, cha trả lời vắn tắt:

- Sửa soạn cho cuộc triển lãm.

Ông nói với giọng cố làm ra vẻ bình thản, nhưng nhìn về mặt ông, mẹ biết ông hồi hộp lắm, có hoạ sĩ nào lại không hồi hộp lần đầu tiên mang những tác phẩm của mình đi triển lãm? Trước ngày khai mạc mấy hôm, cha thuê một chuyến xe ngựa, chắt lên đầy toàn bộ những bức tranh của ông, đem ra bến xe, chở đi Hà Nội. Ông nói với mẹ:

- Anh vắng nhà vài tuần, em đừng chờ. Hy vọng lần này bán được tranh, sẽ có ít tiền cho mẹ con em.

Ông ngưng lại, nhìn mẹ, nói với giọng tự tin:

- Hai người hôm nọ là những nhà phê bình đứng đắn, họ khen tranh anh đẹp và anh có thể thành công...

- Hai ông đó cũng là hoạ sĩ à?

- Ừ, họ là những người bạn tốt đã hết lòng khuyến khích, giúp đỡ, thuê hộ phòng triển lãm... Họ khuyên anh nên thử thời vận một lần xem sao.

- Phải đấy, mẹ vui về, bao giờ thì khai trương hả mình?

- Ngày mốt, nhưng anh phải đi sớm vì còn phải lo trưng bày và trang hoàng. Thôi, mình ở nhà, anh đi nhé.

- Khoan, đợi em một chút.

Mẹ nói xong chạy vụt vào nhà, một lúc sau trở ra, mẹ dúm cho ông tất cả số tiền dành dụm được:

- Mình cầm lấy mà tiêu, lên trên ấy lạ nước lạ cái, không có tiền khổ lắm.

Cha ngượng nghịu cầm tiền nhét vào túi:

- Anh sẽ trả lại cho mình, anh đi kỳ này về, mình sẽ có tiền.

Nói xong, ông cúi xuống hôn lên trán tôi, dặn dò:

- Trung ở nhà ngoan, hai mẹ con chờ bố về...

Ông nắm lấy tay mẹ xiết chặt, bịn rịn một hồi rồi mới quay bước. Đó là lần cuối cùng ông biểu lộ tình thương yêu với mẹ con tôi.

Hơn một tháng sau, cha mới trở về với nguyên đồng tranh cao nghệu. Lặng lẽ không nói một câu, ông đem tranh chất trở lại trong nhà kho. Mẹ nhìn cha, không đấu được về thất vọng, nhưng vẫn dịu dàng an ủi:

- Không sao đâu mình à, thua keo này ta bày keo khác...

Cha cúi gằm đầu, không trả lời. Không bao giờ tôi quên được nét mặt tuyệt vọng của cha lúc đó, nó biểu lộ một vẻ đau đớn, xấu hổ lẫn nhục nhã, thê thảm tới mức làm tôi rùng mình, linh cảm một chuyện chẳng lành sắp xảy tới. Quả vậy, mấy hôm sau, lựa lúc cả nhà đi vắng hết, ông khuan hết những bức tranh ra sân, chất thành một đống, châm lửa đốt.

Khi mọi người về đến nhà, bao nhiêu bức tranh tâm huyết cả một đời của cha chỉ còn là một đống tro tàn, còn cha thì biến mất cùng với một ít quần áo và những vật dụng cá nhân. Cha đã bỏ nhà ra đi biệt tích, không một lời từ biệt, ông đi luôn, không bao giờ trở về nữa.

Biến cố này làm mẹ đau khổ, mất hết

niềm tin vào cuộc đời, mẹ cạn nước mắt khóc cho duyên kiếp bẽ bàng. Thời gian đầu, mẹ gắng gượng chờ đợi, sau biết là hoài công, mẹ ngó ý muốn đem tôi về quê ngoại, nhưng bà nội không bằng lòng:

- Mợ muốn đi đâu tùy ý, nhưng thằng Trung thì phải ở lại, nó là đích tôn của gia đình này.

Cô Liên nói với về khinh miệt:

- Chị thì làm gì được để nuôi nó? lại không đói rã họng ra à? Đang yên ấm không muốn, lại cứ sinh chuyện... Chị ăn ở làm sao mà chồng cũng chán, đến phải bỏ đi? Thật đúng là không biết điều, cứ tưởng quý hoá lắm, chị đi đâu thì đi một mình.

Bác Cả cũng không đồng ý, tuy vẫn bênh vực mẹ:

- Con Liên chỉ được cái ác khẩu, đừng thèm cháp. Thím chẳng việc gì phải đi đâu hết, nhà này thím cứ việc ở, thằng Trung để tôi dạy dỗ, sau này nó sẽ thừa hưởng gia tài của tôi.

Mẹ thờ dài, chẳng phải vì ham gia tài mà ở lại, nhưng mẹ không thể bỏ trốn khi không biết đường đi nước bước và trong tay không có một đồng xu, cắc bạc. Tội nghiệp mẹ, một người đàn bà yếu đuối, nhút nhát, từ dạo theo chồng về làm dâu nơi xứ lạ, mẹ chưa bao giờ ra khỏi cái lũy tre làng... Có những đêm hai mẹ con ôm nhau thủ thủ, mẹ khóc, nước mắt mẹ rơi ướt tóc tôi, mẹ nói mẹ ước mơ được về quê ngoại, dù chỉ một lần, nhưng mẹ không đành rời xa đứa con duy nhất. Tôi thương mẹ, chỉ biết ngoan ngoãn vâng lời và học thật chăm, mong một ngày nào đó có thể tự lập, tôi sẽ đem mẹ ra khỏi ngôi nhà không tình thương này.

Sau biến cố đó ít lâu thì chú Đức đột ngột xuất hiện, chú trở về nhà sau bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ. Chú Đức vẫn còn độc

thân, nghe nói có đạo chú mê một cô đào hát, hai người ăn ở như vợ chồng một thời gian rồi rã đám, đường ai nấy đi. Tính chú vốn lãng mạn, bay bướm, không muốn bị cột chân, chú chỉ thích cặp kè nay người này, mai người khác...

Cảm tưởng đầu tiên của tôi, chú là một người đàn ông còn trẻ và rất đẹp trai, ngoài cái chân đi hơi khập khễnh, chú vui tính, ăn nói bật thiệp, có duyên, đặc biệt chú có cặp mắt lãng lơ, nhìn ai là như thu hút lấy người đó. Chú bây giờ là một soạn giả danh tiếng, chuyên viết tuồng cho gánh bầu Thành, đồng thời cũng là diễn viên chính trên sân khấu. Tuồng của chú ăn khách nên tuy không giàu có, nhưng chú kiếm được khá bộn bạc, chú mua quà cho cả nhà và biếu bà nội một số tiền lớn. Trong khi cha tôi bỏ nhà ra đi trong thất bại, thì chú trở về trong vinh quang, mọi người vui vẻ đón mừng, nhanh chóng quên đi con người kém may mắn là cha tôi.

Chú Đức về, đem theo một làn gió lạ, căn nhà từ trước vẫn lạnh lẽo, nay ấm áp hẳn lên với những tiếng nói cười rộn rã, tiếng đàn hát và những câu pha trò dí dỏm, có duyên. Chú Đức cũng là một người lịch lãm, hiểu đời, chú cảm thông hoàn cảnh trái ngang của mẹ, nên thường nhìn bà bằng cặp mắt triu mến, xót thương. Đạo này mẹ hơi gầy đi, nét buồn tạo cho mẹ một vẻ đẹp nào nùng. Từ ánh mắt đầu tiên của chú khi nhìn mẹ, tôi thấy bà hơi giật mình, à phải rồi, cặp mắt đa tình của chú Đức có những nét phảng phất giống cha. Mẹ cúi mặt trốn tia nhìn như có lửa làm bà nóng ran cả hai má, khi xưa, ánh mắt đăm đúi của cha cũng đã làm mẹ phải bối rối như thế. Với bản tính lãng mạn, ảnh hưởng của những tiểu thuyết tình đợc thời còn con gái, mẹ vẫn muốn sống lại cái thuở

ban đầu. Nhưng đã từ lâu, ánh mắt nồng ấm của cha đã nguội theo với những thất bại trong cuộc đời của ông, mẹ thờ dài, cố nén những khát vọng xuống tận đáy lòng. Tôi nghiệp mẹ, mới hơn ba mươi tuổi đầu, ở tuổi này, người đàn bà nào cũng còn nhiều mộng mơ lắm.

Chú Đức và mẹ ít khi nói chuyện, thỉnh thoảng ra vào chạm mặt, chỉ trao đổi vài câu ngắn ngủi:

- Chào chị!

- Chào chú!

Có lần cao hứng chú thổ lộ với mọi người là chú đang sáng tác một vở tuồng mới có tên là *Lấy chồng xa xứ*, chú nói với mẹ:

- Chị là nguồn cảm hứng cho tôi sáng tác, chị giúp tôi diễn tả những cảm nghĩ của chị nhé?

Mẹ lắc đầu:

- Tôi thấy không tiện, tâm sự của tôi chú biết mà làm gì?

- Tôi hiểu, nhưng không sao cả, chị không nói tôi cũng có thể tưởng tượng được.

Là người sành tâm lý, chú hiểu rất rõ nỗi cô đơn của mẹ và chinh phục cảm tình của bà không mấy khó khăn. Hai người ngầm hiểu những ý nghĩ của nhau, tuy không ai nói ra, nhưng những ánh mắt lạng lẽ nhìn nhau đã nói lên một tình yêu câm nín. Mẹ làm việc quần quật suốt ngày, nhưng vẫn để ý săn sóc chú Đức một cách kín đáo, ngoài những món ăn hợp khẩu vị, phòng chú lúc nào cũng sạch sẽ, ngăn nắp, quần áo được là ủi phẳng phiu.

- Tôi thấy chị vất vả quá! Chú nhìn mẹ ái ngại.

Mẹ cười buồn:

- Quen rồi, chú đừng lo cho tôi.

Nói xong, mẹ xoay lưng, đi thật nhanh ra khỏi phòng, chú Đức nhìn theo dáng đi liêu

xiêu của mẹ, thờ dài. Mẹ cố tránh gặp mặt chú, dường như mẹ sợ không chống lại được những cảm dỗ, và mẹ cũng sợ cả điều ong, tiếng ve. Tôi còn nhỏ, không hiểu được những bão táp trong lòng mẹ, chỉ biết là mẹ rất buồn.

Chú Đức gởi tâm tư vào tiếng đàn, lời ca. Chú có làn hơi phong phú và giọng ca trầm ấm, ngọt ngào. Những đêm trăng, chú thường đem đàn ra gảy, tiếng đàn réo rất quyện với lời ca, câu hò buồn nào nuốt:

Hồ ơ... Chim xa rừng còn thương mây nhớ cội

Người xa người tội lắm người ơi, hờ...

Chẳng tha không biết thì thôi

Biết rồi mỗi đũa mỗi nơi ơ...ơ... thêm buồn

Giọng hò của chú trầm trầm ngân dài, loảng tan trong ánh trăng, nghe như tiếng thở than. Tôi ngồi im, thả hồn vào dĩ vãng, sống lại thuở năm nôi, tiếng võng kẽo kẹt, tiếng mẹ ru ầu ơ ngọt ngào. Mẹ chảy nước mắt, quê mẹ miền Hậu Giang, làm sao mẹ quên được những tiếng hò trên sông nước?

Mùa hè qua nhanh, gánh bầu Thành sắp rời đi lưu diễn ở miền Trung, chú Đức phải đi theo đoàn, mẹ buồn, ra ngăn vào ngõ. Ngày chú sắp sửa từ giã lên đường, hai người lén lút bàn nhau:

- Tôi có thể đưa chị và cháu đi nếu chị muốn.
- Rồi dư luận sẽ ra sao?
- Cần gì dư luận, tôi đi kỳ này sẽ không về nữa.
- Chú long đong nay đây mai đó, làm sao cuu mang được mẹ con tôi?
- Ta cứ liệu đi trốn, tôi sẽ đưa chị về xứ.
- Tôi sợ lắm, rui không đi thoát thì hậu quả sẽ không biết thế nào mà lường. Lại nữa nếu mai kia anh chú sẽ về...
- Chị chờ đến bao giờ? tuổi xuân qua mau, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ già.

Mẹ thờ dài buồn bã:

- Đời tôi coi như bỏ đi, nhưng thằng Trung nó cần có cha... Bao lâu tôi cũng đợi.

- Chị quyết định như vậy là tùy ý chị.

- Dù sao cũng cảm ơn chú, mấy tháng nay tôi đã rất sung sướng, như thế cũng đủ.

Nói xong mẹ gạt lệ quay đi. Sau cùng mẹ đã chọn, mẹ chọn sự hy sinh, mẹ không nghĩ đến thân mẹ, mà chỉ nghĩ đến tôi, mẹ chỉ vì tôi...

Nhưng sự việc không êm đẹp như ý mẹ mong muốn, và một thảm kịch đã xảy ra. Bác Cả tỉnh ý nhận thấy những thay đổi của người em dâu, nên một hôm gọi mẹ lên phòng tra gan:

- Mấy lúc này thím buồn lắm, phải không?

Mẹ cúi đầu, cố tránh ánh mắt đầy quyền uy của người anh chồng:

- Anh tính từ ngày nhà em bỏ đi... Mẹ ngưng nửa chừng, nghẹn lời.

- Tôi hiểu, thím còn trẻ quá... Bác gặt gù, nhưng đừng làm điều gì đại dột, có chuyện gì khó nghĩ, thím cứ nói với tôi, may ra tôi có thể giúp.

- Thừa anh, không có chuyện gì cả.

- Thế sao mấy đêm nay thím mất ngủ? nhìn cặp mắt thâm quầng của thím, tôi hiểu ngay. Thím coi chừng người nhà để ý, bàn ra tán vào không tốt.

Mẹ giật mình sợ hãi, cái lối nói như đi guốc vào bụng người khác chứng tỏ bác đã hiểu tất cả. Quả vậy, bác nở một nụ cười mang nhiều ý nghĩa:

- Chuyện đó cũng là sự thường thôi, tôi thông cảm, nhưng đừng đi xa hơn. Thím phải nghĩ đến tương lai thằng Trung, nó cần được học hành tới nơi tới chốn, nó thiếu một người cha, và từ lâu tôi vẫn xem nó như con. Người long đong nay đây mai đó, đâu có thể lo cho nó được?

Bác quay sang tôi:

- Trung, nói đi cháu! có phải cháu vẫn muốn được làm con bác, phải không?

Tôi ngập ngừng, trước đây tôi vẫn ao ước có một người cha như bác, nhưng bây giờ tôi đã lớn, biết suy nghĩ, tôi nhìn mẹ buồn rầu:

- Con biết là mẹ thương con, nhưng mẹ cứ chọn con đường nào mẹ thích.

Bác hơi cau mày rồi cười nhạt:

- Cái thằng bé này cần phải uốn nắn lại, hy vọng cháu không phải là một người bạc bẽo. Quay sang mẹ, bác nói tiếp, tôi không tin là thím ngu ngốc mà đi nhầm đường. Thôi được rồi, bây giờ thím đi ra đi, tôi để cho thím suy nghĩ, tương lai của thằng Trung tùy vào sự lựa chọn của thím.

Mẹ ôm mặt rên rỉ:

- Tại sao tôi lại phải chọn? Trời ơi! tôi chỉ muốn yên thân, sao mấy người không để cho tôi yên?

Mẹ lao đảo đi ra, bà vấp ngã nơi ngưỡng cửa, bác Cả vội đưa tay ra đỡ, cả thân hình gầy gò của mẹ rơi gọn trong hai cánh tay của bác. Vừa lúc đó, cửa chốt mở toang, bà nội từ đâu xuất hiện, trước cảnh đó bà đứng ngây người vài giây rồi kêu rú lên:

- Mấy người làm gì thế kia? Trời ơi! sao lại có cảnh loạn luân như thế này xảy ra ngay trong nhà tôi hả trời?

Mẹ run rẩy, phải bám vào cánh cửa mới đứng vững, có trời mới hiểu được những oan khuất của mẹ. Tôi vội níu lấy áo bà nội, lấp bắp:

- Không phải đâu bà, mẹ cháu bị ngã...

Nhưng bà gạt tay tôi ra, quay sang mẹ, gần từng tiếng:

- Mợ vào đây làm gì hả? Kia, mợ nói đi chứ? nếu là người phụ nữ chính chuyên, sao mợ lại vào phòng một người đàn ông không phải là chồng mợ trong giờ này?

Nghe tiếng ồn ào, mọi người chạy cả lên, đứng lối nhỏ ngoài hành lang. Cô Liên liếc xéo mẹ, cười mỉa:

- Tôi tưởng chị mê anh Đức? thì ra tôi nhầm à? hay là chị định bắt cả hai tay? Hừm, đời thuở nào chồng mới đi vắng chưa đầy một năm mà chị đã dở trò chim chuột ở ngay trong nhà, thật là nhơ nhuốc, xấu hổ.

Câu nói đó như đổ thêm dầu vào lửa, bà nội mặt phùng phùng lửa giận, trở mặt mẹ, quát:

- Con đi rạc! nhà có ba người đàn ông, mày định lấy cả ba à? Thứ đàn bà lằng lảnh như mày không thể để trong nhà, hãy cút ra khỏi nhà tao!

- Con sẽ đi... Mẹ tôi thù thào, nhưng lạy mẹ cho con đem theo cháu Trung, con không thể xa nó, con sẽ đưa nó về ngoại.

- Không được, thằng Trung là máu huyết của con trai tôi, chị không thể đem nó đi, tôi không muốn cháu tôi sống chung với người mẹ hư đốn là chị. Tôi ký hẹn ba ngày, chị phải rời khỏi nơi đây, nếu không tôi sẽ trình lý trưởng và làng nước sẽ gọt đầu bôi vôi chị.

- Van mẹ, đừng làm vậy, con chết mất.

Mẹ phủ phục xuống đất lạy, nhưng bà nội quay lưng, giằng lấy tay tôi kéo đi, tôi trì lại và gào lên, nhưng vô ích. Không bao giờ tôi quên được vẻ mặt thâm, tuyệt vọng, và ánh mắt ai oán của mẹ lúc nhìn theo tôi bị người ta kéo xềnh, lỏi đi. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà.

Tôi được gửi ở tạm nhà một ông chú họ, một tuần sau mới được về nhà. Nhưng về nhà là để đi đưa đám mẹ, bởi vì bà đã thất cổ tự tử chết ngay đêm hôm đó. Người ta đưa tôi vào nhìn mặt mẹ một lần cuối cùng trước khi nắp quan tài được đóng lại. Mẹ nằm im lìm, mình mặc áo nâu, hai tay chấp lại để trước bụng, tóc mẹ xoắn dài thành một

dòng đen nhánh, mặt mẹ tím bầm, còn in những nét hãi hùng. Cho đến lúc chết, mẹ vẫn chưa nguôi được oán hờn. Tôi vuốt cặp mắt vẫn mờ trũng của mẹ, thì thắm khăn vải mẹ ra đi bình yên, lạ lùng thay, mắt mẹ khép lại và nét mặt trở nên thanh thản. Tôi nằm bên quan tài, ở với mẹ suốt đêm hôm đó. Sáng hôm sau, tôi đưa mẹ ra mộ, ở ngoài đồng, trời lất phất mưa phùn, lạnh và rất buồn, theo sau hai con bò kéo xe tang, chỉ có tôi và vài người hàng xóm. Bà nội bị con đột quỵ nằm liệt giường không đi được, nhưng còn bác Cả giàu có, đầy quyền uy, còn chú Đức, con người lãng mạn đa tình, háo thắng, chỉ thích đi chinh phục, và người cha vô trách nhiệm của tôi, đâu cả rồi? Họ là những người trực tiếp và gián tiếp gây ra cái chết của mẹ tôi, bây giờ tất cả đều chạy trốn, không ai lãnh trách nhiệm

cả, họ phủi tay trước cái chết đầy oan khuất. Thương cho mẹ một đời mệnh bạc, lúc chết lại phải gởi xương nơi xứ lạ.

Tôi bỏ nhà ra đi ngay ngày hôm sau, đem theo độc nhất có một tấm hình của mẹ. Qua bao nhiêu gian khổ, tôi lần mò tìm về quê ngoại. Phải mãi đến hơn mười năm sau, khi lớn khôn, tôi mới trở lại để thực hiện lời hứa cuối cùng trước quan tài mẹ là đem bà về quê. Ngủ yên nhé mẹ, bây giờ mẹ đã được về xứ rồi đó.

PHƯƠNG - LAN

- Trích trong tác phẩm Lấy Chồng Xa do nhà sách Tự Lực ở Garden Grove, CA phát hành)

- Nghe đọc truyện, xem video youtube, xin bấm vào Google: youtube lấy chồng xa

- Phương Lan.



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

LỄ HỘI CHÉM LỢN, ĐÂM TRÂU 'TRÁI LUẬT'

Nguyễn Thị Dương Hà

Từ năm 2000, dân làng Ném Thượng (tên cũ là Niệm Thượng), tỉnh Bắc Ninh đã khôi phục một lễ hội gọi là «lễ hội chém lợn» được tổ chức vào mùng 6 tháng Giêng âm lịch. Tại lễ hội này, những đao thủ được dân làng chọn ra chém những con lợn khỏe mạnh ra làm đôi trước đám đông, trong đó có cả trẻ em. Sau đó những người dự lễ lấy tiền nhúng vào máu lợn tung tóe trên mặt đất để cầu may. Theo dân làng, lễ hội là để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, thời Lý, đánh giặc ngoại xâm bị thua trận, chạy về vùng này và phải chém lợn rừng để nuôi quân.

Thế nhưng từ ba năm nay Tổ chức bảo vệ động vật châu Á (Animals Asia) đã phản đối quyết liệt lễ hội này khi gửi Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch Thông báo theo đó "việc chém những con lợn còn đang sống khỏe mạnh là một lối đối xử tàn ác đối với động vật, nó làm trở ngại cảm xúc của người xem khi chứng kiến cách thức động vật bị đối xử dã man, đặc biệt là đối với trẻ em, đối tượng có tâm lý chưa hoàn thiện ổn định và dễ bị ảnh hưởng." Quan điểm này ngay lập tức vấp phải phản ứng quyết liệt không kém của những người đại diện cho dân làng Ném Thượng và một số quan chức và nhà nghiên cứu văn hóa dân gian. Đại để lập luận của những người này như sau.



Những lễ hội "Chém Lợn Đâm Trâu" mang tính cách tàn ác với súc vật là một hủ tục. Không những vậy nó còn khuyến khích tính bạo hành của con người (Hình: Lao Động)

Thứ nhất, lễ hội tôn vinh một viên tướng chống ngoại xâm nên việc bỏ lễ hội sẽ tác động tiêu cực đến lòng yêu nước của người dân Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, lễ hội không dã man. Bà Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh phát biểu: "việc giết mổ không gây đau đớn cho động vật thì rõ ràng đâm trâu một nhát vào tim, chặt phăng thủ cấp lợn sẽ dẫn tới cái chết nhanh chóng hơn hẳn so với đưa chúng vào phòng hơi ngạt như phương Tây".

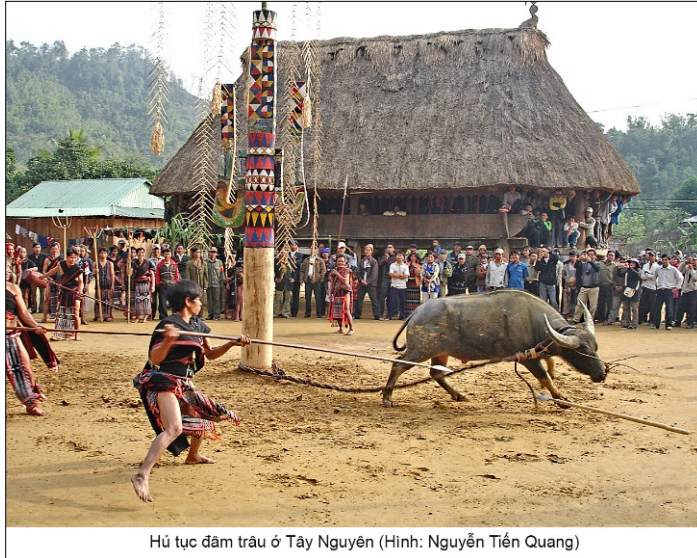
Thứ ba, phải tôn trọng tín ngưỡng. Giáo sư Trần

Lâm Biền cho rằng: "Máu đỏ trong tín ngưỡng nguyên thủy là biểu trưng cho sự sống, sinh khí. Vì thế, người dân làng Ném Thượng thực hiện nghi thức chém lợn để máu đỏ chảy ra sân đình nơi thờ Lý thành hoàng, là nhằm gợi ý với bậc thánh thần hãy mang sinh khí, sự phát triển đến

nơi đây. Phong tục này là để cầu may cho mọi người, nó vượt qua cả khái niệm đã man hãy không đã man. Văn hoá nếu chỉ nhìn hình thức có thể tưởng là đã man nhưng đằng sau lại là tính nhân đạo mệnh mông".

Thứ tư, bỏ lễ hội là ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa, làm nghèo văn hóa. Tiến sĩ dân tộc học, Đại biểu Quốc Hội Trần Hữu Sơn cho rằng: "Nếu cái nào cũng phải thay đổi theo cuộc sống mới thì còn đâu ra các phong tục và sẽ làm nghèo văn hoá." Đại biểu Quốc Hội Trần Thị Quốc Khánh có cùng quan điểm: "Nếu cái gì ta cũng thay thế thì dần dà chúng ta sẽ giữ lại được điều gì? Đồng bào Tây Nguyên thay vì đâm trâu thì đua trâu và nhân dân Bắc Ninh thay vì chém lợn sẽ vật nhau với lợn chằng?"

Thứ năm, đó là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp. Tiến sĩ Ngô Đức Thịnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam, khẳng định: "Không thể yêu cầu ban hành một luật lệ nào để áp vào việc tổ chức lễ hội truyền thống, để ngăn cấm người dân tổ chức lễ hội, quyền tiến hành các văn hóa truyền thống tâm linh là phụ thuộc vào suy nghĩ của người dân trong xóm, phường, làng xã đó".



Hủ tục đâm trâu ở Tây Nguyên (Hình: Nguyễn Tiến Quang)

'Lý lẽ thuyết phục?'

Vậy "cái lý" của những người bảo vệ "lễ hội chém lợn" có thuyết phục?

Theo Đại Việt sử lược và Đại Việt sử ký toàn thư, nhân lúc lòng dân chán Nhà Lý, khoảng năm 1207 Đoàn Thượng nổi dậy và đã nhiều lần bị đánh bại. Năm 1228, Đoàn Thượng bị sứ quân Nguyễn Nộn giết chết.

Như vậy, việc Đoàn Thượng thua trận, dạt về khu vực Ném Thượng hiện nay và phải săn lợn rừng để nuôi quân là có cơ sở. Ngược lại, thuyết Đoàn Thượng chống ngoại xâm là hoàn toàn bịa đặt vì đã không có "giặc ngoại xâm" nào, cụ thể là không có giặc nào đến từ nước Tống (Trung Quốc ngày nay) trong suốt thời gian Đoàn Thượng dấy binh. Nói cách khác, các cuộc chiến mà Đoàn Thượng tham gia đều là nội chiến giữa những người Việt.

Quan điểm coi việc chém lợn cũng như đâm trâu là việc giết mổ gia súc để làm thực phẩm và do đó không đã man là đánh tráo khái niệm. Thực vậy, việc giết gia súc như vậy là để mua vui cho đám đông, đúng như cái tên "lễ hội".

Trên thực tế, không có trường hợp nào là lợn bị "chặt phăng thủ cấp" tức bằng một nhát đao hay trâu bị "đâm một nhát vào tim" để chết nhanh chóng cả. Ngược lại là đằng khác, nhát là trong lễ đâm trâu, cái chết của con vật được kéo dài để người xem "thưởng thức". Thực tình chỉ riêng

những từ ngữ mà bà Đại biểu Quốc Hội Khánh dùng để mô tả cách giết chết các con vật đã đủ làm người nghe ghê rợn. Việc mua vui bằng cảnh giết chóc chỉ có thể là dã man, là tàn bạo.

Lấy tín ngưỡng để biện hộ cũng không thuyết phục. Bảo “lễ hội chém lợn” là để lấy máu cầu may vì máu đỏ là “biểu trưng cho sự sống, sinh khí” thì “sự sống, sinh khí” đâu chưa thấy mà đã thấy cái chết rình rập con người bởi chính tính hiếu sát mà lễ hội gieo mầm và kích động nơi người xem trong đó có trẻ nhỏ, vì suy cho cùng máu người cũng đỏ! Tóm lại, lễ hội chém lợn là man rợ, là thú tính, là ở cực kia của “tính nhân đạo mệnh mỏng” như lời lẽ của Giáo sư Trần Lâm Biên.

Còn nói bỏ “lễ hội chém lợn” là làm nghèo văn hóa thì đó là tư duy số học chứ không phải tư duy văn hóa. Văn hóa là “gạn đục khơi trong”, những gì tôn vinh và phát huy nhân tính, quyền con người hay mỹ tục thì được giữ lại, ngược lại là hủ tục phải bỏ. Nói cách khác, văn hóa song hành với các giá trị nhân văn. Bởi “lễ hội chém lợn” đồng nhất với hiếu sát, tức phản nhân văn thì việc loại bỏ nó chỉ có thể là đúng quy trình đào thải của văn hóa, của văn minh nhân loại.

'Không còn chỗ đứng'

Quan điểm “lễ hội chém lợn là lễ hội riêng, chuyện nội bộ của người dân làng Ném Thượng, người ngoài không có quyền can thiệp” cũng sai nốt. Cần khẳng định ngay rằng lễ hội nói riêng, văn hóa nói chung không phải là một phạm trù “kín cổng cao tường”, chủ thể lễ hội không chỉ là những người đã tạo ra nó mà còn là những người chia sẻ nó. Trên thực tế “lễ hội chém lợn” chưa bao giờ được giới hạn trong khuôn khổ làng Ném Thượng, nếu không muốn nói được tổ chức nhằm thu hút người ngoài làng bao gồm cả người nước ngoài đến xem.

Do đó ý kiến phản đối lễ hội, nếu có, là sản phẩm tự nhiên của lễ hội hay sản phẩm nội sinh, tuyệt nhiên không phải là một sự can thiệp. Còn chính quyền địa phương hay chính phủ có ý kiến về lễ hội thì đó là thực thi chức năng quản lý xã hội miễn là ý kiến này phải dựa trên luật pháp và phù hợp với lợi ích chính đáng của toàn thể xã hội. Tóm lại, lối nghĩ “Phép vua thua lệ làng” không có chỗ đứng trong một xã hội hiện đại cai trị bởi luật pháp.

Cuối cùng, về quan điểm “lễ hội chém lợn” không vi phạm pháp luật thì người viết bài này khẳng định lễ hội này vi phạm Luật Di sản văn hóa (LDSVH).

Trước hết, theo Khoản 1 Điều 4 LDSVH lễ hội là di sản văn hóa phi vật thể, tức thuộc diện điều chỉnh của Luật này.

Tiếp đó, Khoản 1 Điều 12 LDSVH quy định: “Di sản văn hóa Việt Nam được sử dụng nhằm mục đích phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội”. Như vậy, “lễ hội chém lợn” và “đâm trâu” reo rắc tính hiếu sát hay kích động bạo lực rõ ràng đi ngược lại lợi ích của toàn xã hội và vì vậy là hủ tục.

Do đó, căn cứ Điều 25 LDSVH theo đó “Nhà nước bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong tổ chức và hoạt động lễ hội”, chính quyền tỉnh Bắc Ninh cần khẩn trương ra quyết định cấm việc tổ chức “lễ hội chém lợn”. Tương tự như vậy, chính quyền địa phương những nơi “lễ hội đâm trâu” diễn ra cần thuyết phục người dân từ bỏ tổ chức lễ hội đẫm máu, kích động bạo lực này bởi trong mọi trường hợp biện pháp hành chính chỉ nên là giải pháp cuối cùng.

Mặc dù “lễ hội chém lợn” cần bị loại bỏ nhưng không vì thế mà ta quay lưng với lịch sử của dân làng Ném Thượng. Như trên đã nói, tên cũ của làng Ném Thượng là Niệm Thượng và theo tôi, “Niệm Thượng” hẳn là cái tên mà người dân đặt ra để tưởng niệm tướng quân Đoàn Thượng, người có công khai khẩn vùng đất này cho dù ông đến đây là để lánh quan quân nhà Lý. Trên cơ sở này tôi đề nghị dân làng Ném Thượng tổ chức “Lễ hội Niệm Thượng” vào mùng 6 Tết nhằm tôn vinh công lao của tiền nhân trong hình thành xứ sở.

CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon coeur
D'une langueur
Monotone.

Tout suffocant
Et blême, quand
Sonne l'heure.
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
Deçà, delà.
Pareil à la
Feuille morte.

Paul Verlaine (1844-1896)

Vài bài dịch:

Bài 1 - CA KHÚC MÙA THU

Đàn thu lê thê
Thổn thức đê mê
Lòng ta rã rượi
Điêu hiu não nề
Tê tái nghẹn ngào
Giây phút nao nao
Nhớ về ngày cũ
Dòng lệ dâng trào
Dấn bước trên đường
Cơn gió phũ phàng
Cuốn đi xào xạc
Lả tả tơ vàng

**Lãng Nhân Phùng Tất Đắc
(Học giả Phùng Tất Đắc)**

Bài 2 - CA KHÚC MÙA THU

Cây vĩ cầm nức nở mãi
Xuyên tới tim
Vết thương đau nhói
Tiếng đàn thu uể oải
Râm rì
Buồn ơi là buồn
Lê thê

Ta tê tái nghệt thờ
Chuông đồng hồ điểm nhắc nhở
Lệ dâng dâng chan chứa hàng mi
Thế rồi ta ra đi
Cuốn theo chiều gió
Nay đây mai đó
Như chiếc lá vàng khô
Ác nghiệt thay
Ngọn gió thu

GS Thi sĩ Bằng Vân Trần Văn Bằng

Bài 3 - NHẠC THU

Nhạc thu buồn thảm lê thê
Vĩ cầm nức nở, não nề lòng ta.
Chuông reo gọi nhớ ngày qua
Nghẹn ngào, xanh mặt, lệ sa đôi bờ.
Ta đi như lá vàng khô
Nương theo tà gió, vật vờ đó đây.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Bài 4 - NHẠC THU

Nhạc thu êm nghe
Buồn thảm lê thê
Vĩ cầm nức nở
Lòng ta não nề

Tiếng chuông ngân xa
Gọi nhớ ngày qua
Nghẹn ngào mặt tái
Đôi bờ lệ sa

Như lá vàng khô
Ta đi bơ vơ
Nương theo tà gió
Đó đây vật vờ.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Về Thành ...

Ỡ NGUYỄN

Bố mẹ tôi quá tuyệt vọng về cuộc sống tại đất Thanh sau gần 6 năm trời xoay sở chật vật tìm kế sinh nhai. Bố mẹ đã mở hết quán ăn này đến quán ăn khác tại Hàm Rồng rồi lên đến Đầm. Cuối cùng cảnh thiếu thốn, nheo nhóc vẫn không sao vượt qua được. Vì thế cho nên, khi gặp một gia đình người bạn rủ về Hà Nội, bố mẹ tôi đồng ý liền.

Bố tôi bàn với ông bà Liên nên ra đi lúc này - mùa hè năm 1951- là thời gian thuận tiện nhất, chắc sẽ không phải chống chọi với những trận mưa rừng, thác lũ khi đi xuyên qua vùng núi non hiểm trở. Vậy là cuộc hành trình khởi điểm từ thị xã Đầm, Thanh Hóa về Hà Nội được hoạch định ngay. Giờ chỉ còn một thời gian ngắn để sửa soạn hành trang. Cả hai gia đình, già trẻ, lớn bé gồm 11 người, ai nấy đều hăm hở chuẩn bị đem theo những gì cần thiết.

Mấy người lớn nói với nhau là phải đi bộ nhiều ngày, có thể cả tháng không chừng, mới về tới thành phố, chưa kể đến những điều bất trắc có thể xảy đến trong cuộc hành trình gian nan này. Chắc chắn không thể nào dùng xe lửa hay đường bộ thông thường như cách đây gần 6 năm khi gia đình chúng tôi tản cư từ Hải Phòng vào Thanh Hóa. Đường xe lửa và cầu cống đã bị phá huỷ từ lâu. Hiện thời, giao tranh giữa Việt Minh và Pháp vẫn đang tiếp diễn ngày đêm trên lộ trình này. Đoàn lữ hành chúng tôi sẽ phải vượt đèo băng suối là điều không thể tránh khỏi. Ngày đi đêm nghỉ. Lương thực đem theo gồm gạo rang, khoai khô, sắn khô, vừng rang và cơm nắm.

Bom đạn của Pháp vẫn tới tấp đổ xuống các căn cứ quân sự cũng như làng mạc của dân lành tại Chiến Khu Tư. Hàng ngày, chúng tôi đã chứng kiến cảnh bộ đội Việt Minh cũng như người dân vô tội chết, bị thương bởi bom Napalm của Pháp, nằm la liệt ở hai bên ven rừng, nơi chúng tôi đi qua. Người bị băng nơi đầu, kẻ ở chân tay. Có người bị cụt cả hai chân, máu me bê bết cùng mình. Họ rên xiết, lăn lóc vì đau đớn. Các nữ cứu thương, tay đeo băng chữ thập đỏ, băng bó vết thương cho nạn nhân. Phương tiện tải thương vẫn là cáng và võng. Nhìn cảnh tượng này tôi lại liên tưởng đến thằng em Đạt của tôi mà lòng những thương nhớ và xót xa quá đỗi. Máu vẫn chảy, ruột vẫn quặn đau! Ai đã gây ra cảnh huống này! Tôi đã thấy tận mắt, đã nghe tận tai những gì xảy ra cho người dân Việt Nam mình. Lúc đó tôi cảm thù thực dân Pháp đến tận xương tủy.

Mặc cho bom rơi lửa cháy, đoàn người hồi cư chúng tôi vẫn tiếp tục nhập bọn với những toán bộ đội Việt Minh, xuyên qua rừng qua suối, di chuyển không ngừng. Núi Ba Vì lúc đó là căn cứ then chốt của bộ đội du kích kháng chiến. Chúng tôi sẽ phải đi ngang qua đây, quả là một sự thử thách cam go, sinh tử. Để tự an ủi và giữ vững niềm tin, mọi người chỉ còn biết cầu Trời, khẩn Phật mong sao cho sớm thoát ra khỏi vùng lửa đạn.

Trên đoạn đường đi qua, chung quanh vẫn là núi non trùng trùng điệp điệp, rừng rậm xanh um, bát ngát, bao la. Những tàng cây cổ thụ chằng chịt lá phủ kín những con đường mòn, trải dài dưới chân chúng tôi. Chúng tôi không nhìn thấy trời xanh mây trắng hay ánh nắng rọi qua kẽ lá, chỉ trừ khi đi qua những đoạn đường không có bóng cây. Bởi vậy, nếu không có "chỉ điểm" mà người ta gọi là "Việt gian" thì không thể

nào máy bay Pháp phát hiện được mọi sự di động ở phía dưới đất để thả bom.

Trong chuyến hành trình này, ngoài gia đình chúng tôi và gia đình ông bà Liên, còn có nhiều gia đình khác nữa. Không biết họ khởi hành từ đâu nhưng bây giờ đã nhập vào nhóm của chúng tôi, hợp thành một đoàn người đông đảo, lũ lượt theo chân nhau miệt mài dẫn bước. Cũng như gia đình nhà tôi, họ là những người tản cư từ thành thị năm 1946 khi Việt Minh nổi dậy chống Pháp, tất cả giờ muốn trở về quê hương bản quán. Có lẽ chính quyền Việt Minh biết mọi người tìm đường về thành nhưng làm ngơ. Họ không thể nào ngăn cản được làn sóng người đi tìm sự sống. Nền kinh tế ở chiến khu Tư lúc bấy giờ quá kiệt quệ và suy sụp. Không ai muốn kéo dài cuộc sống khổ cực thêm mãi được. Ai cũng biết rằng ở lại trong Chiến Khu Tư chắc chắn sẽ không tránh khỏi cảnh dở sống dở chết vì thiếu ăn thiếu mặc, hoặc không chết vì đói thì cũng chết vì bom của Pháp.

Có lẽ trời thương đám người hồi cư chúng tôi, nên cho dù dầm mưa giải nắng, lặn lội trong rừng sâu, thiếu lương thực, phải uống nước suối cả gần tháng trời mà không ai bị đau ốm hay sốt rét ngã nước. Ngay cả các cụ già như bà ngoại tôi, mẹ bà Liên cùng mấy đứa trẻ nhỏ như thằng Đức con trai của ông bà Liên và Khôi em tôi, đều khoẻ khoắn bình thường. Thực là kỳ diệu! Trung bình mỗi ngày đi bộ tới gần 8 giờ đồng hồ. Đêm xuống, người người đều rã rời, mỏi mệt. Khi mặt trời lặn, đoàn lũ hành buộc lòng phải dừng chân để nghỉ lại trong mấy túp nhà sàn, mái tranh vách lá của người Mường, người Mọi. Những đêm ngủ trong rừng là những đêm chị Mai tôi sợ nhất. Chị sợ thú rừng nên cố xen vào giữa mọi người để nằm cho yên ổn. Bố tôi và ông Liên sáng ra phải điếm danh mọi người

trong hai gia đình xem có thiếu vắng ai không? Ở giữa chốn rừng rú hoang vu, vắng vẻ như thế, biết sao mà lường được những bất trắc có thể xảy ra. Chẳng hạn như bị chặn đường cướp bóc, lúc đó cũng đành bó tay chứ còn biết kêu gọi vào đâu. Thực là sợ. Cũng có lần đoàn lũ hành chúng tôi đi qua các khu làng ở rải rác ven rừng, mọi người được dịp nghỉ ngơi cho giãn gân giãn cốt và được ăn uống ngon lành vì mượn được nồi niêu để nấu nướng. Về tới đoạn này, tôi chợt nghĩ tới cảnh mọi người phải cố ăn những miếng cơm bị dính dầu hoả (dầu hôi). Nguyên do là túi gạo tẻ mà bố mẹ tôi đem theo không hiểu sao bị cây đèn dầu đổ vào, đem đi vo đi đãi không sao hết mùi, nếu đem đổ gạo này đi lấy gì mà ăn, nên ai nấy đều phải nhắm mắt bịt mũi mà nuốt.

Rồi cuộc hành trình lại tiếp tục...

Trước khi tới được tỉnh Phủ Lý, chúng tôi phải đi dò ngang qua một con sông khá rộng từ vùng Việt Minh chiếm đóng để đến vùng Tề, khu vực thuộc quân đội Pháp kiểm soát, phía bên kia sông. Qua được sông, lên được bờ bên này mới biết mình thoát chết. Bố mẹ tôi nghe người ta nói lại như vậy, vì trước đó vài ngày, đã có nhiều gia đình hồi cư bị trúng đạn khi qua sông trong lúc đang có giao tranh giữa Pháp và Việt Minh.

Vào một buổi sáng đẹp trời, đoàn lũ hành chúng tôi đã đến được đích. Chúng tôi đã có mặt tại tỉnh Phủ Lý mà lúc đó người ta gọi là vùng "xôi đậu", "vùng tề" hay "đình tề". Mọi người bấy giờ mới cảm thấy như được hồi sinh. Và giấc mơ về thành của chúng tôi đã thành sự thật.

Như đã có lần tôi đề cập tới, bố tôi lúc xưa đã từng làm việc với người Pháp nhiều năm nên cụ thông thạo Pháp ngữ khỏi chê. Vậy nên khi vừa đặt chân tới tỉnh Phủ Lý

bố tôi được dịp xỏ tiếng Pháp với các viên chức tại đây khiến họ cũng nê nang. Họ đã dành mọi sự ưu ái cho gia đình chúng tôi. Tại đây chúng tôi nhận được quần áo cứu trợ để thay thế những quần áo đã mặc cả tháng nay trong suốt chuyến hành trình vừa qua. Ngoài ra họ còn cấp đỡ những vật dụng cần thiết như đồ ăn hộp, sữa đặc, ba-tê, súc xích, bánh bích qui, xà phòng, thuốc đánh răng, bàn chải v.v... Thôi tha hồ mà ăn mà tắm gội thoải thể sau những ngày lặn lội trong rừng. Tôi có cảm tưởng một ngày phải tắm đến 2, 3 lần mới gột rửa được hết lớp bụi đường dính trên người hàng bao nhiêu tuần lễ! Qua sự giúp đỡ và chăm sóc ân cần của cơ quan tiếp nhận người hồi cư của Pháp, quả thực tôi đã quên hẳn chuyện thù ghét Pháp mà lúc còn ở Chiến Khu Tư tôi đã nguyện rửa họ thậm tệ!

Sau khi hoàn tất mọi thủ tục giấy tờ tại Phủ Lý, gia đình chúng tôi theo làn sóng người hồi cư tìm về Hà Nội. Lần này mọi người không phải đi bộ nữa. May quá! Cả nhà đáp xe ca về thành phố.

Ngày xưa chúng tôi đã từng sinh sống ở thành thị, vậy mà mới có gần 6 năm xa chốn phồn hoa, nay trở về đây, ai nấy cũng đều ngỡ ngàng, ngỡ nghêch như mán rừng. Ngó lại những tấm ảnh ngày đó trông ai cũng ngỡ ngàng đến tức cười. Nhìn ánh đèn điện đủ màu, nhìn mấy ông lính tây Lê Dương cặp tay các cô gái Việt Nam môi son má phấn, nói cười toe toét, ăn mặc lòe loẹt, giày cao gót, tay sách ví đầm, tóc phi dê quần teo, nhìn lại mình mới thấy quá là quê mùa, kịch cỡm, hết chỗ nói. Rồi khi nghe mấy cô me Tây, người ta gọi như thế, chuyện trò bí bô với mấy ông Tây mũi lõ mà phục quá. Tôi nhớ, lúc ấy tôi mới độ 12 tuổi nên còn ngỡ ngàng, khờ khạo chẳng giống ai. Hôm ấy cả nhà phải đi chụp ảnh để lấy thẻ căn cước. Tại tiệm chụp ảnh tôi

nhắc thấy một lọ Brillantine để cạnh tủ gương mà người ta dùng để bôi lên tóc cho bóng mượt. Trông trước trông sau không có ai, tôi vội quệt một ít lên đầu ngón tay rồi bôi vội vàng lên quần áo cho thơm, nghĩ đó là nước hoa. Sau này biết ra, tôi thấy mình quê ơi là quê!

Thời gian định cư ở Hà Nội quá ngắn ngủi nên tôi không có nhiều kỷ niệm như khi xuống Hải Phòng và vào Nam sau này. Tuy nhiên có một vài sự kiện xảy ra cho tôi tại Hà Nội mà mỗi lần nghĩ tới tôi không sao nhịn được cười bởi cái sự ngây dại của mình. Tôi muốn nói đến một mẩu chuyện về "*nhảy tàu điện*"... Lúc mới hồi cư về Hà Nội, bố mẹ tôi thuê một căn phòng tại chợ Con Bò trên phố Cát Ninh, khu ngoại ô thành phố. Những ngày không đi học tôi thường rong chơi với mấy đứa trẻ con hàng xóm rù rê, la cà ra tận Hồ Hoàn Kiếm hay lên khu phố Tràng Tiền để xem cinéma lậu tại sở Thông Tin Văn Hoá của thành phố. Hay có khi theo chúng bạn đi xem lễ rước đèn đêm Trung Thu, xem đốt pháo bông trước nhà Thủy Tạ, dọc theo những con phố nhỏ bao quanh Hồ Gươm. Len lỏi vào trong đền Ngọc Sơn xem người ta xì xụp lễ bái. Chúng kiến cảnh "thần kim qui" nổi trên mặt hồ. Vào thời kỳ đó xe cộ không đông đúc như sau này. Chưa có xe taxi, ô tô cũng ít ỏi, hầu hết là xe tay có người kéo và xe đạp thì vô số kể. Xe điện lại rất thịnh hành. Những người buôn bán tại các chợ Sắt, chợ Hôm, chợ Đồng Xuân đều dùng phương tiện xe điện. Những lúc loanh quanh ở gần Hồ Hoàn Kiếm với bạn bè tôi đã thấy nhiều đứa trẻ chừng tuổi tôi hay nhảy lên xe điện khi xe đỗ tại bến, đến khi xe chạy được một quãng, tụi nó mới nhảy xuống, trông thấy lạ quá, thích thú quá. Đầu óc tôi tự nhiên nảy ra một sự tò mò và muốn thử học cái lối nhảy tàu điện như

chúng xem sao. Thế là có lần tôi leo lên một chiếc xe điện như thế đang đậu ở gần Hồ Gươm mà trong túi không có lấy một xu, vậy mới gan dạ và liều lĩnh chứ! Đến lúc xe điện chuyển bánh tôi nhón nhác lo sợ vì mình không biết xe này sẽ chạy đi đâu? Mà nhảy xuống lại không dám. Hóa ra xe chạy tới chợ Đông Xuân. Sợ quá, tôi không biết mình sẽ phải đáp xe nào mà về nhà. Đang suy nghĩ và lo lắng, ông soát vé xe điện chợt xuất hiện, hỏi vé... tôi sợ quá đến phát run lên, oà khóc! Trống ngực đập thình thình. Tôi trả lời ấp úng vì không có tiền để trả tiền vé khi ông ta gặng hỏi. Ông ta còn dọa sẽ đưa tôi về bót Cảnh Sát, lại càng làm cho sự sợ hãi của tôi tăng thêm. Giữa lúc ấy, mấy bà lái buôn tại chợ Đông Xuân đang ngồi cạnh mấy chiếc lồng gà, lồng vịt hôi hám cùng quang gánh ngón ngang, nhìn tôi ái ngại và có nhẽ họ tội nghiệp cho sự ngu xuẩn của tôi nên có một bà đứng ra trả tiền vé xe điện cho tôi, bảo tôi từ nay đừng dại dột mà nhảy xe điện như thế rất nguy hiểm, có khi còn gãy chân gãy cẳng nữa. Rồi bà ta lại còn trả tiền vé xe điện lượt về cho tôi. Tôi mừng quá và cảm ơn bà ta rối rít. Thời gian đã qua thật lâu rồi, nhưng người đàn bà gia ân cho tôi ngày ấy dù gì cũng là ân nhân trong ký ức của tôi, ngay từ khi tôi còn nhỏ dại. Sau này câu chuyện đó đã nhắc nhở tôi đến việc đền ơn, cũng như gia ơn cho bất cứ ai trong quãng đường đời tôi trải qua.

Nhớ lại khi ở trong Nam, có lần ra thăm bố tôi lúc đó đang làm việc cho một công ty xây cất doanh trại cho phái bộ cố vấn Mỹ tại Sông Cầu ngoài miền Trung. Ngày trở về Saigon, tôi đáp xe lửa trên một chặng đường dài khoảng 2, 3 giờ đồng hồ. Khi xe lửa ngừng lại ở ga Sông Mao, trước khi tới ga Biên Hoà, tôi gặp trường hợp một hành khách đi xe lửa mà không mua vé, y như

cảnh "nhảy tàu điện" của tôi trước kia. Ông soát vé xe tiến gần lại một người hành khách mù, tôi đoán vậy, đang quờ quạng ở một góc tàu, đôi mắt kính đen xậm lông trên khuôn mặt đen đúa, óm yếu của ông, một tay ông cầm cây đàn nhị, vai đeo một cái túi vải nhỏ, tay kia cầm một cây gậy. Ông ta đứng không xa chỗ tôi ngồi là mấy nên tôi đã để ý quan sát, không phải vì tò mò mà chỉ là một cử chỉ bình thường tự nhiên thôi. Bỗng tôi nghe người soát vé hỏi người đàn ông này cho xem vé. Cử chỉ lưỡng lự, lời nói rụt rè lắp bắp, ông ta nói với người soát vé:

- Ông ơi đã tới ga Biên Hoà chưa? Tôi sẽ xuống ở ga này.

Người soát vé gằn giọng:

- Chưa tới... Nhưng vé đi xe lửa của ông đâu?

- Thưa ông, tôi không mua vé. Tôi không có tiền ...

Tôi tặc nguyện, xin ông cho tôi đi nhờ, người khiếm thị trả lời

Người soát vé dường như không quan tâm đến câu trả lời của người hành khách, nên vẫn đặt câu hỏi.

- Vậy ra từ sáng tới giờ ông lên xe mà không có vé, ông đi xe lửa lậu hả? Ông phải xuống ngay ga này đi. Vừa nói ông ta vừa đẩy người khuyết tật này ra lối cầu thang nơi cửa xe đi xuống. Từ nãy tới giờ tôi đã theo dõi mẫu chuyện giữa hai người. Tự nhiên, tôi thấy thương cảm cho hoàn cảnh của người hành khách này, nên đứng phất dậy và tiến gần lại người soát vé:

- Xin lỗi, tôi muốn biết tiền vé xe mà người đàn ông này phải trả là bao nhiêu?

- Tiền vé là ... đồng, người soát vé cho tôi hay qua ánh mắt ngạc nhiên của ông ta.

Sẵn trong ví có dư số tiền này, tôi mạnh dạn đưa trọn tiền vé xe cho người kiểm soát vé. Ngay lúc đó tôi quay sang

người đàn ông mà tôi vừa giúp đỡ:

- Thôi, chú cứ ngồi lại trên tàu cho tới ga Biên Hoà mới phải xuống, tôi đã trả tiền vé xe cho chú rồi, đừng lo.

Lúc ấy, tôi cảm thấy mặt và hai tai mình nóng bừng, vì chung quanh tôi có nhiều cặp mắt của người lớn đang nhìn tôi ngạc nhiên. Tai tôi như ù đi, nhưng tôi vẫn còn nghe được lời cảm ơn chân thật của người nghệ sĩ hát rong khiêm thị ấy.

- Xin đội ơn cô. Xin Trời Phật phủ hộ độ trì cho cô. Nếu không có cô giúp đỡ chắc chắn tôi phải xuống ở ga này.

- Chú yên tâm đi, mọi chuyện sẽ tốt đẹp thôi, tôi nói với ông ta như vậy .

Thực hiện được điều này tôi cảm thấy sung sướng ghê gớm, đầu óc nhẹ nhõm khoan khoái làm sao! Phải chăng đây cũng là tâm niệm của tôi ngay từ khi tôi được người đàn bà bán gà trên chuyến xe điện tại chợ Đồng Xuân ngày nào đã đứng trả tiền vé xe cho tôi hay chính vì lòng từ tâm và cảm thông cảnh ngộ đã khiến tôi hành động như vậy.

Trở lại câu chuyện hồi cư về thành năm 1951. Cuộc sống bắt đầu tại Hà Nội của gia đình tôi vẫn vất vả như bao giờ. Tôi rất quan tâm đến sự túng quẫn của gia đình mà bố mẹ tôi phải đối diện. Thời gian đó, những khu nhà đi thuê nơi chúng tôi ở thiếu thốn đủ mọi tiện nghi nên tôi phải đi gánh nước về cho cả nhà dùng. Tôi chưa đủ sức gánh 2 thùng sắt tây nước nên chỉ gánh được nửa thùng. Biết vậy, mẹ tôi mua cho một đôi thùng thiếc dung tích bằng nửa thùng sắt tây để không quá nặng cho tôi. Một cái đòn gánh xinh xinh vừa cho

đôi vai bé nhỏ của tôi. Tôi thích lắm, có lẽ tôi đã quen với công việc lao động này thì phải. Ngày nào cũng vậy, đi học về, tôi xắn quần lên tới háng, hí hửng quây đôi thùng ra máy nước đầu đường, xếp hàng đợi tới lượt mình. Tôi phải gánh đến mười mấy lần mới đổ đầy thùng phi lớn. Hàng xóm đôi khi cũng nhờ tôi đổ nước cho họ và trả tiền công. Cũng vì đi chân đất gánh nước nên hai gót chân của tôi bị nứt nẻ đến chảy máu về mùa lạnh chẳng khác gì hồi ở Thanh Hoá. Bố nói số tôi vất vả có lẽ cũng đúng. Tôi có anh, có chị mà không hiểu sao bao nhiêu việc nặng nhọc trong nhà như chẻ củi, gánh nước và giặt giũ áo quần tôi đều tự nguyện làm hết. Có thể thời gian cực khổ ở Thanh Hóa đã luyện tôi thành con người siêng năng, chịu đựng và lam lũ do đó tôi không nề hà làm bất cứ việc gì cho gia đình mình.

Sau hơn một năm tạm cư tại Hà Nội, bố tôi quyết định trở lại thành phố cảng Hải Phòng. Anh em chúng tôi đã bị thiệt thòi quá nhiều trong thời gian chạy loạn cùng những tháng ngày di chuyển bất định nên việc học hành bị gián đoạn, dở dang. Giờ thì tạm yên, chúng tôi bắt buộc phải tiếp tục việc sách đèn. Riêng tôi, luôn luôn ấp ủ ước mơ của mình là một ngày nào đó tôi sẽ học hành giỏi giang và đỗ đạt, để có cơ hội đỡ đần bố mẹ qua khỏi cảnh bần hàn mà hình như ông trời đã xếp đặt cho gia đình chúng tôi, nhưng... phải đợi đến ngày nào đây?

(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức")

Ỗ Nguyên

Maryland, August 2015



THIÊN THU HÔN BÓNG

Thu đi rồi thu lại về
Cùng trắng má tựa vai kề hứng hoa
Sao người còn bỏ mình ta
Tối ôm hương nhớ sáng ra khói ngày

Đau lòng gió cuốn chim bay
Run vòng tay đối tóc dài ngây thơ
Đường say ngổ tình bao giờ
Con tầm đứt ruột xác xơ không đầu

Tiền bồng chỗ cũ biết đâu
Hôn mê cung cấm bắc cầu đèn yêu
Vòng lưng đòi sớm mộng chiều
Chân trời góc bể dâu diu nhau trong

Chim quỳên nhớ trái nhãn lồng
Lia thia thương chậu mưa hồng trần ai
Tìm trầm ngậm ngải đầu thai
Thiên thu hôn bóng liêu trai câu thề

Thu đi chưa thu vội về
Cùng em má tựa vai kề bướm hoa
Sao hôm mình sao mai ta
Tối ôm gối sách sáng ra chờ ngày

MD.07/24/15

Luân Tâm

CHIỀU THU TÍM

Chiều thu tím rơi rơi muôn lá vàng,
Lòng vương vấn dang tơ sầu mênh mang.
Quê xưa làng cũ bao tình lưu luyến,
Ngày ấy chia xa mỗi duyên bể bàng.

Màu mây xám lênh đênh nơi cuối trời,
Làm sao nhắn theo mây buồn viễn khơi?
Bên cầu soi bóng, nhấp nhô làn sóng,
Mưa thu hiu hắt, gió thu toại bời.

Chiều thu đứng bên sông nghe gió về,
Lòng viễn khách tha hương buồn tái tê.
Nơi xưa, còn có ai người mong nhớ?
Tàn giấc mơ hoa đành lỗi câu thề.

Chiều thu tím nhắc chi lời ước nguyện,
Đời phiêu lãng biết đâu tìm hương duyên.
Chim trời vỗ cánh bay về xa tít,
Làm ơn cho nhắn đôi câu hàn huyên.

Chiều thu tím bơ vơ theo bước về,
Niềm thương nỗi nhớ xót xa tình quê.
Đường dài sương gió mơ cùng năm tháng
Cành thu trút lá ru hồn đê mê.

(Paris, 10/08/2015)

Nguyễn Mây Thu

CỐI VỀ BÊN EM

Như nàng tiên đẹp xinh
Diễm Hoa xuống cõi trần
Yêu thơ và mê nhạc
Hồn say bên cung đàn

Duyên không chờ mà đến
Tuyết chiều đông rộn ràng
Mưa bão hòa chung lối
Xa xuyên mộng dang tràn

Ngày lại ngày tình thắm
Hương nồng mây ngát ngây
Tóc em cài nắng ấm
Gió thì thắm niềm tây

Một ngày xuân lộng gió
Cỏ cây chợt xôn xao
Lời ngỏ rung nhịp bước
Tiếng gót giầy nôn nao

Dương cầm ngân thánh thót
Ru hồn anh lại gần
Bên em tìm bóng mát
Bản tình ca nhịp vang

Nửa đời tình chông chênh
Buồn cho kiếp phiêu bồng
Nơi đây anh dừng bước
Cối về em có trông

Thương tặng chị Diễm Hoa

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT



TUYẾT TRẮNG

Ngoài trời tuyết đã rơi
Nên thơ màu áo trắng
Khoác trên cành cây khô
Nệm dài trên cỏ úa
Cảnh đẹp tựa như mơ
Tuyết phủ trùm mái ấm
Khoác áo trắng học trò
Trên cành cây trụi lá
Cỏ đổi màu ngoài nắng
Chim đã về miền ấm
Hoa đã chào từ giã
Gió thổi ôi buốt vai
Quàng khăn lông thật ấm
Mũ len bịt hai tai
Găng tay ta phải có
Đi giầy hiking boots
Đeo bít tất lông cừu
Mặc vài ba cái áo
Chẳng quên quần dài trong
Áo lạnh đệm lông vịt
Zipper lên tận cổ
Ta sẵn sàng đón chào
Ngày tuyết rơi đầu tiên
Của mùa đông băng giá
Ta mơ ngồi xe buýt
Vận hơi sưởi độ cao
Khoan khoan ta dựa đầu
Vào chiếc ghế nệm màu
Nhắm mắt nhớ chuyện xưa
Ôn kỷ niệm khó quên
Nghĩ hoài nên liên miên
Rời thiếp đi giấc ngủ
Tuy giấc ngắn ta vui
Đây hạnh phúc nhỏ nhoi
Buổi sáng khi đi làm
Tối về ngủ nệm cao
Đắp trên mình chăn bông
Những người ở miền ấm
Tội ta chỗ tuyết băng
Nhưng nơi lạnh cũng đem
Niềm vui dưới nệm bông

Diễm Trân

Tháng giêng 2015

GIỚI THIỆU SÁCH

"NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG-1958" của tác giả Tô Bạch Tuyết

Đôi dòng giới thiệu của cô em TV,
GS Phạm thị Nhung

Cuốn **Nữ Sinh Viên Hà Nội Vượt Tuyến Qua Rừng-1958** của bà chị TV, Dược Sĩ Tô Bạch Tuyết, là một cuốn hồi ký rất hay.

Trước hết, chữ dùng giản dị, chính xác ; văn từ gãy gọn, linh hoạt và là truyện thực 100% !

Lại nữa, tác giả đặc biệt có tài kể chuyện hấp dẫn, khiến độc giả hứng thú, say mê theo dõi.

Đúng vậy, tác giả đã biết chọn lấy những tình tiết quan trọng, rồi khéo léo sắp xếp câu truyện cho thành nhiều biến cố dồn dập liên tiếp nhau một cách tự nhiên, lôi cuốn, như : Sau khi Việt Minh thắng Pháp ở mặt trận Điện Biên Phủ. Pháp rút lui khỏi Việt Nam.Theo Hiệp định Genève,từ tháng 7-1954 Việt Minh nắm quyền cai trị miền Bắc.Miền Nam thuộc quyền chính phủ Quốc Gia.Vì từng hoạt động cho Việt Minh trong « phong trào học sinh yêu nước chống Pháp », tác giả đã từ chối theo gia đình di cư vào Nam.

Chỉ sau bốn năm ở lại Hà Nội (1954-1958), thấy rõ bộ mặt thật « *độc tài, gian trá của chính quyền Cộng Sản*»,tác giả mới quyết định cùng bạn tìm người dẫn đường vượt tuyến qua ngã rừng biên giới Việt Lào, vào Nam tìm tự do.

Tuy là người lanh lợi, hoạt bát, tác giả cũng đã nhiều phen hú vía khi qua mặt được bọn Công An đang cố tình dò xét, tra hỏi vì nghi ngờ tác giả muốn vượt biên.

Suốt cuộc hành trình băng rừng, lội suối, vượt Trường Sơn... tác giả đã phải trải qua biết bao nhọc nhằn vất vả ; lại còn nhiều nỗi gian nan, nguy hiểm. Nào là những con vắt đói « *hằng hà sa số , tới tấp tấn công* », bám chặt vào chân vào mặt, vào cổ để cắn da hút máu ; nào là muỗi rừng, thú dữ hổ, báo, trăn, rắn độc rình rập; và sợ nhất là khi bị toán Công An Biên Phòng đang truy lùng người vượt tuyến bắt gặp, tạo nên biết bao trạng huống tâm lý hồi hộp, hãi hùng : « *sợ điếng người !* », « *sợ điếng hồn !* », ... « *sợ rún người !* », « *sợ tưởng đến chết ngất được !* », « *sợ toát mồ hôi* » !..

Khi đã thoát khỏi khu rừng biên giới đầy hiểm nguy ấy, tác giả và nhóm bạn còn phải lang thang nhiều ngày qua các bản Lào ăn xin , ngủ trọ ... Cuối cùng, họ đã tới được Sài Gòn và gặp lại gia đình sau hai tháng gian truân tìm về bến bờ tự do.

Tháng tư 1975, Việt Cộng lại cưỡng chiếm miền Nam, do được hai nước Cộng Sản đàn anh Nga, Tàu « *nỗ lực viện trợ khí giới tối tân, hùng hậu* ». Trong khi quân dân miền Nam bị đồng minh Mỹ bỏ rơi ! Tác giả cũng như cả triệu đồng bào miền Nam khác lại bươn bả tìm đường chạy trốn địa ngục Cộng Sản!

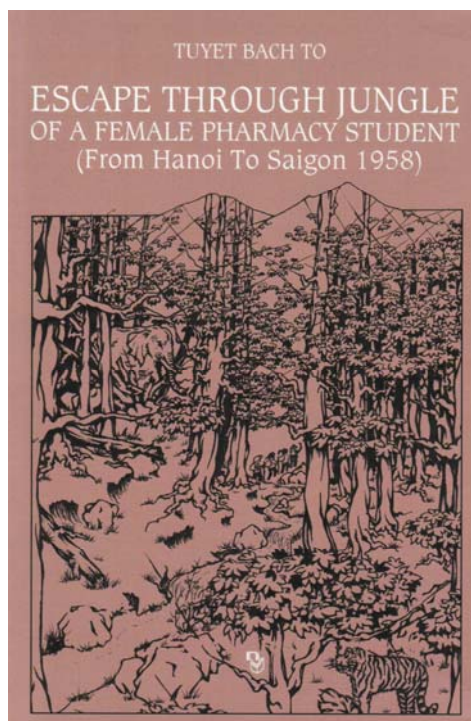
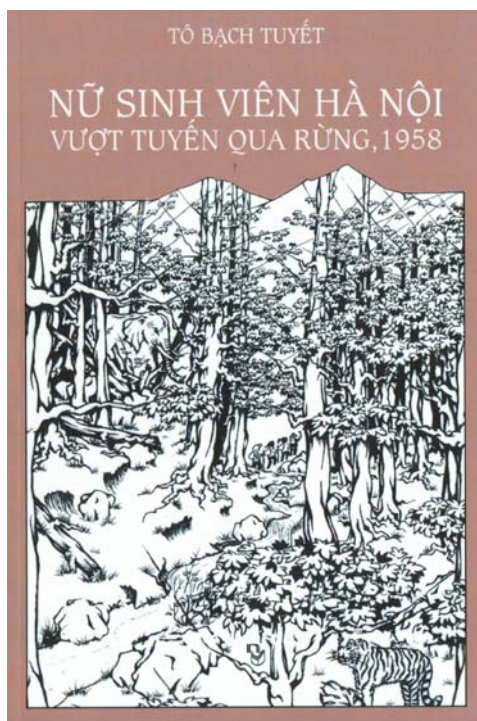
Cả hai lần ra đi tìm tự do với hai bàn tay trắng, nhưng cả hai lần tác giả đều cố gắng không ngừng để vươn lên. Vươn lên bằng cách vừa đi làm, vừa đi học lại ; nhất là lần thứ hai sang Mỹ quốc,tuy gặp nhiều khó khăn về ngoại ngữ, nhưng rồi tác giả đã thành công về vang , với danh phận Dược sĩ

Hoa Kỳ, tạo được một cuộc sống phong lưu, ổn định cho bản thân và hữu ích cho xã hội.

Tóm lại, đây là một cuốn hồi ký có giá trị lịch sử, nên có trong tủ sách của mỗi gia đình; để sau này con cháu chúng ta hiểu được lý do vì sao ông bà, cha mẹ chúng đã phải rời bỏ quê hương, sống chết tìm đường vượt biên, tái lập nghiệp tại các quốc gia tự do trên thế giới. Bởi chỉ ở những nơi đó con

người mới được hưởng không khí tự do đúng nghĩa và có hạnh phúc thực sự. Và cũng ở những nơi đó, ai có chí, có tài đều được giúp đỡ, khuyến khích để có cơ hội phát triển, thi thố tài năng, góp công quả vào việc thăng tiến bản thân, gia đình và xã hội.

PHẠM THỊ NHUNG
(Paris)



Cô Thom nhận được Hồi Ký
"NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG, 1958",
được nhuận sắc và tái bản của Nhà văn Tô Bạch Tuyết. Sách dày 280 trang, giá \$15 Mỹ kim.
Và, bản dịch bởi Hoang Dinh To,
ESCAPE THROUGH JUNGLE OF A FEMALE PHARMACY STUDENT.
Xin trân trọng cảm ơn tác giả và xin giới thiệu cùng độc giả.

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CHIỀU THƠ - NHẠC ĐỖ BÌNH & PHẠM ĐĂNG

Buổi sinh hoạt văn học nghệ thuật Chiều Thơ - Nhạc Đỗ Bình & Phạm Đăng với chủ đề Tác Phẩm và Tác Giả được tổ chức ngày 04/10/2015 tại Studio Raspail số 216 đường Raspail, Paris quận 14. Khách mời là những khuôn mặt quen thuộc trong sinh hoạt cộng đồng của người Việt Nam tại Pháp có khoảng 200 người.

Chương trình bắt đầu vào lúc 14 giờ. Trưởng ban tổ chức, Chủ tịch CLB VHVN Paris nói lời cảm ơn cùng quan khách: *"Sự hiện diện của quý vị là một niềm khích lệ lớn lao cho sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng tôi"*, đồng thời nhạc sĩ Phạm Đăng cũng phát biểu: *"Chúng tôi xin cảm ơn sự hiện diện của CLB VHVN Paris cùng các văn nghệ sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, bạn bè thân hữu và các chuyên viên kỹ thuật đã vui lòng tham gia, đồng tâm góp sức để cho buổi sinh hoạt hôm nay được hoàn thành. Có những vị đến từ xa như đôi bạn nhạc sĩ Hoàng Hoa đến từ Venice (Ý), và ca sĩ Thụy Uyển đến từ Hannover (Đức).v.v."*

Mở đầu chương trình, Đỗ Bình giới thiệu đôi nét về nhạc sĩ Đào Tuấn Ngọc (ĐTN): *"Cách đây 20 năm ở trên những sân khấu của Paris, nhạc sĩ ĐTN là một khuôn mặt*



nổi tiếng vì đã cùng những anh em khác đóng góp trong nhiều chương trình VHNT. Ông là người sáng tác rất sớm từ đầu thập niên 60 và khuynh hướng sáng tác là nhạc bán cổ điển. Ông chơi thuần thạo đàn violoncelle và piano. ĐTN là một khuôn mặt đa tài và là đàn anh chúng tôi, do đó chúng tôi mời nhạc sĩ ĐTN".

Tiếp theo lời của Đỗ Bình, Nhạc sĩ Đào Tuấn Ngọc cho biết:

" Sinh hoạt này không phải là để khoe khoang những tác phẩm của những nhạc sĩ, những nghệ sĩ tài tử. Tài tử không có nghĩa là kém, nhà nghề chưa chắc đã là giỏi. Tôi chỉ nhìn khía cạnh là con người có đem tài năng mình ra phục vụ tập thể cho quê hương, còn nhớ đến quê hương xa xưa hay không... Thưa quý vị, thơ hay mà không được phổ nhạc thì cũng nằm im trong sách, một bài thơ rất quen thuộc. Thơ tình của Việt Nam ai hơn Huy Cận, ai hơn Đinh Hùng? Nhưng nếu không được phổ nhạc hoặc phổ nhạc dở thì bài thơ bị hại, phổ nhạc hay thì tốt cho bài thơ, không có nhiều người có tài phổ như bài của Huy Cận, như bài của Đinh Hùng: Ngâm Ngùi, Chiều Tím, Mộng Dưới Hoa... Nói tóm lại, hôm nay chúng ta gặp những nhạc sĩ tài tử phổ một ít nhạc của bài thơ, vì thế phải nói là thơ hay mà không được phổ nhạc thì chỉ nằm im trong sách ở thư viện, nhạc hay mà không được lời hay như thơ hoặc là thơ và lời thì cũng bớt giá trị, nhưng như thế cũng chưa đủ, cần phải có người diễn tả hay, có người

yêu nhạc và hát với tất cả tâm hồn mình... ". Sau đó Nhạc sĩ ĐTN lần lượt giới thiệu các nhạc sĩ thân hữu đến tham dự.

Chương trình được chia làm ba phần. Phần một giới thiệu thơ nhạc của Đỗ Bình và các ca khúc của Nhạc sĩ Phạm Đăng. Phần hai giới thiệu các nhạc phẩm của các nhạc sĩ thân hữu: Đào Tuấn Ngọc, Hoàng Hoa, Nguyễn Minh Châu, Văn Tấn Phước. Phần ba: Nhạc thánh phòng.

Phần thơ nhạc của Thi Nhạc sĩ Đỗ Bình (ĐB) được MC Dương Minh Châu giới thiệu: "*Tác phẩm của DB thì rất dồi dào, phong phú và đa dạng. Tiêu biểu trong bài **Hồn Thơ** có mấy câu: Suong mai vương kiếp bụi trần, Long lanh trong nắng hóa trần châu ngời. Phù du một thoáng chơi vơi, Vỡ ra trăm mảnh chấp lời thơ bay. Thơ của Đỗ Bình thường viết về quê hương, tình mẹ, tình phu thê và một số bài về tình yêu lứa đôi. Trong thơ Đỗ Bình dùng nhiều ẩn dụ, hoán dụ, Trăng trong thơ là lý tưởng. Em trong thơ là quê hương, là người tình. Đỗ Bình đã mượn tình yêu đôi lứa để nói lên một quê hương đã xa cách mà hơn 60 năm chưa trở về Hà Nội và gần 40 năm chưa trở lại Sài Gòn...*". Với tiếng đàn dương cầm của Đỗ Bình, đàn tranh của Gs Nguyễn Thanh Vân và GsTs âm nhạc Quỳnh Hạnh, họa sĩ Nguyễn Đức Tăng bắt đầu chương trình, diễn ngâm bài thơ **Tình Muôn Thuở**:

*"Em là giọt nắng lung linh,
Từ muôn kiếp trước tái sinh kiếp này,
Thành hoa tỏa ngát hương say.
Đời thơm dáng lụa ta ngậy ngát hồn.
Biển xanh loáng ánh hoàng hôn.
Em về gót nhẹ phố xôn xao mừng..."*. Bài thơ này đã được nhạc sĩ Minh Sơn phổ nhạc và đưa vào



CD của ông mang chủ đề "Tình Muôn Thuở". Tiếp theo, nghệ sĩ Thúy Hằng diễn ngâm bài thơ **Chỉ Yêu Cuộc Tình** mà cố Nhạc sĩ Trịnh Hưng đã phổ nhạc và đưa vào CD tuyển của ông mang chủ đề "Tôi Yêu". Ca khúc này đã được phổ biến rộng rãi ở Âu Châu và rất được giới thường ngoạn âm nhạc của Paris yêu thích. Sau đó, Đỗ Bình diễn ngâm bài thơ **Xuân Quê** và phụ đệm đàn dương cầm hòa cùng hai giáo sư Quỳnh Hạnh và Nguyễn Thanh Vân. Thơ của DB cũng đã được nhiều nhạc sĩ đem phổ nhạc. Các nhạc phẩm phổ thơ Đỗ Bình tiêu biểu được liên tiếp trình bày chiều nay là bài **Xuân Muộn** được nhạc sĩ ĐTN phổ nhạc, chính tác giả ĐTN đệm dương cầm và ca sĩ Ngọc Ánh trình bày; bài **Khách Quê** thơ Đỗ Bình, Phạm Đăng phổ nhạc được trình bày qua tiếng hát thật truyền cảm của ca sĩ Tuyết Dung với phần phụ đệm đàn synthe của nhạc sĩ Phạm Đăng. Tiếng nhạc và lời thơ hòa vào nhau sâu lắng, buồn man mác, thấm đẫm vào lòng khách thường ngoạn: "*Đứng giữa trời quê mà thấy lạ. Phải chăng hồn nước đã bay xa. Người quen lối cũ bao kỷ niệm. Chẳng lẽ thời gian cũng*

xóa nhòa. Tháng chín bên này hoa tím nụ. Nhụy tàn ta cảm kiếp phù du. Cứu Long bến nhạt màu nhưng nhớ. Viễn khách đò xưa bóng khuất mù." Nhà thơ Đỗ Bình mặc dù chưa từng một lần trở về thăm lại quê hương nhưng đã miên man nỗi buồn cảm hoài những đổi thay mất mát nơi quê nhà. Sau đó là bài **Tuyết Trắng Chiều Đông**. Đây là bài thơ mang sắc thái trữ tình lãng mạn của Đỗ Bình, nhạc sĩ Phạm Đăng phổ nhạc, hôm nay ca khúc được chính tác giả PD trình bày cùng đệm đàn piano: "*Tuyết rơi trắng chiều đông. Đường hôm xưa thêm mộng. Phố vắng bóng tuyết bay. Lạnh không em nụ hồng? Khói thuốc vòng mỏng manh, Ta nghe hồn thấm lạnh! Làm sao em níu hết, Dòng thời gian trôi nhanh?! Như đóa tình rục rở, Em cứ say trong mơ. Ánh tà nghiêng mắt biếc, Vãn cho đời hương thơ. Nếp vào vai tựa nhau, Mặc tháng ngày qua mau. Cảm tay còn hạnh phúc, Cõi tình muôn sắc màu*".



Tiếp theo là các ca khúc của nhạc sĩ Phạm Đăng (PD) được MC Hồng Diệp giới thiệu: "*Nét đặc biệt là PD mê nhạc, mê đàn, đó là cái mê tối quan trọng, đi đâu mà PD thấy có một cây đàn nằm một góc bờ vờ đâu đó thì anh vội vàng ghé đến để bầu bạn cùng cây đàn rồi bỏ rơi chúng ta...*". Các nhạc phẩm được trình bày tiếp nối bằng giọng hát trong thanh, cao vút của ca sĩ Kim Dung với bài **Dòng Thời Gian**

cùng tiếng đàn đệm dương cầm của PD. Giọng hát trầm ấm của ca sĩ Hồng Thu với bài **Nhạc chiều**, đàn synthé của PD. Sau đó là các ca khúc **Một đời phiêu lãng** do ca sĩ Minh Phượng trình bày, đàn synthé của PD; **Chiếc lá cuối mùa**, ca sĩ Thúy Hảo trình bày; **Một thoáng hương phai**, ca sĩ Tuyết Dung trình bày nhạc sĩ PD đệm đàn synthé.

Chương trình phần hai, giới thiệu các nhạc sĩ thân hữu. Tác giả Đào Tuấn Ngọc đệm dương cầm, ca khúc **Tiếng Đàn Piano** do nhạc sĩ Phạm Đăng trình bày và ca sĩ Ngọc Ánh giọng hát cao vút với bài **Lá Thu**: "*Mùa về lá rơi, êm đềm lá rơi xa vời, ai bước đi tiếng như heo may đón chờ đời phiêu du bạt gió thu về chợt thấy cô liêu...lá rơi rơi, lá rơi rơi... trên lối đi ngấp lá bàng khuâng thu gieo ý sâu, lòng thâm riêng ngát ngây đêm nào nghe hồn lá rơi*".

Tiếp theo, nhạc sĩ Nguyễn Hoàng dẫn lời giới thiệu cho nhạc sĩ Hoàng Hoa với gương mặt khả ái, tự đệm đàn guitare và trình bày các nhạc phẩm của mình: **Bài Thu Ca Vô Tận**, thơ Huy Giang, nhạc HH; **Ta Tiễn Mình Về**, thơ Trần Hoan Trinh, nhạc HH; **Vấn Vương**, thơ Anh Tuấn, nhạc HH; Rồi bỗng dưng có ai nghe mà không khỏi rung rung giọt lệ với bài **Vòng Hoa Biển Mẹ**, thơ Vũ Hối, nhạc Nguyễn Hoàng: "*Có một chiều mình tôi ra biển gục mặt vào biển mặn, mắt cúi đầu khẽ lạy những người thương. Than ôi độ ấy ra đi thành vĩnh biệt. Thôi một*

lạ này xin kính cẩn dâng người... ", sau đó là bài **Bức Thư Tình Sơ Cổ Nhất**, thơ Nguyễn Thùy, nhạc Nguyễn Hoàng.

Các nhạc phẩm của nhạc sĩ Nguyễn Minh Châu được giới thiệu kế tiếp. Ca khúc **Dù Xuân Vẫn Long Lanh**, lời Khảo Mai, PĐ trình bày, ĐTN đệm đàn; **Gửi Nhau Lời Quan Họ**, thơ Phương Viên, ca sĩ Tuyết Dung trình bày; **Mơ Trong Tay Nhìn Chiều Rơi**, lời Khảo Mai, ca sĩ Thụy Uyên đến từ Hannover (Đức) trình bày;



Tình Tàn Trong Tay, lời Tristesse, ca sĩ Usha trình bày.

Nhạc sĩ Văn Tấn Phước cùng tiếng đàn synthé của bào đệ Văn Tấn Sỹ làm sôi động không gian âm cúng của buổi chiều thơ nhạc với bài **Paris Paris**: "Trăm năm tháp Eiffel, Soi mình bên sông Seine; Quanh năm du khách đua chen, Dập dìu trông, ngắm, xem; Paris đếm bước chân em, Trên đường phố Latin; Paris hong tóc em, quán café Saint Germain...". Các bài thơ phổ nhạc: Liên khúc **Buồn Đêm Mưa**, thơ Huy Cận; **Tình Quê**, thơ Hàn Mặc Tử; **Ngập Ngừng**, thơ Hồ Dzếnh và ca khúc **Hình Ảnh Mẹ Quê** nhạc và lời của nhạc sĩ Văn Tấn Phước cũng được trình bày tiếp theo.

Chương trình phần ba gồm những bài nhạc thính phòng quen thuộc và nổi tiếng của một thời được các ca sĩ hiện diện trong buổi hôm nay lần lượt trình bày: **Dòng Sông Xanh** của Johan Strauss Jr, lời Việt của Phạm Duy với ca sĩ Ngọc Ánh; **Thiên Thai** của Văn Cao, ca sĩ Kim Thu; **Đường Nào Lên Thiên Thai** của Hoàng Nguyên, MC Hồng Điệp; Mai Anh với bản nhạc ngoại quốc **All Of Me**; **Tình Xa** của Trịnh Công Sơn, nghệ sĩ Thúy Hằng trình bày; **Kiếp Nào Có Yêu Nhau** của Phạm Duy với ca sĩ Tuyết Dung; **Rồi Đây Anh Sẽ Đưa Em Về** của Phạm Duy, nhạc sĩ Khắc Dũng đệm đàn guitare và trình bày; **Biển cạn** của Nguyễn Kim Tuấn, ca sĩ Thụy Uyên trình bày; **Lá Đỏ Muôn Chiều** của Đoàn Chuẩn-Từ Linh, ca sĩ Usha trình bày.

Ánh đèn sân khấu xanh, trắng, đỏ, tím, vàng, lấp lánh xoay chung quanh những màu áo lóng lánh kim tuyến đẹp rực rỡ và khói mây cuộn tròn rồi tán mát lan ra khắp nơi cho đến khi không biết phải là mây là khói hay là sương, lung linh huyền ảo. Không gian đó luôn luôn hấp dẫn, quyến rũ tâm lòng đam mê nghệ thuật của những người nghệ sĩ. Nhưng với thời gian hạn hẹp, một số nhạc phẩm của phần nhạc thính phòng chưa được trình bày tiếp theo như dự định, đành phải trả ánh đèn lại cho sân khấu, khép bức màn nhung và hẹn gặp nhau vào một dịp sinh hoạt khác.

Chương trình kết thúc vào khoảng 18 giờ.

Nguyễn Mây Thu

(Paris, 12-10-2015)

Nhân Độc Một Tập Thơ

NGUYỄN PHÚ LONG

Cách nay khoảng thời gian chưa xa, qua đường bưu điện, tôi đã bất ngờ và vui mừng nhận được một tập thơ của người bạn mới quen biết: Hoa Văn. Tập thơ dày gần 300 trang, nhan đề “Cõi Thơ Ta Ở Một Đời” bìa màu xanh xám trang nhã, mới in cuối năm ngoái, 2014, gồm có:

25 bài thơ lục bát trước 1975 (Anh Hoa),

155 bài thơ lục bát sáng tác tại hải ngoại (Hoa Văn)

30 bài thuộc các thể thơ khác để đọc thêm.

Tôi đã báo tin và cảm ơn tác giả rồi. Nay xin lan man nói tiếp, nhân vừa đọc xong cuốn sách ấy, tưởng cũng chẳng phải là chuyện không nên.

Hoa Văn mới mang va-ly đến cư ngụ tại Richmond Va. Tôi thì ở đây đã bốn mươi mùa Thu lá rụng. Dù có lang bạt ở tiểu bang khác mấy năm lý do vì cơm áo. Richmond chẳng lạnh như Boston, không nóng như Texas chẳng ngại động đất như Cali, không nhiều mưa bão như FL Mà lại cũng gần thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Đất lành chim đậu, “Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về”. Bèn có thơ rằng:

Anh về thả bộ dọc dài

Nhiều cây sồi đứng chào hai bên đường

Cuộc đời lặn lội tha phương

Ngập ngừng lối cũ, vắn vưng chan hòa.

Anh về dogwood trở hoa

Tường chùm bông xứ, là đà cụm mây
Bồi hồi thấp thoáng đầu đây
Dấu chân lẳng đặng, tháng ngày xa xưa...

Rừng Sồi Virginia

Trong tập **Biết Bao Nhiêu Tình 2001**

Chúng tôi, lần đầu tiên gặp nhau khoảng mùa hè trong ngày họp mặt của hội Cựu Quân Nhân ở nhà hàng Nan King giữa lòng thành phố. Hội Cựu Quân Nhân Richmond VA mới thành lập hơn một năm, nhân số khoảng mười lăm người nhưng có thêm hơn hai chục em, cả trai và gái người Việt đang thụ huấn lớp quân sự ở học đường mặc quân phục Biệt Động Quân đến tham dự, cộng với các vị chức sắc tôn giáo, hội đoàn, quan khách, với nhạc sống do Thái Ninh và HoàngTiếp...nên tổng số hôm họp mặt lên đến trăm sáu chục người, đối với nơi coi như tỉnh lẻ, được như thế là rất đông vui.

Cũng xin nói thêm ở đây, như ai nấy đều biết, hiện thời, quân đội Việt Nam Cộng Hòa không còn là một thực thể nữa, những cựu quân nhân dần dần vì định luật khe khắt của thời gian sẽ mai một đi, bốn mươi năm còn gì! Nhưng ngay bây giờ “Anh chưa chết đâu em” những người đã cảm sủng không chấp nhận Cộng Sản, đã đem thân bảo vệ, no ấm, tự do hạnh phúc cho quê hương một thời,

nay gặp nhau, chúng tôi tụ tập thành hội đoàn, qua lại, sinh hoạt vì không nở ngoảnh mặt coi nhau như người xa lạ.

Mở sách thấy “Đôi dòng về tác giả” tôi hơi ngạc nhiên, thế ra Hoa Văn chính là Anh Hoa? Nói theo kiểu văn chương kiếm hiệp Tàu thì như thế là, đại khái, cùng trong giới giang hồ, đứng trước ngọn núi Thái Sơn, kẻ phạm phu tục tử có mắt như mù thật đáng trị tội!

Rồi lại tự bào chữa ngay, trời đất bao la, đường đời muôn vạn nẻo, cơn gió nào đã đưa người ấy tới đây? Mà tiên sinh cũng chỉ vừa xuất hiện ở “Virginia is for lover” ít lâu. Mới lại, trước, là Anh Hoa thỉnh thoảng tôi có thấy trên báo chí nay trong sách thành Hoa Văn. Cái tuổi cỡ tôi bây giờ lụm cùm, lóng ngóng, nhớ trước quên sau, làm sao thông suốt được. Thôi, Anh Hoa đẹp mà Hoa Văn cũng rất đẹp.

Hoa Văn nguyên là sĩ quan QLVNCH, cựu tù cải tạo, có tác phẩm văn chương in trước 1975 hiện là hội viên của một trung tâm Văn Bút Việt Nam hải ngoại.

Lại nhớ trong tác phẩm đầu tay “Bay Về Đâu Đó Ở Quê Hương” do nữ sĩ Khánh Hà thực hiện và xuất bản, mùa Thu 1992 ở CA, thơ Trần Văn Lệ, tác giả cũng ký với nhiều bút hiệu khác nhau dưới từng bài thơ như Trần Văn Lệ, Trần Trung Tá, Hà Giáng Kiều, Hà M. Nhân, Lê Hà Vân Trần Tú Uyên... Theo tôi, làm văn chương, thành thực phải nói, dù là tài tử hay chuyên nghiệp, mục đích còn mong là phổ biến cái danh thơm của

minh, nhiều tên quá thì khó đánh bóng, nêu cao, lan rộng, lâu bền.

Riêng tôi, tôi hãnh diện, muốn chỉ dùng tên cha mẹ ban cho để làm bút hiệu thôi, ấy thế mà về sau cực chẳng đã cũng phải dùng thêm tên Lương Quân, để ký dưới một vài bài viết, lý do đã giải thích trong cuốn tùy bút Dấu Chân Kỷ Niệm trình làng hồi cuối tháng 3 năm 2015. Thế thì một tác giả lấy nhiều bút hiệu, nói chung, hẳn phải có nguyên nhân. Minh là kẻ bàng quan chả nên thắc mắc.

Nâng niu trang trọng cầm cuốn thơ trên tay, lật mấy trang mà như đã thấy rõ cả tấm long nhiệt tình của tác giả. Chuyện thực hiện một công trình nào thì cũng nhiều vất vả. Bây giờ nói riêng về văn chương Việt Nam đây, mấy người lớn tuổi thì vẫn một lòng quý trọng nhưng vì hoàn cảnh mưu sinh, cách biệt khó có cơ hội tiếp cận. Thanh thiếu niên thì xa dần. Như thế chắc chỉ còn ít người nhớ câu “Tù Chu Hán vốn sĩ này là quý”.

Xuất bản một cuốn sách như Hoa Văn từ A đến Z mấy ai hiểu hết những nỗi khó khăn vô cùng về cả vật chất lẫn tinh thần? Rồi dù chỉ để gần như “cho không biếu không” chứ thực tế có mong thu được lợi lộc nào đâu! Nhiều khi biết là thiệt thòi, tốn thêm công sức gửi thư mà gặp mấy vị độc giả đấng trí, quen, chẳng thèm hồi báo, cứ lặng lẽ như không có chuyện gì xảy ra cũng hơi buồn, đành tự an ủi bằng cách đọc hai câu thơ của Tân Đà “Khôn nơi cờ bạc là khôn dại, Dại chốn văn chương ấy dại khôn.”

Nhưng trong tình trạng này cũng nên suy nghĩ rằng liệu rồi sẽ kéo dài chuyện “dại khôn khôn dại “ được đến bao giờ, trong khi ta thấy rõ ràng, ngày ngày, dần dần con số độc giả đọc Việt Văn cứ ít đi mặc dù còn một vài tờ báo, nguyệt san, hội thơ thiết tha cố động bảo tồn văn hóa quê hương.

Đến đây, thôi xin để nói sang chuyện khác cho vui, Khánh Hà, vừa nhắc tới đoạn trên, ở San José là người rất yêu thơ, có giọng ngâm thiên phú tuyệt vời, hồi trung tuần tháng 7/2015 mới qua, đã ra mắt CD ngâm thơ “Về Nhánh Sông Gầy Soi Bóng Ta” trong một thư viện của thành phố, chương trình phong phú, nào là đàn, hát, xôi, chè, giò, chả, diễn văn... nội dung CD có thơ Vũ Hối, Huệ Thu, Nguyễn Bá Trạc và hân hạnh cả người viết này!

Tôi ở xa chẳng thể tham dự được, về sau bạn bè và Khánh Hà gửi cho mấy đĩa nghe rồi gõ mail đa tạ, khen nức nở, cả hai bên cùng hỷ hả vui lòng.

Ở đoạn trên tôi ghi nhận:”vừa đọc xong cuốn sách ấy” thực sự là đọc hết rồi, nhưng chưa kỹ lắm. Nay mở ra xem lại một vài trang. Thuở xưa quan lớn trạng nguyên thả ngựa lòng vòng thám hoa nơi vườn thượng uyển cũng chỉ qua loa thôi. Thì bây giờ “ Đọc thơ như du hành vừa đi vừa chơi, phải đọc chậm, thư thả, I.A. Richards có lần nói, bốn bài thơ để đọc trong một tuần là quá nhiều.” (Nguyễn Hưng Quốc, Thơ V,V và V.V...trang 136).

Thứ nữa, xin cứ tưởng tượng coi, phần lớn toàn là lục bát thôi, đối với tôi thì đọc càng nhiều lục bát tôi càng say mê, nhưng phải rất nhẩn nha, cẩn thận thì mới thưởng thức hết được vì đó là loại thơ hoàn toàn của Việt Nam, bóng bẩy, trữ tình và du dương vô cùng. Trước đây khoảng hơn hai mươi năm hồi tháng 11-1994 nữ sĩ Thanh Hiền cũng đã xuất bản tập thơ lục bát trường thiên dài 278 bài. Tôi đã đọc nhiều lần vẫn nhớ mãi. Hoa Văn chắc có quen biết, liên hệ nên mới viết bài “Độc Biên Sâu” của người Đẹp Florida (Cõi Thơ.. trang 68)

Còn phần cuối “30 bài thơ thuộc các thể thơ khác để đọc thêm,” thiên nghĩ cũng rất đa dạng, hấp dẫn. Với nhiều bài thơ tám chữ, dài mười một, hay mười hai tứ cú phân đoạn như bài Cứ Vui Cho Hết Cuộc Đời Này (trang 177), xem qua ta có cảm tưởng như tác giả vừa bước ra khỏi chỗ gò bó, khuôn sáo chật hẹp với những đề mục cũ. Mà tự do, cảm hứng, phát biểu nhiệt tình, buông thả, thoải mái như thể “quảng gánh mực thước đi mà vẩy vũng cho thoải mái”.

Từ đời nhà Trần, Phạm Sư Mạnh khoe là người Việt Nam vốn giỏi văn thơ “Nam triều nhân vật tổng năng văn”. Đúng thế! Là người Việt Nam ai chẳng từng có lần nổi hứng làm đôi ba dòng thơ. Nhưng muốn thế cũng cần phải để ý, học hỏi chứ tự nhiên không rành rẽ đầu đuôi được. Không ai sáng sớm thức dậy tự nhiên thấy mình là thi sĩ.

“Đi một ngày đàng học một sàng khôn.” Sự học là rất quan trọng, là cho tất

cả mọi người, trong mọi trường hợp, đọc thơ cũng có thể học. Nhưng thường là độc giả tự học khi bắt gặp ngẫu nhiên, tình cờ thôi.

Mẹ tôi hiện ở Sài Gòn, 97 tuổi, hồi xa xưa cũng thích xem tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn, từng làm thơ lục bát cách thiên bậm, có lần tôi được đọc nên khen cho cụ vui. Tôi nói. Mẹ làm thơ hay quá toàn bài dài tới 12 câu mà dùng chính vận chứ chẳng cần tới thông vận. Mẹ tôi như khỏe hẳn ra, nhanh hẳn lên, mắt sáng ngời... rồi hỏi, chính vận và thông vận là thế nào? Khi biết rồi, mẹ cho ý kiến thích chính vận hơn.

Tôi cười, mẹ ơi, thông vận là hơi gượng ép, có lẽ không ai thích thông vận cả, nhưng đến như cụ Tiên Điền Nguyễn Du cũng không tránh dùng thông vận được. Mẹ tôi đã tình cờ có một bài học, và để thí dụ, tôi bèn nhắc lại hai câu Kiều lấy mà phó tổng thống Mỹ mới đọc gần đây trong một bữa tiệc nghe nói thực khách áng chừng hai trăm năm chục người. Ông Biden đọc hai câu này sau tôi xa.

Trời còn để có hôm nay

Tan sương đầu ngõ. Vén mây cuối trời.

Còn trong cuốn Sơ Lược Về Thể Thơ Lục Bát của Nguyễn Văn Hải in lần thứ hai ở DC năm 1994 có thâu gọn cách làm lục bát trong mấy câu... lục bát. Làm thế là để độc giả dễ nhớ phần nào cho vui. Song, ai cũng biết “kiến thức” về lục bát như vậy chưa đủ đâu, trong sách ấy còn nhiều lắm, tuy nhiên nhân tiện xin cứ ghi lại để tùy nghi:

Bình hai, sáu, tám. Trắc tư

Phải lo giữ trọn kỳ dư mặc tình

Bằng không giữ được cho tình

Hai trắc, bốn bình thế lại càng xuôi.

Tập “Cõi thơ..” chắc có nhiều bài mang nhạc tính nên đã được mấy nhạc sĩ phổ thành ca khúc, do đó nơi dưới nhan đề vài bài thơ thấy giới thiệu giản dị “phổ nhạc:Truyền Lê”(trang 83) ; hay “phổ nhạc:Phan Vũ Kiên Thanh”(trang 157) thế thôi! Mà thôi thế cũng đủ. Vì nói cho ngay, tôi chẳng biết gì về bộ môn này, chỉ xin bày tỏ thêm một điều là nhờ phổ nhạc chắc chắn sẽ giúp bài thơ bay bổng cao hơn. Phổ biến rộng hơn.

Bỗng nhiên sự nhớ mẩu chuyện kỷ niệm đã hơi cũ, chẳng là vì tôi cũng làm thơ. “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi”. Bạn bè có người viết nhạc, họ phổ thơ tôi rồi chép gửi cho tôi kèm câu hỏi: “ được không?” Tôi vui mừng rồi thú thực, nào biết gì đâu! Và chờ cả tháng, đến khi có ca sĩ hát, có youtube mới giới thiệu bạn bè, thân thuộc gọi là..mời thưởng thức! Thật hãnh diện. Nhân tiện đây xin cảm ơn anh Nguyễn Tất Vịnh và chị Nguyễn Kim Hồng, ông bà ở Nashville cứ tối ngày ngồi viết nhạc và làm pps quanh quẩn bên nhau, vậy là hạnh phúc quá dzồi!

“Tôi phải thú thực”nghĩa là nhìn vào giấy ký âm thấy những nốt đen trắng, cao thấp gài trên năm thang nhạc tưởng như đàn chim nhỏ đậu trên dây điện bên đường cái quan, vào mùa Thu gió hiu hiu thật đẹp thế thôi, chứ thông hiểu thì giới hạn. Rất giới hạn. Thực sự là tôi chẳng phải đến nỗi giống kẻ nghe nhạc như “đàn gảy tai trâu.” Thấy người khác trình

bây thì vẫn lãnh hội được phần nào, vẫn biết, phân biệt vài giọng ca vượt thời gian, không gian, cũng rõ vài giọng ca sến chỉ một thời. Sự hiểu biết đó cũng phổ thông với rất nhiều người.

Thơ, nhạc và cả họa nữa, là ba bộ môn “đi” với nhau rất hài hòa. Ngành này hỗ trợ ngành kia đắc lực. Ở Sài Gòn, trên vỉa hè đường Nguyễn Huệ, thuở xưa, thường thấy mấy sạp bày bán từng bản nhạc rời, bản nào bản nấy với bức hình màu sắc bên ngoài quyến rũ.

Mới đây tôi đến thăm ông bạn, cũng chợt thấy cái lọ độc bình xứ Giang Tây, to, cao xấp xỉ đầu người, màu xanh lơ nhạt trên vẽ nhiều chim se se với hai câu tuyệt bút chung ở góc phòng khách... Ông bạn lấy làm hãnh diện, giới thiệu. Đó là từ bức tranh 101 con chim se se với 101 thế đứng, thế lượn... đặc thù không giống nhau của một họa sư Trung Hoa cổ, sau một thi nhân đi ngang qua cảm đề hai câu thất ngôn bất hủ nói lên đủ 101 chú chim “Nhất chích, nhất chích hựu nhất chích, Tam tứ, ngũ lục, thất bát chích.”

Về mặt ý kiến của các vị thức giả được xem qua tập thơ này rồi, thì vài câu phát biểu đặc biệt đã được Hoa Văn cho ghi thật trang trọng nơi bìa sau. Tôi đồng ý với thi sĩ Cao Mỵ Nhân khi bà viết “Thơ lục bát của Hoa Văn mang bản sắc riêng ngay từ ý tứ và lời lẽ của nó.” Tôi đọc đi đọc lại lời nhận xét này và thấy rất đúng.

Thơ Hoa Văn nói chung và trong thời gian sáng tác tại nơi hải ngoại nói riêng thường lấy cảm hứng từ những tiết mục làm độc giả phải suy nghĩ, hướng nhiều

về trừu tượng với các từ ngữ cô đọng, các tên bài thơ như Nhân Sinh, Chữ Tâm, Nhân Gian, Thế Tục, Cội Tâm, Tạ Ôn Đài, Đam Mê... Tôi nghĩ, cũng nhiều người đồng ý, là, những đề tài này hơi trí thức, thiếu tươi mát, dí dỏm, trẻ trung.

Đối với tôi, thì chọn lựa những đầu bài như thế cũng khó diễn tả trình bày cho suôn sẻ. Người viết phải có sự hiểu biết nhiều, phải rành nghĩa chữ nói chung, phải bố cục chặt chẽ, thêm ít ví von giống cái này, tựa như cái nọ thì mới mong viết ra cách thành công, mới diễn tả được mục đích mình muốn giới thiệu để kẻ khác hình dung, thông cảm.

Theo tôi, cái mà người khác mong đợi mình nói ra thì đôi khi họ cũng rõ rồi, song, không biết dùng ngôn từ diễn tả làm sao thôi, thế mà Hoa Văn nói ra được, thể hiện ngon lành thành bài thơ được, vậy cũng tài tình!

Đến đây thật là vô cùng thiếu xót nếu tôi không trân trọng đề cập đến chữ tình trong thơ Hoa Văn. Cũng như tất cả phần lớn những nhà thơ khác, thơ Hoa Văn rất trữ tình, tình quê hương, yêu nước dút khoát dù nằm trong trại cải tạo nhiều năm “Tôi yêu mãi lá cờ vàng”(trang 47); “Ta không hòa giải-chẳng cần” (trang 49) nhưng quan trọng, ít người sánh được là khối tình Hoa Văn dành cho người bạn đời vừa quá vắng. Ngoài bức hình trang trọng hai ông bà chiếm trọn một trang ngay đầu sách, rải rác ta còn thấy được hơn sáu bài thơ cho “người bạn trăm năm”

Tôi cũng mạo muội bày tỏ thêm, khi muốn làm bài thơ Đường luật kể luôn thơ

xướng họa, ngồi trong thư phòng, kê sách quý vầy nghệt bốn bức tường, đối với các vị rành về luật lệ, cứ trầm ngâm suy nghĩ, thời gian lâu mau rồi cũng hoàn tất một áng văn chương, nhưng mặt khác cũng xin nói rõ : Am tường luật lệ thơ phú không phải là điều kiện cần và đủ để trở thành thi sĩ.

Phương diện khác, thơ lục bát thì thật là đặc biệt. Chẳng hy vọng khi ngồi cầm bút trước tờ giấy trắng mà mong mọi văn chương văn điệu ghé tới, mà nắm bắt được, mà viết ra được. Ý thơ, hồn thơ, văn thơ nó thường đến như làn gió mát lãnh đăng lửng lơ, nhẹ nhàng, mong manh như tơ trời, không ngờ, không chờ đợi và từ đó mới viết ngay, ghi vội ra rồi sau mới thôi xao, o bé, cắt tia, thêm thắt gọn ghẽ để tạo thành một tác phẩm.

Điểm này là do kinh nghiệm bản thân, cũng là có người bạn, tác giả tập thơ “Đối Diện Niềm Vui”, tâm sự với tôi nhân lúc trà dư tửu hậu “đêm đêm đôi khi đang nằm thao thức trong bóng tối, chợt thấy như có hai câu lục bát thoang thoảng bên tai, phải vội vã ngồi bật dậy, “thắp đèn lên”, xỏ chân vào guốc, tới bàn, viết xuống ngay, kéo quên!”.

Kho tàng ca dao Việt Nam chắc cũng được lớp thi sĩ bình dân vô danh sáng tác trong các môi trường tình cờ phối phối giữa cảnh thiên nhiên mây nước quê hương, hoặc trong lúc giao tiếp qua lại tình tứ với nhau...

Như thế, bài thơ lục bát thường chẳng dài. Mình không phải Nguyễn Du, do đó

làm thơ nói chung và lục bát nói riêng, tôi tự tâm niệm nên viết ngắn, mới lại, thơ không là thuyết trình, cắt nghĩa. Vòng vo mãi, phải dùng thông vận nhiều, sẽ mất cái chất thơ mộng và có khi nó thành vè.

Nguyễn Phú Long (VA)
Tháng Tám năm 2015

HOA ĐÀO NĂM NGOÁI

"Mỗi năm hoa đào nở"
Em mang bánh chưng xanh
Miệng cười tình hơn hờ
Trên đường ghé thăm anh.
Tám bánh thơm mùi nếp
Gói ghém chút lòng son
Nguyễn Đán đời thật đẹp
Mai sau khéo vuông tròn.
Rồi tiễn em cuối ngõ
Hẹn gặp lại đầu Xuân
Bên gốc đào từ đó
Không dè biệt cố nhân.
Tết về muôn hoa nở
Sao tưởng mãi Xuân qua
Cổng khép nào ai mở
Theo chồng em đã xa.

Nguyễn Phú Long

Hải Phòng: Quê hương và nỗi nhớ

Ỡ Nguyên

Tôi vốn sinh ra ở thành phố Hải Phòng nhưng không được may mắn lớn lên ở đây. Khi lên sáu tuổi, tôi đã phải theo gia đình tẩu cư vào Thanh Hoá. Năm 1952 trở lại Hải Phòng được ba năm thì phải di cư vào Nam vì cảnh đất nước phân chia. Nhưng dù sao Hải Phòng vẫn là cái nôi mà tôi rất trân quý, tuy bây giờ đã cách xa thực xa.

Được biết Hải Phòng là một trong ba thành phố lớn ở miền Bắc Việt Nam. Theo tài liệu lịch sử, hai chữ Hải Phòng được đặt tên từ thời nhà Mạc. Hải là biển và Phòng là chống giữ (Coastal Defense). Hải Phòng có biệt danh là Thành Phố Hoa Phượng (City of red flame trees). Vào giữa độ hè, nhiều khu phố rực lên màu phượng đỏ. Hải Phòng không có nhiều thắng cảnh đẹp và quyến rũ như Hà Nội, đổi lại, có những điểm đặc biệt khác. Nói đến Hải Phòng chắc ai cũng biết về một nhà máy xi măng đồ sộ (bây giờ là Công Ty xi măng Hải Phòng) nằm ngay trên vùng đất ngã ba sông Cấm và kênh đào Hạ Lý, đã được người Pháp khởi công xây dựng vào năm 1899, là nhà máy sản xuất xi măng đầu tiên tại Việt Nam và Đông Dương. Người dân sinh sống ở vùng lân cận hầu hết là công nhân của nhà máy tới mấy đời. Nhà máy xi măng này là nguồn tài nguyên lớn của chính phủ Việt Nam trong thời kỳ đó. Có điều ít ai biết đến, vào thời kỳ hai miền Nam Bắc phân chia, xi măng mà chính phủ miền Nam mua của Nhật Bản chính là xi măng sản xuất từ nhà máy biển chế Hải Phòng. Người ta nói, bao xi măng phía ngoài mang nhãn hiệu Nhật Bản, nhưng lớp bao bì phía trong lại mang nhãn hiệu "Con Rồng" thuộc VNDCCCH (?)

Ngày còn bé, vào mỗi độ Tết đến, bố mẹ tôi thường đưa chúng tôi về thăm và chúc tuổi bà ngoại cùng họ hàng bên mẹ, ở chân cầu Hạ Lý gần nhà máy xi măng. Bà ngoại tôi ở với cậu Thành, em trai út của mẹ tôi. Cậu làm chủ một tiệm may âu phục tại khu vực này. Mẹ tôi còn người chị gái là bác Đình lấy chồng nhà quê ở làng Phú Thái và ông anh trai là bác Phình làm nghề thợ nhuộm quần áo. Mẹ tôi có lẽ được may mắn hơn mấy người anh người chị vì mẹ gặp được bố là người có chức phận nên bên



ngoại rất nề nang. Mỗi lần sang thăm bà, chúng tôi phải đi bằng xe tay. Nhiều lúc qua cầu Hạ Lý, mấy bác phu xe ị ạch kéo xe lên dốc thật khó khăn, toát mồ hôi mà vẫn không đưa được xe qua khỏi cầu làm bố tôi phải xuống xe đẩy phụ. Lúc đó, nhìn cảnh người kéo xe cho người bằng đôi chân không đạp đất, tôi thấy bùi ngùi thương cảm cho những kẻ nghèo khổ mà tội nghiệp. Được biết mấy năm sau này, vì tránh bụi xi măng gây ô nhiễm, nên nhà máy xi măng Hải Phòng đã được rời đi nơi khác, bên cạnh dòng sông Bạch Đằng, một vùng ngoại ô xa khỏi thành phố.

Hải Phòng còn có biệt danh nữa là thành phố Cảng, một hải cảng quan trọng nhất của Việt Nam. Vì có độ nước biển sâu để các thương thuyền thuộc các quốc gia trên thế giới đều có thể cập sát bờ và thả neo ngay tại bến Sáu Kho để bốc dỡ hàng hóa. Vì địa thế thuận lợi của Hải Phòng nằm sát biển và có nhiều sông ngòi nên hải sản tươi ngon cung cấp cho người dân trong nước cũng như xuất cảng sang các nước láng giềng rất dồi dào phong phú, một nguồn hải sản đáng kể của thành phố Hải Phòng. Người ta nói, Hải Phòng là vùng đồng chua nước mặn, người dân chân chất cục mịch, không lịch lãm như người Hà Thành, nhưng về phương



diện hải sản Hải Phòng lại trội hơn nhiều nơi khác. Chúng tôi được may mắn hơn người Hà Nội vì lúc nào cũng được ăn đồ biển tươi ngon và rẻ tiền. Nói về đồ biển, tôi chẳng thể nào quên được món cá song hấp với nấm hương, miến, tương đậu đen và gừng tươi thực độc đáo của mẹ tôi. Đúng là đặc sản của Hải Phòng. Cũng từ Hải Phòng, du khách có thể đi về hướng bắc thăm viếng Vịnh Hạ Long thuộc thành phố Quảng Yên (bây giờ là Quảng Ninh) qua hai bến phà – Phà Bính và Phà Rừng thực thích thú. Nói đến Vịnh Hạ Long người ta đều biết đây là một thắng cảnh thiên nhiên độc nhất của Việt Nam mà

sau này đã được thế giới công nhận là một danh lam thắng cảnh có một không hai.

Hải Phòng có bãi biển Đồ Sơn khá đẹp và nên thơ. Dọc theo bãi biển là những hàng dừa cao bóng và sát chân đồi là những hàng phượng vĩ đỏ thắm nở rộ mỗi độ hè sang như tô điểm cho bãi biển Đồ Sơn thêm phần quyến rũ. Nhiều toà biệt thự nguy nga tráng lệ trên đồi cao và dọc theo bờ biển đã được xây lên từ thời kỳ người Pháp đô hộ Việt Nam. Ở giai đoạn đó bãi biển Đồ Sơn chỉ dành cho người Pháp và dân nhà giàu tới đây nghỉ mát và tắm biển.

Vào mùa hè năm 1996, nhân dịp về thăm lại thành phố Cảng, chúng tôi được mấy chú em họ đưa đi tham quan một sòng bài mới mở ngay tại khu du lịch gần bãi biển Đồ Sơn. Sòng bài khá đồ sộ với lối kiến trúc bên ngoài và cách trang trí bên trong hoàn toàn theo như kiểu casino ở Las Vegas bên Mỹ. Sòng bài này nguyên thủy là một Hotel của người Pháp và đã từng được dùng làm cảnh trí trong bộ phim "Số Đỏ" lúc Bà Phán Đoàn gặp Xuân Tóc Đỏ đang đàn dứ với Tuyết là cháu gái mình ... Nghe nói, sòng bạc này do một người Đài Loan đứng làm chủ sau khi Mỹ bỏ cấm vận. Nơi đây chỉ dành cho du khách mang quốc tịch nước ngoài mới được vào sát phạt. Chúng tôi cũng tò mò vào thử phía trong, nhưng đã rất thất vọng vì chẳng có một bóng du khách nào ngoài các cô cậu dealers ngồi tán gẫu với nhau. Chúng tôi đổi ít tiền cắc (quarters) đưa cho mấy chú em họ để bỏ vào mấy cái máy "slot machines" kéo thử cho biết. Xin nói thêm là vì chúng tôi mang hộ chiếu Hoa Kỳ nên luật lệ sòng bài cho phép một hộ chiếu được quyền đem theo một người bản xứ nên mấy chú em được vào cùng với chúng tôi là vậy. Vâng, sau vài cú kéo cần máy, chúng tôi thua là cái chắc.

Nhìn lớp trẻ làm việc tại đây mà thấy trạnh lòng. Dealers sống vì tiền tips của khách

hàng. Hôm ấy khách chơi bài không có lấy một mống thì lấy đâu ra tiền tấp. Tôi tần ngần hỏi một cô gái đứng gần bên: "*Cô ơi, chúng tôi không biết đánh bài nhưng muốn "bo" cho các cô được không nhỉ ?*" Một câu hỏi quá là ngớ ngẩn phải không các bạn? Mấy cô đứng gần đó phá lên cười và lễ phép thưa: "*Ôi, được chứ ạ, thưa cô chú*". Tôi nghĩ trong đầu, tiền mà chê sao? Thế là chúng tôi cũng cười theo họ. Vui thật là vui!

Ngay trên đỉnh ngọn đồi Vung, gần sông bài, là ngôi biệt thự nguy nga của vua Bảo Đại trước kia. Ngôi biệt thự này do một vị tướng người Pháp xây cất từ năm 1928 và sau đó tặng lại cho vua Bảo Đại vào năm 1949. Đây là nơi nghỉ mát cũng như nơi nghỉ chân của vua Bảo Đại mỗi lần ra kinh lý Bắc phần. Bây giờ ngôi biệt thự này đã được sửa sang thành một khách sạn sang trọng nhất thành phố Đồ Sơn. Từ đỉnh đồi Vung chúng tôi có thể nhìn xuống bãi biển thơ mộng chạy soai soải theo chân đồi phía dưới. Chung quanh biệt thự bao trùm nhiều loại cây cối xanh um. Cảnh sắc thiên nhiên nơi đây dễ lôi cuốn du khách làm sao! Tôi có cảm tưởng như thể mình đang được ở trong một tòa lâu đài của một vương tước cuối cùng đời nhà Nguyễn, với những bức hình của triều đại đế vương bày biện và treo trên khắp các vách tường. Tò mò tôi tìm hiểu thêm về vai trò của vua Bảo Đại qua những tài liệu quảng cáo của hãng du lịch. Quả là thích thú được biết về những câu chuyện lịch sử này. Cũng như nhiều du khách khác, chúng tôi cải trang trong các bộ xiêm y của hoàng cung để chụp hình lưu niệm. Nhìn hình dạng cải trang của mình trong gương soi, tôi thầm nghĩ, không biết đến bao giờ mới có dịp trở lại Đồ Sơn một lần nữa để có được những bức hình đặc biệt này?

Ngoài ra, nói tới Đồ Sơn, người ta nghĩ ngay đến ngày Hội Chọi Trâu được tổ chức hàng năm vào ngày 9 tháng 8 âm lịch. Một

ngày lễ hội truyền thống của người dân sinh sống tại Đồ Sơn lâu đời, không thể huỷ bỏ vì nó là một tín ngưỡng lưu truyền. Hôm đó, đứng trước hình tượng hai con trâu mộng đang chọi nhau với hai hàng chữ in nổi bật ở phía dưới: "*Dù ai buôn đâu bán đâu, Mùng 9 tháng Tám chọi trâu thì về*". Tự nhiên tôi chợt nhớ ra ngày xưa mẹ đã kể cho nghe về tập tục này. Hay thật! Vậy chứ, chắc chắn tôi chẳng bao giờ dám tham dự ngày lễ hội này đâu. Tôi chợt hình dung ra cảnh đổ máu, cảnh chết chóc của hai con thú làm trò vui cho thiên hạ, để rồi cuối cùng dù thắng hay bại cả hai con vật đều bị dân làng đem đi giết chết lấy thịt cúng Trời Đất để cầu an, cầu phước? Cũng vì lý do này, nên có lần đi du lịch sang Mexico, được mời đi xem "*Đấu Bò Rừng*" (Bull Fighting) tôi phải từ chối. Nghe nói về sau người ta đã huỷ bỏ môn chơi quá tàn ác này.

Có thể Hải Phòng còn có nhiều di tích lịch sử gồm những ngôi chùa Phật Giáo cổ xưa cũng như nhiều nhà thờ Thiên Chúa Giáo xây cất hàng 100 năm trước, từ thời Pháp thuộc mà tôi chưa hề đặt chân đến. Nếu lần sau về lại Việt Nam, chắc chắn chúng tôi sẽ đi thăm những di tích lịch sử này và thăm quần đảo Cát Bà cách Hải Phòng khoảng 30 cây số. Được biết quần đảo Cát Bà, bây giờ đã sát nhập vào thành phố Hải Phòng và được coi là một nơi nghỉ mát lý tưởng cho mọi giới.

Đợi xem...



NHỚ MONG

Kể ở người đi luống ngậm ngùi
In hình bóng cũ thuở nào nguôi
Êm nghe sóng vỗ bờ xa vọng
U ẩn mắt sầu ngán lệ rơi
Oán hờn đông đến lòng tê tái
Ái ngại xuân về chốn lẻ loi
Nhấn gởi theo mây lời hẹn ước
Hằng mong nhớ mãi bạn đường ơi!

VĂN THỊ KIỀU ANH

Những năm ở Hải Phòng, sau ngày hồi cư, gia đình chúng tôi có cuộc sống tạm ổn. Bố tôi hùn hạp buôn bán với những người bạn cũ. Lợi tức hàng tháng của bố đem về chắc không dư giả, chỉ đủ cho mẹ đong gạo và mua thức ăn, trả tiền nhà, tiền học cho 3 anh em chúng tôi. Nên về Hải Phòng mấy năm rồi mà bố mẹ tôi chưa mua nổi một căn nhà, dù là một căn nhà bình thường. Một mình bố bươn chải để lo cho gia đình tới 6 miệng ăn kể cũng rất cam go. Lúc này tôi mới độ 12 tuổi, nhìn thấy cảnh nghèo túng của gia đình, lòng tôi những nao núng và bứt rứt không sao tả xiết. Bao nhiêu năm trời nghèo khó ở Chiến Khu Tư tưởng như đã qua đi, nào ngờ bây giờ trở về quê hương bản

quán mà tình cảnh cũng chẳng khá hơn. Đó là nguyên nhân mà bố mẹ cứ ỳ xèo nhau mãi không thôi. Bố chịu đựng những lời trách móc ì ôi của mẹ từ bao năm rồi nên dường như cũng quen đi. Nghĩ lại thấy thương bố ghê gớm. Cũng vì thấy hoàn cảnh gia đình thiếu thốn nên chị gái tôi phải ngưng học để đi may, khi chị mới học hết lớp Nhất. Chị là người hiền lành, chân thật. Lúc này chị tôi đã 17, 18. Tuổi trăng tròn. Chị có một nhan sắc mặn mà. Dáng người thon thon với nước da trắng mỏng, mịn màng như lúc nào cũng đánh phấn. Những bức hình chị chụp bán thân, nhìn nghiêng mà tôi còn lưu giữ đến tận bây giờ, quả thực rất duyên dáng và quyến rũ! Mái tóc dài óng mượt với một búp lười trai cuốn phồng vắt vẻo ngang vầng trán là một của mấy cô gái thời buổi bấy giờ trông sao mà đẹp lạ, chiếc miệng hơi móm giống bố tôi, be bé xinh xinh luôn luôn mỉm cười khiến vẻ đẹp thanh thoát của chị nổi bật hẳn lên. Có lẽ chị đẹp thật nên được bà con trong khu phố Trại Cau gọi là hoa khô. Tôi biết lúc đó có nhiều chàng trai mê thích chị. Nhưng biết bố tôi khó khăn nên không ai dám bén mảng. Nhiều người bạn thân quen của bố mẹ muốn ngấm ghé hỏi chị mình nhưng chị rất phân vân, chưa dám nghĩ tới vì muốn giúp đỡ bố mẹ và chăm sóc các em thêm ít năm. Hình như chị tôi không có bạn trai. Bạn gái cũng chẳng nhiều, ngoại trừ hai người duy nhất mà tôi biết là chị "Tuất sáu ngón" (chị có 6 ngón tay) làm việc tại một tiệm vải ở phố Bati và chị Ánh Tuyết sau này là Ca Sĩ Ánh Tuyết, nổi danh với bài hát "Trăng Sáng Vườn Chè". Chị Ánh Tuyết đã đẹp lại hát rất hay. Do đó, mặc dầu còn bé, tôi cũng biết phân biệt được cái đẹp và cái tài của chị, nên mỗi lần chị tôi sang thăm chị Tuyết tôi đều xin đi theo để được nghe hai chị ca hát với nhau. Tôi nhớ hồi đó chị tôi

cũng hát hay và đẹp gái nên chị Tuyết muốn rủ chị học làm ca sĩ, nhưng bố lúc nào mà chẳng khó khăn, để đâu gì chị dám học đòi với chúng bạn, ngay như mỗi lần chị bước chân ra khỏi nhà, bố đều bắt tôi hay anh Kỳ đi theo làm body guard, vậy hồng gì cụ cho chị đi hát hồng với ai. Cụ canh chừng con gái rượu quá kỹ càng, hơn cả mẹ tôi. Bố tôi theo Tây học, tưởng cụ phải văn minh lắm, nhưng cụ vẫn bắt con cái phải giữ nề nếp nho phong. Bố thực khe khắt với con cái và nhất là với chị Mai. Ngoài bố tôi ra, anh Kỳ cũng vậy. Thực khó khăn với chị, cứ như ông cai ngục. Chị tôi sợ bố thì ít mà sợ ông anh tôi thì nhiều. Nghĩ mà thương!

Có lần tôi theo hai chị sang tận bên làng Thủy Nguyên Thủy Tú xem hội Xuân vào tháng Giêng đầu năm. Những hình ảnh của ngày lễ hội hôm đó dường như tôi còn nhớ rất nhiều. Này nhé, có thi tài làm bánh, thi dệt cúi, đánh vật, có trò chơi Cờ người, Tổ tôm điểm, Hát quan họ, Đánh đu v.v... Cờ người có hình thức là cờ tướng, gồm một bàn cờ vuông vẫn làm bằng gỗ với những đường kẻ ngang kẻ dọc bên trên, các quân cờ là những thỏi gỗ tròn cỡ đồng nickle, có hình vẽ khác nhau như Tướng, Sĩ, Tượng, Xe, Pháo, Mã, Tốt, bằng chữ Hán in trên mỗi con cờ. Môn chơi này chỉ cần hai người tranh tài với nhau là đủ. Nhưng trong hội Xuân này, cờ người được dựng ngay ở trên sân cỏ, quân cờ là những trai làng. Người làm quân cờ tướng ôm một cây gậy, phía trên đầu gậy có gắn tấm bảng nhỏ ghi chữ nho như Tướng, Sĩ, Tượng, Xe, Pháo, Mã, Tốt. Những quân cờ người này di chuyển trên sân cỏ theo dấu hiệu của người chơi bằng những tiếng trống. Họ mặc trang phục khác nhau, tùy theo chức sắc của quân cờ, chẳng hạn như Tướng có chức vụ cao nhất và Sĩ là quân lính, chức vụ thấp nhất. Người

thủ vai Tướng mặc quần áo sắc sỡ, mũ mào cân đai trông rất bề vệ, còn Sĩ thì mặc như mấy anh lính khố xanh, khố đỏ, đầu đội chiếc nón lính, đi chân đất, cổ chân quấn sà cạp. Đại khái là như vậy vì kể ra còn nhiều cách ăn mặc khác nhau của từng quân cờ. Sau này được bố tôi cắt nghĩa nên mới rõ đây là một môn chơi giải trí dân gian có tính cách đấu trí cao thấp, thử tài thông minh và nhanh nhẹn. Tổ tôm điểm cũng là một thú chơi giải trí thanh nhã dành cho lớp người cao tuổi tại miền Bắc. Vì trong cuộc chơi Tổ tôm điểm, ngôn ngữ chủ yếu không phải là lời nói bình thường mà được sử dụng hệ thống thông tin bằng tín hiệu gõ trống, bằng màu sắc các loại cờ hiệu và giọng ngâm thơ (lấy Kiều) của người giao bài, rất cầu kỳ. Người chơi phải sành điệu để điểm những tiếng trống nói lên đặc thù của môn chơi.

Theo chân hai bà chị, tôi dừng lại từng khu giải trí để xem dân làng du Xuân qua các trò chơi dân dã. Tò mò, tôi đã mạo hiểm leo lên cây đu. Hai tay nắm chặt lấy hai cây tre dài và cao chót vót để thử cho biết, nhưng khi vừa nhún lên nhún xuống vài lần, cây đu dần dần bay bổng lên cao, tôi cảm thấy chóng mặt phải leo xuống liền. Người ta trồng nhiều cây đu thật chắc chắn gần nhau để các cặp trai gái trở tài đu thi. Anh trai làng nào mà được cô gái quê chọn đứng chung để đu thi đó là một niềm hãnh diện vô cùng, vì sau đó họ sẽ đưa nhau ra ngoài đình làng để thi thố tài ca trù, hát ví, hát đối, hát đúm. Từng nhóm, từng nhóm tụ họp trước sân đình. Các cô gái quê cùng các anh trai làng hát hò, ví von nghe rất tình tứ. Vì lẽ đó sau ngày hội Xuân đã có nhiều cặp trai gái trong làng bén duyên nhau mà thành vợ thành chồng. Cũng vì muốn tranh tài hát ví, hát đúm mà các cô gái làng và các anh trai quê phải ra công tập hát thuộc lòng các câu thơ, dân gian, hầu hết là thể loại lục bát,

trong suốt cả năm dài. Có khi chính họ tự sáng tác ra câu ví, câu hò sao cho tình tứ lãng mạn gây ấn tượng cho đối tác. Hôm đó tôi thấy ai nấy đều ăn mặc tươm tất theo tuyến thống ngày lễ hội của dân quê, trong đó hai nhân vật quan trọng là cô thôn nữ, mặt thoa nghệ vàng khè (cổ lệ của làng Thủy Nguyên, Thủy Tú), đầu chít khăn mỏ quạ, miệng nhai trầu đỏ chót. Có lẽ lá trầu không nhai chung với cau tươi làm cô ta ngây ngất, hai má đỏ hồng như người đánh phấn hồng, trông rõ đẹp gái. Cô gái kéo chiếc khăn che ngang miệng, chỉ còn để lộ đôi mắt bồ câu đen nhánh, long lanh. Còn cậu trai làng mặt mũi hớn hở, nắm chặt cổ tay cô gái quê, cất lên những lời ví von rất điệu nghệ, nghe có lớp có lang. Người ta nói hội Xuân này còn được gọi là hội "Mở Mặt" vì các cô gái quê che mặt kín mít quanh năm khi đi ra ngoài đường, khi hội Xuân đến họ mới mở khăn che mặt ra và thi thố tài hát ví von của mình làm say mê phái nam là vậy. Đây là một tập tục rất được ưa chuộng tại vùng quê miền Bắc vào những ngày lễ hội để các chàng trai có dịp thổ lộ tâm tình cùng các cô gái làng bên mà họ để tâm yêu vụng nhớ thầm. Tôi tò mò theo dõi mọi động tác của đôi bên thấy rất thích thú nhưng thực sự chỉ hiểu lơ mơ.

Trở lại những năm hồi cư về Hải Phòng, ba anh em tôi học tại một trường tiểu học tư thực trên đường Trại Cau. Sau đó tôi xin được vào trường tiểu học công lập Hưng Đạo năm chênh chéch với trường Trung Học Ngô Quyền hướng ra phố Ngõ Nghè, gần chợ Vườn Hoa. Tôi thay đổi trường học và học thấp xuống một lớp cũng vì cô hàng xóm có cái tên Thuý-Phụng mỹ miều dễ thương đã rủ rê. Dù gì học trường công cũng vẫn hơn, tôi nghĩ như thế, và lại bố mẹ không phải lo tiền học hàng tháng là tốt rồi. Tôi còn nhớ hai năm học với bà giáo Thuận, từ lớp nhì đến lớp nhất, tôi đều đứng nhất lớp mặc dù

có lần tôi nghịch ngợm quá bị phê điểm hạnh kiểm xấu vậy mà cuối tháng cộng sổ thông tin bạ tôi vẫn đứng nhất lớp, làm bà giáo cũng chẳng thể nào buồn tôi được. Bà giáo Thuận rất nghiêm khắc, kỷ luật và khó tính vậy nhưng tôi rất quý mến và có thiện cảm với bà. Đối với các thầy cô đã giáo huấn, tôi luôn luôn kính trọng và nể nang, vì họ là người thay thế bố mẹ để chỉ dẫn và dạy dỗ tôi nên người. Bà là người Huế, có giọng nói ngọt ngào dễ nghe. Dáng di thoăn thoắt mặc dù bà hơi lùn. Mái tóc bới ngược ra phía sau, để lộ vầng trán cao trên gương mặt thanh tao sáng lạn, thông minh của bà. Tôi còn nhớ, mỗi buổi sáng khi thấy bà bước xuống khỏi chiếc xe tay ngoài đầu cổng trường, tôi và Bích Hải lon ton chạy ra phụ đem cặp sách vào lớp học. Ấy thế, có đứa nói tôi nịnh bà giáo để được bà có cảm tình cho điểm cao mới lạ chứ. Chả sao, mình cứ làm điều phải, còn ai muốn nói sao cũng chẳng thiệt thời gì, tính tôi trời sinh ra là vậy.

Trong lớp học có nhiều người bạn rất dễ thương, nhưng tất nhiên tôi thân với Thuý Phụng vì là hàng xóm láng giềng với nhau. Bố Phụng là một thương gia, làm chủ một hãng cho thuê xe xích lô đạp trên đường Trại Cau, kế cận nhà tôi. Được biết mẹ Phụng hiếm hoi không có con trai nên bác Ngọc Lâm cưới thêm bác hai để phụ giúp việc kinh doanh và hy vọng sẽ có con trai để nối dõi tông đường. Dinh cơ này được giao cho dì Hai của Phụng trông coi. Dì rất trẻ và tân thời so với mẹ Phụng. Lúc này dì mới chỉ có hai cô con gái là Dung và Chi. Mỗi sáng, Phụng và tôi cùng đi bộ tới trường. Khi nào trời mưa, bác Ngọc Lâm cho xe xích lô đưa chúng tôi tới tận trường. Nghĩ ra, quen với con nhà giàu kể cũng có lợi lắm chứ. Cuối tuần, bác Ngọc Lâm thường hay sang đánh chẵn hay đánh tổ tôm với bố tôi. Bác Ngọc

Lâm tỏ ra rất mến tôi. Mỗi lần đối mặt bác đều khen tôi học giỏi như có ý so sánh tôi với con gái bác làm tôi cũng hơi ngượng ngùng. Những ngày hè, Phụng thường rủ tôi lên Hà Nội thăm gia đình tại phố Hàng Bạc. Đối với tôi lúc đó cửa hàng bán nữ trang của mẹ Phụng quá là đồ sộ và sang trọng. Tôi nhớ mẹ của Phụng là người Bắc cổ xưa, bà vẫn để răng đen và vấn tóc trần, nước da trắng nõn nà, dáng người sang trọng, lời nói thanh tao nhẹ nhàng quý phái. Phụng có ba chị em gái, chị Loan là cả, kế đến là Phụng và dưới là bé Thuý-Liên. Vốn gốc người Hà Nội, cả ba chị em nói y hệt giọng bác Ngọc Lâm gái, thò thè, dịu dàng, nũng nịu nghe rất Hà Nội. Mỗi lần đi tắm biển Đồ Sơn với gia đình Phụng vào những dịp nghỉ hè, bác Ngọc Lâm đều cho tài xế đưa đi đón về thực thoải mái. Và dì hai của Phụng đều lo đồ ăn nước uống cho mọi người. Dì rất chu đáo!

Nhớ lại những ngày nhà trường tổ chức cho học sinh đi Đồ Sơn, tôi thường mạo chữ ký cho phép của bố mẹ. Tôi quả là liều lĩnh, quá ham vui, nên mới hành động thiếu suy nghĩ như vậy. Bố mà biết được, chắc tôi bị ăn đòn là cái chắc. Cũng may là không có chuyện gì xảy ra, bằng không nhà trường đâu có chịu trách nhiệm cho những sự rủi ro. Bãi biển Đồ Sơn không xa với thành phố Hải Phòng là mấy, do đó chúng tôi sáng đi chiều về bình thường. Tôi còn nhớ có lần bị bà giáo Thuận quở mắng vì tôi đứng thay quần áo tắm ở ngay gốc cây, giữa thanh thiên bạch nhật. Sao lúc đó tôi lại vô ý đến thế chứ. Rõ là ngây ngô chẳng biết ý tứ gì. Một bài học để nhớ mãi. Tôi và các bạn cùng lớp chơi đùa thoải thích bên nhau, ngụp lặn dưới những cơn sóng tràn bờ, uống nước mặn, sặc sụa liên hồi. Sau đó lên bờ ngồi phơi nắng hay đuổi bắt dã tràng thập thò nơi miệng lỗ. Thích thú nhất là theo dõi chúng

vo viên những hạt cát tròn xoe, liên tục như chẳng bao giờ ngưng. Hạt nào như hạt nấy. Hay thực là hay! Tận mắt trông thấy dã tràng se cát tôi mới nhớ đến câu ca dao mà mẹ thường ví von: *"Dã tràng se cát Biển Đông, Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì"*. Nghe sao nhớ thế! Rồi đến giờ ăn, chúng tôi tụ tập với nhau để chia sẻ những món ăn đem theo. Tôi được mẹ nắm cho mấy nắm cơm ăn với thịt thăn kho nước mắm. Đói bụng mà được ăn cơm nắm thịt kho ngon không tả được. Một món ăn quê mùa của mẹ mà tôi không thể thiếu vắng nó cho dù hiện nay mình đang sống trong một xã hội mà vấn đề thực phẩm quá dư thừa.

Dù rằng thời gian sinh sống tại Hải Phòng chẳng lâu được bao năm (1952-1954). Hai năm học tại trường Hưng Đạo với bà giáo Thuận, tôi đã có những kỷ niệm thân thương với các bạn học cùng lớp. Giờ đây ngồi ghi lại những giòng chữ này, tôi vẫn còn hình dung ra được từng khuôn mặt thân quen của bạn bè cũng như tên họ của từng người. Đứa nào học hành ra sao, tính tình, dáng dấp thế nào. Trong lớp tôi học có hai đứa cùng mang tên Yến và cùng tên họ lẫn chữ lót, nên bà giáo đặt cho tôi là Yến B, còn nhỏ kia là Yến A. Yến A cũng học ngang như tôi, nhưng à ta có vẻ hiền lành chứ không phá phách như tôi. Cũng tại ngôi trường nhỏ bé này, tôi đã kết thân được với Phú, Phi và Hợi. Chúng tôi bốn đứa đã kết nghĩa chị em với nhau ngay từ hồi còn học lớp Nhì và đã có với nhau biết bao kỷ niệm thân thương của thời cắp sách. Tôi luôn luôn nghịch ngợm như con trai, nhưng ba cô bạn gái của tôi lại rất đoan trang thùy mỵ. So trong bốn đứa, Phú là đứa xinh gái nhất. Nàng biết yêu sớm thế. Mỗi lần chị ta có hẹn với bạn trai là anh chàng Lạc, ba đứa tôi phải nói dối quanh dối quẩn với ông bố để nó đi đến chỗ hẹn. Gớm hai người mẹ

nhau từ bao giờ chẳng biết để ba đứa tôi cứ phải làm cái việc sai quấy này đối với bố của cô à không biết bao nhiêu lần rồi.

Những đêm trăng sáng, chúng tôi bốn đứa rù rì tâm sự bên nhau dưới gốc cây chuối sau vườn nhà Phú. Bên bờ giếng sâu đầy ắp nước, Phi, Hợi và tôi thay phiên nhau giúp Phú kéo từng gàu nước từ giếng lên đổ vào bể nước. Chúng tôi giả vờ ngoan ngoãn giúp đỡ Phú như để che lấp việc làm bất chính của mình. Ranh mãnh thật! Những buổi chiều hè chúng tôi thường đi dạo mát quanh hồ sen ở cuối đường Trại Cau. Nước hồ trong vắt, in rõ hình bốn đứa tôi lồng trong bóng những bông sen lung linh lay động. Ôi! Sao tuổi thơ đẹp đến thế, mơ mộng đến thế!. Hơi gió phảng phất nhẹ nhàng từ mặt hồ mang theo hương sen ngào ngạt làm chúng tôi ngây ngất. Chúng tôi ngồi trên thảm cỏ xanh ven bờ hồ, nhúng chân xuống nước, khoảng qua khoảng lại để cảm nhận hơi nước mát dịu của hồ sen, để nghe Phú nói chuyện về người yêu của nàng. Nàng Phi, nàng Hợi cũng như tôi, lúc đó chưa đứa nào có bạn trai, nhưng nghe Phú kể chuyện yêu đương cũng tò mò muốn biết. Từ Hồ Sen chúng tôi rong ruổi bên nhau vào thăm chùa Hàng. Phú chịu khó cúnng vái rất nghiêm trang, thành khẩn. Chị ta khẩn nguyện điều gì không rõ, ba đứa tôi đứng ngoài thì thầm to nhỏ, đùa cợt với nhau: "*Chắc cô nàng cầu duyên chứ gì?*" Phú đoán được lời bông đùa của chúng tôi, mặt chị đỏ bừng, ngượng ngùng rất dễ thương. Chao ôi! giờ tìm đâu ra những ngày thơ mộng của tuổi hoa niên như thế nữa!

Rồi mùa Hoa Phượng của năm 1954 chợt đến. Chúng tôi phải chia tay nhau, từ giã bà giáo Thuận, tạm biệt mái trường nhỏ bé thân yêu. Những cuốn lưu bút ngày xanh, ép đầy hoa phượng và cánh bướm muôn màu, được

chuyển từ tay người này sang tay người khác. Những đoạn văn học trò ngây ngô, bay bướm, nguệch ngoạc tô điểm trên trang sách của nhau. Những lời cầu chúc thân thương, những câu hò hẹn viễn vông mà sao nghe lưu luyến thế. Và cho đến mãi sau này, mỗi khi được nghe bản nhạc "*Nỗi buồn hoa Phượng*" của nhạc sĩ Thanh Sơn: *Mỗi năm đến hè lòng man mác buồn...*", lòng tôi lại rạo rức bồi hồi nhớ lại kỷ niệm những tháng năm dài của tuổi thơ khi còn đi học ở Hải Phòng. Nhưng đã có ai níu lại được thời gian bao giờ...?

Năm 1996, khi trở lại thành phố Cảng, tôi gặp lại Phú, nhưng riêng Phi thì đã không còn nữa. Phi đã ra đi khi tuổi đời còn trẻ. Cũng trong dịp này tôi gặp lại Hợi ở trong Nam. Cuộc sống của hai người bạn trong thời thơ ấu của tôi giờ đây tương đối thong thả khi các con cái của họ đã trưởng thành và có địa vị đáng kể trong một xã hội mới mẻ. Tôi mừng cho họ. Vì thương nhớ bạn hiền ngày xưa là Phi và tôi mà sau năm 1954, Phú đã đặt tên cho cô con gái đầu lòng là Phi-Yến. Phi-Yến hiện là bác sĩ y khoa cho một bệnh viện lớn tại Hà- Nội.

Thời thế đổi thay nhưng tình bằng hữu của chúng tôi không vì năm tháng mà thay đổi. Ba đứa chúng tôi giờ đây đứa nào cũng đã có tuổi, ao ước gặp lại nhau thêm một lần nữa quả là rất khó khăn đối với Phú và Hợi. Riêng cá nhân tôi vẫn nuôi hy vọng để thực hiện được điều mơ ước nhỏ nhoi này. Để được thấy lại thành phố rực rỡ màu hoa phượng và gặp lại bạn hiền thân thiết ngày xưa. Mong lắm thay!

Ỡ Nguyễn

Maryland, November 2015
(Trích "Từ Một Vùng KỶ Ức")

LỊCH SỬ MỘT BÀI CA: TỪ CHIỀU THU" (1948) CỦA LÊ MỘNG NGUYÊN ĐẾN CHIỀU VÀNG NĂM XƯA (2002) CÙNG TÁC GIẢ

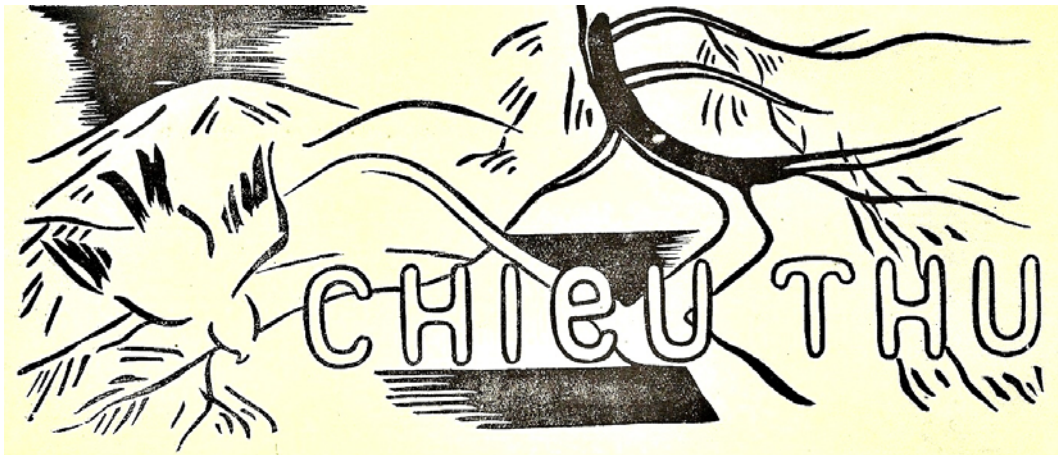
NS Lê Mộng Nguyên

LTS: Cỏ Thơm số 72 mùa Hạ 2015 có đăng bản nhạc “Chiều Vàng Năm Xưa” của Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên. Tác giả viết thêm về lịch sử của nhạc phẩm này dưới đây.

“Chiều Vàng Năm Xưa” (CVNX) được trình bày lần đầu tiên trong đêm Gặp Gỡ NS Ngô Thụy Miên (NTM) ngày thứ bảy 25 tháng 05-2002 tại Mộc Lan Trang (Antony-ngoại ô Paris) từ 14g chiều đến 21g30 tối...

Trong điện thư gửi cho tác giả Lê Mộng Nguyên (LMN) từ Richmond, Virginia Hoa Kỳ, NS Phan Anh Dũng viết: "xin NS Lê Mộng Nguyên tiếp tục gửi cho Cỏ Thơm lịch sử về bản nhạc CVNX: *có lẽ lòng trong khung cảnh đất nước lúc ấy sắp đổi thay chăng?*" Anh Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ nói đúng, vì thật ra trong đêm gặp gỡ NTM, bài CVNX do Tuyết Dung trình bày lần đầu tiên với giọng ca tuyệt vời - đàn đệm synthé NS Nguyễn Minh Châu (SiliconBand) và piano Jazzy nhí-nhảnh, tài tình mặc dầu nàng chưa bao giờ nghe nói đến "Chiều Thu" hay "Chiều Vàng Năm Xưa "). Nữ ca sĩ Tuyết Dung giới thiệu CVNX đại khái như sau: “Bài ca mà tôi sẽ trình bày lần đầu tiên hôm nay (25-05-2002) tuy do LMN sáng tác cách đây không lâu... là một bài ca có nhiều âm hưởng tiền chiến...”. Bài hát được tất cả khán thính giả hoan nghênh: "bisou! bisou!" bắt buộc tác giả phải lên sân khấu nhận giải thưởng là một cái hôn của nữ ca sĩ Tuyết Dung và một bút họa "Trăng Mờ Bên Suối " của anh Vũ Hối...

Tại sao bài **Chiều Thu** (viết tại Huế, ngày đầu thu 1948 với lời hành nhạc **Tổ di Tango** mà không ai biết để hát, trừ phi nữ ca sĩ Thúy Hiền tuyệt diệu trong CD *Em Có Về Làng Xưa của NS Lê Mộng Nguyên* ("Nguyễn Duy" xuất bản tại Việt Nam cách đây không lâu với hòa âm Nguyễn Duy). Bởi vì sau khi tôi đòi quyền trước tác “Chiều Thu” *phải trả gấp đôi (so với Vó Ngựa Giang Hồ)*! Và tôi trả lại số tiền mà ông giám đốc Hương Mộc Lan đã gửi cho tôi, *nhưng quá chậm!* Nhà xuất bản Hương-



Nhạc và lời của LÊ MỘNG - NGUYỄN

7^o di Tango

Chiều vàng năm xưa khi mùa thu hiu hắt thiết tha bạc hình bóng

Một đoàn quân đi trong bóng sương mờ thoảng, nước non ngày buồn trông

Rall. Lá vàng rơi chừa chạnh ngoài song. *A Tempo* Người ra đi chim trong sương gió

Dứt tình trong một chiều thu Lòng mơ ước vinh quang ngày

mai núi sông lừng vang khúc ca khải hoàn. Bao chiều thu

qua *mf.* Chiếc lá thu nhắc bóng dáng người anh hùng nay còn tim đâu

thấy vó câu tung bùng năm xưa

Ôi chiều thu sang Hồn ai thoáng mơ

hồ *Decres.* Tinh què hương chứa chan Muốn năm còn vọng chiều

Ad libitum
mơ Chiều vàng năm nay khi mùa thu hiu hắt nhớ nhung bao hình

bóng Tim đoàn quân đi trong bóng sương hồn nước khóc âm thầm chờ

Rall.
pp. mong Lá vàng rơi chứa chan ngoài song

Huế, ngày đầu thu 1948
LÊ - MỘNG - NGUYỄN

Tác-giả giữ bản-quyền

Mộc-Lan 146, Đường Cây Mai, Chợ Lớn (An Bình) đã loan báo trong sách *Nhạc Lý Dẫn Giải* (trang 116): Những Bản Sê In trong đó có bài Chiều Thu cùng một lần với Thăng Cuội (Lê Thương), Ngợi Trùng Dương (Luu Hữu Phước), Trên Sông Hương (Luu Hữu Phước), Sầu Ô Thước (Văn Giảng), Có Một Đàn Chim (Phan Huỳnh Điểu) v.v. Tôi quyết tự mình vẽ bìa và in 30 bản Chiều Thu do tác giả làm để tặng bạn bè, *không bán*, tôi cũng đến Nhà Sách Tinh Hoa ở đường Gia Hội tặng trao cho anh đại diện NS Lê Mộng Bảo là người đã cho in và xuất bản "Lá Thư Cứu Mệnh" của một nhà văn lúc ấy rất còn trẻ tuổi là Lê Mộng Nguyên (Sách Hồng Tuổi Trẻ). Nhà Xuất Bản Tinh Hoa-Huế (và Sài Gòn) sau đó (cùng một lúc với nhiều đồng nghiệp), cho in rất nhiều nhạc của Lê Mộng Nguyên nổi tiếng từ "Trăng Mờ bên Suối"(1949) ... Trong lúc tôi đã từ già quê hương vào tháng 10 năm 1950 qua Pháp du học... (x. lời nhạc "Ly Hương" do Phạm Đăng (Ténor mạnh) hát nhiều lần trình bày trên sân khấu Việt Nam ở Paris và thơ "Em có về làng xưa " do Đoàn Yên Linh diễn ngâm)...

Để so sánh CHIỀU THU (*To di Tango*) với CHIỀU VÀNG NĂM XƯA (*Allegretto*), sau đây là lời Chiều Thu (Tango):

Chiều vàng năm xưa khi mùa thu hiu hắt thiết tha bao hình bóng/ Một đoàn quân đi trong bóng sương mờ thoáng, nước non ngây buồn trông/ Lá vàng rơi chứa chan ngoài sông/ Người ra đi chìm trong sương gió/ Dứt tình trong một chiều thu/ Lòng mơ ước vinh quang ngày mai núi sông lừng vang khúc ca khải hoàn/ Bao chiều thu qua/ Chiếc lá thu nhắc bóng dáng người anh hùng nay còn tìm đâu thấy vó câu tung búng năm xưa/ Ôi chiều thu sang/ Hồn ai thoáng mơ hồ/ Tình quê hương chứa chan/ Muôn năm còn vọng chiều mơ/ Chiều vàng năm nay khi mùa thu hiu hắt nhớ nhưng bao hình bóng/ Tìm đoàn quân đi trong bóng sương hồn nước khóc âm thầm chờ mong/ Lá vàng rơi chứa chan ngoài sông...

CHÚ THÍCH : Trong bài CVNX trình bày lần đầu tiên tại Mộc Lan Trang: "Một đoàn quân đi" sửa lại thành: "*Một người ra đi*" vì làm trong thời tương đối bình an ở Pháp, cũng như: "bóng dáng người anh hùng nay còn tìm đâu thấy vó câu tung búng năm xưa" nay phải đọc: "*bóng người mơ màng nay còn đâu bao nhưng nhớ trong tâm hồn thoáng hương xưa*", cũng như: "Tìm đoàn quân đi" phải hát: "*Tìm người yêu đi*"... Thật vậy, lời nhạc CHIỀU THU và CHIỀU VÀNG NĂM XƯA - như NS Phan Anh Dũng đã đặt câu hỏi trên: ... *có lẽ lòng trong khung cảnh đất nước đổi thay chăng?*

NS LÊ MỘNG NGUYÊN

(Paris – 15/11/2015)

VÀI NÉT THƠ PHỔ NHẠC

Đỗ Bình

Hành trình vào cõi thơ là làm một cuộc phiêu lưu vô tận. Thơ bắt nguồn từ cảm xúc tâm hồn, nơi ẩn chứa những mối tình thiêng liêng sâu kín nhất. Phải chăng làm thơ là đi giữa cõi mộng và thực để đời trở nhánh đâm hoa và đưa thực vào mộng cho hồn vui đi những nỗi đau trần thế.

Thi nhân nặng nợ với tình thơ nào khác chi kiếp tằm nhả tơ? Người nghệ sĩ ước mơ lớn nhất của họ là để lại cho đời dăm ba tác phẩm, hay ít bài thơ đặc ý. Dù mai sau tác giả có đi vào quên lãng thì những vần thơ trác tuyệt đó cũng dệt cho đời những đóa hoa muôn sắc. Hồn thơ tựa làn khói, mùi hương; mà hương thì vô ảnh người đời chỉ cảm nhận chứ không thấy được hình tượng. Nhưng ngay cả lúc hữu hình, hồn thơ hóa thể thành sợi khói, vầng mây... chúng ta đều nhìn thấy nhưng nào ai nắm bắt được? Phải đợi đến lúc con tim rung cảm thúc đẩy, hồn thơ nhập vào thi nhân thơ mới bật. Thơ vốn sẵn trong thiên nhiên, hàm chứa nhiều tính chất trong trời đất. Ngôn ngữ của thơ đôi khi ẩn trong văn, nhạc và hội họa, nhưng hình ảnh và nhạc điệu của ngôn ngữ thơ lại rất khác với văn xuôi mà chỉ có những tâm hồn thơ mới cảm nhận được. Nhà thơ không làm công việc của nhà lý luận, nhà khoa học, nhà thần học hay triết gia... để tìm cái mới lạ trong thế giới hiện hữu, cái huyền bí của vũ trụ...vv..nhưng thi nhân có thể sống

với với tôn giáo, luân lý qua tâm linh để phát hiện thêm lẽ đạo của cuộc đời, và sống triết qua thơ? Thi sĩ Bùi Giáng đã thờ bằng thơ trong bài đi vào cõi thơ, thi sĩ minh họa: « ...Cõi thơ là cõi bồng phiêu ».

Nhập vào thơ là sống trong cõi phiêu bồng. Cây khô cành chết làm sao có thể nở hoa, thơ cũng thế chỉ nở rộ ở những tâm hồn nghe được tiếng thở của con tim. Nhưng nghe được mới chỉ là cảm nhận giữa người và thơ cùng có chung một tần số. Muốn diễn tả những rung cảm đó qua thơ cần phải có thi hứng, mà thi hứng là do thiên phú, nhưng từ thi hứng đến nghệ thuật là bước khá dài, đòi hỏi nhiều nghiên cứu học hỏi. Thơ có thể là vần hay không vần, nhưng đó chỉ là một trong những chất liệu dự phần của cấu trúc trong quá trình hoàn thành thơ. Một chuỗi câu, nhóm từ, cắt ráp kiểu tiền chế được kết lại, nếu chỉ dựa vào vần dễ biến thành bài vè. Và một số câu, nhóm từ không vần nếu không có các yếu tố khác phụ thêm để hoàn chỉnh thơ, cũng biến thành đoạn văn xuôi thiếu mạch lạc và trong sáng.

Thơ và nhạc là hai nghệ thuật riêng biệt nhưng rất khấn khít nhau làm say đắm lòng người. Thơ là nghệ thuật của «lời», nhạc là nghệ thuật của «âm thanh». Trong thơ có chứa: Tư tưởng, triết lý, tôn giáo, hội họa, âm nhạc... ngoài những chất liệu như ngôn từ, hình tượng, vần

điệu, niêm luật, ẩn dụ, hoán dụ... trong cấu trúc để hình thành nên thơ, riêng thơ Việt Nam và thơ Trung Hoa còn có thêm chất họa và nhạc.

Âm nhạc là một môn nghệ thuật dùng âm thanh làm ngôn ngữ để diễn đạt tư tưởng và tình cảm con người. Ngày nay người ta còn dùng âm nhạc trị bệnh tâm thần (musicothérapie).

Âm nhạc gồm những đặc tính: cao độ, trường độ, cường độ, và âm sắc, được ký hiệu bởi những hình nốt. Nghe những giai điệu du dương khoan thai người thường lắm có cảm giác lạc vào cõi thiên thai, thơ mộng. Riêng thơ chưa có một định nghĩa nào là mẫu mực, «*người ta chỉ cảm thơ là một môn nghệ thuật của nghệ thuật, phát xuất từ cảm xúc tâm hồn.*»

Nói đến ca khúc, người ta thường có thói quen nghe nhạc qua cảm âm dựa trên lời ca mà ít chú ý đến thẳm âm, phần cấu trúc gồm giai điệu, tiết tấu, hay cách phối khí hòa âm v.v... «***Thơ phổ nhạc là nghệ thuật đem thêm âm hòa với âm thanh sẵn có trong thơ, hoặc thay đổi âm thanh của thơ chuyển thể thành những nốt nhạc để hát.*** Nhưng đọc thơ, hát thơ hay còn gọi là ngâm thơ hoàn toàn khác với nhạc thơ. Đọc và hát thơ không cần áp dụng những quy tắc kỹ thuật cũng như mỹ thuật quá phức tạp của âm nhạc, vì nhạc trong thơ là những âm phát từ thanh bằng trắc của câu thơ; trong khi thơ trong nhạc hay còn gọi là tính nhạc gồm những hình tượng, ngôn ngữ được ngắt nhịp theo tiết tấu riêng để diễn tả giai điệu toàn bài chuyên chở tư

thơ. Ví dụ: *Thuyền Viễn Xứ, thơ Hà Huyền Chi, Phạm Duy phổ nhạc. Mộng Dưới Hoa, thơ Đinh Hùng, Phạm Đình Chương phổ nhạc. Nguyệt Cầm, thơ Xuân Diệu, Cung Tiến phổ nhạc. Tình Khúc Thứ Nhất, thơ Nguyễn Đình Toàn, Vũ Thành An phổ nhạc. Màu Tím Hoa Sum, thơ Hữu Loan, Dzũng Chinh phổ nhạc. Mái Tóc Dạ Hương, thơ Đinh Hùng, Nguyễn Hiền phổ nhạc. Chiều Tím, thơ Đinh Hùng, Đan Thọ phổ nhạc. Áo Lụa Hà Đông, thơ Nguyễn Sa, Ngô Thụy Miên phổ nhạc*v.v... Trong giai đoạn đất nước còn mịt mù khói lửa chiến tranh, ở miền Nam người nghệ sĩ vẫn tự do sáng tác, một số nhạc phẩm trữ tình có ca từ đượm chất thơ đã diễn tả thân phận con người trong thời loạn hay diễn tả sự nuối tiếc về những cuộc tình dang dở; mà nhiều ca từ đượm chất hương thơ hơn một số bài thơ «*làm dáng*» sáng tác vội vã cho có số lượng, được gọi là dòng thơ «*cách tân*» hôm nay? Sự vung vít chữ nghĩa đó đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến những bài thơ có «*tính khai phá sáng tạo*» của những tâm hồn chân chính! Những người làm công việc khai phá, tìm kiếm những cái mới lạ là những người đã có sẵn vốn căn bản về thơ, cộng thêm kiến thức. Xin hãy bước vào vườn hoa nghệ thuật để thấy mùa xuân bất tận của những ca từ trong nhạc, nó đượm đầy chất thơ và chứa sẵn tính nhạc. Điền hình những lời ca đã đi sâu vào lòng người, đó là những tài sản trong kho tàng của văn hóa dân tộc:

Trịnh Công Sơn :

... «Gió sẽ mừng vì tóc em bay
 Cho mây hôn ngủ quên trên vai
 Vai em gầy guộc nhỏ
 Như cánh vạc về chốn xa xôi.. »
 (Như Cánh Vạc Bay)

Phạm Đình Chương :

« ...Người đi qua đời tôi
 trong những chiều đông sâu
 Mưa mù lên mấy vai
 Gió mù lên mấy trời...
 Hồn lưng miến rét mướt
 Vàng xưa đầy dấu chân
 (Người Đi Qua Đời Tôi)

Lam Phương:

“...Người đi hoa lá chết trong mùa nhớ
 Người về lạng lẽ, tình vẫn bơ vơ !
 Thà rằng ôm kín mộng ước xa nhau
 Quên đi cho hết một kiếp thương đau...”
 (Thu Sầu)

Ngô Thụy Miên:

“...Nhớ tới năm xưa bên nhau
 Bước trong chiều mưa phiếm du nhẹ đưa
 Bến cũ đam mê say xưa lá thu còn rơi...
 Mắt biếc năm xưa nay đâu, cánh sao còn đây
 Tóc mây nào bay... Tình đã xa rồi !”
 (Mắt Biếc)

Y Vân :

« ...Rồi đây mây trên đôi vầng
 lang thang tìm kiếm, đá xưa rêu mòn....
 Biệt ly hôn nhau lần cuối...
 Dư âm còn đây, lệ trong mắt ai... »
 (Mắt Lệ Cho Người Tình)

Từ Công Phụng:

...Thôi đừng tìm đến nhau làm gì !
 Thôi, đừng tìm nhau nữa mà chi !
 Đường về nhà em xa lắm,
 Tương lai chưa vừa tầm hái tay này.
 Trời đọa đầy cho cay đắng
 Nên ta không còn nương cánh nhau mà
 đi.. »
 (Lời Cuối)

Lê Uyên Phương:

« ...Ngày em thấp sao trời
 Chờ trăng gió lên khơi
 Mùa mưa bão toi bờ
 Một ngày mưa bão không rời
 Trên vai thanh xuân ướp hôn nồng trên
 gối đắm say
 Ánh sao trời theo gió rụng rơi đầy
 Cùng rớt bao nhiêu ngày hoang
 Cùng đếm bao nhiêu mộng tàn... ”
 (Đạ khúc Cho Tình Nhân)

Vũ Thành An:

“...Một làn khói trắng
 Ru đời vào quên lãng
 Nâng sầu thành hơi ấm
 Hơ dịu tình đau.
 Ngày tàn im lặng
 Yêu người làn tóc trắng
 Tâm sự rồi đến đắng
 Như lệ giờ biết nhau...”
 (Bài Không Tên Số 7)

Trương Hải:

„...Những chiều không có em
 Ngõ hôn sao hoang vắng.
 Ôi! Dừng chân đây,

*đường phố cũ
ngồi nhớ tới người em thơ
cùng bước dưới trời mưa lòng trao chuyện
lòng...*” (Những Chiều Không Có Em)

Trường Sa:

“...Tiếng hát bay trên thành phố bâng khuâng
Chiều đông đưa những bước chân đau mòn
Chợt nghe mùa thu bay trên trời không
Còn ai giữa mệnh mông đời mình?
Cho nỗi đau mù lấp tuổi thơ!...”
(Xin Còn Gọi Tên Nhau)

Phạm Duy:

“...Nha Trang ngày về
ngồi đây tôi lắng nghe
*đê mê lòng tôi khóc
như oan hồn trách móc
Ôi trăng vàng lẻ loi! Ôi đời!
Trời biển ôi! Không có nuôi tình tôi.
Nha Trang biển này tình yêu không có đây
Tôi như là con ốc chui sâu vào thân
xác lưu đây
Đã trảng ơi sao lấp cho vơi sầu này!*”
(Nha Trang Ngày Về)

Không thể trích hết lời ca đã từng vang bóng một thời của làng âm nhạc miền Nam. Những nhạc sĩ mang chút hồn thơ như:

Cung Tiến, Vũ Đức Sao Biển, Hiếu Nghĩa, Thanh Trang, Hoàng Thi Thơ, Thu Hồ, Trịnh Hưng, Minh Kỳ, Hoài Linh, Phạm Mạnh Cương, Dương Thiệu Tước, Ưng Lang, Khánh Bằng, Huỳnh Anh, Châu Kỳ, Lâm Tuyền, Tuấn Khanh, Vũ Thành, Trầm Tử Thiêng, Anh Bằng,

Lê Dinh, Trần Thiện Thanh, Thanh Sơn, Hoàng Trang, Đỗ Lễ, Lê Hoàng Long, Thanh Bình, Văn Giảng, Y Vũ, Mai Châu, Phó Quốc Thăng, Thúc Đăng, Hoài An, Duy Khánh, Anh Việt Thu, Nhật Ngân, Trần Trịnh, Nguyễn Ánh 9, Trọng Khương, Trúc Phương, Xuân Lôi, Xuân Tiên, Hoàng Trọng, Nam Lộc; Lê Hữu Hà, Nguyễn Trung Cang...vv... Đó là chưa kể đến những nhạc sĩ thời tiền chiến, họ là những nhạc sĩ mang tâm hồn thơ, đã cống hiến cho đời những lời ca đượm đầy chất hương thơ hòa trong ý nhạc, dệt lên những giai điệu đặc sắc trong vườn hoa nghệ thuật âm nhạc Việt Nam.

Phổ nhạc một bài thơ «cho có» thì rất dễ, vì chữ Việt Nam có dấu, âm điệu bằng trắc trầm bổng, uốn éo tự nó cũng đã chứa nhiều yếu tố âm nhạc. Ví dụ như câu hò xứ Huế, người phổ chỉ cần biết qua hai âm giai trưởng thứ hay ngũ cung cũng có thể phổ bài thơ, nhưng đó chỉ là khai triển cái âm bằng trắc sẵn có trong câu thơ, nên thiếu vắng tính nghệ thuật của âm nhạc. Đó là chưa kể người phổ đôi khi cắt xén bừa bãi câu thơ, vô tình làm hỏng ý thơ! Tiếng Việt vốn đơn âm nhưng lại hàm xúc nhiều ý nghĩa; nhất là ngôn ngữ của thi ca chứa nhiều ẩn dụ và hoán dụ. Đối với những từ đơn, từ kép, từ ghép và từ láy là những chất liệu, giúp, cho tiết tấu câu nhạc thêm phong phú. Trong một câu, nhóm từ, nếu chỉ cần thay đổi vị trí cao độ, thanh âm những từ đó sẽ đổi, hay chỉ cần đảo chữ, thanh âm và ngữ nghĩa cũng thay đổi, đôi khi rơi vào

trường hợp biến cung nghịch với quy luật âm nhạc. Ví dụ :

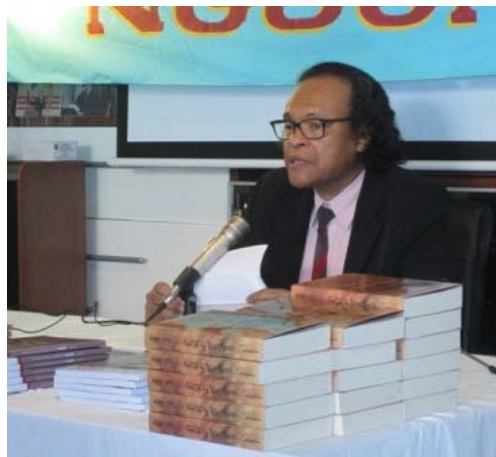
« *Nắng Sài Gòn em đi mà chột mắt,
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông...* »
(Nguyễn Sa)

Nếu người hát vô tình đổi vị trí cao độ và đảo ngữ ở hai câu cuối : « chột mắt, Hà Đông » thành « mắt chột, Đông Hà » thì quả tội nghiệp cho thơ lẫn nhạc! Chắc hẳn thi sĩ Nguyễn Sa và nhạc sĩ Ngô Thụy Miên sẽ buồn biết chừng nào!? Nhưng có những bài thơ được nhạc sĩ cắt xén đảo chữ để hợp với giai điệu câu nhạc lại làm tăng phần nghệ thuật của bài thơ. Thân phận của thơ hôm nay thật hẩm hiu, ủ dột, vì bị lãng quên trong cái không khí xô bồ, ồn ào quyến rũ của vật chất! Cũng may nhờ có giới nhạc sĩ và dịch giả, thơ mới có chỗ hòa điệu, nương cánh. Thơ được phổ thành nhạc để phổ biến rộng rãi đến công chúng. Nhưng một bài thơ tuyệt vời nếu đem phổ nhạc hoặc đem chuyển ngữ chắc hẳn sẽ làm nhạt đi ít nhiều « *chất kỳ bí* » chứa trong thơ.

Một bài thơ có thể được nhiều người phổ nhạc, nhưng sẽ chỉ có duy nhất một bài « *hay* », như đóa hoa chỉ nở một lần, nếu nhạc sĩ bắt được cái « *tính nhạc* » trong thơ. Cứ thử tưởng tượng thơ ẩn trong phiến lá, nếu ta đem đốt chiếc lá, tiếng reo của lá trong lửa là tính nhạc, và kkkhi chiếc lá cháy hết chỉ còn những sợi khói bồng bênh; cái mong manh đó chính là cõi thơ, và mùi hương khói phảng phất vị lá phải chăng là hồn thơ? Một bài thơ phổ nhạc được gọi là « *xuất sắc* » đòi hỏi

người phổ phải am tường cả hai nghệ thuật thơ nhạc, nếu không, âm thanh của nhạc sẽ lấn át âm thanh của thơ làm biến thể chất thơ, biến bài thơ (poème) thành bài ca (chant, chanson). Do đó trước tiên người phổ phải yêu bài thơ và thuộc để có thể thả hồn theo ý thơ để bắt được cái tính nhạc trong bài thơ, sau đó người phổ phải nắm vững quy luật và mỹ thuật của âm nhạc để có thể ghi lại và diễn tả những tình cảm luyến láy, diu dặt, nức nở, buồn vui qua nét nhạc... giúp hồn thơ thăng hoa nhiễm cảm vào từng tế bào, thớ thít người thưởng lãm. Người nghe không còn cảm thấy như nghe đọc thơ ở một giọng cao do những âm bằng trắc trầm bổng, lấn át nhau tạo nên. Sau cùng, nếu đem bản nhạc trình tấu và tách phần ca từ, phần nhạc phải mang đầy đủ tính mỹ thuật của nó như một bản nhạc không lời làm gọi cảm lòng người. Phải chăng đó mới là lúc hồn thơ nhập vấp nốt nhạc chấp cánh./.

ĐỖ BÌNH



Thiên Thần Tuyệt Đẹp

DIỆM TRÂN

Mẹ tôi và tôi bay đến Austin ngày 17 vì con gái tôi sắp sanh. Đây là cháu ngoại thứ nhì của tôi, chất thứ nhì của mẹ tôi. Ngày sanh phỏng ước là ngày 21. Tôi muốn có mặt như hai năm về trước khi cháu ngoại đầu Nhỏ Con Rồng chào đời.

Một tuần trước khi tôi đến, con gái tôi làm một bữa tiệc sinh nhật 100 tuổi cho cái đàn dương cầm mà cô ta đặt tên là đàn Volkert. Volkert là họ của ông ngoại của chồng tôi, tức là “maiden name” của mẹ chồng tôi, và cái đàn dương cầm con tôi có trước đó thuộc về mẹ chồng tôi. Bà là một nhạc sĩ dương cầm rất giỏi, nhưng sau một trận đột quỵ đã phải nghỉ chơi đàn. Lan là cháu duy nhất đánh đàn nên thừa hưởng đàn dương cầm của Bà. Lan đã tu sửa đàn và nay muốn vinh danh bà nội và ăn mừng đàn Volkert bằng cách làm một bữa độc tấu những bản nhạc bà nội đã một thời biểu diễn. Chồng tôi tham dự bữa tiệc này. Tôi để dành thời giờ đến gặp hai cháu ngoại nên không đi.

Vì Lan bận rộn cho đến gần ngày sanh và vì mọi người nói con ra đẻ sớm hơn con so, tôi nghĩ có thể cháu thứ nhì sẽ ra sớm hơn cháu đầu. Cho nên tuy cháu Nhỏ Con Rồng ra đời một tuần sau ngày sanh phỏng ước, tôi đến sớm vài ngày cho cháu thứ nhì. Nhưng rồi cả nhà cũng vẫn phải chờ đợi cả tuần sau cháu mới ra đời, mười ngày sau khi mẹ tôi và tôi đến.

Hai năm trước thì chúng tôi đi ra ngoài nhiều trong khi chờ đợi ngày sanh, như đi bộ ngắm cảnh, đi bơi, hay đi xi nê; còn năm nay vì phải trông coi cháu Nhỏ Con Rồng nên chúng tôi cũng không đi ra ngoài nhiều. Để kích thích sự sinh đẻ, Lan đi chăm chú và ăn những món cà ri Ấn Độ và món Ý “eggplant parmigiana” theo công thức của tiệm ăn Scalini’s như hai năm về trước. Rồi chuyện sẽ đến đã đến. Sáng ngày 27 khi tôi ngủ dậy, Lan báo cho tôi biết là nước ối đã vỡ và đã chuyển dạ.

Cháu ngoại thứ nhì của tôi ra đời xế trưa trong một bồn tắm lớn trong một nhà hộ sinh. Mẹ cháu chọn nhà hộ sinh thay vì nhà thương. Khi cháu được bà mẹ đặt lên ngực mẹ thì cháu khóc oà, tiếng khóc to đầu tiên làm mọi người nở nụ cười vui sướng. Lúc đó con rể tôi mới khám xét và loan báo đó là con gái. Nhà hộ sinh không hấp tấp tắm và cân đo em bé như nhà thương. Họ để mẹ con có thì giờ khấn khít với nhau một thời gian dài. Tôi báo cho chồng con tôi tin vui. Khi con trai tôi hỏi tên em bé thì con rể tôi trả lời là TBA (“To Be Announced” có nghĩa là “Sẽ Được Báo Sau”). Nhưng tôi lại muốn TBA có nghĩa là “The Beautiful Angel” nên tôi phiên dịch TBA thành “Thiên Thần Tuyệt Đẹp.”

Bài thơ này tôi viết tặng cháu, với tựa đề Thiên Thần Tuyệt Đẹp. Tôi mong một ngày cháu sẽ tự đọc và không cần thông dịch viên.

Tháng mười 2015

DIỆM TRÂN

CỎ THƠM

THĂM VIỆT NAM

Tôn Nữ Mặc Giao

Mặt trời nhỏ lệ buồn hiu
Hoàng hôn rữ bóng hiu hiu gió buồn
Lệ trời hay lệ lòng tuôn
Nhớ thương da diết cội nguồn quê hương

Bốn mươi năm nhà tan cửa nát, nhưng tính đến cái thời gian chúng tôi bỏ nước ra đi chỉ mới có 29 năm thôi! Còn thời gian 11 năm trước là cứ ác mộng “đêm đêm em mơ gặp bác Hồ” suốt tận tật thôi. Nói chúng tôi bỏ nước ra đi thì cũng không đúng lắm! Gia đình chồng tôi di tản được ngay từ tháng 4 năm 75, chỉ kẹt mỗi chồng tôi bị ở lại để rồi cùng tôi song ca bài “trả nợ tình nhau” cho voi bót những hải hùng: “đêm đêm em mơ...”. Và rồi cái gì đến phải đến mà thôi! Khi thằng cháu trai đầu lòng của vợ chồng tôi được 5 tuổi thì chúng tôi nhận được xuất cảnh đi đoàn tỵ gia đình chồng tôi, lúc đó chưa có cái màn về thăm Việt Nam dễ dàng như bây giờ, cho nên người ra đi đoàn tỵ đa số là buồn nhiều hơn vui. Lòng tôi lúc ấy rối như tơ vò, vui là vui theo chồng sẽ được gặp lại cha mẹ anh chị em xa cách bấy lâu nay. Mừng là mừng cho con trai từ nay tương lại sẽ được sáng sủa hơn, nhưng lại buồn vì nghĩ từ nay là nghìn trùng xa cách, là muôn đời vĩnh biệt Việt Nam quê hương dấu yêu, biết bao giờ mới gặp lại được? Còn cha mẹ anh chị em bên tôi, sau đó cũng lần lượt ra đi đoàn tỵ do anh chị lớn của tôi ở bên

này bảo lãnh hết, nên tôi không lấy làm buồn lắm! Mà chỉ lo sợ không gặp lại được quê hương cội nguồn mà thôi!

Gần ba mươi năm sống nơi xứ người, thằng cháu trai đầu lòng nay đã lớn, đã bước một bước dài thành công trước con đường tương lai rộng mở trước mắt. Đã mua được căn nhà cho chính mình, đã yên bề gia thất với “một túp lều tranh hai quả tim vàng” ở tít tận trên cao vùng san Francisco nhìn xuống thung lũng mờ sương ban ngày, ban đêm muôn vạn ánh đèn đẹp như thiên thai. Con dâu chúng tôi tuy không phải là người VN (cháu là người Philippine) nhưng rất ngoan hiền và biết điều. Nhìn chúng tít tít bên nhau, đi đâu cũng tay trong tay sao mà giống...tụi tui quá! Hy vọng cháu sẽ được cái “huông” hạnh phúc tốt của bố mẹ, lúc nào cũng yêu thương nhau như “thờ ban đầu”. Sang Mỹ rồi chúng tôi có thêm hai cô con gái nay đã lớn, cũng như thằng cháu trai, hai cô con gái của chúng tôi nói tiếng Việt rất sõi và rất thích nghe chuyện Việt Nam. Chỉ là chưa được nhìn thấy đất nước Việt Nam mà thôi!

Thật ra gần 10 năm trước (2005) vợ chồng chúng tôi có về VN dò đường trước để rồi sau đó nếu có dịp sẽ đưa các cháu về cho biết cội nguồn gốc rễ Việt Nam. Vậy mà thăm thoát đã 9 năm hơn chúng tôi vẫn chưa thực hiện được nguyện vọng của mình, chỉ vì thấy bất an và chẳng vui về gì khi thấy quê hương bây giờ thua xa các nước Đông Nam Á mà ngày xưa thời Việt Nam Cộng Hòa (trước 75) họ thua xa mình như Mã Lai,

Thái Lan, Singapore... v v...Mẹ Việt Nam! Con thật không hiểu những người con miền Bắc của mẹ nghĩ gì khi chỉ lo tô son trét phấn bộ mặt bên ngoài cho thật “hoành tráng” (chữ mới của VN bây giờ). Có nghĩa là hiện đại, là to lớn, là huy hoàng đẹp đẽ. Nói tóm lại cái gì mà họ cho là ghê gớm là họ phan ngay hai chữ “hoành tráng”, trong khi sự thật đằng sau cái bộ mặt hào nhoáng, giả tạo ấy là những suy đồi văn hoá, những băng hoại tuổi trẻ, những đói nghèo thất học. Những người con miền Bắc của mẹ VN kia ơi! Sao không nhín chút thì giờ tìm cách làm giảm bớt đi những tệ nạn đó để dắt dìu dân tộc tiến lên với người ta cho khỏi tủi lòng mẹ VN?

Ngày xưa Việt Nam Cộng Hòa chỉ cần có 300 triệu đô la tiền viện trợ hàng năm mà miền Nam người ta tiến tới đâu, bây giờ Việt kiều ở hải ngoại đổ cả tỉ đô la hàng năm về cho Việt Nam mà sao mình vẫn thua các nước Đông Nam Á? Đói nghèo vẫn hoàn đói nghèo, tệ nạn ngày càng gia tăng. Ôi đáng buồn thay! Sau chuyến về VN 10 năm trước, trở lại Mỹ lòng tôi nặng trĩu nỗi buồn “dân tộc” và mối âu lo mà người ta gọi là “con bò trắng răng”. Có nghĩa là tôi cứ lo không biết làm sao để VN của tôi được tiến lên cho bằng với người ta (so sánh với các nước Đông Nam Á thôi chứ chưa dám nghĩ tới Anh, Pháp Mỹ đâu). Thế nên cứ lần lựa mãi mà gần 10 năm trôi qua một cái vù tôi vẫn chưa thực hiện được giấc mơ đưa con cái về VN cho biết cội nguồn quê hương. Chẳng lẽ dắt con về mà để

cho con thấy những điều không tốt đẹp, nói với con những điều không hay thì còn gì là bốn ngàn năm Văn Hiến? Thôi thì đành để tùy duyên vậy.

Và rồi cái tùy duyên đó đã đến vào đầu tháng 12 vừa qua (2014). Đứa con gái giữa của vợ chồng chúng tôi mãn contract dạy học ở Đại Hàn, trước khi trở về Mỹ cháu đi du lịch vài nước Đông Nam Á (Mã Lai, Thái Lan, Cam Bốt). Cháu muốn về VN cho biết nhưng không dám, cháu muốn có bố mẹ đi cho chắc ăn. Thế là chồng tôi hoan nghênh ngay, mua vé cho cả nhà (trừ vợ chồng thằng cháu lớn năm ngoái lấy phép làm đám cưới và đi chơi nhiều quá nên không còn phép nữa đành phải hẹn lại một dịp khác). Vợ chồng chúng tôi và đứa con gái út về VN buổi sáng và buổi tối ra sân bay Tân Sơn Nhất đón con gái giữa từ Thái Lan bay qua (trạm chót chuyến du lịch của cháu dừng ở Thái Lan). Sau đó chúng tôi đi tour Hà Nội năm ngày, Huế năm ngày. Đà Lạt 3 ngày và Mỹ Tho 1 ngày là hết bố nó 3 tuần lễ phép, phải quay trở lại Mỹ cho đứa con gái út tiếp tục đi học và chồng tôi đi làm trở lại.

Vi là lần đầu tiên đi Tour nên chúng tôi không biết, không có kinh nghiệm gì và cũng chẳng hỏi ai để mà được chỉ dẫn. Về hôm trước hôm sau book tour đi chơi mới biết mình bị hố, người ta nói muốn đi tour phải book trước cả 10 ngày hoặc 1 tháng chứ đâu có màn mua vé ngày mai đi liền. Tôi nghe vậy ngòì buồn thiu mặt chấy dài, chẳng lẽ đưa con về VN mà chỉ đi lang quanh Sài Gòn thôi sao? Cô bán

vé máy bay thấy thời gian ở VN của chúng tôi ít quá mới đề nghị chúng tôi book một tour đi riêng, chỉ có gia đình chứ không chung đụng với ai hết mà vẫn có người hướng dẫn đi đầy đủ các nơi như chương trình đã quy định. Tuy giá hơi mắc một chút nhưng kịp thời gian 3 tuần lễ phép ở VN của chúng tôi. Thôi cũng được, rút kinh nghiệm lần sau vậy, thiết nghĩ cũng nên nói rõ để quý vị rút kinh nghiệm đừng bao giờ đi máy bay nhỏ trong nước sẽ gặp nhiều phiền phức. Tôi vì ham rẻ chọn máy bay nhỏ vì nghĩ bề gì cũng chỉ có 2 tiếng đồng hồ là đến nơi rồi nên gặp chuyện lỡ khóc lỡ cười.

Tour đầu tiên là Hà Nội 5 ngày 4 đêm với vịnh Hạ Long, Sapa và những thắng cảnh đẹp của miền Bắc. Vì giá vé máy bay nhỏ rẻ nên giới bình dân và bọn đá cá lẫn dưa (đa số là dân miền Bắc) đi nhiều. Chúng tôi không bao giờ có ý khi dễ hay kỳ thị giai cấp, nhưng nếu gặp phải những chuyện sau đây thì có phải chúng ta nên trách đi cho nó đẹp không? Nhất là các con của chúng ta, sanh ở Mỹ chúng rất trong sáng, thành thật và chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ, gặp những cảnh tôi sắp kể ra đây chúng sẽ nghĩ gì về nơi chôn nhau cắt rốn của cha mẹ chúng? Cứ tưởng bỏ ở đâu cũng giống Mỹ nên chúng tôi nói đuôi nhau xếp hàng ngay ngắn chờ lên máy bay, không ngờ từ đằng sau xông lên một đám người hất văng chúng tôi ra khỏi hàng luôn. Khi đi ngang qua mặt mình không một lời xin lỗi mà còn đưa mắt nghinh mặt ngó mình như thách thức ra cái điều “làm gì được

tao?”. Tôi nghiệp hai đứa con gái của tôi không nói gì, cùng đưa mắt liếc nhẹ mẹ một cái như thông cảm vì sao bao lâu nay lần lựa mãi mà mẹ vẫn chưa dám cho các con về VN. Đã vậy lên máy bay họ cứ oang oang như chỗ không người. Có một chị dân miền Bắc (chắc là dân buôn bán) khi nghe điện thoại mình reo đã tỉnh bơ như chồn không người:

- Alo! (Bên kia nói gì không biết chỉ thấy chị ta tiếp tục). Hà? Rồi! Lên máy bay rồi! Sắp sửa bay rồi! Há? Cái Gì? Hàng hóa há? Rồi! Xong xuôi hết rồi! Ủ! Hàng đóng gói cước ký gửi 300 đù mẹ mắc quá!....

Tôi nghe mà hải hùng luôn, hai đứa con gái của tôi ngó ngó ngần ngần chẳng hiểu chị ta muốn nói gì. Thôi thì cứ bịt tai đừng nghe mà hãy đưa mắt mà nhận xét các con nhá! Chưa kể chuyến bay về bị delay ít nhất là 3 lần, lấy mất của chúng ta một đêm nếu là chuyến bay chiều và một ngày nếu là chuyến bay sáng. Chúng tôi là chuyến bay chiều hôm trước mà mãi đến sáng hôm sau mới về đến Sài Gòn làm đứa con gái út của tôi bị bệnh luôn vì thiếu ngủ. Lại còn cái màn hồi hộp vì sợ máy bay rớt nên tôi đã phải niệm Phật suốt dọc đường chuyến bay cầu xin cho được đi đến nơi về đến chốn.

Máy bay nhỏ kinh quá! Hay đó chỉ là chuyện thường tình thế thôi thì tôi không biết, trước khi nổ máy nó kêu “ét ét ét” 3 tiếng như bị thọc huyết heo rồi mới chịu nổ. Khi bắt đầu bay cũng vậy, nó khặc khặc vài tiếng như ông lão ho lao rồi mới từ từ bò và bay lên, khi bay thì cứ run lẩy

bảy thấy mà phát ón. Cửa đáng tội có chề thì cũng phải có khen, trừ máy bay nhỏ và những chuyện phiền phức vừa kể trên (ai biểu ham rẻ) còn ngoài ra cái gì chúng tôi cũng được riêng tư. Từ xe 12 chỗ ngồi mới kéo từ hãng ra còn thơm phức mùi cao su (hãng xe Ford đóng ở VN) mà chỉ dành riêng cho 5 người gia đình chúng tôi. Du thuyền trên Vịnh Hạ Long cũng vậy, chỉ riêng một mình gia đình chúng tôi mà thôi! Nói tóm lại họ làm ăn cũng khá đúng đắn, nói riêng là riêng chứ không bị nhập tour như nhiều người hăm he, khi ra đến Bắc sẽ bị nhập chung với đoàn tour đi trước (có nghĩa là đồng người).

Chúng tôi may mắn gặp được cậu Tour guide (người hướng dẫn viên) và người tài xế miền Bắc tốt bụng, hiểu biết, tận tâm và có vẻ sành tâm lý khách Việt Kiều. Khi đến Bắc, cậu Tour guide đã nói với vợ chồng chúng tôi là:

- Thưa cô chú! Trong chương trình tham quan của chúng ta ở Hà Nội có tiết mục viếng thăm lăng bác. Cháu đã từng dẫn đoàn nhiều năm nên biết có nhiều du khách nước ngoài không thích tiết mục này, nếu cô chú không muốn tham quan thì chúng ta có thể bỏ hoặc đổi sang tiết mục khác ạ! Vậy ý cô chú là như thế nào xin cho biết chúng cháu sẽ chiều theo ý cô chú ạ!

Cực chẳng đã bị bắt buộc thì không nói làm gì, còn được tự do lựa chọn thì tại sao tôi phải cúi đầu trước một kẻ tội đồ đã làm cho đất nước tôi đói nghèo, chậm tiến và gieo rắc không biết bao

nhieu là khổ đau cho dân tộc tôi? Tiết mục coi như bị dẹp bỏ, còn ngoài ra tất cả nơi khác chúng tôi đều tham quan. Vì là thí điểm du lịch nên tất cả đều sơn son thiếp vàng sáng rực để câu khách du lịch chứ! Khách sạn toàn 4, 5 sao thật là “hoành tráng” (chữ bây giờ ở VN đấy!). Ăn thì toàn là những restaurant cao cấp, chúng tôi không có thì giờ để mà la cà nhưng quán ăn chợ búa nên không “có dịp” bị đau bụng như nhiều người dặn dò về VN chớ có ăn hàng bậy bạ ngoài chợ mà bị đau bụng đấy! Trong suốt khoảng thời gian đi tour như vậy, vì được báo trước nên đến restaurant nào chúng tôi cũng được ăn toàn đồ chay.

Khách sạn 4 sao trông hào nhoáng đẹp mã như vậy nhưng phần cách âm và hệ thống nước nóng dở ẹt. Nếu tôi nhớ không nhầm thì hình như khách sạn ở Sapa thì phải, ai làm gì phòng bên kia, bên này chúng tôi nghe hết. Phần nước nóng các con tôi than phiền:

- Mẹ ơi! Nước nóng gì không có nóng chút nào hết, chỉ hơi hơi thôi! Tụi con tắm một chút là hết liền.

Tôi nghe thế liền đề nghị chia bớt sang phòng tắm của phòng bố mẹ (cũng the same vậy thôi) nhưng các con tôi nói không cần. Chúng còn trẻ nên nước còn tan giá chúng tắm nhanh cũng oke!

May mà chúng không sang phòng bố mẹ chứ nếu dùng phòng tắm bên bố mẹ chắc chúng phải một phen hoảng kinh. Chồng tôi nói có lẽ cái bồn tắm hư chưa kịp sửa họ mua đại một cái mới đặt vào cho có, nên khi bước vào tắm nó bồng

bệnh như chèo ghe tam bản. Chưa kể khi nước khá đầy không kịp thoát là nó lắc khiến tôi phát chóng mặt và sợ nó lũng hết sức vì đặt chân chỗ nào cũng nghe ọp ẹp và mềm xèo thấy mà phát ớn. Bàn rửa mặt thì nước tầng trên dột xuống tầng dưới đúng ngay vào đầu khi tôi đang đánh răng. Còn nữa quý vị ơi! Cái này mới là kinh hoàng hơn nữa! Khách sạn nào ở miền Bắc cứ khoảng 3, 4 giờ sáng trở ra là họ giết bò, giết heo làm mình mất ngủ luôn vì cách âm dở quá! Tiếng heo kêu en ét, tiếng bò rống nghe phát sợ luôn. Cứ như là tiếng kêu cứu từ âm phủ vọng về thật là tội nghiệp. May mà chúng tôi ăn chay nhưng cũng đọc kinh hồi hướng cho những con vật đáng thương đó chóng thoát kiếp súc vật khỏi bị người ta giết hại.

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn hết là tất cả dân tộc thiểu số sống nghèo nàn đơn sơ ở những nơi hẻo lánh mà chúng tôi đi tham quan, (như người Chăm chẳng hạn) đều nói được các thứ tiếng Việt Anh, Pháp, Nga, Tàu v v... Gặp khách nước nào là họ nói tiếng của khách nước ấy. Chào mời và đi theo năn nỉ khách mua dùm những vật dụng do chính tay họ làm ra như vòng đeo tay, giầy chuyên, khăn quàng cổ v v... Có một con bé con đi theo tôi nói tiếng Việt như thế này:

- Cô ơi! Nhà cháu nghèo lắm! Cháu không được đi học. Mẹ cháu không có tiền cho cháu đi học. Cô mua dùm cho cháu có tiền thì mẹ cháu mới cho cháu đi học được. Cô mua dùm cháu đi cô.

NHỚ NHÀ ĐÊM TRĂNG TỎ

Nhớ nhà đêm trăng tỏ
Hương bưởi thơm mái đầu
Tóc xanh màu biếc gió
Thềm cũ trắng hoa ngâu

Nhớ nhà đêm trăng tỏ
Ngõ trúc là bờ ao
Ngọt ngào hương luá chín
Tuổi hồng thoáng chiêm bao

Nhớ nhà đêm trăng tỏ
Tuổi thơ bay sa mù
Cố hương xa vời vợi
Tóc trắng sầu đong đưa!

Hoàng Song Liêm

Nhìn quanh cuộc sống của họ tôi cũng thấy se lòng, tại sao còn có nhiều người khổ như vậy nhỉ? Đứa con gái của tôi định mua giúp họ một cái vòng đeo tay với giá 30 đồng tiền VN, cậu dẫn đoàn cần lại nói:

- Mười đồng là được rồi! 30 chục đồng đắt quá! 10 đồng là đúng giá rồi! Không bán thì thôi!

Nói xong cậu rút trên tay con gái tôi tờ giấy 10 đồng đưa cho đứa con gái nhỏ người thiểu số. Nó cầm 10 đồng và cười tủm tỉm, có nghĩa là cậu dẫn đoàn nói

đúng. Mười đồng là đúng giá, nhưng nếu kéo nài được thì nó cứ kéo nài có sao đâu. Đứa con gái út của tôi trong lòng bắt an, đưa mắt nhìn mẹ cầu cứu:

- Mẹ! Người ta nghèo quá mà mẹ! Làm vậy tội nghiệp người ta, ba chục đồng rẻ quá mà mẹ! Chưa tới một đồng rưỡi đô la mà mẹ!

Tôi cười thì thâm vào lỗ tai con gái:

- Chờ cho cậu dẫn đoàn đi ra xa mẹ sẽ đưa thêm cho họ.

Rồi tôi kéo cô bé dân tộc thiểu số lại gần một chút nói:

- Cháu chờ một chút cô sẽ cho cháu thêm tiền.

Và khi liếc thấy cậu dẫn đoàn đã đi trước khá xa tôi liền dúm vào tay cô bé thêm hai chục đồng nữa cho đủ số cô bé muốn, cô bé cười hớn hờ nhảy chân sáo chạy mất tiêu. Tôi cũng vui lây khi thấy nét mặt con gái tôi vui trở lại, không còn áy náy lương tâm khi đưa ánh mắt đầy lòng trắc ẩn nhìn theo bóng đứa con gái dân tộc thiểu số đang nhỏ dần, nhỏ dần và mất hút ở đàng xa. Đàng sau cái hào nhoáng xa hoa còn có những cảnh khiến người ta động lòng trắc ẩn như vậy đó!

Rút kinh nghiệm chuyến đi Bắc, chuyến đi miền Trung chúng tôi lấy máy bay lớn Air VN, và cho các con những cái tối ưu mà chúng tôi có thể làm được để tránh những phiền phức không tốt đẹp rồi để các con tự nhận xét. Không nói ra nói vào, nói thêm nói bớt gì cả vì sự thật bao giờ cũng là sự thật. Chúng nó đã lớn, có ăn học có sự hiểu biết ắt chúng nó tự biết nhận xét mà thôi! Vì đi máy bay lớn

quả nhiên chuyến đi sông sẽ đâu ra đó và không bị chung đụng nhiều với đám dân xô bồ xô bộn, nhưng lại gặp phải cậu dẫn đoàn không vừa ý và ông tài xế chạy như ma đuổi vì sợ không kịp giờ đã lên chương trình sẵn. Cũng xe van mới toanh, nhưng lần này là của hãng Toyota ráp ở VN. Đường xá miền Trung quá tệ, gập ghềnh nhỏ hẹp, toàn là ổ gà khiến tôi bị mệt đừ vì cứ bị nảy tung tung theo xe. Cậu dẫn đoàn người miền Trung ăn nói cũng vui vẻ lễ phép nhưng nói năng như con vẹt (rập khuôn trí tuệ đỉnh cao). Tôi không ghét mà chỉ thương hại và thông cảm, sống trong nước mà không học hành vương lên (dù là học với cộng sản) thì làm sao mà sinh tồn cho được. Chỉ có là cậu này mới vào nghề 6 tháng nên không sành tâm lý khách bằng cậu ngoài Bắc hơn 3 năm trong nghề. Giới thiệu di tích lịch sử mà cứ phải có những câu: “Nơi đây là chiến thắng oai hùng của liệt sĩ Tô văn Tèo, Bành thị Nữ gì gì đó v.v...” Rồi còn khản khoản “mời” chúng tôi đi thăm lăng “bác Đồng” nữa chớ! Chúng tôi lấy có mình không còn thì giờ nên từ chối và đi tiếp cho kịp ngày giờ đã định, cũng may là cậu ta ngoan ngoãn nghe lời nên chúng tôi cũng hài lòng.

Ra đến cầu Bến Hải cũng vậy, cậu ta chỉ cho tôi nửa bên kia là của mình (miền Bắc), nửa bên này là của Ngụy (miền Nam). Trước 75 hai bên gắn loa “chưởi” nhau, bên Ngụy loa của họ bự như cái va li kêu lớn lắm! “Bên mình” gắn thêm nhiều loa nhỏ mà vẫn bị lấn át không nghe gì cả. Tôi khó chịu với những tiếng

“Ngụy” nên chỉ tay về phía miền Bắc có ý nói cho cậu tour guide nghe để sửa:

- À thì ra bên kia là cộng sản? Nửa bên mình đang đứng là “Quốc Gia”? Bên Quốc Gia người ta giàu có, văn minh tiến bộ hơn nên xài loa tốt, ăn đứt bên cộng sản?

Cậu Tour Guide có lẽ lạ lẫm với những danh từ tôi vừa nói nên hơi khựng, nhưng sau đó cậu lại tươi ngay nét mặt và gạt đầu dĩa lia lịa mà không biết có hiểu gì không? Xin thưa với quý độc giả là tôi không có ý định sẽ viết bài này nên không có lưu giữ tờ chương trình để biết mình đã đi được những đâu? Về Mỹ chợt bốc hứng lại muốn viết thì cứ như người bị tẩu hỏa nhập ma chẳng nhớ nơi nào ra nơi nào cả, thôi thì nhớ tới đâu viết tới đó vậy. Miễn là đừng có râu ông nọ cắm cằm bà kia, đừng đem vịnh Hạ Long mà cắm vào Huế, đem sông Hương núi Ngự của người ta mà đặt vào Đà Nẵng thì thôi. Nói tóm lại những danh lam thắng cảnh đẹp của miền Bắc và miền Trung chúng tôi đều được thăm qua.

Trên suốt dọc đường dài 9 cây số quốc lộ 1 của Huế (bây giờ là 1A). Con đường được mệnh danh là Đại Lộ Kinh Hoàng trong Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 đã khiến tôi bùi ngùi xúc động biết bao khi tưởng tượng ra:

Xác người nằm trôi sông phơi trên ruộng đồng.

Trên nóc nhà thành phố, trên những đường hoang vu... (nhạc Trịnh Công Sơn).

Những linh hồn vô tội đó bây giờ đang ở đâu? Có còn vất vưởng trên đầu

cây ngọn cỏ dọc theo suốt 9 cây số của “Đại Lộ Kinh hoàng” mà không biết vì sao mình lại chết bất đắc kỳ tử như vậy không? Ôi! Chiến tranh thật là tàn nhẫn. Trên suốt “Đại Lộ Kinh Hoàng” đó! Vợ chồng chúng tôi đã ngâm đọc kinh trong lòng để hồi hướng cho họ được siêu thoát. Rồi đến nghĩa trang Liệt Sĩ cũng vậy, viếng nghĩa trang thì chúng tôi không từ chối, hướng chi họ lại dùng bài “Hồn Tử Sĩ” để làm nền cho phút mặc niệm nên tôi thấy thân quen như đứng trước Nghĩa Trang Quân Đội của mình vậy. Gạt bỏ vấn đề chính trị qua một bên, theo kinh Phật thì “trong chiến tranh người lính không có tội”, họ chỉ là làm theo lệnh của cấp trên mà thôi! Đa số là họ chết oan, vì chết oan cho nên họ cũng có những truyền thuyết y như Nghĩa Trang Quân Đội của miền Nam mình vậy. Cậu tour guide miền Trung đã kể lại rằng:

- Khi thành lập nghĩa trang này (đã bảo là không có giữ tờ chương trình nên quên mất là nghĩa trang gì rồi, chỉ biết là ở miền Trung mà thôi!) thì 2 năm sau, phía sau đài tưởng niệm mọc lên một cây đa (bây giờ nó xum xuê và cao lớn lắm rồi). Những người lính bên kia miền giới tuyến đã hiện về hằng đêm tụ tập dưới gốc cây đa này để hàn huyên tâm sự, cũng giống như những người lính Việt Nam Cộng Hòa của mình vậy. Xin kể lại một câu chuyện có thật do chính chồng tôi trải nghiệm. Trước 75 chồng tôi là nhân viên của IBM nằm trên đường Gia Long. Vì hay bị đi công tác ở Biên Hòa về lúc chạng vạng hoàng hôn, khi đi

ngang qua Nghĩa Trang Quân Đội, chồng tôi suýt bị lạc tay lái vì cái xe chao đảo mạnh như có người nào ở đằng sau nhảy ngồi lên yên sau mà không báo trước. Khi đến gần cầu xa lộ, cái xe lại bị “ẹo” đi một lần nữa, giống như có người nhảy khỏi xe vậy.

Lúc đầu chồng tôi không để ý gì mấy, nhưng sau vài ba lần chồng tôi sinh nghi là “mấy ông” từ trong Nghĩa Trang ra muốn quá giang xe. Và muốn biết xem mình đúng hay sai chồng tôi mới trắc nghiệm như vậy. Mỗi lần về ngang Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, chồng tôi kêu lớn:

- Tôi tới rồi nè!

Tức thì cái xe “lạng” đi một chút và nặng như có chở thêm người phía sau (chồng tôi đi Suzuki dame). Đến gần cầu xa lộ cũng vậy, chồng tôi nói:

- Tới nhà rồi phải không?

Tức thì “người đó” nhảy ra khỏi xe, dĩ nhiên là cái xe cũng hơi lạng đi một chút và nhẹ tênh. Cứ thế chồng tôi cho “người ấy” quá giang suốt khoảng thời gian công tác ở Biên Hoà về cho đến khi mất nước, mà đặc biệt người ấy chỉ quá giang về “thăm nhà” mà thôi! Còn lúc trở lại Nghĩa Trang người ấy “đi” bằng gì hoặc quá giang ai thì quả thật chồng tôi không biết, chồng tôi có hỏi mà người ấy không “nói” được. Cứ thế mà hai người làm bạn cho đến khi mất nước. Tôi nghiệp! Không biết những linh hồn oan uổng đó bây giờ trôi dạt về đâu nhỉ?

Lời cuối dành cho một người bạn gái thời Trung Học tên Đỗ Thị Bích Vân vừa

nằm xuống tại Việt Nam. Bích vân ơi! Chúng ta vừa mới gặp lại nhau tại quê nhà sau hơn 40 năm xa cách, tội mình tâm sự chưa được bao nhiêu thì Giao đã phải quay trở lại Mỹ vì thời gian có hạn. Mặc dù chúng ta vẫn email qua lại, nhưng chỉ mới 4 tháng thôi thì lại nhận được hung tin từ quê nhà bạn đã vĩnh viễn lìa bỏ gia đình, rời xa chồng con, chia tay bạn bè để bay về một thế giới khác. Trời bây giờ đã sắp sửa bắt đầu vào Hạ, phượng hồng rực rỡ, ve sầu riu rít, nắng tung tăng nhảy múa thật đẹp. Sao Vân lại ra đi vào đúng cái mùa của tuổi học trò vậy Vân? Tội mình vẫn còn cái hẹn sẽ gặp lại nhau tại nhà của Băng Tâm ở New York để hàn huyên tâm sự và ôn lại tuổi mực tím mà, nhớ quá Bích vân ơi! Không ngờ lần gặp gỡ cuối năm vừa qua tại Sài Gòn lại là lần cuối cùng vĩnh viễn sẽ chẳng bao giờ còn thấy nhau nữa! Bạn bè bên Mỹ: Băng tâm, Ngọc yến, Thu Hà và Mặc giao lúc nào cũng nhớ đến Bích vân và giữ mãi hình ảnh người bạn hiền xinh xắn, tươi vui hình như không bao giờ biết buồn. Hãy an tâm thanh thản mà ra đi Vân nhé! Hãy bay đến một thế giới đầy kỳ hoa dị thảo, một nơi không sân không hận, không lọc lừa bon chen và bắt đầu lại một cuộc sống mới tốt đẹp hơn với nhiều bình an và giàu lòng nhân ái. Bạn bè luôn nhớ đến Vân và cầu nguyện cho Vân. RIP.

Tôn Nữ Mặc Giao.

CHUYỂN ĐI BẮC PHI

Nguyễn Quốc Khải

04-12-2015

Phái đoàn chúng tôi vền vện có hai người: anh bạn người Peru và tôi, lực lượng tiền phong để chuẩn bị cho một cuộc thương thuyết to lớn hơn trong tương lai giữa chính phủ Algeria và Ngân Hàng Thế Giới (NHTG). Khi tới phi trường quốc tế Houari Boumedienne, chúng tôi được đại diện Bộ Tài Chánh đón tiếp, đi cửa riêng không qua quan thuế để ra khỏi phi trường với một xe cảnh sát dẫn đầu và một hộ tống phía sau.

Vào cuối thập niên 1990s, tình hình Algeria đã dấy xuống, nhưng vẫn còn bất ổn vì cuộc nội chiến bắt đầu từ 1991 vẫn còn tiếp diễn. Ông đại diện Bộ Tài Chánh cho biết trước ngày chúng tôi đến Algiers, có hai vụ bom nổ ngay trong thủ đô. Trong hơn 20 năm đi công tác ở ngoài nước Mỹ chưa bao giờ chúng tôi được hộ tống một cách dìng dàng như vậy. Đoàn xe khi đi ngược chiều lại hú còi inh ỏi. Lần đầu tiên trong đời, mình trở thành những quái vật đối với những khách bộ hành và các xe khác.

Chúng tôi được đưa về thẳng khách sạn El-Djazair nhìn ra Biển Địa Trung Hải. Chúng tôi được dặn dò cẩn thận là không nên ra khỏi khách sạn một mình vào bất cứ lúc nào. Khách sạn được bảo vệ bởi nhân viên an ninh của chính phủ. Khi cần đi đâu sẽ có xe của chính phủ và an ninh đưa đón. Chúng tôi không ngờ rằng một tháng giam lỏng thật sự bắt đầu.

Lịch sử của NHTG cho thấy chưa một nhân viên nào của NHTG bị tấn công, bắt cóc, hay giết chết vì phần lớn việc làm của NHTG là cho vay tiền để phát triển và chống nghèo đói với lãi suất thấp hoặc chỉ phải hoàn lại tiền vốn

trong vòng 10 – 40 năm. Nhưng không phải ai cũng quý mến NHTG. Một số biện pháp NHTG đề nghị thi hành gây ra tranh cãi. Người hưởng lợi thì ưa thích, người bị thiệt thòi sẽ chống đối. Thí dụ như bỏ trợ cấp, tăng thuế, giảm chi tiêu, phá giá tiền tệ, giải thể công ty quốc doanh, v.v. Ngày nay bạo lực và cường độ cực đoan ngày càng gia tăng, không ai còn có thể được bảo đảm an toàn khi đi vào một xứ xa lạ.

Vào ban ngày chúng tôi đến gặp các cơ quan liên hệ với NHTG về những dự án vay vốn để phát triển kinh tế của Algeria như Văn Phòng Thủ Tướng đặc trách Dự Báo và Thống Kê, Bộ Tài Chánh, Bộ Phát Triển Kỹ Nghệ và Đầu Tư, và Bộ Phát Triển Nông Nghiệp và Nông Thôn. Trong những dịp đi như vậy, chúng tôi được xem thành phố Algiers từ cửa kính của xe hơi. Buổi chiều lại trở về khách sạn làm việc.

Ở Algeria, công sở làm việc từ Chủ Nhật cho đến thứ Năm. Hai ngày cuối tuần là Thứ Sáu và Thứ Bảy. Phần lớn những nước Hồi Giáo cũng theo lịch trình như Algeria. Tuy nhiên ở một số nước Hồi Giáo khác Thứ Bảy và Chủ Nhật là hai ngày nghỉ cuối tuần như Turkey, Lebanon, Tunisia, Morocco, Pakistan, Nam Dương, và Mã Lai. Tuy ngày Thứ Sáu là ngày làm việc ở những nước này, nhưng nhân viên được nghỉ trưa lâu có khi kéo dài 1-2 giờ để cầu nguyện.

Buổi trưa chúng tôi thường được mời ăn ở các cơ quan. Buổi chiều ăn tại khách sạn. Thực đơn của khách sạn có khoảng 30 món ăn khác nhau. Những món ăn phổ thông của Algeria là cơm couscous, xúc xích thịt cừu, bánh mì dẹp Kesra. Thịt heo bị cấm theo luật Hồi Giáo. Thực sự tôi chỉ ăn được sáu món. Sau một tuần lễ, cả sáu món ăn này cũng không còn hấp

dẫn nữa. Một điều đau khổ không kém là nhà hàng của khách sạn chỉ có một băng nhạc duy nhất. Một điệu âm thanh lặp đi lặp lại từ sáng cho đến chiều tối, ngày này qua ngày khác hành hạ thực khách một cách vô tư.

Một buổi chiều sau khi gặp gỡ một số cơ quan chánh phủ trở về khách sạn sớm, tránh bị tù túng tôi lên sân thượng của khách sạn ngắm nhìn Biển Địa Trung Hải nơi chứng kiến những cuộc tranh hùng giữa hải quân Đồng Minh và Trục Phát Xít trong Đệ Nhị Thế Chiến và chụp hình thành phố Algiers. Trông chốc lát tôi đã bị nhân viên an ninh lên hỏi han.

Sau nhiều ngày đi chung xe, tôi dần dần quen thân với những nhân viên an ninh, rủ họ đi ăn chung. Nhưng vào trong nhà hàng, chỉ có một nhân viên ngồi chung bàn, còn một người ngồi ngoài xe, hai người còn lại ngồi rải rác quanh phòng ăn. Tôi lợi dụng cảm tình của họ nhờ họ cho đi thăm một vài thắng cảnh của Algiers. Một trong những thắng cảnh ở Algiers là Đài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Maqam Echahid trong chiến tranh chống Pháp dành độc lập.

Sang đến tuần lễ thứ ba, anh bạn Peru rủ tôi trốn ra khỏi khách sạn. Chúng tôi lên ra phía sau khách sạn bằng một ngõ tắt, rồi thuê taxi ra ngoài phố nhậu nhẹt. Ở những nước Hồi giáo, vào buổi tối ngoài đường thường vắng tanh, trừ một vài quán nhỏ thấp đèn bán thịt cừu hay thịt dê nướng. Chúng tôi nhờ taxi đưa đến một nhà hàng lớn nằm ven Biển Địa Trung Hải được ăn một bữa cơm thịnh soạn.

Tôi còn nhớ món cá bống nướng của tiệm ăn này, dù chưa có dịp thưởng thức lần thứ hai.

Bên ngoài nhà hàng, nhân viên an ninh đứng canh gác khá đông, nhắc nhở chúng tôi đến tình trạng bất ổn ở Algeria. Cuộc nội chiến ở quốc gia này đã kéo dài gần 10 năm. Chính phủ quân nhân do Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia (Front de Liberation Nationale – FLN) lãnh đạo không công nhận thắng lợi rõ ràng của Lực Lượng Hồi Giáo trong cuộc bầu cử đợt đầu vào năm 1991. Cuộc bầu cử bị hủy bỏ đã dẫn đến cuộc xung đột giữa phe quân nhân FLN với



Đài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Maqam Echahid tại Algiers

những nhóm Hồi Giáo như Mặt Trận Hồi Giáo Cứu Quốc (Front Islamique de Salvation – FIS), Phong Trào Hồi Giáo Võ Trang (Mouvement Islamique Armé – MIA), và Nhóm Hồi Giáo Võ Trang (Groupe Islamique Armé – GIA). Tình trạng khẩn cấp được ban hành vào năm 1992. Chánh phủ xem ra không đủ khả năng dẹp các nhóm chống đối khiến cho cuộc chiến ngày càng dữ dội vào giữa thập niên 1990s. Tuy nhiên chỉ vài năm sau, các nhóm chống đối chính phủ quân nhân mất dần sự yểm trợ của quần chúng vì họ đã tỏ ra quá tàn bạo

và man rợ đối với cả thường dân. Các nhóm Hồi Giáo chống chính phủ giết nhiều nhà báo và người ngoại quốc nên người ta gọi cuộc chiến bẩn thỉu này là “la sale guerre” (dirty war). Đây là bài học cho Nhà Nước Hồi Giáo cũng như cho Việt Nam. 1/

Sang đến đầu thập niên 2000, cường độ của cuộc nội chiến mới thật sự giảm rõ rệt. Theo nhận định cá nhân của tôi vì tiên đoán được tình hình an ninh sẽ sáng sủa hơn ở Algeria, vào cuối thập niên 1990 NHTG đã khởi sự nghiên cứu những dự án kiến thiết mới cho quốc gia này. Algeria bắt đầu cải tổ kinh tế vào đầu thập niên 1990 chuyển từ kinh tế tập trung qua kinh tế thị trường. Công việc này vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay và đó cũng là mục tiêu rộng lớn của chuyển công tác của chúng tôi tại Algeria.

Trở về khách sạn an toàn sau bữa ăn tối, chúng tôi phải đối mặt với những nhân viên an ninh. Ngày hôm sau chính phủ Algeria đã đồng ý chuyển cho chúng tôi sang một khách sạn khác, có nhiều món ăn hơn, Tây phương hơn, rộng rãi hơn. Trong thời gian cuối của chuyến công tác, chúng tôi có cơ hội được tiếp đón một cách không chánh thức phe đối lập với chánh phủ theo lời yêu cầu của họ.

Trong cuộc chiến chống thực dân Pháp dành độc lập, hơn một triệu người của Algeria đã hi sinh. Cuộc nội chiến đã giết thêm trên 150,000 người. Tình trạng khẩn cấp đã được bãi bỏ vào năm 2011 trước áp lực của Mùa Xuân Ả Rập tại những nước láng giềng như Ai Cập, Tunisia, và Libya. Algeria phải đối phó với nhiều vấn đề tương tự như ở ba quốc gia này, đặc biệt là nạn thất nghiệp cao (khoảng 10%) nhất là đối với thành phần trẻ (trên 20%) và kinh tế trì trệ. 2/

Tuy nhiên Algeria tiếp tục là một “nước dân chủ có kiểm soát” (controlled democracy).

Trên nguyên tắc Algeria theo chế độ đa đảng. Hiến Pháp 1976 (tu chính vào những năm 1979, 1988, 1989 và 1996) đều ghi rõ như vậy. Nhưng trên thực tế đảng cầm quyền FLN của phe quân nhân kiểm soát chặt chẽ chính trường. Tự do ngôn luận, tự do chống đối và tự do hội họp bị hạn chế. Cuộc bầu cử tổng thống vào năm 2014 đã bị các phe đối lập tẩy chay. 3/

Người Việt chúng ta biết Algeria qua hình ảnh các anh lính khổ xanh khổ đỏ. Nhưng thực sự Algeria giàu có hơn Việt Nam nhờ tài nguyên thiên nhiên như khí đốt và dầu. Dự trữ khí đốt của Algeria đứng hạng thứ 10 trên thế giới và dự trữ dầu đứng hạng thứ 16. Algeria không có chiến tranh triền miên như Việt Nam. Algeria từ bỏ kinh tế xã hội chủ nghĩa vào năm 1989 sau Việt Nam và công việc cải tổ cũng bị trì trệ như ở Việt Nam vì tầm nhìn vẫn bị giới hạn vì chịu ảnh hưởng của mô hình xã hội chủ nghĩa và các nhóm lợi ích. Việc tư nhân hóa khu vực kỹ nghệ quốc doanh bị đình chỉ. Lợi tức đầu người theo sức mua quân bình của Algeria là \$13,900 so với Việt Nam là \$5,700 vào năm 2014. 4/

Trên đường trở về Hoa Kỳ, tôi ghé thăm Morocco một tuần lễ. Khi tới Mohammed V International Airport tại Casablanca tôi không được ai tiếp đón, nhưng mang thông hành Liên Hiệp Quốc, nên tôi được qua trạm không kiểm soát dành cho ngoại giao đoàn. Ra khỏi phạm vi an ninh phi trường, tôi thành thạo lấy taxi về khách sạn Hyatt Regency. Khác hẳn với Algiers, Casablanca thật là êm đềm. Đường xá rộng rãi hơn, không có còi hụ. Nhiều cảnh sát lưu thông là phụ nữ xinh xắn, luôn luôn cười nói với tài xế và khách bộ hành. Dân chúng xem ra vui vẻ khác với những bộ mặt đăm chiêu ở Algiers. Chỉ sau 1 giờ 45 phút, chiếc phi cơ Royal Air Maroc đã đưa tôi đến một mảnh đất đẹp đẽ

hơn. Tranh dành quyền lực một mù quáng và sai lầm về chánh sách của những người lãnh đạo làm cho cả một dân tộc bị thua thiệt.

Mặc dù Morocco nghèo hơn Algeria với lợi tức đầu người theo sức mua quân bình là \$7,800 vào năm 2014, nhưng xã hội xem ra ổn định. Nội bộ không có xung đột mạnh mẽ như ở Algeria. Vương quốc Morocco dưới quyền cai trị của triều đại Alaouite từ thế kỷ XVII tới nay ngoại trừ giai đoạn từ 1860-1955 bị đô hộ bởi Tây Ban Nha và Pháp. Đáp ứng phong trào đòi tự do tại các nước Bắc Phi, Vua



Nắng chiều trên Đền Hồi Giáo Hassan II và thành phố Casablanca.

Mohammed VI đã thực hiện một cuộc cải tổ chính trị vào năm 2011 bao gồm ban hành Hiến Pháp mới và cuộc trưng cầu dân ý phổ quát để tăng cường quyền hành của quốc hội và thủ tướng. Vào năm 2012, Đảng Công Lý và Phát Triển, một đảng Hồi Giáo ôn hòa, đã chiếm được nhiều ghế nhất trong cuộc bỏ phiếu quốc hội và trở thành đảng Hồi Giáo đầu tiên đứng ra thành lập chính phủ. 5/

Tôi quyết định đến Morocco vì một lý do giản dị là tôi chưa đến quốc gia Hồi Giáo ôn

hòa này bao giờ. Tôi đến ở Casablanca cũng vì một lý do giản dị là tôi thích phim lãng mạn cổ điển Casablanca. Sau này tôi mới tận tò khám phá ra rằng toàn bộ phim Casablanca quay tại phim trường Warner Bros Studio thuộc thành phố Burbank, California, phía bắc Hollywood, trừ một màn quay tại Van Nuys Airport thuộc quận Los Angeles. Tôi chọn Hyatt Regency vì khách sạn này có một bảo tàng nhỏ trưng bày và bán đồ kỷ niệm về phim Casablanca.

Làm việc cho NHTG, tôi may mắn có những cơ hội thăm viếng nhiều quốc gia và lợi dụng những chuyến đi công tác này, lấy thêm ngày nghỉ để đến những nơi xa lạ và để được quan sát tận mắt những nền văn hóa khác biệt. Nhưng cuộc đời không phải luôn luôn một màu hồng. Có những lần đi công tác chúng tôi chỉ ngủ được vài giờ mỗi đêm, làm việc liên tục cả tuần lễ như vậy, như lần chúng tôi đi đảo Cyprus giữa Biển Địa Trung Hải (chắc chưa có người Việt nào lạc long tới đây). Khách sạn nằm ngay sát biển, nhưng trong suốt thời gian ở đây chúng tôi chỉ có 5 phút đặt chân lên bãi biển trong khi chờ đợi xe đón ra phi trường. Một điều thú vị trong chuyến đi này là trưởng phái đoàn là người Hy Lạp và phó trưởng phái đoàn là người Thổ Nhĩ Kỳ. Hai quốc gia này chém giết nhau để dành đảo Cyprus. Khi vào địa phận Thổ Nhĩ Kỳ, ông phó được tôn lên làm trưởng phái đoàn để việc giao dịch cho dễ dàng.

Casablanca có nghĩa Nhà Trắng (Casa blanca) do người Bồ Đào Nha thành lập từ 1515. Khi người Pháp áp đặt chế độ bảo hộ vào Morocco từ 1912 - 1956, thành phố này được gọi là Maison Blanche (White House). Casablanca là tên thông dụng nhất. Đây là một thành phố du lịch, thương mại và hải cảng lớn nhất Morocco, với dân số hiện nay là 3 triệu. Casablanca giống như một thành phố ở vùng nam Âu nhiều hơn là Phi châu. Đền Hassan II là ngôi đền Hồi Giáo lớn thứ nhì trên thế giới và là một địa danh nổi tiếng của Casablanca.

Tôi rất may mắn được Hyatt Regency dành



Lăng Vua Mohammad V tại Rabat

cho một phòng trông ra Đại Tây Dương vì NHTG là khách hàng lớn của họ. Khi mở cửa sổ ra cả thành phố Casablanca trải dài từ khách sạn ra đến bờ biển. Ánh nắng chiều đã xuống thấp, tôi vội kê máy ảnh lên mấy cuốn sách và

chụp được một hình kỷ niệm Casablanca còn giữ đến bây giờ. Sau đó tôi vội mở cuốn niên giám điện thoại tìm được nhà hàng Việt Nam.

Ông bà chủ tiệm là người Việt Nam. Sau 30/4/1975, ông bà xin tị nạn tại Morocco vì trước đây ông là một nhân viên làm cho Tòa Đại Sứ VNCH ở thủ đô Rabat. Sau khi nghe tôi kể về bị giam lỏng ở Algiers gần một tháng, không được ăn cơm Việt Nam, ông bà chủ tử tế làm cho một bữa cơm thuần túy của người Việt: đậu dón chấm tương, canh chua cá bông lau, gà xào xả ớt. Quả thực, đi xa mới nhớ quê hương qua những món ăn quốc hồn quốc túy và những hình ảnh thân thương.

Ngày hôm sau, anh Nghĩa, một người bạn Việt Nam do gia đình giới thiệu lái xe đến đón tôi về Rabat chơi vài ngày. Anh sang Morocco định cư vào năm 1979. Anh là người Hà Nội đi du học ở Đông Âu về ngành cơ khí trong thời gian chiến tranh Việt Nam. Trở về Việt Nam vào những năm cuối của cuộc chiến, anh lập gia đình với một thiếu nữ Việt lai Pháp tên là Adora. Bố của Adora là người Việt sang lập nghiệp ở Morocco từ thời Pháp thuộc. Mẹ của Adora là một người Pháp. Thời đó thực dân Pháp mang người Việt sang Bắc Phi để chia trị dân bản xứ và đưa người Bắc Phi qua Đông Dương để làm việc cho Pháp ở đây. Sang tới Morocco, tôi được dịp thấy bằng chứng sống động của lịch sử.

Lăng tẩm của Vua Mohammed V ở Rabat mang dấu tích của người Việt tại Morocco. Công trình này được khởi công vào năm 1963 và hoàn tất vào năm 1973. Kiến trúc đẹp đẽ này do kiến trúc sư Việt Nam vẽ và thực hiện là ông Võ Toản. Vua Hassan II lên ngôi nối nghiệp vua cha Mohammed V qua đời vào năm 1961, đã đích thân chọn KTS Võ Toản, người tốt nghiệp kiến trúc tại Việt Nam và Pháp. 6/

Chị Adora tâm tình rằng bố của chị say mê xã hội chủ nghĩa nên gửi con gái về học y khoa tại Việt Nam. Chị vừa học vừa theo trường chạy trốn bom Mỹ, vừa thực tập chăm sóc thương binh Cộng Sản trong thời gian chiến tranh. Sau khi chiến tranh chấm dứt, chị gặp anh Nghĩa và hai người trở thành vợ chồng. Anh chị sống trong không khí thanh bình được hơn ba năm thì Việt Nam mang quân đánh chiếm Campuchia vào cuối năm 1978, tiếp theo là chiến tranh biên giới với Trung Quốc vào 1979.

Khi quân Cộng Sản “giải phóng” miền Nam, chính họ đã giải phóng sự thật ở miền Nam. Thất vọng vì sự bịp bợm, dối trá và bản chất hiếu chiến của tập đoàn lãnh đạo Hà Nội đã được phơi bày, nhận thức được thiên đường Marx-Lenin là ảo tưởng, thực tế là nạn đói đang đe dọa người dân Việt và hàng trăm ngàn người vượt biên đi tìm tự do, anh chị Nghĩa quyết định rũ áo ra đi. Tâm trạng giống như nhà văn Dương Thu Hương. Khi hai nước anh em xã hội chủ nghĩa đâm chém nhau là giọt nước cuối cùng tràn khỏi ly. Đảng chí Trung Quốc cho quân tràn vào sáu tỉnh biên giới miền Bắc vào ngày 17-2-1979. Vài ngày sau chị Adora mang quốc tịch Morocco vội vàng khăn gói bay trở về Rabat. Một tháng sau, anh Nghĩa xin xuất ngoại thăm vợ. Tôi thấu hiểu tâm sự của anh chị Nghĩa và cảm thấy nổi cay đắng đó như của chính mình. Họ yêu quê hương Việt Nam nhưng phải bỏ chạy vì không thể yêu những kẻ lãnh đạo ngu xuẩn.

Anh chị Nghĩa sở hữu một nhà hàng Việt Nam ở thủ đô Rabat do cha mẹ chị Adora để lại và một căn biệt thự nhỏ hai tầng, nhìn ra Đại Tây Dương. Khoảng cách từ nhà đến bờ biển khoảng nửa cây số là bãi cát và đá. Đứng trên sân thượng là thấy sóng vỗ mạnh vào các tảng đá làm nước biển bắn lên cao hàng chục

thước. Đẹp nhất là lúc hoàng hôn. Việt Nam hướng ra biển Đông còn Morocco hướng ra biển Tây. Ngay từ thời đó, anh chị đã có một thư viện nhỏ gồm nhiều sách quý của những nhà văn nổi tiếng như Bảo Ninh, Bùi Tín, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Khải Thanh Thủy, và Vũ Thư Hiên. Tôi mượn dùng chữ của chị Trần Khải Thanh Thủy, những tác phẩm này là “những tiếng bom nổ giữa thời bình”, phá vỡ tan tành những hào nhoáng giả tạo của CSVN. Ngày nay CSVN còn đứng vững là nhờ vào cột trụ duy nhất là công an. Tôi mượn không gian này để tri ân những nhà văn này. Sau khi về hưu rồi, tôi mới có thời giờ đọc hết những cuốn sách này. Anh chị Nghĩa có hai người con gái lai hai dòng máu Pháp Việt xinh xắn đều du học ở Pháp. Các cháu có hai quốc tịch. Rất may, cha mẹ của các cháu không còn mê hoặc về Cộng Sản nữa và không gửi các cháu về Việt Nam để được dầy dổ dưới xã hội chủ nghĩa. Ngày nay anh chị Nghĩa đã về hưu và hiện còn sống tại Rabat.

Chú thích

1. Wikipedia, “Algeria Civil War”, December 2, 2015.
2. CNN, “Algeria lifts 1992 Emergency Decree, state news agency says,” February 22, 2011.
3. Wikipedia, “Politics of Algeria”, December 2, 2015.
4. World Bank, “Doing Business 2016 – Algeria”, 2015.
5. CIA World Factbook, “Algeria vs Morocco Comparison”, December 3, 2015.
6. Vo Toan, “Le Mauselee Mohammed V”, Casablanca, 1976.

VỀ VÙNG KỶ NIỆM

(Thân gửi các bạn trường Nữ Trung học Trưng vương niên học 1952-1959)

Nhân một ngày về thăm Hà Nội , tôi - "một người Bắc 54" đứng ngẩn ngơ trước cổng trường Trưng Vương - miền ký ức - rừng rưng tiếc nuối về một thời đi học đã xa, quá xa !...

Trường tôi đấy! Mấy mươi năm giã biệt
Bạn thân, sơ ... trôi giạt bốn phương trời
Sắc lam xưa - màu nhớ nhưng tiếc
Nhớ! Sao mà nhớ thế tuổi thơ tôi!

Thời hoa mộng một đi, đi mãi mãi ,
Bỏ mình tôi lặng đêm tháng ngày trôi,
Áo lam XƯA trên mắc treo nhẵn nại
Vọng về XƯA, tuổi mộng mất lâu rồi!

Vô thường nhĩ! Chuối ngày xưa êm ái
Mắt long lanh thơ dại đến vô cùng ...
Giờ với tôi chẳng còn gì ở lại
Ngoài mái đầu sương tuyết, ngậm ngùi không!

Tháng 6/15
THU HOÀI NTS



Bạn đồng khoá của Nhà thơ Thu Hoài họp mặt, nhân dịp Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung tới San Jose tháng 10, 2015.

TÌNH HỒNG

(Viết để riêng tặng chị Ngọc Dung)

Hôm nay là ngày tiễn đưa anh đến nơi an giấc nghìn thu. Dù anh chỉ phục vụ quân ngũ có 4 năm trong thế chiến thứ hai, khi anh còn là thanh niên rất trẻ ở tuổi 19, 20, rồi sau đó chuyển qua ngành ngoại giao. Quân đội Hoa Kỳ vẫn dành cho anh những nghi lễ trang trọng trong giây phút cuối cùng ở nghĩa trang Arlington National Cemetery gần thủ đô Hoa Kỳ. Trời âm u và mưa liên miên suốt ngày, lại thêm những bất tiện của nạn kẹt xe ở thành phố nhộn nhịp này, vậy mà những người thân và bạn hữu của chúng tôi cũng hiện diện khá đông đảo.

Rời nghĩa trang ra về, tôi cảm thấy trống vắng và cô đơn vô cùng. Tôi đã mất anh thật rồi. Không bao giờ còn có ánh mắt nhìn âu yếm, những lời nói cảm ơn và giọng thật ấm áp của anh khi nói ‘I love you’ mỗi khi tôi sẵn sóc anh. Những ngày cuối cùng dù rất yếu, anh không bao giờ ngừng nói những lời thật thiết tha ân cần với tôi, để cho tôi biết anh yêu tôi tới dường nào.

Trong 44 năm chung sống, anh đã cho tôi những ngày thoải mái, tràn đầy hạnh phúc. Anh sẵn sóc các con tôi, thương yêu chúng từ lúc còn nhỏ dại cho đến lúc trưởng thành như con ruột của anh. Trong lòng tôi, anh như vị

anh hùng của sở cứu hỏa, đến cứu nạn nhân đang bị vùi dập trong một đồng gạch của một toà nhà đổ nát. Anh cho tôi hồi sinh, cho tôi một đời sống mới chan hoà hạnh phúc. Anh luôn sát cánh bên tôi, hỗ trợ tôi trong những công việc tôi làm, lo cho tôi từng ly từng tí. Nhưng cuộc đời có ai thoát được cái vòng ‘sinh lão bệnh tử’ đâu. Ở cái tuổi ngoài 90, anh yếu đi nhiều. Tôi biết sẽ có ngày anh phải bỏ tôi đi trước. Tôi đã sửa soạn cho cái ngày phải đến đó. Vậy mà khi nó đến, tôi lại cảm thấy trống vắng, hụt hẫng và mất mát vô cùng. Ước gì anh vẫn còn đó, dù ốm đau cũng được, cho tôi mỗi ngày còn được nhìn thấy anh, còn được sẵn sóc anh, còn được nghe anh nói ‘Give me a hug’ để tôi được ôm anh, hôn lên trán anh âu yếm và chúng tôi trao đổi cho nhau ánh nhìn đầy ấp yêu thương.

Trong đầu tôi vang lên lời hát thật nồng nàn trong nhạc phẩm "Tạ Tình" của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ mà mỗi lần tình cờ được nghe, tôi đều có cảm giác bài hát đó làm cho riêng tôi.

Thôi nhé, vĩnh biệt anh yêu dấu của em.

‘Kỷ niệm ngày tiễn đưa anh Robert Senser 19/11/2015 đến nơi an nghỉ cuối cùng’

HỒNG THỦY



Chiều Tiễn Biệt...

Thân gửi NGỌC DUNG

*Thu đi Thu lại trở về
Người đi đi mãi xa lìa thế gian
Cuộc đời là những trái ngang
Chim kia lìa bạn đôi đàn phân ly
Ngậm ngùi kẻ ở người đi
Nuốt giọng lệ ướt sâu bi đoạn trường
Chiều Thu ảm đạm thê lương
Sụt sùi giọt vắng tiếc thương Bạn đời
Hỡi ơi! gói chiếc thân côi...
Bên thềm nẻo cũ vắng người năm xưa
Ngẩn ngơ giờ phút tiễn đưa
Đôi thông quanh quẽ bóng xưa xa dần
Cố Nhân... một bóng đường trần...*

Ỡ Nguyễn, MD



TIỀN ĐƯA ANH

+++++

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Biết viết gì đây khi hồn ngẩn ngơ trong căn nhà trống trải, cuối đời thiếu vắng người bạn đường 44 năm hương lửa vương tròn? Anh đã bỏ tôi đi ngày 29 tháng bảy, 2015 sau ánh nhìn yếu ớt và cặp môi mấp máy mà tôi biết là anh muốn nói câu "Anh yêu em" như rất thường mỗi ngày. Lúc đó tôi chỉ biết nói "Ôi anh yêu dẫu!... Ôi anh yêu dẫu!" trong nước mắt ràn rụa và nắm chặt tay anh không dám nói lời vĩnh biệt. Bởi vì tôi không muốn anh có ý nghĩ anh sẽ thực sự xa tôi. Tôi biết anh đã níu kéo sự sống nhiều năm để ở lại với vợ và con cháu mà anh thương yêu và là tất cả phần đời cuối cùng của anh. Nhưng rồi anh cũng không cưỡng lại được số mệnh. Hồn anh đã thoát khỏi xác thân.

Mẹ con tôi đã lo đủ mọi lễ nghi Công Giáo tại nhà thờ gần nhà mà anh thường xuyên đi lễ mỗi tuần trong hơn 20 năm qua. Chúng tôi đưa bình kỷ vật mang tên Anh, R.A.S., trở lại nhà, trở lại căn buồng của anh mà chúng tôi đã sống gần 30 năm. Tôi có cảm tưởng thực sự anh vẫn quanh quẩn bên tôi. Tôi tin tưởng linh hồn anh còn ở lại cõi trần thêm 49 ngày nữa. Tôi cũng tin tôi sẽ gặp lại anh nơi thiên đường và tôi soạn tương lai tôi sẽ ra đi gặp anh, người đã bao bọc săn sóc mẹ con tôi suốt nửa cuộc đời. Hình ảnh anh trên bàn thờ, như anh vẫn cười tươi sáng, hiền hòa và âu yếm

nhìn tôi như bao giờ. Con cháu tôi hằng tuần đến thăm chúng tôi thường xuyên. Chúng cũng vào phòng chào anh trên bàn thờ và đi quanh phòng sờ mó mọi vật kỷ niệm của anh. Chúng cũng nhớ anh như tôi thương nhớ anh vậy. Nhưng tôi không cảm thấy cô đơn vì tôi có cảm tưởng anh vẫn ở bên tôi. Trước kia, mỗi khi ra khỏi nhà, tôi cầu nguyện Thượng Đế cho tôi được mọi sự bình an, không gặp tai nạn trên đường. Bây giờ, tôi cầu nguyện cả nơi anh che chở tôi. Tôi tin anh có linh hồn thiêng liêng

Mẹ con tôi muốn giữ kỷ vật trên thế gian của anh trong nhà mãi, nhưng chỉ hơn 100 ngày, chúng tôi phải giữ vinh dự tối cao trên đời của một chiến sĩ làm tròn bổn phận với tổ quốc, đưa anh đến nơi an giấc ngàn thu, Arlington National Cemetery. Nơi đó có phần mộ của Ông Bà Tổng Thống Kennedy và nhiều cao thủ, tướng lãnh quốc gia, chiến binh liên quan với các chiến trận lịch sử của Hoa Kỳ. Ngày 19 tháng 11, 2015 Quân Đội Hoa Kỳ đã dành cho người anh hùng của tôi vinh dự đó.

Sáng hôm ấy, trời mùa thu lá vàng đã rụng nhiều, mưa lâm râm, sương mù lên như mây khói buồn vơi vợi. Tôi cùng con cháu đưa bình tro Anh đi trên con đường mà đã có lần anh lái xe chở tôi đến thăm viếng Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington.

Chúng tôi đã chẳng bao giờ nghĩ rằng nơi đó sẽ là nơi cất giữ kỷ vật Anh.

Thế rồi mưa mỗi lúc mỗi mau hơn, nhiều hơn, nặng hạt hơn. Người lính canh gác nơi an nghỉ cuối cùng của các chiến sĩ quốc gia, vẫn bồng súng nghiêm chỉnh đi lại đều đặn từng bước trong mưa tầm tã. Chúng tôi những tưởng bạn hữu sẽ không ai đến được như đã hứa, vì mưa to, gió lớn, vì đường đi quanh co khó kiếm. Nhưng đến giờ hẹn và trước sự ngạc nhiên, cảm động của gia đình chúng tôi, một số quý vị đã vào phòng đợi.

Đến giờ đã định, một vị quân nhân đứng ra cho chúng tôi biết diễn tiến nghi lễ quân đội, một vị sĩ quan mục sư đọc lý do và tiểu sử người anh hùng của tôi. Nghi lễ bắt đầu, một vị quân nhân cầm lá cờ gấp đi trước, một vị quân nhân bưng kỷ vật Robert đi sau. Gia đình chúng tôi và bạn hữu lần lượt theo họ ra xe. Đoàn xe theo nhau sau xe nghi lễ.

Hàng bia mộ chiến sĩ nằm ngay hàng thẳng lối linh thiêng hai bên đường. Bầu trời âm đạm, mưa rơi tầm tã đưa tiễn người thương yêu của mẹ con tôi. Đường vào vào nơi hành lễ, đại diện của Army, Air Force và hai hàng quân nhân đón chào. Một hàng người đi dưới ô màu đen tang tóc, áo mưa lướt thướt. Văn hữu Phạm Bá đưa cao máy hình, văn hữu Ý Nguyễn dương ô rộng che mưa cho phu quân chụp hình, nên bây giờ gia đình chúng tôi mới có những hình kỷ niệm ngày tiễn anh.

Chúng tôi và bạn hữu chen chúc dưới căn lều đã có lá cờ gấp và bình kỷ vật của Robert trên bàn. Lễ mở cờ và phủ cờ cho anh được nghiêm trang từ tốn diễn ra bởi sáu vị quân nhân. Tôi cố gắng cầm lòng

thôn thức, nhưng nước mắt vẫn ràn rụa. Vị sĩ quan mục sư đọc lời cầu nguyện. Rồi 21 phát súng vinh danh Anh và tiếng kèn chiêu niệm chào Anh. Rồi đây, mỗi lần nghe tiếng kèn này tôi sẽ tưởng nhớ tới Anh. Tôi vẫn nghĩ sự ra đi của anh là rũ sạch nợ trần, nhưng sao lòng tôi vẫn thôn thức, thương nhớ anh da diết. Lá cờ được từ từ gấp lại và được vị mục sư trao cho tôi với lời phân ưu. Một vị đại diện Army và Air Force trao tôi lá thư chia buồn và vinh danh Robert. Tôi nghẹn ngào cảm ơn họ.

Tôi cố gắng giữ nước mắt không khóc trước công chúng như Bà Jacqueline Kennedy trong đám tang của vị Tổng Thống chồng bà, nhưng mắt tôi vẫn đầy ngấn lệ. Cháu trai tôi muốn ôm cờ của ông, nên tôi đưa cho nó. Chúng tôi đi theo vị quân nhân bê bình kỷ vật người anh hùng của tôi và của thế chiến thứ hai đến bức tường đá. Ông ta để bình vào ngăn dành riêng cho anh. Vị mục sư đọc kinh cầu nguyện. Khi lễ nghi chấm dứt, tôi đặt chuỗi tràng hạt thánh giá của mẹ chồng tôi để lại cho anh trước khi cụp mắt mấy chục năm trước, vào ngăn để bình kỷ vật Anh. Trời mưa sỏi sả. Trời mưa như trút nước. Cả cuộc đời tôi chưa bao giờ đi trong mưa tầm tã như hôm đó. Trời đã phải khóc vì anh. Trời đã khóc cùng tôi.

Thế rồi cũng đến lúc chúng tôi phải chia tay Robert. Tôi đặt tay lên bình kỷ vật Anh như vẫn nắm tay anh hằng ngày trên giường bệnh, như tôi đã bao năm ngả đầu trên vai anh. Thôi tạm biệt anh nhé. Bây giờ chúng ta không được ở cùng nhà với nhau, nhưng anh sẽ không cô đơn. Anh có các chiến hữu bên cạnh hàn

huyền, chuyện trò. Em và con cháu sẽ đến thăm anh luôn luôn.

Con cháu tôi và bạn hữu lần lượt đặt tay lên binh kỷ vật Robert và tạm biệt anh. Khi chào và cảm tạ bạn hữu, tôi cũng mềm lòng cảm động nhìn ai nấy đều ướt hết từ đầu tới chân dù là có ô che. Cuối cùng, tôi đặt tay lên binh kỷ vật Anh một lần nữa. Anh nhé đừng buồn, chỗ này chỉ là nơi chôn giữ kỷ vật Anh. Linh hồn anh sẽ bay bổng khắp chốn thiên đàng, sẽ theo em đi bất cứ nơi đâu phải không anh? Và, rồi cũng có ngày kỷ vật Em sẽ được đặt chung một chỗ với anh nhỉ! Anh đem lại vinh dự cả cho em. Tạm biệt Anh yêu dấu.

Chỉ một tuần sau, trong dịp từ Texas về nghỉ Lễ Thanks Giving, cháu tôi muốn đi thăm ông ngoại, nên chúng tôi trở lại Arlington National Cemetery. Bức tường đá trắng dài có kỷ vật Robert và chiến hữu êm đềm dưới trời mây xanh cao, bát ngát. Ba đứa cháu tôi mỗi đứa mang một chậu hoa nhỏ đặt dưới chân tường hoa tím vẫn còn đang nở đầy. Vùng lưu giữ kỷ niệm Anh đẹp như một công viên. Thảm cỏ đàng trước mênh mông xanh rì, tran hòa nắng ấm. Cách đó vài chục thước là nơi lưu giữ kỷ vật các tướng lãnh Thế chiến I và II, và Đài Tưởng Niệm Thái Bình Dương. Con trai tôi nói, "Từ chỗ này, Daddy có thể nhìn thấy Washington Monument, Abraham Lincoln và Thomas Jefferson Memorials. Four of July, Daddy có thể xem pháo bông tuyệt vời. Đằng sau Daddy có Pentagon, Daddy được bảo vệ tốt lắm." Thực như vậy, Robert đã có một nơi lý tưởng, một nơi vinh dự nhất Hoa Kỳ để gửi gắm kỷ vật.

Một đời phục vụ quân đội, quốc gia, rồi phục vụ vợ con, gia đình, phục vụ nhân quyền, nhân bản cho đồng bào, cho thế giới đến tận những năm cuối cùng. Anh xứng đáng được vợ con tôn thờ, được bạn hữu chiêm ngưỡng. Anh nằm xuống êm đềm, hai tay buông xuôi thoải mái, trả hết nợ đời. Quân Đội sẽ không quên anh và sẽ thay phiên em chăm nom, săn sóc kỷ vật Anh đến ngàn thu, vĩnh cửu. Anh yêu dấu, hẹn gặp lại anh...

NTND

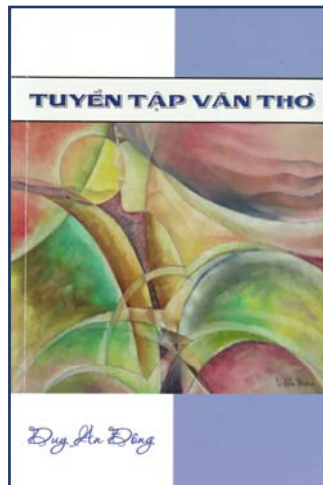
TB. Xin cảm tạ quý văn thi thân hữu: Phó Chủ nhiệm Phan Anh Dũng và phu nhân Tâm Hào, Tổng thư ký Cỏ Thơm Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nữ sĩ Trương Anh Thụy và phu quân Nguyễn Huy Long, thân hữu Diana Duyên; Đại diện Cao Trào Nhân Bản: Bà Ngô Thị Ngân, Bà Nguyễn Thuý Liên, Ông Bà Đinh Từ Thức, Ông Bà Nguyễn Thế Sinh; quý văn hữu: Phong Thu, Ý Nguyên, Phạm Bá, Phạm Hữu Bình và phu nhân và một bạn đồng nghiệp trẻ hời tại chức của Robert, đã tham dự Lễ An Táng người bạn đời của Ngọc Dung. Và, cảm ơn cả quý bạn có ý định đưa tiễn Robert, nhưng vì phải đi làm hay vì đường xa xa xôi và thời tiết quá ngột nghèo không thể thực hiện được...

Chân thành,

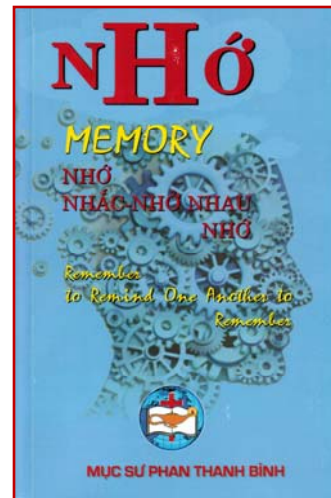
NTND

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

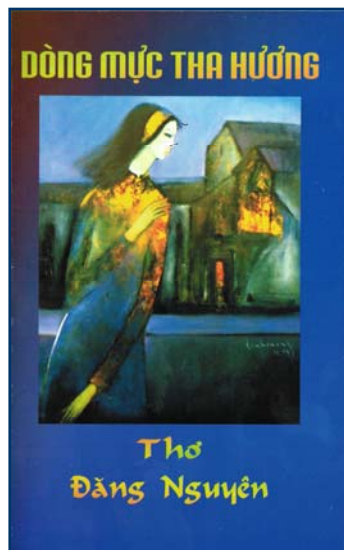
Cảm tạ quý tác giả đã tặng sách và xin giới thiệu cùng độc giả.



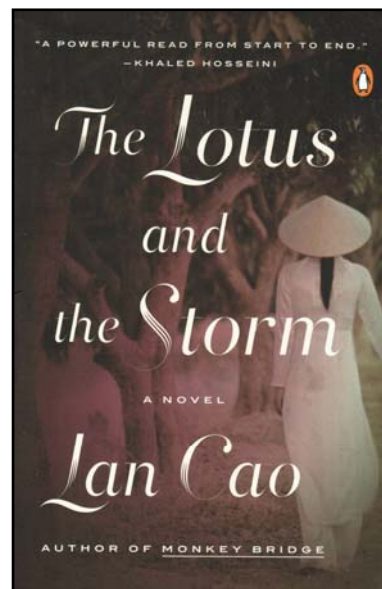
Mr. Duy An Đông:
<duy_andong@yahoo.com>



Rev. BinhThanh Phan
619 390 7629



Mr. Đăng Nguyên: 443 303 2939
<ngdang99@yahoo.com>



www.lancao.me

HÌNH ẢNH PHÁT HÀNH SÁCH BÁO

Cỏ Thơm Mùa Thu số 72, Tại Hội Cao Niên,
Falls Church, Virginia, USA
(Hình: Phạm Văn Tuấn và Nguyễn Văn Đặng)



Văn thi hữu đứng trước bàn sách báo Cỏ Thơm: Phạm Xuân Thái, Phạm Trọng Lê, Phan Khâm,
Phan Ngọc, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Cao Nguyên, Ngô Tăng Giao.
Ý Anh ngồi ký tặng tập thơ "Mong Manh".



Văn thi thân hữu Kim Oanh, Diễm Hoa, Ý Anh, Ngọc Dung, Trúc Mai, Phong Thu, Hoàng Song Liêm.



Văn thi hữu Hoàng Song Liêm, Luân Tâm, Phạm Bá, Ý Nguyên, Vũ Hối, Phạm Văn Tuấn.







Nghệ sĩ Vũ AnThanh, Văn Thi Hữu: Kim Oanh, Ngọc Dung, Vũ Hối, Uyên Thao, Trịnh Bình An.





Văn thi nghệ sĩ và thân hữu Cỏ Thơm chụp hình trong buổi phát hành sách báo Cỏ Thơm mùa thu, 26 tháng 9, 2015.
Chân thành cảm tạ Nhiếp ảnh gia Phạm Văn Tuấn và Nguyễn Văn Đặng

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

PRINCIPAL BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

VỀ BUỔI HỌP MẶT ĐÓN MỪNG NHÀ THƠ NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ĐẾN SAN JOSE

Nhân dịp văn thi hữu Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chủ Nhiệm Tam Cá Nguyệt San CỎ THOM đến thăm San Jose, một buổi họp mặt văn nghệ chào đón chị đã được tổ chức tại tư gia nhà thơ dịch giả Kim-Vũ vào trưa ngày 24 tháng 10 năm 2015. Tham dự có các thi sĩ Dương Huệ Anh và phu nhân, Việt Bằng, Trần Văn Lê, Huệ Thu, Trần Quốc Phiệt, Mạc Phương Đình, Cung Diễm, Trường Giang, nhà văn phê bình gia Diệu Tân, nhạc sĩ Phạm Mạnh Đạt, nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm, văn thi nhạc sĩ Vũ Thế Hưng, nhà văn Đỗ Dung và phu quân, nhà thơ Ngọc An, nhà văn Mặc Giao, ca sĩ Hà Cẩm Tú, các nghệ sĩ Khánh Hà, Ngẫu Hồ và phu nhân, nhạc sĩ trình diễn Thân Trọng Quân, cùng một số thân hữu yêu thơ văn nhạc.

Buổi họp mặt diễn ra trong không khí thân mật ấm cúng thắm tình văn nghệ. Sau phần ăn nhẹ do mọi người đóng góp đem đến, là phần văn nghệ mở đầu với nghệ sĩ Ngẫu Hồ ngâm bài “Trắng Ngàn Tuyết Rơi” của Nguyễn thị Ngọc Dung, kế đến là phần trình diễn saxo bài “Hoài Cảm” do Vũ Thế Hưng trình bày, rồi sau đó là Ngọc Dung, Song Hà, Mặc Giao, Hà Cẩm Tú ca các bài hát quen thuộc như “Mùa Thu Cho Em”, “Trở Về”, “Tuổi Mười Ba”, “Giáng Ngọc”..., Ngọc An, Khánh Hà ngâm các bài thơ “Chuyện Thân Tiên” của Ngọc An, “Mây” và “Nhấn Người Yêu” của Kim-Vũ. Nhà thơ Huệ Thu cũng đóng góp bằng 4 câu thơ của chị.

MỐI DUYÊN TƯƠNG NGỘ

Tới đây vui quá chỗ này
Người kia người nọ bàn tay muốn mềm
Cõi đời chẳng khác cõi Tiên
Khi người ta nhớ không quên người nào
Người ngàn trước, người ngàn sau
Mối duyên tương ngộ buộc vào siết thêm
Cõi đời chẳng khác cõi Tiên
Trăm thương ngàn mến về nghiêng mặt cười...

Tới đây lòng để lại rồi
Về mang theo những nụ cười dễ thương!

Huệ Thu

Tháng Mười ngày 24 2015
Tại nhà anh Vũ Mạnh Phát

Buổi họp mặt bắt đầu từ 11:00 sáng và chấm dứt sau 3:00 chiều trong sự luyến tiếc của mọi người. Tất cả đều muốn sớm có buổi họp mặt tương tự, một dịp gặp gỡ hiếm có giữa những người còn thiết tha đến việc bảo tồn và phát huy nền văn hoá nước nhà tại hải ngoại.

Cám ơn chị Ngọc Dung đã tạo cho những cư dân yêu văn nghệ San Jose dịp gặp mặt trong bầu không khí chan hoà hiếm có.

Vũ Mạnh Phát



Hàng ngồi: Văn thi nghệ sĩ và thân hữu: Bích Lan, Tôn Nữ Mặc Giao, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hà Cẩm Tú, Khánh Hà, Đỗ Dung, Nguyễn Phan Ngọc An. Hàng đứng: Ô. Nguyễn Khánh Thọ, NT Kim Vũ, Ô. Nguyễn Huy Lăng, NS Ngẫu Hồ, Ô. Nguyễn Quốc Long, Kim Anh, Song Hà và Diệu Hương.



^ NT Trần Văn Lê, NV Khánh Hà, BKG Diệu Tần, NT Huệ Thu,
Ca sĩ Hà Cẩm Tú, Nhạc sĩ Thân Trọng Quân.>



Mặc Giao, Bích Lan, Diệu Hương, Kim Anh, Ngọc Dung, NS Vũ Đức Nghiêm, Khánh Hà, Cẩm Tú.



Tại Tiệc Gây Quỹ của Hội Trưng Vương Bắc Cali: 11 tháng 10, 2015: Hàng ngồi: Trần Quang, Trâm Anh, NT Việt Bằng, NT Vũ Mạnh Phát. Hàng đứng: Thư họa Vũ Hối, NT Duy An Đông, Nhà văn Nguyễn Phan Ngọc An, NT Vũ Ngọc Bích, Bích Lan Ngọc Dung và Mặc Giao.

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

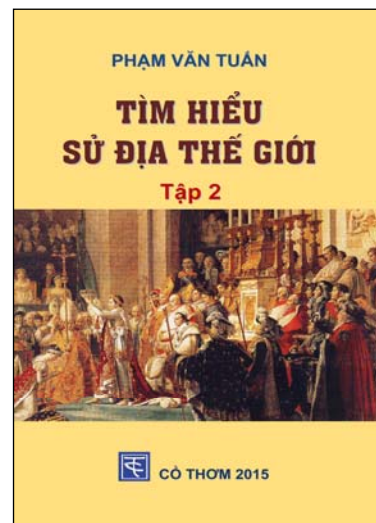
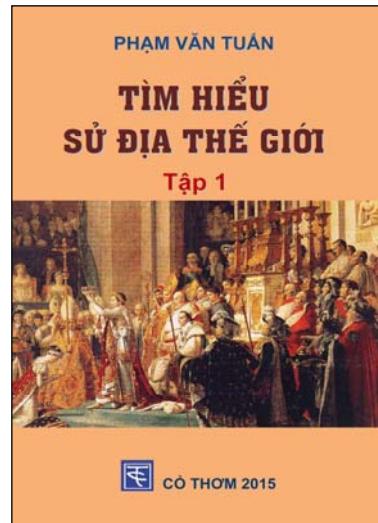
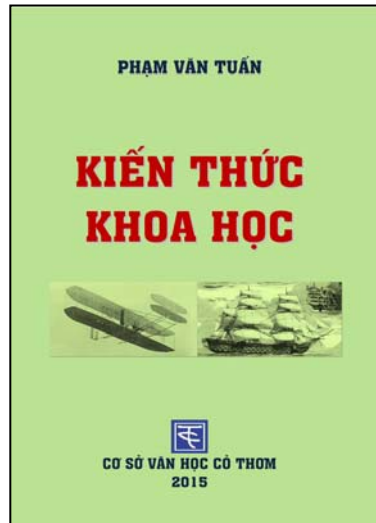
4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

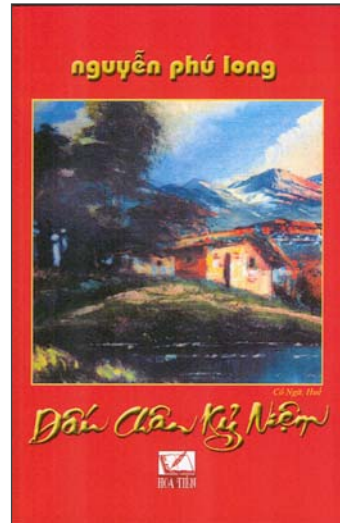
GIỚI THIỆU SÁCH MỚI



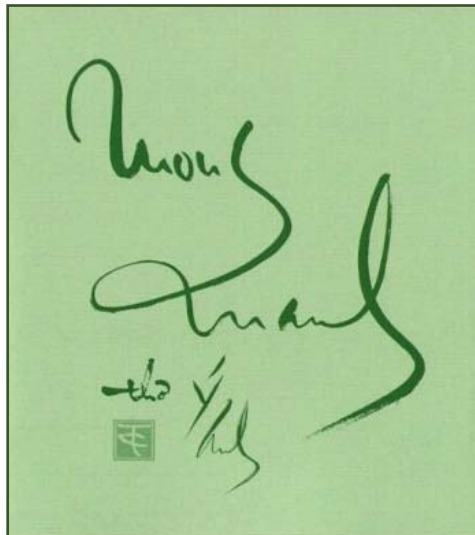
Liên Lạc Tác giả
MR. PHẠM VĂN TUẤN
13870 Rembrandt Way
Chantilly, VA 20151
Tel: (703) 707-1602 - Email: tuanpham1387@hotmail.com



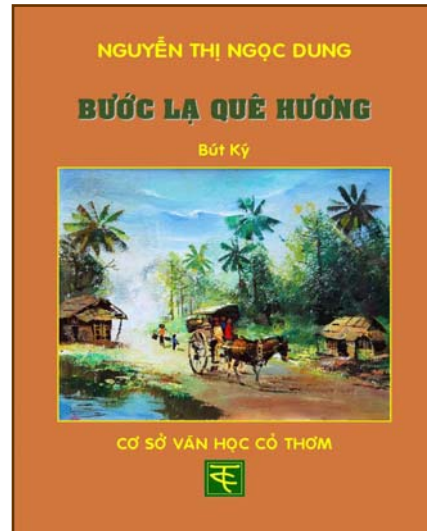
Ấn phí: \$15 (kể cả bưu phí gửi tại Hoa Kỳ)
 Chi phiếu: GIAO NGO
 45481 Caboose Terrace / Sterling / VA 20166



MR. NGUYỄN PHÚ LONG
 11617 Norwich PKWY
 Glen Allen, VA 23059



Liên lạc:
 Mrs. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh
 myhanhdotrang@gmail.com



Liên lạc:
 (571) 926-8962
 dsenser@yahoo.com



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95

- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm

Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 []
Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 ()

1 trang trong: US \$60.00 ()

Trang trong bìa trước: US \$100.00 ()

Trang trong bìa sau: US \$100.00 ()

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ
TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

Giá báo: US\$7.00